

TUẦN 5

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 5

(Từ ngày 30/9 - 04/10)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
HAI (30/9)	1	13	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Tham gia chương trình “An toàn cho em – An toàn cho mọi người”.	
	2	5	Tin học	Bài 3. Tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề (Tiết 1)	
	3	29	Tiếng Việt	Đọc: Trước công trời	GDĐĐ
	4	30	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa	
	5				
	6	21	Toán	Bài 10: Khái niệm số thập phân (Tiết 2)	
	7	9	LS-ĐL	Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 1)	TLĐP
	8	13	Ôn TV	Luyện từ và câu: Từ đồng nghĩa	
BA (01/10)	1	31	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh	
	2	5	Mĩ thuật	Bài 3: Quê ngoại (Tiết 1)	
	3	22	Toán	Bài 10: Khái niệm số thập phân (tiết 3)	
	3	9	Khoa học	Bài 4: Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất (Tiết 2)	
	5	5	Đạo đức	Bài 2: Tôn trọng sự khác biệt của người khác (Tiết 1)	
	6	9	Thê dục	Bài 3: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình từ một thành nhiều hàng ngang, hàng dọc, vòng tròn (Tiết 2)	
	7	17	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go!	
	8	14	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Trò chơi “Thấy – Nghĩ – Tự hỏi” - Tìm hiểu về lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng. - Tìm hiểu những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng.	QCN
TU (02/10)	1	32	Tiếng Việt	Đọc: Kì diệu rừng xanh (Tiết 1)	
	2	33	Tiếng Việt	Đọc: Kì diệu rừng xanh (Tiết 2)	GDĐĐ
	3	23	Toán	Bài 11: So sánh các số thập phân (Tiết 1)	
	4	10	LS-ĐL	Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 2)	TLĐP

	5	18	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go!	
	6	5	Công nghệ	Bài 2: Nhà sáng chế (Tiết 3)	
	7	13	Ôn Toán	Bài 11: So sánh các số thập phân (Tiết 1)	
	8	14	Ôn TV	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh	
NĂM (03/10)	1	34	Tiếng Việt	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiếp theo)	
	2	24	Toán	Bài 11: So sánh các số thập phân (Tiết 2)	
	3	19	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go!	
	4	10	Khoa học	Bài 5: Sự biến đổi hoá học của chất (Tiết 1)	
	5				
	6	10	Thể dục	Bài 3: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình từ một thành nhiều hàng ngang, hàng dọc, vòng tròn (Tiết 3)	
	7	14	Ôn Toán	Bài 11: So sánh các số thập phân (Tiết 2)	
	8	15	Ôn TV	Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tiếp theo)	
	9	5	KNS	Phòng tránh và ứng phó khi gặp thiên tai (Tiết 1)	
SÁU (04/10)	1	35	Tiếng Việt	Đọc mở rộng	
	2	25	Toán	Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 1)	
	3	5	Âm nhạc	Hát: Ánh trăng vàng	
	4	20	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go!	
	5				
	6	15	Ôn Toán	Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 1)	
	7	15	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Xây dựng cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng.	
	8	5	Năng khiếu		

Thứ Hai, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

Sinh hoạt dưới cờ

THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH “AN TOÀN CHO EM – AN TOÀN CHO MỌI NGƯỜI”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh nêu được những nội dung, các câu hỏi liên quan đến an toàn khi giao tiếp trên mạng.
- Học sinh sẵn sàng trao đổi với khách mời khi nghe nói chuyện về chủ đề “an toàn khi giao tiếp trên mạng”
- Học sinh tích cực suy nghĩ về những hoạt động mình sẽ thực hiện để hưởng ứng phong trào “an toàn cho em – an toàn cho mọi người”.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với bạn về lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng. Cùng bạn sắm vai xử lý tình huống về đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự chủ khi giao tiếp trên mạng. Tự tìm kiếm thông tin về nguy cơ khi giao tiếp trên mạng và cách phòng tránh. Tự tìm kiếm thông tin về nguyên nhân gây hỏa hoạn và cách phòng tránh.

3. Năng lực đặc thù

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: tìm hiểu và xác định được nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. Tìm hiểu được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn, thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn từ đó thích ứng được với những tình huống trong cuộc sống.

4. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và với mọi người khi giao tiếp trên mạng và đảm bảo an toàn để phòng tránh hỏa hoạn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Địa điểm, hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động
- Hướng dẫn HS chuẩn bị những những nội dung, các câu hỏi liên quan đến an toàn khi giao tiếp trên mạng để sẵn sàng trao đổi khi nghe nói chuyện.
- Một số phần quà để trao thưởng (nếu có).

2. Học sinh:

- Chuẩn bị nội dung, các câu hỏi liên quan đến an toàn khi giao tiếp trên mạng.
- Tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động nghe nói chuyện về an toàn khi giao tiếp trên mạng.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<i>a) Mục tiêu</i>	

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu được những nội dung, các câu hỏi liên quan đến an toàn khi giao tiếp trên mạng. - Học sinh sẵn sàng trao đổi với khách mời khi nghe nói chuyện về chủ đề “an toàn khi giao tiếp trên mạng” - Học sinh tích cực suy nghĩ về những hoạt động mình sẽ thực hiện để hưởng ứng phong trào “an toàn cho em – an toàn cho mọi người”. 	
<p>b) Tiến trình hoạt động</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn các em chuẩn bị những nội dung, các câu hỏi liên quan đến an toàn khi giao tiếp trên mạng và sẵn sàng trao đổi với khách mời khi nghe nói chuyện về chủ đề “an toàn khi giao tiếp trên mạng”. - Gợi ý một số nội dung như: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Có những nguy cơ nào khi giao tiếp trên mạng?</i> + <i>Làm thế nào để có thể tự chủ khi giao tiếp trên mạng?</i> + <i>Khi giao tiếp trên mạng, các em cần chú ý những điều gì?</i> + 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ và chuẩn bị theo hướng dẫn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở các em tập trung lắng nghe khách mời chia sẻ về an toàn khi giao tiếp trên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ và thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở HS ghi chép lại những điều các em học hỏi được khi nghe nói chuyện về an toàn khi giao tiếp trên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị giấy, bút viết để ghi chép
<ul style="list-style-type: none"> - GV gợi ý cho các em suy nghĩ về những hoạt động mình sẽ thực hiện để hưởng ứng phong trào “an toàn cho em – an toàn cho mọi người”. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ và trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Bài 09: TRƯỚC CÔNG TRỜI (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước công trời. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết thể thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi.

Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,...qua lời thơ giàu hình ảnh, gọi âm thanh, sắc màu,...Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hòa với thiên nhiên và đầy sức sống. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục Đạo đức: Yêu quê hương, thiên nhiên, con người miền núi.**

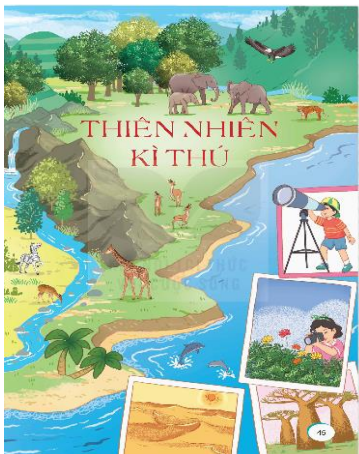
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
1. Giới thiệu về chủ điểm.	

- GV giới thiệu bức tranh chủ đề và nêu câu hỏi:
+ Bức tranh vẽ những gì?



- GV nhận xét và chốt:
Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang khám phá thế giới xung quanh rộng lớn, tươi đẹp, chứa đựng bao điều mới lạ, bổ ích. Đó cũng là chủ đề thứ hai của môn học Tiếng Việt: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

2. Khởi động

- GV cho HS quan sát tranh và cho biết vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “cổng trời”?

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới: Bức tranh minh họa đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Hôm nay chúng ta sẽ đọc bài thơ Trước cổng trời để cảm nhận rõ hơn sự kì thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh muốn gửi đến chúng ta.

2. Khám phá.

HS quan sát bức tranh chủ đề, âm việc chung cả lớp:

Bức tranh vẽ cảnh vật thiên nhiên có nhiều con vật, các bạn nhỏ đang khám phá thiên nhiên xung quanh.

- HS lắng nghe.

- HS quan sát kĩ bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

+ Cảnh vật trong bức tranh được gọi là “cổng trời” vì khung cảnh rất đẹp. Phía trên là bầu trời với những đám mây sà xuống. Hai bên là vách đá cao chót, có thác chảy xuống. Bầu trời rất gần với mặt đất nên tưởng như cổng trời.

- HS lắng nghe.

- Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước công trời. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi.

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- GV chia khổ thơ: 6 khổ (4 dòng thơ một khổ)

- GV gọi 6 HS đọc nối tiếp khổ thơ.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *ngút ngát, ngút ngàn, nguyên sơ, vật nung, lòng thung, ...*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Giữa hai bên vách đá/

Mở ra một khoảng trời/

Có gió thoảng, mây trôi/

Cổng trời trên mặt đất?//

- GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ đầu

- GV mời 6 HS đọc nối tiếp đoạn.

- GV nhận xét tuyên dương.

- HS lắng nghe GV đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát và đánh dấu các khổ thơ.

- 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc khổ thơ.

- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.

- 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Nhận biết được vẻ đẹp thiên nhiên vùng núi cao.

+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

+ HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

- Cách tiến hành:

3.1. Giải nghĩa từ.

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.

- HS nghe giải nghĩa từ

<p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)</p> <p>+ Nguyên sơ: vẫn còn nguyên vẻ đẹp như lúc ban đầu.</p> <p>+ Vạt nương: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi, núi.</p> <p>+ Triền: dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.</p> <p>+ Sương giá: sương lạnh buốt (vào mùa đông).</p>	
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời” theo hình dung của em.</p> <p>+ Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?</p> <p>+ Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Khung cảnh cổng trời: Khoảng trời ở giữa hai bên vách đá cao, gió thoảng, mây trôi sà xuống, tạo nên một cảm giác thanh bình và tự nhiên.</p> <p>+ Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh như ngút ngàn sắc hoa, thác reo, đàn dê sủa đầy suối, cánh rừng nguyên sơ, một cánh đồng mênh mông, lúa chín ngập lòng thung, và tiếng nhạc ngựa rung.</p> <p>Trong số các hình ảnh này, hình ảnh về cánh đồng mênh mông với lúa chín là thú vị nhất vì nó tạo ra một hình ảnh rộng lớn và phong phú về sự sống và màu sắc tự nhiên.</p> <p>+ Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có điểm chung là họ đều thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày trong thiên nhiên. Người Tày, người Giáy, người Dao đều được mô tả trong việc gặt lúa, trồng rau, đi tìm măng và hái nấm, cho thấy sự gắn kết của họ với tự nhiên và cuộc sống bền vững theo mùa.</p>

<p>+ Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?</p> <p>+ Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.</p> <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p>Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.</p>	<p>+ Cảnh rừng sương giá trở nên ấm lên chủ yếu do sự giao hòa giữa ánh nắng chiều và gió thổi. Mặc dù có sương giá, nhưng ánh nắng và gió thổi tạo ra một không khí dễ chịu và ấm áp, làm cho cảnh vật trở nên ấm áp và tươi mới.</p> <p>+ Chủ đề bài thơ là thiên nhiên tươi đẹp và sự gắn kết của con người với thiên nhiên.</p> <p>- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học</p> <p>- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>3.3. Đọc thuộc lòng</p> <p>- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS học thuộc lòng cá nhân, tự học từng khổ, cả bài.</p> <p>- Thi đọc thuộc lòng.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ</p> <p>*Giáo dục Đạo đức:</p> <p>- Các em cần làm gì để thể hiện tình yêu quê hương?</p> <p>- GD: Yêu quê hương, thiên nhiên, con người miền núi.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.</p> <p>- VD:</p> <p>+ Bài thơ rất hay, thiên nhiên thật đẹp</p> <p>+ Em rất thích vẻ hoang sơ, thơ mộng của thiên nhiên.</p> <p>+ Câu thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, người lao động cần cù, chăm chỉ.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

- GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Tiếng Việt
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp học sinh nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp dưới.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	

<p>- GV cho HS đọc đoạn thơ và tìm các từ có nghĩa giống nhau</p> <p>Cò mái mê nhật ốc Chui giữa lách với lau Đôi cánh cò trắng phau Bị lấm đầy bùn đất.</p> <p>Nhưng có biết ở sạch Vội vã bước ra sông Cò tắm gội sạch bong Lại tung bay trắng toát. (Võ Quảng)</p> <p>- GV nhận xét. - GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS trả lời: + trắng phau – trắng toát + Sạch – sạch bong</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau trong câu, trong đoạn văn, đoạn thơ.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.</p> <p>Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: khuân đất, nhật lá khô, tha mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khoẻ và hăng say. Kiến vác, kiến lôi, kiến đẩy, kiến nhấc bổng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tít tít, gặp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tít tít...</p> <p>(Theo Nguyễn Kiên)</p> <p>Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi ban mai. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hoà vào khúc tấu. Từ sáng sớm, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.</p> <p>(Theo Hữu Vi)</p> <p>a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau.</p> <p>b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.</p> <p>a. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ hai có nghĩa giống nhau.</p> <p>b. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất có nghĩa gần giống nhau.</p> <p>Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất đều có ý nghĩa liên quan đến việc di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác. Nhưng vẫn có sự khác nhau:</p> <p>- Khuân: Động tác mang hoặc đặt vật nặng lên vai hoặc lưng để di chuyển.</p> <p>- Tha: Hành động kéo hoặc mang một vật phẩm nặng bằng cách sử dụng sức mạnh cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ như dây thừng.</p>

<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.</p> <p>Bài 2. Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau.</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài</p> <p>a. chăm chỉ, cần cù, vất vả, siêng năng, chịu khó b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh</p> <p>- GV nhận xét, hỏi HS thế nào là từ đồng nghĩa?</p> <p>- GV nhận xét, rút ghi nhớ + <i>Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...).</i> + <i>Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.</i></p> <p>Bài 3. Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài. - Cho HS trình bày.</p> <p>a. Chân yếu tay mềm b. Thức khuya dậy sớm c. Đầu voi đuôi chuột d. Một nắng hai sương e. Ngăn sông cấm chợ g. Thay hình đổi dạng</p>	<p>- Vác: Hành động di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác bằng cách nắm hoặc ôm nó. - Nhấc: Hành động tăng cao vị trí của một vật phẩm bằng cách sử dụng cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ, thường được thực hiện từ một vị trí thấp lên vị trí cao hơn.</p> <p>- Các nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS làm cá nhân</p> <p>- HS làm cá nhân</p> <p>a. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó b. non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh</p> <p>- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...), - HS đọc ghi nhớ nhiều lần.</p>
---	---

<p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p> <p>Bài 4: Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài vào vở theo nhóm 4.</p> <p>- Cho HS trình bày.</p> <p>Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.</p> <p style="text-align: right;">(Theo Vũ Hùng)</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia</p> <p>c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh</p> <p>- Hs tự làm bài.</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>e. Ngăn, cấm</p> <p>g. Hình, dạng</p> <p>- HS đọc lại ghi nhớ.</p> <p>- HS đọc và thảo luận làm bài.</p> <p>- Đại diện nhóm HS trình bày.</p> <p>Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no nê, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>+ GV chuẩn bị một số từ ngữ để lẫn lộn trong hộp (trắng xóa, mang, xinh đẹp, quả, hồ).</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>

<ul style="list-style-type: none"> + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ đồng nghĩa với từ em bốc được (chỉ người, vật,...) Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....



Toán

Bài 10: KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.
- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được viết số tự nhiên thành tổng để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

- + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
- + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

+ Câu 1: **Số?** $564\text{m} = \dots \text{km}$

+ Câu 2: **Số?** $4,6\text{kg} = \dots \text{g}$

+ Câu 3: **Số?** $132 \text{ mm} = \dots \text{cm}$

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới

- HS tham gia trò chơi

+ Trả lời: 0,564

+ Trả lời: 4600

+ Trả lời: 13,2

- HS lắng nghe.

2. Khám phá:

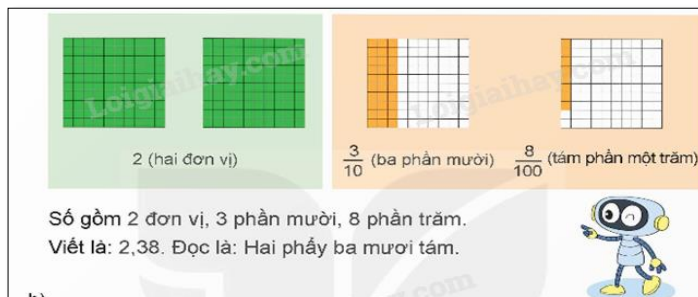
- Mục tiêu:

+ Nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

+ HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

- Cách tiến hành:

- GV cho HS quan sát phần a, nêu các câu hỏi:



- + Có mấy hình vuông (mỗi hình có 100 ô nhỏ) màu xanh?
- + Hình vuông tiếp theo có mấy cột, mấy cột được tô màu cam?
- + Hình vuông cuối cùng có bao nhiêu ô vuông nhỏ, mấy ô được tô màu cam?

GV chốt: Số gồm 2 đơn vị, 3 phần mười, 8 phần trăm viết là 2,38; đọc là Hai phẩy ba mươi tám.

- HS quan sát phần a và trả lời:

+ 2 hình.

+ Có 10 cột trong đó 3 cột tô màu cam.

+ Có 100 ô vuông nhỏ, trong đó có 8 ô tô màu cam

- HS viết và đọc

- GV cho HS quan sát phần b, nghe GV giới thiệu:

b)

Hàng									
Trăm	Chục	Đơn vị	Phần mười		Phần trăm			Phần nghìn	
100	10	1 1	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{1000}$	
100	10	1 1	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{100}$	$\frac{1}{1000}$	
100		1	$\frac{1}{10}$	$\frac{1}{10}$					
3	2	5	,		4	3			1

Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 1 phần nghìn.
Viết là: 325,431. Đọc là: Ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba mươi mốt.

- Số gồm 3 trăm, 2 chục, 5 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 1 phần nghìn viết là 325,431; đọc là: Ba trăm hai mươi lăm phẩy bốn trăm ba mươi mốt

- GV cho HS viết vào bảng và đọc.

- GV hướng dẫn: Trong số 325,431 thì phần trước dấu phẩy gọi là phần nguyên phần sau dấu phẩy gọi là phần thập phân; sát bên dấu phẩy gọi là hàng phần mười, kế hàng phần mười là hàng phần trăm, kế hàng phần trăm là hàng phần nghìn.

- GV cho HS nêu lại phần nguyên, phần thập phân, hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn.

- Cho HS nêu cách viết, đọc số thập phân?

- GV nhận xét, chốt quy tắc:

+ **Muốn viết một số thập phân, trước hết viết phần nguyên, viết dấu phẩy, sau đó viết phần thập phân.**

+ **Muốn đọc một số thập phân, trước hết đọc phần nguyên, đọc dấu phẩy, sau đó đọc phần thập phân.**

- HS lắng nghe.

- HS viết và đọc.

- HS nêu

- 2-3 HS nhắc lại quy tắc

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu:

+ HS biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Viết, đọc số thập phân (theo mẫu).

Số thập phân gồm	Viết số	Đọc số
3 chục, 5 đơn vị, 6 phần mười, 2 phần trăm, 4 phần nghìn	35,624	Ba mươi lăm phẩy sáu trăm hai mươi tư
116 đơn vị, 7 phần mười, 5 phần nghìn	?	?
0 đơn vị, 7 phần mười, 3 phần trăm	?	?

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm việc cá nhân

Số thập phân gồm	Viết số	Đọc số
3 chục, 5 đơn vị, 6 phần mười, 2 phần trăm, 4 phần nghìn	35,624	Ba mươi phẩy sáu trăm hai mươi tư
116 đơn vị, 7 phần mười, 1 phần trăm, 5 phần nghìn	116,715	Một trăm mười sáu phẩy bảy trăm mười lăm

26 đơn vị và 408 phần nghìn	?	?			phẩy bảy trăm mười lăm	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc cá nhân. 			0 đơn vị, 7 phần mười, 3 phần trăm	0,73	Không phẩy bảy mươi ba	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS báo cáo kết quả. - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) 			26 đơn vị và 408 phần nghìn	26,408	Hai mươi sáu phẩy bốn trăm linh tám	
Bài 2.			<ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo kết quả. - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) 			
<p>a) Nêu phần nguyên và phần thập phân của mỗi số thập phân rồi đọc số thập phân: 327,106; 49,251; 9,362.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS làm bài tập cá nhân vào vở. 			
<p>b) Đọc các số thập phân 4,05; 12,004; 8,03; 25,009 (theo mẫu)</p>			a)			
<p>Mẫu: <ul style="list-style-type: none">• 4,05 đọc là: Bốn phẩy không năm• 12,004 đọc là: Mười hai phẩy không không bốn</p>			Số	Phần nguyên	Phần thập phân	Đọc số
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở. 			327,106	327	106	Ba trăm mười bảy một trăm sáu
			49,251	49	251	Bốn mươi phẩy hai năm mươi
			9,362	9	362	Chín phẩy sáu hai
			<p>b) 4,05 đọc là: Bốn phẩy không năm 12,004 đọc là: Mười hai phẩy không không bốn 8,03 đọc là: Tám phẩy không ba 25,009 đọc là: Hai mươi lăm phẩy không không chín</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm 			

- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

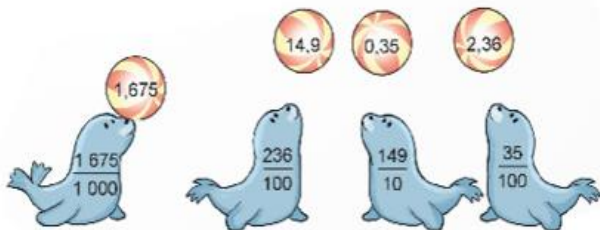
+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

Chọn số thập phân thích hợp với mỗi phân số thập phân (theo mẫu).

$$\text{Mẫu: } \frac{1\ 675}{1\ 000} = 1 \frac{675}{1\ 000} = 1,675$$



- Cách chơi: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 4 HS. GV hô bắt đầu thì HS trong nhóm chạy lên bảng nối. Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất là đội chiến thắng. Thời gian chơi từ 2-3 phút.

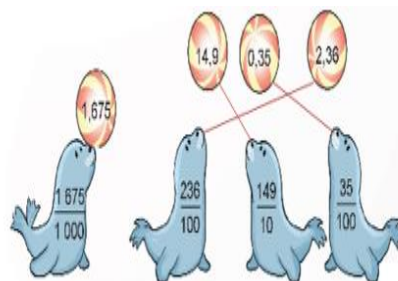
- GV tổ chức trò chơi.

- Đánh giá tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe trò chơi.

- Các nhóm lắng nghe luật chơi.



- Các nhóm tham gia chơi.

- Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Lịch sử - Địa lí

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

**Tài liệu Giáo dục địa phương: Tích hợp lồng ghép tìm hiểu về dân số tỉnh Bình Dương.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS xem đoạn video tin tức thời sự về dân số Việt Nam.</p> <p><i>* Cho HS xem đoạn video để giới thiệu chủ đề: Dân số và các dân tộc của tỉnh Bình Dương. Tích hợp lồng ghép tìm hiểu về dân số tỉnh Bình Dương.</i></p> <p>- Yêu cầu HS ghi lại những suy nghĩ, nhận xét của HS:</p> <p>- GV mời một số học sinh trình bày.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Vừa rồi các em đã trình bày những hiểu biết về đặc điểm của dân cư nước ta. Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và các dân tộc ở nước ta, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: Bài 4 – Dân cư và dân tộc ở Việt Nam.</p>	<p>- Cả lớp theo dõi, lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- Những điều em biết về dân cư Việt Nam + Việt Nam có dân cư đông đúc... + Việt Nam có nhiều dân tộc khác nhau sinh sống.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
2. Hoạt động khám phá:	

- Mục tiêu:

+ Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1. Tìm hiểu về quy mô dân số.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục kết hợp với bảng số dân các nước Đông Nam Á năm 2021.

+ Cho biết số dân của nước ta năm 2021.

+ So sánh số dân của nước ta năm 2021 với các quốc gia trong khu vực

BẢNG SỐ DÂN CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

Tên nước	Số dân (nghìn người)	Tên nước	Số dân (nghìn người)
In-đô-nê-xi-a (Indonesia)	273 753	Cam-pu-chia	16 589
Phi-líp-pin (Philippines)	113 880	Lào	7 425
Việt Nam	98 504 ^{**}	Xin-ga-po (Singapore)	5 941
Thái Lan	71 601	Ti-mo Lét-xê (Timor-Leste)	1 321
Mi-an-ma (Myanmar)	53 798	Bru-nây (Brunei)	445
Ma-lai-xi-a (Malaysia)	33 574		

(Nguồn: Liên hợp quốc năm 2022, ^{**} Số liệu Việt Nam lấy theo Niên giám thống kê 2022)

+ Nước nào có số dân đông nhất Đông Nam Á?

+ Việt Nam có số dân đứng thứ mấy ở Đông Nam Á?

+ Số dân Việt Nam nhiều hơn nước có số dân ít nhất Đông Nam Á bao nhiêu lần?

- GV mời HS báo cáo kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS đọc thông tin và tìm hiểu bảng số liệu:

+ Dân số Việt Nam năm 2021 là 98 504 nghìn người (98,5 triệu người).

+ Việt Nam có số dân đứng thứ 3 ở Đông Nam Á.

+ Việt Nam có dân số đông thứ 3 Đông Nam Á sau In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

- HS báo cáo kết quả.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á

+ Giúp học sinh nhớ được số liệu về bảng dân số các nước Đông Nam Á

+ Kể được tên các nước Đông Nam Á có trong bảng số liệu dân số.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi:

- GV tổ chức trò chơi **Ai nhanh hơn**

- Chuẩn bị: Tên đất nước, số liệu về dân số.

- Cách chơi: Chơi theo nhóm., . Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi theo 2 nhóm. Các nhóm nhận số

- HS lắng nghe luật chơi.

<p>liệu và tên đất nước. Trong trong thời gian nhanh nhất gắn tên đất nước và lieu dân số đúng với tên đất nước. Nhóm nào thực hiện nhanh và chính xác nhất sẽ là nhóm thắng cuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. 	<p>- HS tham gia chơi.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về những hiểu biết của mình về Việt Nam. - GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt
LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp học sinh nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp dưới.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tìm các từ có nghĩa giống nhau: <i>Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.</i> - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Đất nước – nước nhà
2. Luyện tập.	
<p>Bài 1: Đọc 2 đoạn văn trong bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 47-48) và trả lời câu hỏi.</p> <p>a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau.</p> <p>b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu. a. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ hai có nghĩa giống nhau. b. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất có nghĩa gần giống nhau. <p>Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất đều có ý nghĩa liên quan đến việc di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác. Nhưng vẫn có sự khác nhau:</p>

- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2. Gạch dưới những từ có nghĩa giống nhau trong mỗi nhóm từ sau:

a. chăm chỉ, cần cù, vất vả, siêng năng, chịu khó

b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia

c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh

- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài
- GV nhận xét, hỏi HS thế nào là từ đồng nghĩa?
- Yêu cầu HS trả lời cá nhân

- GV nhận xét.

Bài 3. Những thành ngữ nào trong bài tập 3 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 48) chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?

- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài.
- Cho HS trình bày.

- Khuân: Động tác mang hoặc đặt vật nặng lên vai hoặc lưng để di chuyển.

- Tha: Hành động kéo hoặc mang một vật phẩm nặng bằng cách sử dụng sức mạnh cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ như dây thừng.

- Vác: Hành động di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác bằng cách nắm hoặc ôm nó.

- Nhấc: Hành động tăng cao vị trí của một vật phẩm bằng cách sử dụng cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ, thường được thực hiện từ một vị trí thấp lên vị trí cao hơn.

- Các nhóm trình bày
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- HS đọc yêu cầu

- HS trả lời

- HS làm cá nhân

a. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó

b. non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia

c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh

- HS đọc yêu cầu

- HS trình bày

<p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p> <p>Bài 4: Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài vào vở theo nhóm 4.</p> <p>- Cho HS trình bày.</p> <p>Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.</p> <p style="text-align: right;">(Theo Vũ Hùng)</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>+ Chân yếu tay mềm; Thức khuya dậy sớm; Ngăn sông cấm chợ; Thay hình đổi dạng</p> <p>+ yếu – mềm; thức – dậy; ngăn – cấm; thay đổi; hình – dạng.</p> <p>- HS đọc và thảo luận làm bài.</p> <p>- Đại diện nhóm HS trình bày.</p> <p>Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn bắt đầu mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá tốt tươi tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất no nê, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian đói khát của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.</p>
--	---

3. Vận dụng trải nghiệm.

<p>Bài 5: Tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với 2 trong số các từ trong mỗi nhóm</p> <p>a. to lớn</p> <p>b. bé nhỏ</p> <p>c. nhân ái</p> <p>- GV gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>- Yêu cầu HS làm vào vở</p> <p>- GV thu vở, nhận xét.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm vào vở</p> <p>to lớn: to tướng, to kèn, to đùng, khổng lồ, vĩ đại, lớn, to,...</p> <p>- Đặt câu: Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại.</p> <p>b. bé nhỏ: nhỏ bé, bé tí, nhỏ xíu, bé xíu, bé, nhỏ,...</p> <p>- Những chú gà con mới nở bé xíu đã biết theo mẹ đi kiếm mồi.</p> <p>c. nhân ái: bác ái, nhân hậu, nhân từ, nhân đức,...</p> <p>- Bà em là người có tấm lòng nhân hậu.</p>
--	---

- GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	----------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....



Thứ Ba, ngày 01 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	

<p>- GV cho HS nhắc lại các kiểu bài văn miêu tả đã học.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em đã được tìm hiểu ở lớp dưới cách viết bài văn tả phong cảnh (tức cảnh đẹp thiên nhiên). Tiết Tập làm văn hôm nay các em sẽ được tìm hiểu kĩ hơn về cách viết văn tả phong cảnh qua bài Đà Lạt.</p>	<p>- HS trả lời: tả đồ vật, tả con vật, tả cây cối.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:</p> <p>a. Bài văn trên tả gì?</p> <p>b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</p> <p>c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc bài theo nhóm:</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p> <p>a. Bài văn trên tả cảnh Đà Lạt.</p> <p>b.</p> <p>- Mở bài: Từ đầu đến “thông mơ màng”. => Nội dung chính: Giới thiệu phong cảnh sẽ tả.</p> <p>- Thân bài: Từ “Nằm trên độ cao” đến “để chịu vô cùng”. => Nội dung chính: Tả lần lượt từng phần của Đà Lạt.</p> <p>- Kết bài: Phần còn lại. => Nội dung chính: Nêu nhận xét, cảm nghĩ của tác giả.</p> <p>c.</p> <p>- Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự không gian.</p> <p>- Những từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh:</p> <p>+ Vị trí địa lí: độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.</p> <p>+ Khí hậu: mát mẻ quanh năm.</p> <p>+ Cảnh vật:</p>

<p>d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm trình bày kết quả. - Mời cả lớp nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết: <i>Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.</i> 	<p>Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi. Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn. Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thắm xanh màu ngọc bích. Mặt hồ: trong suốt như pha lê. + Vườn hoa: muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ. + Vườn rau: xanh tươi.</p> <p>d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,... Ví dụ: “cảnh đẹp đến nao lòng”, “nơi nghỉ mát lí tưởng”, “tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ”, “thành phố xinh đẹp”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Biết được những lưu ý khi viết văn tả cảnh + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phong cảnh được miêu tả + Bố cục bài văn + Trình tự miêu tả + Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả + Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.

- GV mời cả lớp làm việc nhóm.

- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

+ Phong cảnh được miêu tả: Trước khi bắt đầu viết, cần xác định rõ phong cảnh mình muốn miêu tả, bao gồm các yếu tố như địa hình, thực vật, động vật, khí hậu, ánh sáng, màu sắc, âm thanh và mùi hương.

+ Bố cục bài văn: Bài văn cần có một phần mở bài giới thiệu phong cảnh, một phần thân bài tả chi tiết về phong cảnh và một phần kết bài để tóm tắt và làm nổi bật lại vẻ đẹp của phong cảnh.

+ Trình tự miêu tả: Trình tự miêu tả phong cảnh thường được sắp xếp từ các đặc điểm chung nhất đến các chi tiết cụ thể hơn. Ví dụ, có thể bắt đầu bằng mô tả về bức tranh tổng thể của phong cảnh, sau đó diễn đạt về các yếu tố như địa hình, thực vật, và cuối cùng là các yếu tố như ánh sáng, màu sắc và không khí.

+ Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả: Chọn cảnh vật có ý nghĩa đặc biệt hoặc gợi cảm xúc mạnh mẽ để tăng tính thú vị và sức lôi cuốn của bài văn. Đồng thời, cũng cần chọn các cảnh vật phù hợp với đề tài và mục đích viết.

+ Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh: Sử dụng ngôn từ mạnh mẽ và hình ảnh sinh động để tạo ra hình ảnh sống động và chân thực về phong cảnh. Đồng thời, cũng cần chú ý đến các yếu tố như ngữ điệu, sự lựa chọn từ ngữ và cú pháp để tạo ra hiệu ứng thú vị và ấn tượng đối với độc giả.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung.

- 4 – 5 HS đọc nội dung ghi nhớ.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ: <p>Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh. + Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh. + Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh. 	
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: <p>1/ Suru tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo....).</p> <p>2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kĩ năng vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Mĩ thuật

BÀI 3: QUÊ NGOẠI (TIẾT 1)

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được sự đa dạng của vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo trong các SPMT.

- Biết lựa chọn, phối hợp các vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo phù hợp để thực hành, sáng tạo SPMT.
- Chia sẻ được kinh nghiệm thực hành sản phẩm với các bạn.
- Biết phát triển kỹ năng tạo hình và cảm nhận về đẹp của tự nhiên.

2. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

- PC1: Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động trong học tập.
- PC2: Nhân ái: Biết đoàn kết, hợp tác làm việc nhóm cùng các bạn.
- PC3: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

*Năng lực chung

- NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.
- NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học/ thực hành, trưng bày, nêu tên sản phẩm.
- NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

*Năng lực đặc thù

- NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát các SPMT và chỉ ra công dụng của sản phẩm, vật liệu và hình thức thực hiện.
- NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: HS thực hiện được SPMT về đề tài quê ngoại.
- NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết chia sẻ cảm nhận về chất liệu. Lựa chọn được vị trí trưng bày sản phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- KHBD, SGK.
- Một số tranh ảnh về đề tài quê ngoại.
- Bút chì, giấy vẽ, bút màu, máy chiếu,...

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).– Bút chì, giấy vẽ, bút màu,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Đồ dùng/ phương tiện/ sản phẩm của HS
----------	------------------	------------------	---------------------------------------

<p>Hoạt động 1. Quan sát và nhận thức</p>	<p>Khởi động: Trò chơi <i>Ghép tranh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành các đội, thi ghép bức tranh mô phỏng tác phẩm <i>Quê ngoại</i> của họa sĩ Phạm Viết Hồng Lam. - Tranh mô phỏng được cắt rời, đội ghép nhanh và đẹp là đội chiến thắng. - Giới thiệu vào bài mới: Bài 3: Quê ngoại. (tiết 1) <p>Nhiệm vụ: GV hướng dẫn cho HS quan sát tranh <i>Quê ngoại</i> vừa ghép, các tác phẩm mỹ thuật trang 14, 15 trong SgK và nêu được đặc điểm chất liệu, vật liệu, hình thức tạo hình sản phẩm.</p> <p>Gợi ý cách thức tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tạo cơ hội cho HS tìm ra đặc điểm của chất liệu, vật liệu, hình thức tạo hình sản phẩm. - GV nêu câu hỏi, HS thảo luận để tìm hiểu, khám phá. <p>Câu hỏi gợi ý: + Trong tranh có hình ảnh gì? + Tranh sử dụng chất liệu, vật liệu gì? + những chất liệu, vật liệu trong tranh có nguồn gốc từ đâu? + Em hãy phán đoán cách tạo thành tranh? gV chốt ý.</p> <p>HS cần biết: ngoài các vật liệu nhân tạo có thể sử dụng như: màu vẽ, đất nặn, giấy,... thì các vật liệu có sẵn trong tự nhiên như: gỗ, đá, hạt, lá cây,... cũng là những vật liệu độc đáo để sáng tạo thành các SPMT.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi trò chơi. - HS quan sát một số SPMT. - HS thảo luận nhóm trả lời theo gợi ý của GV. <p>- Lưu ý để ghi nhớ.</p> <p>HS quan sát các bước thực hiện và thảo luận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các đồ dùng cần thiết cho trò chơi, âm nhạc để tạo không khí cho trò chơi hấp dẫn. - Các bức tranh mô phỏng tác phẩm <i>Quê ngoại</i> của họa sĩ Phạm Viết Hồng Lam được cắt rời.
<p>Hoạt động 2. Luyện tập và sáng tạo</p>	<p>Nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn cho HS tham khảo các bước thực hiện một SPMT về đề tài cuộc sống quanh em. - HS thực hiện được một SPMT. <p>Gợi ý cách thức tổ chức:</p>		

<p>Hoạt động</p> <p>3. Phân tích và đánh giá</p>	<p>- GV yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ trong SgK trang 16, thảo luận để biết cách thực hiện SPMT. Gợi ý các bước thực hiện: Bước 1: Tìm ý tưởng và vẽ hình. Bước 2: gắn hạt vào hình chính. Bước 3: gắn hạt vào các hình phụ. Bước 4: Bổ sung chi tiết và hoàn thiện sản phẩm. Câu hỏi gợi ý: + Nhóm em chọn nội dung gì để thể hiện? + Nhóm em sẽ chọn vật liệu, chất liệu gì? + Hình ảnh chính là gì, hình ảnh phụ là gì? - Bài tập thực hành: GV yêu cầu HS thực hiện một SPMT từ vật liệu tự nhiên hoặc vật liệu nhân tạo với chủ đề <i>Cuộc sống quanh em</i>. (HS chỉ cần hoàn thành bước 1 và bước 2) – GV quan sát HS thực hành, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời. Nhiệm vụ: -GV hướng dẫn HS trình bày ý tưởng thể hiện và nguyên lí tạo hình trong sản phẩm. Gợi ý cách thức tổ chức: -GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận về SPMT của nhóm mình và nhóm bạn. Câu hỏi gợi ý: + Nội dung thể hiện trong tranh là gì? + Cách sử dụng chất liệu, vật liệu để tạo ra SPMT như thế nào? + Bộ cục được sắp xếp như thế nào? - GV nhận xét, tuyên dương, động viên khuyến khích HS. Nhiệm vụ:</p>	<p>-HS thảo luận nhóm, phân công công việc theo nhóm và thực hành theo sự sáng tạo của nhóm mình. - HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận. HS trình bày theo hướng dẫn của GV. - HS quan sát. - HS quan sát, lắng nghe và trả lời.</p>	<p>- Hình minh hoạ các bước thực hiện. Bút chì, giấy, màu vẽ,... - Hồ/ keo dán, các loại hạt. - Sản phẩm của HS.</p>
--	--	---	---

<p>Hoạt động 4. Vận dụng</p> <p>Củng cố, dặn dò</p>	<p>HS tìm hiểu đặc điểm làng nghề hoa giấy Thanh Tiên ở Thừa Thiên Huế.</p> <p>Gợi ý cách thức tổ chức:</p> <p>- GV cho HS xem hình ảnh, video về làng nghề hoa giấy Thanh Tiên ở Thừa Thiên Huế. gV yêu cầu HS đọc SgK trang 17:</p> <p>Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế có lịch sử phát triển hơn 300 năm. nghệ nhân chế tác hoa giấy theo phương pháp thủ công từ các vật liệu sẵn có trong tự nhiên như tre, nhựa cây, lá cây để tạo màu nhuộm và giấy.</p> <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ Nghề làm hoa giấy Thanh Tiên ở Thừa Thiên Huế có từ bao giờ? + Hoa giấy Thanh Tiên được chế tác theo phương pháp nào?</p> <p>+ Vật liệu làm hoa giấy Thanh Tiên?</p> <p>+ Nêu cảm nhận của em về nghề làm hoa giấy Thanh Tiên.</p> <p>Củng cố: nhắc lại các bước thực hiện một SPMT.</p> <p>Dặn dò: giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau</p>	<p>-HS chuẩn bị cho bài học sau.</p>	<p>-Hình ảnh, video về làng nghề hoa giấy Thanh Tiên ở Thừa Thiên Huế.</p>
--	---	--------------------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Toán

Bài 10: KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được viết số tự nhiên thành tổng để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Đố nhau” để khởi động bài học. Luật chơi: Một HS nêu một số thập phân sau đó được chọn một HS khác nêu phần nguyên, phần thập phân, các hàng trong số thập phân. Sau đó bạn lại nêu một số thập phân khác và chọn một HS để trả lời. Làm tương tự trong thời gian 3 phút - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân, vận dụng được việc hàng của số thập phân; đọc, viết để giải quyết một số tình huống thực tế. - Cách tiến hành:	
Bài 1. Chọn số thập phân thích hợp với cách đọc số thập phân đó.	

Bốn trăm mười lăm phẩy hai

Bảy mươi một phẩy tám mươi tư

Không phẩy chín trăm ba mươi lăm

Ba phẩy một nghìn bốn trăm mười sáu

71,84

3,1416

415,2

0,935

Bốn trăm mười lăm phẩy hai

Bảy mươi một phẩy tám mươi tư

Không phẩy chín trăm ba mươi lăm

Ba phẩy một nghìn bốn trăm mười sáu

71,84

3,1416

415,2

0,935

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nói cho chính xác
- GV mời HS trả lời.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nói cho chính xác
- HS trình bày.

Bài 2. Số?

Phân số	Chuyển thành phân số thập phân
$\frac{7}{20}$	$\frac{?}{100}$
$\frac{12}{25}$	$\frac{?}{100}$
$\frac{4}{125}$	$\frac{32}{?}$

Phân số	Chuyển thành phân số thập phân
$\frac{7}{20}$	$\frac{35}{100}$
$\frac{12}{25}$	$\frac{48}{100}$
$\frac{4}{125}$	$\frac{32}{1000}$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV hướng dẫn HS: Nhân cả tử số và mẫu số của phân số đã cho với cùng một số tự nhiên để được phân số có mẫu số là 100; 1000; ...
- GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- Yêu cầu HS nêu cách làm.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Đại diện các nhóm trả lời.

$$\frac{7}{20} = \frac{7 \times 5}{20 \times 5} = \frac{35}{100}$$

$$\frac{12}{25} = \frac{12 \times 4}{25 \times 4} = \frac{48}{100}$$

$$\frac{4}{125} = \frac{4 \times 8}{125 \times 8} = \frac{32}{1000}$$

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó.

$$\frac{48}{10}, \frac{125}{100}, \frac{39}{1000}$$

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời HS trả lời.

- GV HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- HS trình bày.
 $\frac{48}{10} = 4,8$; đọc là: Bốn phẩy tám
- $\frac{125}{100} = 1,25$; đọc là: Một phẩy hai mươi lăm
- $\frac{39}{1000} = 0,039$; đọc là: Không phẩy không trăm ba mươi chín
- HS nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 4. Rô-bốt lập số 863 749 bằng các tấm thẻ như hình dưới đây:

Từ bốn thẻ **7; 0; 2; ,** hãy lập tất cả các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và thảo luận theo nhóm 4.
- GV mời đại diện nhóm trả lời.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dẫn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc nhóm 4

- Đại diện nhóm trả lời:
+ Từ bốn thẻ trên ta có các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số là: 0,27; 0,72; 2,07 ; 2,70 ; 7,02 ; 7,20
- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Khoa học

Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ. **SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (T2)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:

- + Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.
- + Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu về sự biến đổi trạng thái của chất trong đời sống.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																																																																								
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 																																																																									
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Ai tinh mắt”. ++ GV đưa ra bảng ô chữ chủ đề Chất, yêu cầu HS tìm ra các từ có nghĩa trong bảng. + Ai có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng. <table border="1" data-bbox="165 1020 799 1213"> <tr><td>T</td><td>R</td><td>A</td><td>N</td><td>G</td><td>T</td><td>H</td><td>A</td><td>I</td></tr> <tr><td>H</td><td>Ã</td><td>T</td><td>L</td><td>O</td><td>N</td><td>G</td><td>N</td><td>K</td></tr> <tr><td>A</td><td>N</td><td>C</td><td>O</td><td>K</td><td>H</td><td>I</td><td>T</td><td>T</td></tr> <tr><td>S</td><td>U</td><td>B</td><td>I</td><td>Ê</td><td>N</td><td>Đ</td><td>Ô</td><td>I</td></tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, khen ngợi HS tham gia trò chơi. - GV dẫn dắt vào bài học mới: <i>Sự biến đổi trạng thái của chất là gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở bài học ngày hôm nay: “Bài 4 – Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất – Tiết 2”.</i> 	T	R	A	N	G	T	H	A	I	H	Ã	T	L	O	N	G	N	K	A	N	C	O	K	H	I	T	T	S	U	B	I	Ê	N	Đ	Ô	I	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp tham gia trò chơi <table border="1" data-bbox="912 835 1409 1029"> <tr><td>T</td><td>R</td><td>A</td><td>N</td><td>G</td><td>T</td><td>H</td><td>A</td><td>I</td></tr> <tr><td>H</td><td>Ã</td><td>T</td><td>L</td><td>O</td><td>N</td><td>G</td><td>N</td><td>K</td></tr> <tr><td>A</td><td>N</td><td>C</td><td>O</td><td>K</td><td>H</td><td>I</td><td>T</td><td>T</td></tr> <tr><td>S</td><td>U</td><td>B</td><td>I</td><td>Ê</td><td>N</td><td>Đ</td><td>Ô</td><td>I</td></tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> - 5 từ khóa: <i>sự biến đổi, trạng thái, rắn, lỏng, khí.</i> - HS lắng nghe. 	T	R	A	N	G	T	H	A	I	H	Ã	T	L	O	N	G	N	K	A	N	C	O	K	H	I	T	T	S	U	B	I	Ê	N	Đ	Ô	I
T	R	A	N	G	T	H	A	I																																																																	
H	Ã	T	L	O	N	G	N	K																																																																	
A	N	C	O	K	H	I	T	T																																																																	
S	U	B	I	Ê	N	Đ	Ô	I																																																																	
T	R	A	N	G	T	H	A	I																																																																	
H	Ã	T	L	O	N	G	N	K																																																																	
A	N	C	O	K	H	I	T	T																																																																	
S	U	B	I	Ê	N	Đ	Ô	I																																																																	
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất. - Cách tiến hành: 																																																																									
<p>Hoạt động khám phá 1. Sự biến đổi trạng thái của cõn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tiến hành làm thí nghiệm, thảo luận nhóm 4: GV lưu ý: <i>Cẩn thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm 4. - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả quan sát, các nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung. 																																																																								

- Quan sát và nhận xét sự biến đổi trạng thái của nến vụn dưới tác dụng của nhiệt?
- Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì trạng thái của nến như thế nào?



Hình 8

- GV nhận xét các nhóm.
- GV: Nến chuyển từ trạng thái rắn (hình 8a) sang trạng thái lỏng (hình 8b) khi được đun nóng. Khi bát sứ nguội dần, nến từ trạng thái lỏng chuyển về trạng thái rắn (hình 8c).

Hoạt động khám phá 2. Sự biến đổi trạng thái của cồn.

- GV tổ chức cho HS nhắc lại sự bay hơi của nước đã học ở lớp 4.
- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn trong quá trình sử dụng vào phiếu học tập.
- GV nhận xét các nhóm, kết luận.

- Dưới tác dụng của nhiệt, nến đã chuyển từ trạng thái rắn sang lỏng.
- Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì nến chuyển từ trạng thái lỏng sang rắn.

- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.


- Dưới tác dụng của nhiệt độ, nước sẽ bị bay hơi vào không khí.
- HS đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn bằng phiếu học tập.
- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.
- Cồn chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí trong quá trình sử dụng vì cồn là chất dễ bay hơi.

Hoạt động khám phá 2. Sự biến đổi trạng thái của chất trong cuộc sống hằng ngày

- GV tổ chức trò chơi “Nhà Khoa học nhí”
- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ được phát một tờ giấy trắng.
- Trong thời gian 3 phút, các nhóm sẽ thi nhau viết vào phiếu các chất ở ba thể khác nhau hoặc tên các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia trò chơi.

- Các nhóm dán phiếu của mình lên bảng, mỗi nhóm cử một đại diện trình bày kết quả.
- Ví dụ: - Làm nước đá (chuyển từ thể lỏng sang thể rắn).

	<ul style="list-style-type: none"> - Làm đồ dùng bằng thủy tinh (Chuyển từ thể lỏng sang thể rắn)/ - Đun bơ (Từ thể rắn sang thể lỏng)
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về đặc điểm về sự biến đổi trạng thái của chất. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Chiếu lên thành phần của nước rửa tay (được làm chủ yếu từ cồn) - Vì sao người ta sử dụng cồn là thành phần chính trong nước rửa tay khô? - GV cho HS quan sát tranh kết hợp đọc thông tin SGK. - Vì sao trong tương lai gấu Bắc Cực có thể không còn nơi để sinh sống? <div data-bbox="516 940 883 1213" style="text-align: center;">  <p>Hình 10</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cồn là chất lỏng dễ bay hơi nên nhanh chóng chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí. Vì vậy, tay sẽ nhanh khô khi sử dụng nước rửa tay khô. - HS quan sát tranh và đọc thông tin. - Khi môi trường ô nhiễm, nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng lên làm băng tan ra. Quá trình băng chuyển từ trạng thái rắn sang trạng thái lỏng làm môi trường sống của gấu Bắc Cực (là băng) dần biến mất.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về cách em có thể làm để bảo vệ môi trường, hạn chế làm Trái Đất nóng lên, bảo vệ môi trường sống của gấu Bắc Cực. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ về những việc làm bảo vệ môi trường: tái chế đồ dùng làm bằng nhựa. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Đạo đức
CHỦ ĐỀ 2: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC
Bài 2: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết)
(TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (việc đặc điểm cá nhân; giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc...

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác phù hợp với bản thân. Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thấu hiểu, và chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, và ngoại hình phải giới tính, ấy hoàn cảnh phải dân tộc,...)
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.- Cách tiến hành:	

<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu trò chơi “Bạn ấy là ai?” và phổ biến luật chơi: GV mời một vài bạn HS đứng trước lớp mô tả ngoại hình, một tính cách, sở thích, của một bạn bất kì trong lớp để các bạn khác đoán xem đó là ai. - Sau khi tổ chức trò chơi, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: trò chơi mang lại ý nghĩa gì cho chúng ta? - GV nhận xét, kết luận, để dẫn vào bài mới: nét riêng của mỗi bạn về ngoại hình, tính cách, sở thích,... Cũng chính là điểm khác biệt của bạn so với những người khác. Ngoài đặc điểm cá nhân, ở ngoại hình, mỗi người xung quanh chúng ta còn khác biệt nhau về hoàn cảnh dân tộc,... Và những sự khác biệt ấy đều đáng quý phải chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt đó. Vậy vì sao cần phải tôn trọng những sự khác biệt đó? Cần có lời nói phải thái độ, ấy hành động như thế nào để thể hiện tôn trọng sự khác biệt? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay. - GV ghi bảng tên bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, nắm bắt cách chơi. - HS TL: Trò chơi nói lên rằng mỗi người đều có những sự khác biệt và sự khác biệt đó đều phải được tôn trọng để mang lại bầu không khí vui tươi, không kỳ thị, phân biệt. -HS khác NX, góp ý. - HS lắng nghe. - HS ghi vở
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nêu được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt. + Giải thích được vì sao cần tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động khám phá 1: Tìm hiểu một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt. (Làm việc nhóm 4)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu. - GV chiếu tranh lên bảng để HS quan sát, đồng thời hướng dẫn HS quan sát các bức tranh. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi: +Mỗi tranh nói về sự khác biệt ở khía cạnh nào? +Nêu biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác trong mỗi trường hợp. - GV cho các nhóm trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS quan sát 4 bức tranh. - HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi.

<p>- GV nhận xét, khen HS.</p> <p>- GV nêu YC: Kể thêm các biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác mà em biết.</p> <p>-GV NX và kết luận: có rất nhiều sự khác biệt giữa mọi người với nhau, có thể khác biệt về ngoại hình phải hoàn cảnh phải dân tộc phải giới tính. Và sự tôn trọng thường có những biểu hiện như hòa đồng với nhau, không kỳ thị, để phân biệt, động viên những bạn có hoàn cảnh kém may mắn,...</p>	<p>- Đại diện các nhóm trình bày:</p> <p>+Mỗi trường hợp nói về sự khác biệt ở các khía cạnh khác nhau: về ngoại hình (tranh 1), về hoàn cảnh (tranh 2), về dân tộc (tranh 3), về giới tính (tranh 4).</p> <p>+Tôn trọng sự khác biệt của người khác được thể hiện:</p> <p>Trường hợp a: Minh động viên khi bạn tự ti vì có ngoại hình mập mạp.</p> <p>Trường hợp b: nga vui vẻ chơi cùng bạn có hoàn cảnh kém may mắn hơn mình(bị khuyết tật).</p> <p>Trường hợp c: Hoa mong muốn làm quen và tìm hiểu về trang phục truyền thống của các bạn dân tộc thiểu số.</p> <p>Trường hợp d: khi bầu chọn Chi đội trưởng, Luân không phân biệt bạn nam hay bạn nữ.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- 3-5 HS nêu:</p> <p>+Tôn trọng ý kiến phát biểu của bạn.</p> <p>+ Tìm hiểu phong tục của các nước khác trên thế giới.</p> <p>+ Chủ động làm quen với bạn mới,...</p> <p>-HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức</p>
<p>Hoạt động khám phá 2. Tìm hiểu vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người. (Làm việc nhóm 2)</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm nội dung câu chuyện “cây cọ nhí” ở mục 2 phần khám phá trong SGK và mời HS đọc diễn cảm câu chuyện.</p> <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi rồi cho đại diện nhóm trình bày trước lớp:</p>	<p>-1 HS đọc trước lớp, HS khác đọc thầm</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi TL câu hỏi và cử đại diện trình bày trước lớp:</p> <p>+ Thái độ coi thường của các cây cọ khác đối với cây cọ nhí thể hiện thiếu tôn trọng sự khác biệt của người khác.</p>

<p>+ Thái độ của các cây cọ khác đối với cây cọ nhí thể hiện điều gì?</p> <p>+ Vì sao các cây cọ khác lại cảm thấy hối hận?</p> <p>+ Nêu những lý do cần phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.</p> <p>- GV cho đại diện nhóm trình bày</p> <p>- GV NX, khen ngợi HS đã hiểu Tôn Trọng sự khác biệt của người khác sẽ giúp chúng ta xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp, ấy thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.</p>	<p>+ Vì các cây cọ đã nhận ra cọ nhí tuy nhỏ bé nhưng cũng có tác dụng và giá trị của riêng mình, đó là làm cho bức tranh của ông đó trở nên sinh động hơn.</p> <p>+ Cần tôn trọng sự khác biệt vì mỗi người có những nét riêng, không giống với những người khác và chính điều này tạo nên sự đa dạng của cuộc sống. Tôn Trọng sự khác biệt của người khác sẽ giúp chúng ta xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp, ấy thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.</p> <p>- Nhóm khác NX, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm</p>
<p>3. Thông điệp: (Làm việc cả lớp)</p> <div data-bbox="162 924 828 1165" style="border: 1px dashed orange; border-radius: 15px; padding: 10px; text-align: center;"> <p><i>Mỗi người một vẻ khác nhau Làm nên cuộc sống muôn màu đẹp tươi Hãy mang lời nói, tiếng cười Với lòng tôn trọng mọi người nghe em.</i></p> </div> <p>-GV đưa thông điệp, YC HS đọc</p> <p>-GC YC HS chia sẻ ý nghĩa của thông điệp</p> <p>-GV nhận xét chốt kiến thức:</p> <p>+Tôn trọng sự khác biệt được biểu hiện ở sự thấu hiểu, chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc.</p> <p>+Mỗi người phải biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt của người khác để cùng nhau tạo dựng nên các mối quan hệ thân thiện, tốt đẹp với bạn bè và mọi người xung quanh.</p>	<p>- 1-2 HS đọc, lớp đọc thầm</p> <p>- 3-5 HS chia sẻ theo suy nghĩ cá nhân</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ bài học</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>	

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS chơi trò “Phóng viên nhí”.</p> <p>- GV chọn một HS xung phong làm phóng viên, lần lượt hỏi các bạn trong lớp:</p> <p>+ Biết tôn trọng sự khác biệt mang lại điều gì tốt?</p> <p>+ Nêu việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt.</p> <p>+ Có khi nào bạn chứng kiến những lời nói, việc làm chưa thể hiện tôn trọng sự khác biệt?</p> <p>+ Bạn có suy nghĩ gì về điều đó?</p> <p>- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực.</p> <p>- Dẫn dò về nhà.</p>	<p>- HS tham gia chơi.</p> <p>- 1HS làm phóng viên và hỏi cả lớp.</p> <p>- 3-5 HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân</p> <p>-HS lắng nghe</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:
TRÒ CHƠI “THẤY – NGHĨ – TỰ HỎI”
TÌM HIỂU VỀ LỢI ÍCH VÀ NGUY CƠ KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG.
TÌM HIỂU NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA TỰ CHỦ KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS tham gia được trò chơi “Thấy – Nghĩ – Tự hỏi”
 - Nêu được lợi ích của giao tiếp trên mạng và những nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng
 - Trình bày được những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng.
- Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:*
1. Năng lực đặc thù:
 - Năng lực thích ứng với cuộc sống: tìm hiểu và xác định được những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng.
 2. Năng lực chung
 - Năng lực tự chủ và tự học: Vận dụng được những hiểu biết về tự chủ khi giao tiếp trên mạng để thực hiện.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân trong việc thực hiện sự tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

***Giáo dục Quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.**

II. ĐỒ DÙNG

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.
- Bức tranh ở hoạt động 1, trang 17

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Hoạt động 1: Trò chơi “Thấy – Nghĩ – Tự hỏi” a) Mục tiêu – Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.	
b) Cách tiến hành - GV yêu cầu 2 học sinh tạo thành nhóm đôi và nhìn vào bức tranh trong SGK trang 17 (nếu lớp nào có điều kiện, GV chiếu bức tranh này trên TV hoặc màn chiếu để cả lớp cùng quan sát) và thực hiện theo hướng dẫn sau: + HS 1 lần lượt nêu 3 câu hỏi trong SGK để HS 2 trả lời: + HS 2 trả lời 3 câu hỏi trong SGK xong thì hỏi lại HS 1 ba câu hỏi đó, HS 1 trả lời. - Sau khi các nhóm đôi hỏi và trả lời xong, GV mời đại diện một số cặp đôi lên chia sẻ kết quả chơi với cả lớp.	HS lắng nghe và ghi nhớ cách thực hiện HS thực hiện hoạt động: lần lượt hỏi và trả lời theo 3 câu hỏi: 1) <i>Bạn nhìn thấy gì trong bức tranh?</i> 2) <i>Bạn nghĩ gì về bức tranh?</i> 3) <i>Bạn có câu hỏi nào về những điều nhìn thấy trong bức tranh?</i>
- GV dự kiến một số câu trả lời cho 3 câu hỏi trên như sau: 1) <i>Bạn nhìn thấy gì trong bức tranh?</i> + Tôi nhìn thấy một bạn nhỏ ngồi trước màn hình máy tính, trên đầu bạn ấy có bóng nghĩ “Không chia sẻ thông tin cá nhân quá nhiều” và “Không chấp nhận yêu cầu kết bạn của người lạ” + Tôi nhìn thấy từ “Chào bạn!” và dấu @ 2) <i>Bạn nghĩ gì về bức tranh?</i>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh								
<p>+ Tôi nghĩ bức tranh muốn nói đến việc giao tiếp trên mạng.</p> <p>+ Tôi nghĩ bức tranh muốn nói về việc phải cẩn thận khi giao tiếp trên mạng.</p> <p>3) <i>Bạn có câu hỏi nào về những điều nhìn thấy trong bức tranh?</i></p> <p>+ Tôi muốn hỏi ngoài 2 điều không nên làm trong bức tranh thì còn có những điều nào khác không nên làm khi giao tiếp trên mạng.</p> <p>+ Tôi muốn hỏi về những nguyên tắc đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.</p>									
<p>– GV tổng hợp ý kiến của các nhóm đã chia sẻ và giới thiệu chủ đề hoạt động “An toàn cho em – An toàn cho mọi người”</p>	HS lắng nghe								
2. Nhận diện - Khám phá									
Hoạt động 2. Tìm hiểu về lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng									
<p>a) Mục tiêu</p> <p>- HS nêu được lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng.</p>									
<p>b) Cách tiến hành</p>									
<p>– GV mời HS đọc thầm nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2 trang 17, 18, SGK HĐTN5.</p>	– HS đọc thầm nhiệm vụ và ghi nhớ.								
<p>- GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS) và yêu cầu học sinh các nhóm thảo luận để nêu những lợi ích của giao tiếp trên mạng và những nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng. Yêu cầu các nhóm ghi kết quả thảo luận trên giấy khổ lớn theo mẫu.</p>	<p>HS thảo luận nhóm ghi kết quả thảo luận trên giấy khổ lớn theo mẫu sau:</p> <table border="1" data-bbox="883 1482 1409 1808"> <thead> <tr> <th data-bbox="883 1482 1146 1665">Lợi ích của giao tiếp trên mạng</th> <th data-bbox="1146 1482 1409 1665">Những nguy cơ có thể gặp khi giao tiếp trên mạng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="883 1665 1146 1713"></td> <td data-bbox="1146 1665 1409 1713"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="883 1713 1146 1761"></td> <td data-bbox="1146 1713 1409 1761"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="883 1761 1146 1808"></td> <td data-bbox="1146 1761 1409 1808"></td> </tr> </tbody> </table>	Lợi ích của giao tiếp trên mạng	Những nguy cơ có thể gặp khi giao tiếp trên mạng						
Lợi ích của giao tiếp trên mạng	Những nguy cơ có thể gặp khi giao tiếp trên mạng								
<p>– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày ý 1 (Những lợi ích của giao tiếp trên mạng), yêu cầu các nhóm khác lắng nghe,</p>	- HS trình bày.								

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV kết luận về những lợi ích của giao tiếp trên mạng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kỹ năng viết và đọc hiểu - Tăng cường khả năng giao tiếp và hợp tác - Tiết kiệm thời gian và chi phí - Mở rộng hiểu biết - ... 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>- GV sử dụng kỹ thuật ổ bi để tổ chức cho HS chia sẻ kết quả thảo luận về những nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng.</p> <p>- Yêu cầu lớp chia thành 2 nhóm, nhóm 1 đứng ở vòng tròn trong quay mặt ra ngoài, nhóm 2 đứng ở vòng tròn ngoài quay mặt vào trong. Yêu cầu từng đôi HS (nhóm 1 và nhóm 2) bắt tay nhau để tạo thành 1 cặp thảo luận.</p> <p>- Lượt thứ nhất, bạn đứng ở vòng tròn trong nói cho bạn đứng ở vòng tròn ngoài nghe về những nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng. Lượt thứ 2 bạn ở vòng tròn trong đứng yên, bạn ở vòng tròn ngoài dịch chuyển sang bên phải 1 người, tạo thành cặp đôi mới. Bạn ở vòng tròn ngoài nói cho bạn ở vòng tròn trong nghe về những nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng. Lượt thứ 3, thứ 4 tương tự như lượt thứ 2</p> <p><i>- Nếu không gian lớp học không đủ rộng để HS đứng được thành vòng tròn thì GV sử dụng kỹ thuật lấu băng chuyển. GV cho HS đứng lên thành 2 hàng ở 2 bên dãy bàn, quay mặt vào nhau. Cách thực hiện tương tự như kỹ thuật ổ bi, sau mỗi lần thảo luận nhóm đôi thì HS sẽ dịch chuyển qua 1 người để tạo thành nhóm đôi mới và trao đổi về nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm theo hướng dẫn. - HS chia sẻ kết quả thảo luận theo kỹ thuật ổ bi - HS di chuyển và thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV
<p>Kết thúc hoạt động, GV kết luận về những nguy cơ có thể gặp phải khi giao tiếp trên mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để lộ thông tin cá nhân như tên, địa chỉ, số điện thoại, email, ... - Bị mất tiền vào một số trò chơi trên mạng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và ghi nhớ

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận với một số nội dung không phù hợp lứa tuổi - Dễ bị dụ dỗ, lừa gạt, bị kẻ xấu lôi kéo, rủ rê - Hẹn gặp gỡ, kết bạn dẫn đến rủi ro - Bị bắt cóc, nhắn tin đe dọa, khủng bố tinh thần - Có nguy cơ nghiện một số trò chơi không bổ ích, mang tính bạo lực, phản cảm - Tiếp cận, bắt chước một số nội dung không phù hợp lứa tuổi gây hậu quả nghiêm trọng 	
– GV chuyển ý, giới thiệu hoạt động 2	– HS lắng nghe.
3. Tìm hiểu – Mở rộng	
Hoạt động 3. Tìm hiểu những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng	
a) Mục tiêu	
- HS trình bày được trên sơ đồ tư duy những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng	
b) Cách tiến hành	
<ul style="list-style-type: none"> – GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS) và yêu cầu học sinh các nhóm thảo luận về những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng. - GV phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0, bút dạ và yêu cầu HS ghi lại kết quả thảo luận bằng sơ đồ tư duy 	<ul style="list-style-type: none"> – HS đọc trước lớp. - HS thực hiện nhiệm vụ (tham khảo gợi ý về sơ đồ tư duy ở trang 18 SGK lớp 5)
<ul style="list-style-type: none"> – GV yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm sơ đồ tư duy của nhóm mình ở khu vực được phân công. - Mời đại diện 1 nhóm trình bày, các nhóm khác cử thư kí đứng cạnh sản phẩm của nhóm mình, đánh dấu vào những nội dung trùng với nội dung của nhóm trình bày. Các nhóm khác bổ sung những nội dung mà nhóm trình bày chưa nhắc tới 	– HS trưng bày sản phẩm, cử đại diện trình bày và bổ sung (nếu có)
<p>GV kết luận về những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng theo gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tự chủ về thời gian</i>: xác định lên mạng làm gì, bao nhiêu phút, có đồng hồ nhắc việc, đặt chuông nhắc thời gian (nhắc trước thời gian để biết chuẩn 	– HS lắng nghe

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>bị thời gian sắp hết, chuông báo hết giờ, nếu chuông rồi mà chưa xong việc thì điều chỉnh thời gian cho phù hợp)</p> <p>- <i>Tự chủ để bảo vệ bản thân và tài khoản</i>: khi thiết lập tài khoản cần ẩn thông tin cá nhân; khi sử dụng xong phải out ra (nơi công cộng) ; cài đặt mật khẩu cho riêng mình, không cung cấp thông tin cá nhân và người thân lên trên mạng; để chế độ ẩn thông tin, ...</p> <p>- <i>Tự chủ trong việc xây dựng hình ảnh trên mạng</i>: Thực hiện tốt các kỹ năng giao tiếp trên mạng như luôn tôn trọng người khác, lịch sự khi giao tiếp với người khác trên mạng; không bình luận, nhận xét khiếm nhã khi giao tiếp trên mạng; không sử dụng ngôn ngữ bạo lực, gây tổn thương người khác khi giao tiếp trên mạng, ...</p> <p>*Giáo dục Quyền con người:</p> <p>- <i>Theo em, trẻ em có quyền gì?</i></p> <p>- <i>GDHS: Trẻ em có quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.</i></p>	<p>- HS trả lời</p>
<p>4. Tổng kết tiết trải nghiệm</p> <p>– GV kết thúc hoạt động, khen ngợi, động viên các nhóm về nội dung trình bày, cách thức giới thiệu và khả năng giao tiếp, mức độ tự tin của học sinh.</p> <p>- GV nhận xét về sự tham gia và kết quả thực hiện hoạt động của HS trong lớp. Dặn dò các em về nhà tìm hiểu thêm về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng</p>	<p>– HS lắng nghe và cổ vũ những bạn được khen ngợi.</p> <p>– HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ Tư, ngày 02 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
Bài 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH (4 tiết)
Tiết 1 - 2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

Đọc hiểu: Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh gợi tả không gian được thể hiện trong bài, hiểu được công dụng của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,... trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của rừn. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được từ ngữ, hình ảnh biện pháp so sánh, nhân hóa,... trong việc làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

Đọc mở rộng: Đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng và trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc.

Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục Đạo đức: Yêu thiên nhiên rừng, bảo vệ rừng.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

- + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.
- + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.
- Cách tiến hành:

- GV cho HS chia sẻ những điều thú vị về rừng theo hiểu biết hoặc theo tưởng tượng của em.

- HS quan sát kĩ bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

+ Sự đa dạng sinh học: Rừng là nơi có sự đa dạng sinh học phong phú, với hàng nghìn loài cây, động vật và sinh vật vi sinh sống trong môi trường đa dạng. Từ những cây to lớn đến những loài cỏ nhỏ, từ loài động vật lạ đến những sinh vật vi nhỏ, rừng mang lại một hệ sinh thái phong phú và phức tạp.

- Âm thanh của rừng: Khi bước vào rừng, bạn sẽ nghe thấy những âm thanh đặc trưng của nó. Tiếng chim hót vang lên, tiếng suối reo vang vọng và tiếng lá cây xào xạc dưới bước chân của bạn tạo ra một bản nhạc tự nhiên tuyệt vời.

- Khả năng chống chịu của rừng: Rừng có khả năng tự bảo vệ và tái tạo mình. Khi rừng bị phá hủy do chặt phá hoặc cháy rừng, sức sống mới sẽ nảy mầm từ những hạt giống và cây non, tạo ra một chu trình tái tạo tự nhiên đầy kỳ diệu.

- Sự kì bí của rừng sâu: Rừng sâu thường che phủ bởi bóng tối dày đặc và mênh mông, tạo nên một không gian bí ẩn và hấp dẫn. Những khu rừng sâu chưa được khám phá có thể ẩn chứa những loài động vật và thực vật mới mẻ mà chúng ta chưa từng biết đến.

- Ảnh hưởng của rừng đến khí hậu: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát khí hậu của Trái Đất bằng cách hấp thụ khí CO₂ và sản xuất oxy thông qua quá trình hô hấp của cây cối. Đồng thời, rừng còn giữ ẩm và làm mát môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến hệ thống khí hậu toàn cầu.

- HS lắng nghe.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV trình chiếu bức tranh minh họa và dẫn dắt vào bài mới: Đây là cảnh cánh rừng xanh với những màu sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Bài Kì diệu rừng xanh mà chúng ta học ngày hôm nay sẽ đưa các em đến với thế giới thiên nhiên kì thú. 	
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Kì diệu rừng xanh Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. <p>GV chia đoạn: Bài đọc được chia thành 3 đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến lúp xúp dưới chân Đoạn 2: Từ Năng trưa đến đưa mắt nhìn theo Đoạn 3: Phần còn lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>giang sơn, lúp xúp, mang vàng, len lách, mãi miết, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: Tôi có cảm giác/ mình là một người không lồ/ đang đi lạc đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon. - GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
<p>2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn. - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Thi đọc diễn cảm trước lớp: + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + GV nhận xét tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.
<p>Tiết 2</p> <p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời văn để cảm nhận được nội dung chính của bài đọc + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng. - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Giải nghĩa từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) + Tân kì: mới lạ. + Vượn bạc má: một loài vượn có chòm lông trắng như bông ở hai má. + Khộp: cây thân gỗ thẳng, họ dâu, lá to và rụng sớm vào mùa khô. + Con mang (con hoẵng): loài thú rừng cùng họ với hươu, sừng bé có hai nhánh, lông màu vàng đỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p>	

<p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Vì sao những người đi rừng có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?</p> <p>+ Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?</p> <p>+ Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi"?</p> <p>*Giáo dục Đạo đức:</p> <p>- Các em cần làm gì để thể hiện tình yêu thiên nhiên, bảo vệ rừng.</p> <p>- GDHS: Yêu thiên nhiên rừng, bảo vệ rừng.</p> <p>+ Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Những người đi rừng có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon vì môi trường xung quanh là một thành phố nấm lúp xúp dưới bóng cây thưa với các công trình kiến trúc tự nhiên như những chiếc nấm to bằng cái ấm tích, mỗi chiếc nấm là một lâu đài kiến trúc tân kì. Cảnh sắc này tạo ra cảm giác như họ là những người khổng lồ trong một thế giới nhỏ bé của những người tí hon.</p> <p>+ Muông thú được miêu tả như những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyên nhanh như tia chớp và những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp hoang dã và sống động cho rừng, tạo ra một không gian tự nhiên hoang dã và đa dạng.</p> <p>+ Cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi" vì màu sắc của nó như một bức tranh mùa thu với lá úa vàng rục rỡ. Khi nắng chiếu qua, những tia ánh sáng tạo ra cảnh sắc lung linh, giống như giang sơn rục rỡ dưới ánh nắng mặt trời.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ Đoạn 1: Thành phố nấm lúp xúp Đoạn 2: Sự sống động của rừng Đoạn 3: Cảnh vật rừng khộp</p> <p>- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học</p>
--	--

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và chốt: Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
<p>3.3. Luyện đọc lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm. - Mời một số học sinh đọc nối tiếp. - GV nhận xét góp ý cách đọc diễn cảm 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm. - 2 HS đọc nối tiếp đọc 2 đoạn trước lớp - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp
<p>3.4. Luyện tập theo văn bản.</p> <p>1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1 Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về thực vật + Về động vật + Về hiện tượng tự nhiên <ul style="list-style-type: none"> - Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. <p>2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ dưới đây. Đặt câu với từ em tìm được.</p> <ul style="list-style-type: none"> + gọn ghẽ + tí hon + thừa thớt <ul style="list-style-type: none"> - GV lưu ý học sinh sử dụng các từ ngữ và đặt câu cho phù hợp. - Mời một số HS trình bày - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày. <p>Trong bài "Kì diệu rừng xanh", các sự vật của tự nhiên được quan sát và miêu tả gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về thực vật: Cây, lá, cỏ, cây nấm. + Về động vật: Vượn bạc má, chồn sóc, con mang. + Về hiện tượng tự nhiên: Nắng, ánh sáng. <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 2. + gọn ghẽ: gọn gàng. Cô gái ấy mặc trang phục gọn gàng và lịch sự. + tí hon: nhỏ bé Những người tí hon sống ở trong những ngôi nhà nhỏ bé dưới gốc cây. + thừa thớt: ít ỏi Rừng trở nên ít ỏi khi cây cỏ bị chặt hạ để làm đường mòn - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: 	

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - VD: + Bài đọc rất hay, cảnh vật thật đẹp + Câu văn đầy hình ảnh, gợi âm thanh. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Toán

Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHẦN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được cách so sánh và so sánh được các số thập phân.
- HS vận dụng được việc nhận biết được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách so sánh và so sánh được các số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách so sánh và so sánh được các số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

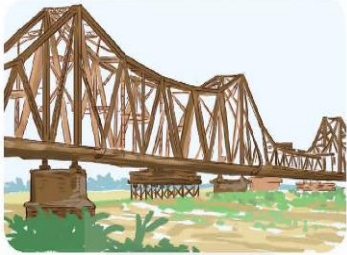

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. <p>Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó.</p> <p>+ Câu a: $\frac{28}{10}$</p> <p>+ Câu b: $\frac{412}{100} =$</p> <p>+ Câu 3: $\frac{6}{1000}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi <p>+ $\frac{28}{10} = 2,8$; đọc là: Hai phẩy tám</p> <p>+ $\frac{412}{100} = 4,12$; đọc là: Bốn phẩy mười hai</p> <p>+ $\frac{6}{1000} = 0,006$; đọc là: Không phẩy không trăm linh sáu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân. + HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập phân trong một số tình huống thực tế. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống: <div data-bbox="191 1486 977 1843" style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-top: 10px;"> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">  <p>Cầu Long Biên (Hà Nội): 2,29 km (Nguồn: vietnamdiscovery.com)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Cầu An Đông (Ninh Thuận): 3,5 km (Nguồn: baoninhthuan.com.vn)</p> </div> </div> </div>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:



- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh ba cây cầu, cho biết những gì thấy được.

+ Bạn nữ nói gì?

+ Rô – bốt nói gì?

GV chốt, giới thiệu bài: Vậy, để so sánh hai số thập phân, ta làm như thế nào? Bài học hôm nay, Chúng ta sẽ tìm hiểu cách so sánh các số thập phân **“Bài 11: So sánh các số thập phân”**.

- GV cho HS nêu cách so sánh.

- GV hướng dẫn cho HS nắm cách so sánh.

- Ta có: $3,5 \text{ km} = 3\ 500 \text{ m}$;
 $2,75 \text{ km} = 2\ 750 \text{ m}$.

Vì $3\ 500 \text{ m} > 2\ 750 \text{ m}$ nên ta có: $3,5 \text{ km} > 2,75 \text{ km}$. Vậy:

$$3,5 > 2,75 \text{ (phần nguyên có } 3 > 2\text{).}$$

- Ta có: $2,75 \text{ km} = 2\ 750 \text{ m}$;
 $2,29 \text{ km} = 2\ 290 \text{ m}$.

Vì $2\ 750 \text{ m} > 2\ 290 \text{ m}$ nên ta có: $2,75 \text{ km} > 2,29 \text{ km}$. Vậy:

$$2,75 > 2,29 \text{ (phần nguyên bằng nhau, hàng phần mười có } 7 > 2\text{).}$$

- GV cho HS nêu lại cách so sánh hai số thập phân.

- GV nhận xét, chốt quy tắc:

+ Cầu Long Biên (Hà Nội) dài 2,29 km.
Cầu An Đông (Ninh Thuận) dài: 3,5 km.

Cầu Cần Thơ (Tây Nam Bộ) dài: 2,75 km.

+ Bạn nữ nói “Làm thế nào để biết trong ba cây cầu đó, cây cầu nào dài nhất?”

+ Rô – bốt nói: “Ta cần so sánh các số thập phân là số đo chiều dài của các cây cầu”

- HS nghe.

+ Đổi độ dài cây cầu về đơn vị m rồi so sánh như số tự nhiên.

- HS lắng nghe.

- HS nêu

- 2-3 HS nhắc lại quy tắc

Muốn so sánh hai số thập phân, ta có thể làm như sau:

+ Nếu phần nguyên của hai số đó khác nhau thì số thập phân nào có phần nguyên lớn hơn thì số đó lớn hơn.

+ Nếu phần nguyên của hai số đó bằng nhau thì so sánh phần thập phân, lần lượt từ hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn,.... đến một hàng nào đó, số thập phân có chữ số ở hàng tương ứng lớn hơn thì số đó lớn hơn.

+ Nếu phần nguyên và phần thập phân của hai số thập phân bằng nhau thì hai số đó bằng nhau.

3. Hoạt động luyện tập

- Mục tiêu:

+ HS biết được cách so sánh và so sánh được các số thập phân.

- Cách tiến hành:

Bài 1. So sánh hai số thập phân

a) 37,29 và 36,92 b) 135,74 và 135,75

c) 89,215 và 89,215

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV mời HS làm việc cá nhân.

- GV mời HS báo cáo kết quả và nêu cách làm.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm việc cá nhân

a) 37,29 và 36,92

So sánh phần nguyên: $37 > 36$ nên $37,29 > 36,92$

b) 135,74 và 135,75

So sánh phần nguyên: $135 = 135$

So sánh phần thập phân:

+ Hàng phần mười: $7 = 7$

+ Hàng phần trăm: $4 < 5$

Vậy $135,74 < 135,75$

c) 89,215 và 89,215

So sánh phần nguyên: $89 = 89$

So sánh phần thập phân:

+ Hàng phần mười: $2 = 2$

+ Hàng phần trăm: $1 = 1$

+ Hàng phần nghìn: $5 = 5$

Vậy $89,215 = 89,215$

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Sắp xếp các số 3,604; 2,875, 2,857; 3,106 theo thứ tự từ bé đến lớn.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở.
- Cho HS nêu cách thực hiện.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi
- HS làm bài tập cá nhân vào vở.

2,857; 2,875; 3,106; 3,604

So sánh phần nguyên: $2 < 3$

- So sánh các số: 2,875 và 2,857

+ So sánh phần nguyên: $2 = 2$

+ So sánh phần thập phân:

- Hàng phần mười: $8 = 8$

- Hàng phần trăm: $5 < 7$

Vậy: $2,857 < 2,875$

- So sánh các số: 3,604 và 3,106

+ So sánh phần nguyên: $3 = 3$

+ So sánh phần thập phân:

- Hàng phần mười: $1 < 6$

Vậy: $3,106 < 3,604$

Vậy sắp xếp các số 3,604; 2,875, 2,857; 3,106 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

2,857; 2,875; 3,106; 3,604

- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

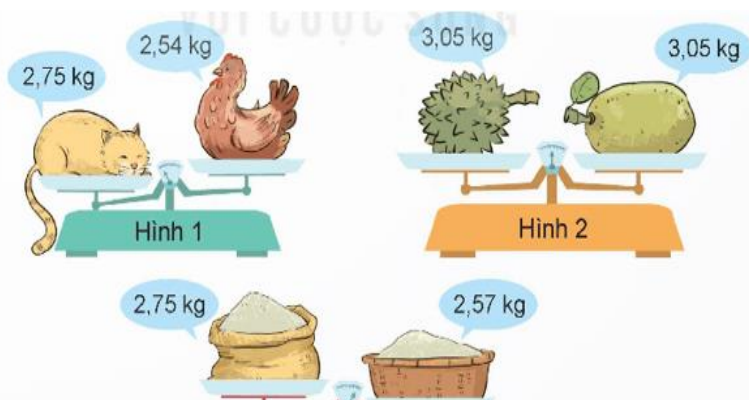
Bài 4: Chọn câu trả lời đúng.

Trong ba chiếc cân như hình dưới đây, có một chiếc cân bị sai. Cân bị sai đó ở hình nào?

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3



- HS lắng nghe trò chơi.

- Các nhóm lắng nghe luật chơi.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV cho HS suy nghĩ. - GV gọi HS trả lời, nêu cách làm. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: <p>Hình 3: Ta có 2, 75 kg > 2,57 kg nhưng đĩa cân ở bên phải thấp hơn đĩa cân bên trái. Vậy chiếc cân ở hình 3 sai. Chọn đáp án C</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Lịch sử - Địa lí

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

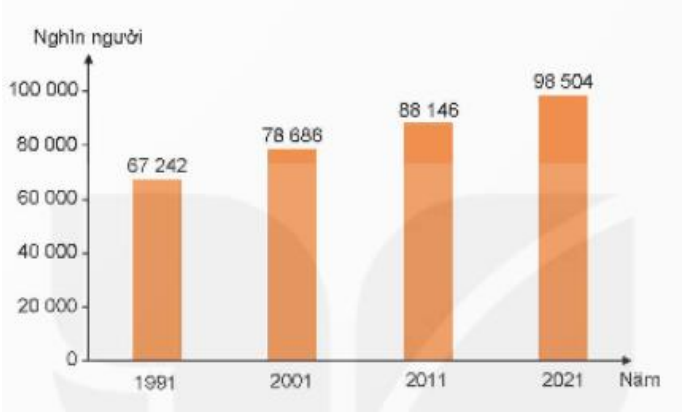
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

**Tài liệu Giáo dục địa phương*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh										
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 											
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nghe bài hát Bài ca dân số và nêu cảm nghĩ về bài hát. - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <p>Vừa rồi các em đã nghe một bài hát về dân số, lợi ích của việc KHHGD. Để tìm hiểu kĩ hơn về sự gia tăng dân số. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Dân số và dân tộc Việt Nam Tiết 2”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS nêu. - HS lắng nghe. 										
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam. + Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam. - Cách tiến hành: 											
<p>Hoạt động 1. Tìm hiểu về gia tăng dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, biểu đồ hình 1 về số dân Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021 em hãy:  <table border="1" data-bbox="170 1297 847 1705"> <caption>Biểu đồ về số dân Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Số dân (nghìn người)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1991</td> <td>67 242</td> </tr> <tr> <td>2001</td> <td>78 686</td> </tr> <tr> <td>2011</td> <td>88 146</td> </tr> <tr> <td>2021</td> <td>98 504</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận xét về sự gia tăng dân số Việt Nam giai đoạn 1991 – 2021. + Nhận xét về sự gia tăng dân số ở Bình Dương. 	Năm	Số dân (nghìn người)	1991	67 242	2001	78 686	2011	88 146	2021	98 504	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi: + Số dân nước ta tăng khá nhanh, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng một triệu người. Trong thời gian gần đây, tốc độ gia tăng dân số có xu hướng giảm.
Năm	Số dân (nghìn người)										
1991	67 242										
2001	78 686										
2011	88 146										
2021	98 504										

<p>+ Nêu một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh ở Việt Nam.</p> <p>Dân số tăng nhanh có tác động gì đến kinh tế – xã hội và môi trường ở nước ta?</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>+ Dân số đông và tăng lên hằng năm tạo cho nước ta nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.</p> <p>+ Dân số đông cũng gây ra một số khó khăn trong giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục,...; đồng thời dẫn đến nguy cơ suy thoái tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức về gia tăng dân số của Việt Nam từ 1991 -2021.</p> <p>+ Nêu được một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức Trình bày những hệ quả việc dân số tăng nhanh bằng sơ đồ tư duy.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 và vẽ sơ đồ tư duy</p> <p>- Các nhóm trình bày</p> <p>- Các nhóm nhận xét</p> <p>- GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.</p>	<p>- HS thực hiện</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời HS chia sẻ về dân cư ở địa phương.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video)</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh tham gia chia sẻ.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Công nghệ
Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: HS được khuyến khích tìm hiểu về vai trò các sáng chế được sử dụng trong gia đình và đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng các nhà sáng chế, trân trọng các sáng chế mà họ đóng góp cho xã hội.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + <u>Huy động</u> sự hiểu biết, kinh nghiệm của HS <u>liên quan</u> tới các nhà sáng chế. Gợi sự tò mò và tạo tâm thế học tập cho HS vào nội dung <u>bài học</u> . - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS khởi động thông qua trả lời một số câu hỏi sau: + Hôm trước các em học bài gì? + <u>Chia sẻ hiểu biết</u> của mình về các nhà sáng chế mà em biết? - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi. - GV gọi 1 - 2 HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, góp ý. - GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: ... + HS trả lời theo hiểu biết của mình. - HS khác nhận xét, góp ý. - Lắng nghe
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu:	

+ HS nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi: quan sát trục thời gian và thực hiện nhiệm vụ tương ứng trong sách vào phiếu.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương.

+ Ai là người sáng chế động cơ hơi nước?

+ Ai là người sáng chế ra điện thoại?

+ Ai là người sáng chế bóng đèn sợi đốt?

+ Ai là người sáng chế ô tô?

- **Hãy kể tóm tắt những điều em biết về người đã sáng chế ra các sáng chế đó?**

- GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu thêm về lịch sử sáng chế một số sáng chế như: Máy bay (1906), động cơ điện (1828),...

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

+ 1784: Giêm Oát được cấp bằng sáng chế cho động cơ hơi nước.

+ 1876: A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo được cấp bằng sáng chế cho chiếc điện thoại.

+ 1879: Ê-đi-xơn được cấp bằng sáng chế cho bóng đèn sợi đốt.

+ 1886: Các Ben được cấp bằng sáng chế cho chiếc ô tô.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe

+ Giêm Oát

+ A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo

+ Ê-đi-xơn

+ Các Ben

- HS trả lời cá nhân

- HS lắng nghe, thoi dõi

2. Hoạt động Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ HS nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.

- Cách tiến hành:

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm 6 vào giấy A3

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

1. Nhà sáng chế: Tô-mát Ê-đi-xơn

2. Năm sáng chế: tháng 3 năm 1878.

3. Vai trò: Chiếu sáng và sưởi ấm cho con người vào buổi tối.



- GV nhận xét, tuyên dương

Kết luận: Trong lịch sử có một số sáng chế tiêu biểu, góp phần thay đổi xã hội loài người với các sáng chế của họ. Có thể kể đến như Giêm Oát với động cơ hơi nước (1784), A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo với điện thoại (1876), To-mát Ê-đi-xơn với bóng đèn sợi đốt (1879), Các Ben vừi ô tô (1886),...

4. Ưu điểm: Giúp con người thuận tiện hơn khi làm việc và sinh hoạt vào buổi tối.
 5. Tỏa ra rất nhiều nhiệt. Vì vậy nếu như không may va chạm vào bóng đèn có thể bị thương. Bóng đèn sợi tiêu tốn nhiều điện năng.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- Theo dõi, lắng nghe
- HS đọc

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

- Cách tiến hành:

- GV giao nhiệm vụ HS về nhà sưu tầm tranh ảnh hoặc tìm trên internet, truyện, sách báo về lịch sử sáng chế ra các sản phẩm công nghệ
- Nhận xét, đánh giá tiết dạy.

- HS lắng nghe, về nhà thực hiện.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Ôn Toán

Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHẦN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được cách so sánh và so sánh được các số thập phân.
- HS vận dụng được việc nhận biết được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách so sánh và so sánh được các số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách so sánh và so sánh được các số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Chuyển phân số thập phân thành số thập phân rồi đọc số thập phân đó. + Câu a: $\frac{38}{10}$ + Câu b: $\frac{512}{100} =$ + Câu 3: $\frac{9}{1000}$ - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + $\frac{38}{10} = 3,8$; đọc là: Ba phẩy tám + $\frac{512}{100} = 5,12$; đọc là: Năm phẩy mười hai + $\frac{9}{1000} = 0,009$; đọc là: Không phẩy không trăm linh chín - HS lắng nghe.
2. Hoạt động luyện tập	
Bài 1. >, <, = ? a) 51,8 52,85 b) 205,61 205,59	

<p>c) 67,518 67,495</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm bảng con - GV mời HS báo cáo kết quả và nêu cách làm. <p>- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm bảng con <ul style="list-style-type: none"> a) $51,8 < 52,85$ b) $205,61 > 205,59$ c) $67,518 > 67,495$ - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
<p>Bài 2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS nêu miệng <p>- GV nhận xét và tuyên dương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS nêu miệng <ul style="list-style-type: none"> a) Đáp án đúng: B b) Đáp án đúng: C - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<p>Bài 3: Viết các số 3,064; 2,857; 2,587; 3,106 theo thứ tự từ lớn đến bé là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV yêu cầu HS làm vào vở <p>- GV thu vở nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu. - HS làm vào vở <p>3,106; 3,064; 2,857; 2,587</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS nhắc lại các kiểu bài văn miêu tả đã học. - GV nhận xét.	- HS trả lời: tả đồ vật, tả con vật, tả cây cối. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
<p>Bài 1: Đọc bài văn Đà Lạt ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 49) và trả lời câu hỏi</p> <p>a. Bài văn tả gì?</p> <p>b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</p> <p>c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.</p> <p>d. Chép lại câu văn có hình ảnh so sánh, nhân hóa. Theo em, trong bài văn này, biện pháp so sánh, nhân hóa có tác dụng gì?</p> <p>e. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kỹ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc bài theo nhóm:</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p>

a. Bài văn trên tả cảnh Đà Lạt.

b.

- Mở bài: Từ đầu đến “thông mơ màng”.

Nội dung chính: Giới thiệu phong cảnh sẽ tả.

- Thân bài: Tiếp theo đến “dễ chịu vô cùng”.

Nội dung chính: Tả lần lượt từng phần của Đà Lạt.

- Kết bài: Phần còn lại.

Nội dung chính: Nêu nhận xét, cảm nghĩ của tác giả.

c.

- Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự không gian.

- Những từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh:

+ Vị trí địa lí: độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.

+ Khí hậu: mát mẻ quanh năm.

+ Cảnh vật:

Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi.

Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.

Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thắm xanh màu ngọc bích.

Mặt hồ: trong suốt như pha lê.

+ Vườn hoa: muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ.

+ Vườn rau: xanh tươi.

d.

- Các câu văn có hình ảnh so sánh, nhân hóa:

+ Thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ.

+ Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm trình bày kết quả. - Mời cả lớp nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết: <i>Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> + Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ. - Tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hóa trong bài: làm cho bài văn sinh động, hay hơn. e. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,... Ví dụ: “cảnh đẹp đến nao lòng”, “nơi nghỉ mát lí tưởng”, “tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ”, “thành phố xinh đẹp” - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.
---	--

3. Luyện tập.

Bài 2. Theo em, cần lưu ý những điều gì khi viết bài văn tả phong cảnh?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm.

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:
 - + Phong cảnh được miêu tả: Trước khi bắt đầu viết, cần xác định rõ phong cảnh mình muốn miêu tả, bao gồm các yếu tố như địa hình, thực vật, động vật, khí hậu, ánh sáng, màu sắc, âm thanh và mùi hương.
 - + Bố cục bài văn: Bài văn cần có một phần mở bài giới thiệu phong cảnh, một phần thân bài tả chi tiết về phong cảnh và một phần kết bài để tóm tắt và làm nổi bật lại vẻ đẹp của phong cảnh.
 - + Trình tự miêu tả: Trình tự miêu tả phong cảnh thường được sắp xếp từ các

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<p>đặc điểm chung nhất đến các chi tiết cụ thể hơn. Ví dụ, có thể bắt đầu bằng mô tả về bức tranh tổng thể của phong cảnh, sau đó diễn đạt về các yếu tố như địa hình, thực vật, và cuối cùng là các yếu tố như ánh sáng, màu sắc và không khí.</p> <p>+ Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả: Chọn cảnh vật có ý nghĩa đặc biệt hoặc gợi cảm xúc mạnh mẽ để tăng tính thú vị và sức lôi cuốn của bài văn. Đồng thời, cũng cần chọn các cảnh vật phù hợp với đề tài và mục đích viết.</p> <p>+ Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh: Sử dụng ngôn từ mạnh mẽ và hình ảnh sinh động để tạo ra hình ảnh sống động và chân thực về phong cảnh. Đồng thời, cũng cần chú ý đến các yếu tố như ngữ điệu, sự lựa chọn từ ngữ và cú pháp để tạo ra hiệu ứng thú vị và ấn tượng đối với độc giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm nhận xét, bổ sung.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: 1/ Suru tâm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo....). - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kỹ năng vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ Năm, ngày 03 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS nhắc lại cách tả phong cảnh của thành phố Đà Lạt theo trình tự như thế nào? Nêu những chi tiết em còn nhớ trong bài văn miêu tả Đà Lạt	- HS trả lời: theo trình tự tả từng bộ phận. Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi. Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn. Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thăm xanh màu ngọc bích. Mặt hồ: trong suốt như pha lê.

<p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em đã được tìm hiểu ở lớp dưới cách viết bài văn tả phong cảnh (tức cảnh đẹp thiên nhiên). Tiết Tập làm văn trước các em sẽ được tìm hiểu về cách viết văn tả phong cảnh qua bài Đà Lạt theo trình tự từng bộ phận. Hôm nay các em sẽ được tìm hiểu qua cách tả theo trình tự thời gian qua bài văn Bốn mùa qua ánh nước.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>						
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng trình tự thời gian) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>							
<p>Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:</p> <p>a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?</p> <p>b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc bài theo nhóm:</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p> <p>a. Bài văn tả phong cảnh ở hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội)</p> <p>b. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần như sau:</p> <table border="1" data-bbox="841 1339 1468 1806"> <tr> <td data-bbox="841 1339 998 1516">Mở bài</td> <td data-bbox="998 1339 1198 1516">Từ đầu đến "xanh gợn sóng"</td> <td data-bbox="1198 1339 1468 1516">Giới thiệu khái quát về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm</td> </tr> <tr> <td data-bbox="841 1516 998 1806">Thân bài</td> <td data-bbox="998 1516 1198 1806">Từ "Mùa hè" đến "ước mơ bay bổng"</td> <td data-bbox="1198 1516 1468 1806">Miêu tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm theo trình tự thời gian (thay đổi qua 4 mùa trong năm)</td> </tr> </table>	Mở bài	Từ đầu đến "xanh gợn sóng"	Giới thiệu khái quát về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm	Thân bài	Từ "Mùa hè" đến "ước mơ bay bổng"	Miêu tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm theo trình tự thời gian (thay đổi qua 4 mùa trong năm)
Mở bài	Từ đầu đến "xanh gợn sóng"	Giới thiệu khái quát về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm					
Thân bài	Từ "Mùa hè" đến "ước mơ bay bổng"	Miêu tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm theo trình tự thời gian (thay đổi qua 4 mùa trong năm)					

<p>c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?</p> <p>d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày kết quả. - Mời cả lớp nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết: <i>Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.</i></p>	<table border="1" data-bbox="841 151 1474 306"> <tr> <td data-bbox="841 151 1000 306">Kết bài</td> <td data-bbox="1000 151 1195 306">Phần còn lại</td> <td data-bbox="1195 151 1474 306">Cảm nhận về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm</td> </tr> </table> <p>c) Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào 4 mùa trong năm (mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu) Những từ ngữ giúp em nhận ra trình tự đó là: "mùa hè", "về mùa đông", "vào dịp Tết Nguyên đán", "chim hót mùa xuân", "về mùa thu"</p> <p>d) Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được những vẻ đẹp khác nhau của hồ Hoàn Kiếm vào từng mùa trong năm. Tuy vẫn là địa điểm đó, nhưng mỗi thời điểm khác nhau sẽ mang một vẻ đẹp khác nhau, rất đa dạng và thú vị</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Cả lớp nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>	Kết bài	Phần còn lại	Cảm nhận về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm
Kết bài	Phần còn lại	Cảm nhận về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm		
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu: + Biết được những lưu ý khi viết văn tả cảnh + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>				
<p>Bài 1. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.</p> <p>Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.</p> <p>- GV mời cả lớp làm việc nhóm.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: Những điều em học được về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên: Khi tả phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong</p>			

Bài 2: So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV mời cả lớp làm việc nhóm.

- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ:

Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua

năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của năm tháng)

Sử dụng cùng lúc nhiều giác quan để quan sát và cảm nhận cảnh vật

Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa để làm nổi bật đặc điểm cảnh vật

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.

- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

Trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước: Tả lần lượt từng phần, từng mùa của cảnh vật (theo trình tự thời gian). Cùng là một cảnh vật nhưng mỗi phần, mỗi mùa khác nhau thì lại có cách tả vẻ đẹp khác nhau. Khi đọc mỗi đoạn văn, mỗi phần tả, người đọc vẫn hiểu được trọn vẹn vẻ đẹp, nội dung miêu tả về đặc điểm ấy, song chỉ là một phần.

Trình tự miêu tả của bài Đà Lạt: Tả từng vẻ đẹp của phong cảnh (vị trí địa lí, khí hậu, cảnh vật, vườn hoa, vườn rau,...). Mỗi vẻ đẹp đều là vẻ đẹp của Đà Lạt. Song có tính logic cực cao, cần phải đọc tất cả bài văn hoặc nhiều đoạn văn mới có thể hiểu rõ được nội dung miêu tả - ghi nhớ các bộ phận, từng vẻ đẹp được tả để rút ra kết luận chung về vẻ đẹp của Đà Lạt.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung.

- 4 – 5 HS đọc nội dung ghi nhớ.

năm tháng,...) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: 1/ Nếu viết bài văn tả phong cảnh? Em sẽ chọn tả phong cảnh gì? Phong cảnh đó ở đâu? Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày miệng. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS làm việc chung cả lớp và trình bày. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Toán

Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHẦN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.
- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. <p>So sánh hai số thập phân</p> <p>a) 53,29 và 53,92 b) 47,74 và 39,75</p> <p>c) 25,219 và 25,219</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi <p>a) $53,29 < 53,92$</p> <p>b) $47,74 > 39,75$</p> <p>c) $25,219 = 25,219$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS biết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Chọn số thập phân thích hợp với cách đọc số thập phân đó.</p> <p>a) Số thập phân bằng nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về số thập phân bằng nhau theo gợi ý a. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS đọc lại cách tìm số thập phân bằng nhau.

Ta có: $\frac{7}{10} = 0,7$; $\frac{70}{100} = 0,70$

$$\frac{7}{10} = \frac{70}{100}$$

$0,7 = 0,70$ hoặc $0,70 = 0,7$

Vậy

Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời lớp làm việc chung: Quan sát bài 1, đọc số liệu nổi cho chính xác

b) Tìm chữ số thích hợp.

$$13,7 = 13,7 \quad ?$$

$$8,6100 = 8,6 \quad ?$$

$$21,4050 = 21,40 \quad ?$$

- GV hướng dẫn: Nếu một số thập phân có chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân thì khi bỏ chữ số 0 đó đi, ta được một số thập phân bằng nó.
- GV mời HS trả lời.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2.

a) Thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của mỗi số sau để phần thập phân của các số đó đều có ba chữ số.

8,9 5,82 0,17 31,6

b) Bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của mỗi số sau để phần thập phân của các số đó viết dưới dạng gọn hơn (nếu có thể).

7,70 13,0500 25,3000 10,5070

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS trả lời

$$13,7 = 13,70$$

$$8,6100 = 8,61$$

$$21,4050 = 21,405$$

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- GV hướng dẫn HS: Nếu viết thêm (hoặc bỏ) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng nó.

- GV mời HS làm việc nhóm đôi, thực hiện yêu cầu bài tập.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- Đại diện các nhóm trả lời.

a) 8,900 ; 5,820 ; 0,170 ; 31,600

b) 7,7 ; 13,05; 25,3 ; 10,507

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Số?

Ba bạn Mị, Núi, Páo đi kiểm tra sức khỏe. Mỗi bạn có cân nặng là một trong các số đo: 31,9 kg; 32,5 kg; 34,7kg. Biết bạn Núi nặng nhất, bạn Páo nhẹ nhất. Hỏi mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



Tên	Mị	Núi	Páo
Cân nặng (kg)	?	?	?

- GV gọi HS đọc yêu cầu.

- GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.

- GV mời HS trả lời.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.

- HS trình bày.

Tên	Mị	Núi	Páo
Cân nặng (kg)	32,5 kg	34,7 kg	31,9 kg

- GV cho HS nêu cách làm.

- GV HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Ta có: $31,9 \text{ kg} < 32,5 \text{ kg} < 34,7 \text{ kg}$ (Phân nguyên có $31 < 32 < 34$)

nên Núi $34,7 \text{ kg}$; Páo $31,9 \text{ kg}$; còn lại Mì $32,5 \text{ kg}$

- HS nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

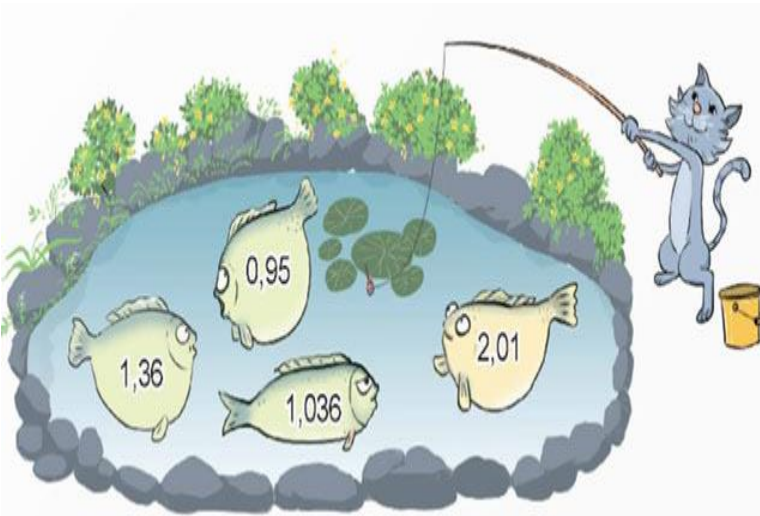
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Chọn câu trả lời đúng

Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn $1,036$ và bé hơn 2 .



- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

Hình 3:

Ta có $1,306 = 1,306$

$0,95 < 1,306$

$1,36 > 1,306$ và $1,36 < 2$

$2,01 > 2$

	Vậy con cá mà chú mèo câu được là con cá có số 1,36. Chọn đáp án C
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Khoa học
BÀI 5: SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CHẤT- TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Xác định được biến đổi hóa học là biến đổi chất và các dấu hiệu của sự biến đổi hóa học (thường thể hiện qua sự thay đổi về màu sắc, mùi, vị,...)
- Trình bày được một số ví dụ đơn giản gần gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học (ví dụ: Giấy cháy, than cháy,...)
- Rèn luyện kỹ năng làm thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm thực hành, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu sự biến đổi hóa học qua một số ví dụ đơn giản.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thí nghiệm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm theo phân công của nhóm.


II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point. Dụng cụ để HS làm được thí nghiệm ở hình 3 SGK.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																		
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành: 																			
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho HS xem video cách làm bánh flan ca-ra-men (https://www.youtube.com/watch?v=aV33vcmMQCg) - Giới thiệu bài: Để tạo hương vị Cho bánh kẹo như bánh flan, người ta thường thêm ca-ra-men. Dù được nấu từ đường có màu trắng và vị ngọt nhưng caramen lại có màu nâu, vị đắng và ngọt dịu. vậy biến đổi nào đã xảy ra thì chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay, Bài 5: Sự biến đổi hóa học của chất. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xem video - HS theo dõi, ghi bài mới. 																		
<p>2. Hoạt động khám phá: Biến đổi hóa học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS xác định được biến đổi hóa học là biến đổi chất. + Vận dụng được kiến thức về biến đổi hóa học để giải thích hiện tượng xảy ra trong cuộc sống hằng ngày - Cách tiến hành: 																			
<p>Hoạt động khám phá 1: Sự biến đổi hóa học của giấy (nhóm 4)</p>																			
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS quan sát hình 2 SGK và thảo luận nhóm 4 điền vào phiếu học tập câu hỏi: <div data-bbox="170 1346 813 1541" data-label="Image"> </div> <table border="1" data-bbox="164 1549 865 1738"> <thead> <tr> <th>Quan sát tờ giấy</th> <th>Trước Khi đốt</th> <th>Sau Khi đốt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Màu sắc</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Hình dạng</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả <p><i>Giáo viên nhận xét, kết luận: Ban đầu giấy có màu trắng, hình chữ nhật sau khi bị đốt cháy giấy có màu</i></p>	Quan sát tờ giấy	Trước Khi đốt	Sau Khi đốt	Màu sắc			Hình dạng			<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và thảo luận <table border="1" data-bbox="894 1297 1471 1524"> <thead> <tr> <th>Quan sát tờ giấy</th> <th>Trước khi đốt</th> <th>Sau khi đốt</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Màu sắc</td> <td>Màu trắng</td> <td>Màu đen</td> </tr> <tr> <td>Hình dạng</td> <td>Hình chữ nhật</td> <td>Không có hình dạng xác định</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét 	Quan sát tờ giấy	Trước khi đốt	Sau khi đốt	Màu sắc	Màu trắng	Màu đen	Hình dạng	Hình chữ nhật	Không có hình dạng xác định
Quan sát tờ giấy	Trước Khi đốt	Sau Khi đốt																	
Màu sắc																			
Hình dạng																			
Quan sát tờ giấy	Trước khi đốt	Sau khi đốt																	
Màu sắc	Màu trắng	Màu đen																	
Hình dạng	Hình chữ nhật	Không có hình dạng xác định																	

<p><i>đen, không có hình dạng xác định. chứng tỏ biến đổi hóa học đã xảy ra dưới tác dụng của nhiệt.</i></p> <p>Hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi hóa học xảy ra khi nào? - Có thể nhận biết sự biến đổi hóa học nhờ vào đâu? <p><i>Chốt: Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới. Người ta có thể nhận ra sự biến đổi này nhờ vào sự thay đổi tính chất của chất (ví dụ như: màu sắc, mùi vị, tính tan,...)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới - Có thể nhận biết sự biến đổi hóa học nhờ vào sự thay đổi tính chất của chất - HS lắng nghe
--	---

<p>Hoạt động khám phá 2: Sự biến đổi hóa học của đường (nhóm 6)</p>	
<p>Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động theo nhóm 6: Yêu cầu các nhóm tìm hiểu nội dung và thực hiện thí nghiệm theo cách tiến hành như hình 3 trong sách giáo khoa (lưu ý HS cẩn thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng.)</p>  <p style="text-align: center;"><i>Hình 3</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sự biến đổi màu của đường dưới tác dụng của nhiệt? - Nếu tiếp tục đun thì hiện tượng gì sẽ xảy ra? - Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả <p><i>GV nhận xét, kết luận: Sự biến đổi của đường khi bị đun nóng là biến đổi hóa học.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động nhóm tìm hiểu nội dung và thực hiện thí nghiệm theo cách tiến hành trong SGK - Dưới tác dụng của nhiệt, đường chuyển dần từ màu trắng sang màu vàng nâu - Nếu tiếp tục đun thì đường sẽ dần biến hoàn toàn thành màu đen và có một khét bốc lên - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét - HS lắng nghe

Hoạt động khám phá 3: Sự biến đổi hóa học của than (cá nhân)

Yêu cầu HS làm việc cá nhân: Quan sát hình 4 và trả lời câu hỏi:



Hình 4. Than củi trước và sau khi cháy một thời gian

- Sự biến đổi nào đã xảy ra? Vì sao?
- Gọi HS khác nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương.

GV nhận xét, tuyên dương và chốt: Sự biến đổi hóa học xảy ra khi đốt than thành tro.

- HS quan sát, trả lời câu hỏi

- Sự biến đổi hóa học đã xảy ra vì than bị cháy thành tro dưới tác dụng của ngọn lửa.
- HS khác nhận xét
- Nghe

Hoạt động 4: Nhận biết sự biến đổi hóa học trong thực tế (cặp đôi)

- Yêu cầu HS quan sát hình 5 và thảo luận cặp đôi
- Gọi các nhóm trình bày và nhận xét



a) Thanh củi chuyển màu đen sau khi cháy

b) Xi măng trộn với cát khô



c) Nước đang sôi

d) Nến được đun nóng chảy và đổ vào khuôn



e) Hỗn hợp xi măng, cát và nước đang đông cứng sau khi trộn

Hình 5

- HS thảo luận cặp đôi

- Các nhóm trình bày, nhận xét
- + Hình 5a: Sự biến đổi hóa học, vì gỗ bị cháy chuyển thành chất khác có màu đen.
- + Hình 5b: Không phải biến đổi hóa học, vì trộn hỗn hợp xi măng và cát vẫn chỉ gồm xi măng và cát, không xuất hiện chất mới.
- + Hình 5c: Không phải biến đổi hóa học, vì ở trạng thái lỏng hay khí thì nước vẫn chỉ là nước (không tạo thành chất mới).
- + Hình 5d: Không phải biến đổi hóa học, vì ở trạng thái lỏng hay rắn nến vẫn là nến.
- + Hình 5e: Sự biến đổi hóa học, vì trộn xi măng, cát, nước sẽ tạo ra vữa xi măng (chất mới) có khả năng kết dính gạch và giữ nguyên hình dạng khi khô
- HS lắng nghe

Giáo viên kết luận, khen nhóm trả lời đúng

3. Vận dụng, trải nghiệm

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>+ Yêu cầu kể tên các ví dụ về sự biến đổi hóa học trong thực tế</p> <p>+ Chia lớp thành các nhóm. Và cùng thi một lượt tổng thời gian 2 phút.</p> <p>+ Mỗi lần đưa ra câu đúng sẽ được nhận 1 hoa dán vào vị trí nhóm. Sau 2 phút, nhóm nào nhiều đáp án đúng nhất nhóm đó thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>+ Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.</p> <p>+ HS tham gia trò chơi</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

Bài 11: SO SÁNH SỐ THẬP PHẦN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân và vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.
- HS vận dụng được việc nhận biết hàng của số thập phân; đọc, viết được số thập
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu và viết được số thập phân bằng nhau; so sánh được số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được việc so sánh số thập phân để giải quyết một số tính huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh		
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>			
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>So sánh hai số thập phân</p> <p>a) 65,14 và 66,14 b) 47,85 và 37,85</p> <p>c) 25,019 và 25,019</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>a) $65,14 < 66,14$</p> <p>b) $47,85 > 37,85$</p> <p>c) $25,019 = 25,019$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>		
<p>2. Hoạt động thực hành</p>			
<p>Bài 1.</p> <p>a. $>, <, = ?$</p> <p>3,5 3,50 16,050 16,05 62,505 62,50500</p> <p>b. Viết một chữ số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>25,340 = 25,3...</p> <p>45,75 = 45,75...</p> <p>9,030300 = 9,030...</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm bài vào bảng con</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- HS làm vào bảng con</p> <p>a. $3,5 = 3,50$ $16,050 = 16,05$</p> <p>$62,505 = 62,50500$</p> <p>b. $25,340 = 25,34$</p> <p>$45,75 = 45,750$</p> <p>$9,030300 = 9,0303$</p>		
<p>Bài 2.</p> <p>a. Hoàn thành bảng sau bằng cách thêm các chữ số 0 vào bên phải phần thập phân của mỗi số đã cho để phần thập phân của các số đó đều có bốn chữ số</p> <table border="1" data-bbox="164 1860 945 1917"> <tr> <td style="background-color: #00aaff; color: white;">Số đã cho</td> <td style="background-color: #00aaff; color: white;">Số thập phân mới</td> </tr> </table>	Số đã cho	Số thập phân mới	
Số đã cho	Số thập phân mới		

8,90	
5,827	
0,179	
31,6	

b. Hoàn thành bảng sau bằng cách bỏ các chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của mỗi số đã cho để phần thập phân của các số đó viết dưới dạng gọn hơn (nếu có thể).

Số đã cho	Số thập phân mới
87,700	
43,05000	
35,3060	
50,5050	

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS làm vào vở, thực hiện yêu cầu bài tập.

- GV thu vở
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 3. Số?

Ba bạn Mị, Núi, Páo đi kiểm tra sức khỏe. Mỗi bạn có cân nặng là một trong các số đo: 31,9 kg; 32,5 kg; 34,7kg. Biết bạn Núi nặng hơn bạn Páo nhưng nhẹ

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- HS làm vào vở

a.

Số đã cho	Số thập phân mới
8,90	8,9000
5,827	5,8270
0,179	0,1790
31,6	31,6000

b.

Số đã cho	Số thập phân mới
87,700	87,7
43,05000	43,05
35,3060	35,306
50,5050	50,505

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

hơn bạn Mị. Hỏi mỗi bạn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



Tên	Mị	Núi	Páo
Cân nặng (kg)	?	?	?

- GV gọi HS đọc yêu cầu.
- GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời HS trả lời.

- GV cho HS nêu cách làm.

- GV HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- HS trình bày.

Tên	Mị	Núi	Páo
Cân nặng (kg)	34,7 kg	32,5 kg	31,9 kg

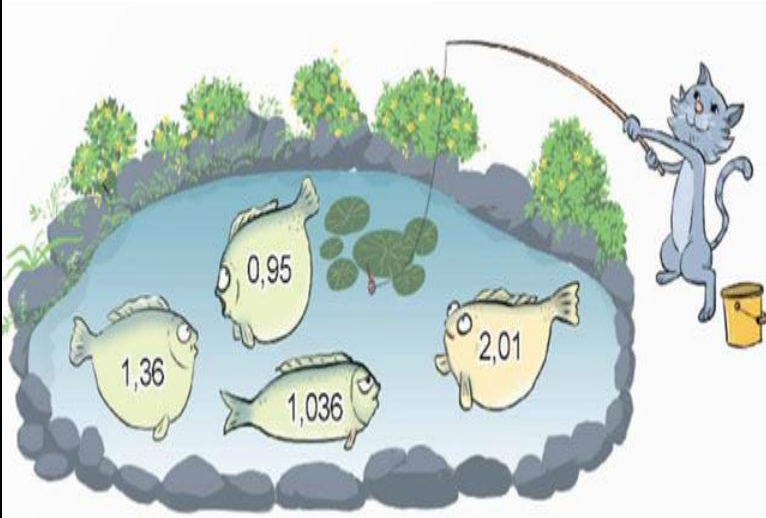
- Núi nặng hơn bạn Páo nhưng nhẹ hơn bạn Mị. Vậy các bạn được xếp theo cân nặng tăng dần là: Páo, Núi, Mị. Các cân nặng được xếp theo thứ tự tăng dần là: 31,9; 32,5; 34,7
- HS nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

3. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 4. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng
Chú mèo câu được con cá có ghi số thập phân lớn hơn 1 và bé hơn 1,36.

Con cá mà chú mèo câu được ghi số nào?

- A. 1,36
- B. 1,036
- C. 0,95
- D. 2,01



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV cho HS suy nghĩ.
- GV gọi HS trả lời, nêu cách làm.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu.
- Lớp làm việc cá nhân.
- HS trả lời:

Hình 3:

Ta có $1 < 1,306$

$1,36 > 1,306$

Vậy con cá mà chú mèo câu được là con cá có số 1,036.

Chọn đáp án C

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<p>- GV cho HS nhắc lại cách tả phong cảnh của thành phố Đà Lạt theo trình tự như thế nào? Nêu những chi tiết em còn nhớ trong bài văn miêu tả Đà Lạt</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>- HS trả lời: theo trình tự tả từng bộ phận. Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi. Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn. Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thăm xanh màu ngọc bích. Mặt hồ: trong suốt như pha lê.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
2. Khám phá.	
<p>Bài 1: Đọc bài Bốn mùa trong ánh nước ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 53) và trả lời câu hỏi.</p> <p>a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?</p> <p>b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.</p> <p>c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Từ ngữ nào giúp em nhận ra thời gian đó?</p> <p>d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?</p> <p>- GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS đọc bài theo nhóm:</p>

- GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.
- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:

- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:

a. Bài văn tả phong cảnh ở hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội)

b. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần như sau:

Mở bài	Từ đầu đến "xanh gợn sóng"	Giới thiệu khái quát về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm
Thân bài	Tiếp theo đến "ước mơ bay bóng"	Miêu tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm theo trình tự thời gian (thay đổi qua 4 mùa trong năm)
Kết bài	Phần còn lại	Cảm nhận về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm

c) Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào 4 mùa trong năm (mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu)

Những từ ngữ giúp em nhận ra trình tự đó là: "mùa hè", "về mùa đông", "vào dịp Tết Nguyên đán", "chim hót mùa xuân", "về mùa thu"

d) Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được những vẻ đẹp khác nhau của hồ Hoàn Kiếm vào từng mùa trong năm. Tuy vẫn là địa điểm đó, nhưng mỗi thời điểm khác nhau sẽ mang một vẻ đẹp khác nhau, rất đa dạng và thú vị

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.
- Cả lớp nhận xét.
- HS lắng nghe.

- GV mời các nhóm trình bày kết quả.
- Mời cả lớp nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

3. Luyện tập.	
<p>Bài 2. Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. - GV mời cả lớp làm việc nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: <p>Những điều em học được về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên:</p> <p>Khi tả phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của năm tháng)</p> <p>Sử dụng cùng lúc nhiều giác quan để quan sát và cảm nhận cảnh vật</p> <p>Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa để làm nổi bật đặc điểm cảnh vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày, nhận xét
4. Vận dụng trải nghiệm.	
<p>Bài 3: So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. - GV mời cả lớp làm việc nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm nhận xét. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: <p>Bài <i>Đà Lạt</i> tả phong cảnh theo trình tự: tả từng vẻ đẹp của phong cảnh (vị trí địa lí, khí hậu, cảnh vật, vườn hoa, vườn rau,...)</p> <p>Bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i> tả phong cảnh theo trình tự: tả lần lượt từng phần, từng mùa của cảnh vật (theo trình tự thời gian).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Thứ Sáu, ngày 04 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt
ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng.
- Rèn luyện và phát triển kỹ năng chia sẻ kiến thức đã học, đã đọc và kỹ năng trao đổi với bạn bè về những thông tin đã đọc.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng chia sẻ về vấn đề động vật hoang dã.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về thiên nhiên.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem video Một số loài động vật hoang dã Việt Nam và hỏi HS em có biết động vật hoang dã nào không? Con vật đó có đặc điểm gì?.	- HS trả lời: con báo chạy nhanh, con voi rất to, con hổ săn mồi giỏi,... - HS lắng nghe.

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em vừa kể tên một số động vật hoang dã. Vậy ngoài những con vật các em kể ra ở Việt Nam và trên thế giới còn những động vật hoang dã nào nữa, chúng có đặc điểm và thói quen như thế nào thì chúng ta cùng tìm hiểu qua bài đọc mở rộng ngày hôm nay

2. Khám phá.

- Mục tiêu:

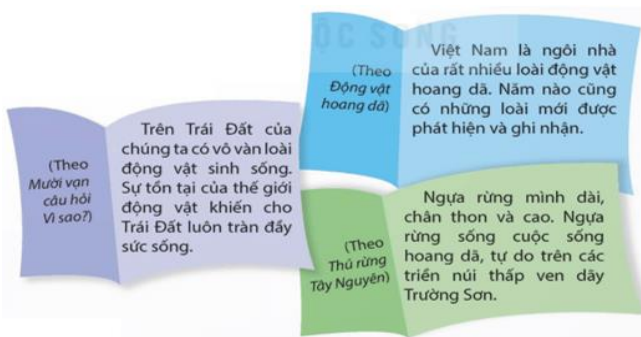
+ Biết đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1: Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.



- GV mời HS trình bày kết quả.

- Mời cả lớp nhận xét.

- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết.

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Biết chia sẻ kiến thức đã học, đã đọc và kỹ năng trao đổi với bạn bè về những thông tin đã đọc.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

Em đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã: “Mười vạn câu hỏi vì sao”, “Động vật hoang dã” ...



- Cả lớp nhận xét.

- HS lắng nghe.

Bài 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên sách báo: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Nội dung chính: ●	Các loài động vật hoang dã được nói tới: ●	
Những thông tin mới và bổ ích đối với em: ●	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	

- GV mời cả lớp làm việc nhóm.

Bài 3: Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.
 - GV mời cả lớp làm việc nhóm.
- Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Tên sách báo: Thú rừng Tây Nguyên

Tác giả: Thiên Lương

Ngày đọc: 24/10/2024

Nội dung chính: Những câu chuyện dí dỏm, dung dị kể về những chuyến đi săn “cải thiện” của bộ đội Tây Nguyên trong những năm chiến tranh, bom đạn khốc liệt đã cuốn hút hàng trăm ngàn bạn nhỏ. Sau mỗi trang sách, Tây Nguyên hiện ra tuyệt đẹp như một vườn thú tự nhiên khổng lồ rộn tiếng chim kêu, vượn hú, voi rống, hổ gầm..., Thế giới muôn thú với vô vàn tập tính, thói quen khác lạ, ngộ nghĩnh dẫn ta đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Các loài động vật hoang dã được nói tới: Bầy hươu, con lợn rừng, con mang, con voi, ngựa,.....

Những thông tin mới và bổ ích đối với em: Mang không phải nai con nhưng cũng có khi đi ăn lẫn với bầy nai, nhờ chân nai đạp bật cỏ để ăn.

Mức độ yêu thích: 5 sao

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. Cả lớp lắng nghe.
- Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:

- Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,...).

- Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo.

- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Thú rừng Tây Nguyên kể về những câu chuyện dí dỏm kể về những chuyến đi săn “cải thiện” của bộ đội Tây Nguyên trong những năm chiến tranh, bom đạn khốc liệt đã cuốn hút hàng trăm ngàn bạn nhỏ. Sau mỗi trang sách, Tây Nguyên hiện ra tuyệt đẹp như một vườn thú tự nhiên không lò rợn tiếng chim kêu, vượn hú, voi rống, hổ gầm..., Thế giới muôn thú với vô vàn tập tính, thói quen khác lạ, ngộ nghĩnh dẫn ta đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.

- Các nhóm nhận xét, bổ sung.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.



trình bày miệng.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS làm việc chung cả lớp và trình bày.

Một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam:

<ul style="list-style-type: none"> - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> + Sao la: Loài này có vóc dáng như bò nhưng có sừng dài và cong. Chúng sống ở các khu vực núi cao của Việt Nam và Lào. + Sóc đỏ: Là loài sóc lớn có màu lông đỏ, đuôi dài. Sống trong rừng nhiệt đới ẩm ở miền Trung và miền Nam Việt Nam. + Rùa mai mềm: Loài rùa lớn, sống ở vùng sông Hồng có mai mềm. Đang đối mặt với tình trạng nguy cấp nghiêm trọng cần được bảo tồn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Toán

Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐỘ DÀI DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- HS vận dụng được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn”.</p> <p>+ Cách chơi: GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe, suy nghĩ và trả lời ngắn gọn. HS nào trả lời được đúng nhiều câu hỏi hơn, HS đó chiến thắng.</p> <p>+ Em hãy nhắc lại các đại lượng đo độ dài đã học.</p> <p>+ Em hãy nhắc lại các đại lượng đo khối lượng đã học.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ gam, ki – lô - gam, yến, tạ, tấn,..</p> <p>+ mi – li – mét, xăng – ti – mét, đề – xi – mét, mét, ki – lô – mét,..</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân</p> <p>+ HS vận dụng viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân trong một số tình huống thực tế.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chiếu hình ảnh Khởi động cho HS quan sát, đọc bóng nói và trả lời câu hỏi sau:</p> <div data-bbox="207 1381 950 1822" data-label="Image"> </div> <p>- GV nêu câu hỏi:</p> <p>+ Bạn nữ nói gì?</p>	<p>- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống:</p>

+ Bạn nam nói gì?

+ Để biết con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét, ta làm như thế nào?

+ Để biết mỗi hộp sữa nặng bao nhiêu ki – lô – gam, ta phải làm như thế nào?

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Bài học hôm nay, cô trò mình sẽ tìm hiểu cách viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân “Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân”.

Ví dụ 1:

• **2 m 15 cm = ? m**

- GV cho HS nêu cách làm.

- GV hướng dẫn cách ngắn gọn dễ hiểu.

2m ta giữ nguyên

$$15\text{cm} = \frac{15}{100}\text{m}$$

nên

$$2\text{ m } 15\text{ cm} = 2\frac{15}{100}\text{ m} = 2,15\text{ m. Vậy: } 2\text{ m } 15\text{ cm} = 2,15\text{ m.}$$

• **1 kg 250 g = ? kg**

$$1\text{ kg } 250\text{ g} = 1\frac{250}{1\,000}\text{ kg} = 1,250\text{ kg.}$$

$$1,250\text{ kg} = 1,25\text{ kg.}$$

Vậy: 1 kg 250 g = 1,25 kg.

Ví dụ 2.

Ví dụ 2: • $275\text{ g} = \boxed{?}\text{ kg}$

$$275\text{ g} = \frac{275}{1\,000}\text{ kg} = 0,275\text{ kg. Vậy: } 275\text{ g} = 0,275\text{ kg.}$$

• $125\text{ m} = \boxed{?}\text{ km}$

$$125\text{ m} = \frac{125}{1\,000}\text{ km} = 0,125\text{ km. Vậy: } 125\text{ m} = 0,125\text{ km.}$$

+ Bạn nữ nói “Con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét để đến được khóm hoa?”

+ Bạn nam nói: “Mỗi hộp sữa cân nặng bao nhiêu ki – lô – gam?”

+ Để biết con ốc sên phải đi đoạn đường dài bao nhiêu mét, ta cần viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân.

+ Để biết mỗi hộp sữa nặng bao nhiêu ki – lô – gam, ta cần viết số đo khối lượng dưới dạng phân số thập phân.

+ Chúng ta đổi $2\text{ m } 15\text{ cm} = 215\text{ cm}$ sau đó đổi $215\text{ cm} = 2,15\text{ m}$

- HS nghe.

- HS lắng nghe.

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu lại cách so sánh hai số thập phân. - GV nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: Dựa vào mối liên hệ giữa đơn vị để viết các số đo dưới dạng hỗn số có chứa phân số thập phân, sau đó viết dưới dạng số thập phân.
<p>3. Hoạt động luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Tìm số thập phân thích hợp.</p> <p>a) $2\text{ m } 5\text{ dm} = \boxed{?}\text{ m}$ b) $4\text{ km } 500\text{ m} = \boxed{?}\text{ km}$</p> <p>$6\text{ m } 75\text{ cm} = \boxed{?}\text{ m}$ c) $7\text{ km } 80\text{ m} = \boxed{?}\text{ km}$</p> <p>$3\text{ m } 8\text{ cm} = \boxed{?}\text{ m}$ d) $456\text{ m} = \boxed{?}\text{ km}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc cá nhân a) $2\text{ m } 5\text{ dm} = 2,5\text{ m}$ $6\text{ m } 75\text{ cm} = 6,75\text{ m}$ $3\text{ m } 8\text{ cm} = 3,08\text{ m}$ b) $4\text{ km } 500\text{ m} = 4,5\text{ km}$ $7\text{ km } 80\text{ m} = 7,08\text{ km}$ $456\text{ m} = 0,456\text{ km}$ - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
<p>Bài 2. Tìm số thập phân thích hợp.</p> <p>a) $3\text{ kg } 725\text{ g} = ?\text{ kg}$ $8\text{ kg } 75\text{ g} = ?\text{ kg}$</p> <p>$560\text{ g} = ?\text{ kg}$</p> <p>b) $1\text{ tấn } 5\text{ tạ} = ?\text{ tấn}$ $2\text{ tấn } 325\text{ kg} = ?\text{ tấn}$</p> <p>$1\text{ } 450\text{ kg} = ?\text{ tấn}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào vở. - Cho HS nêu cách thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS làm bài tập cá nhân vào vở. a) $3\text{ kg } 725\text{ g} = 3,725\text{ kg}$ $8\text{ kg } 75\text{ g} = 8,075\text{ kg}$ $560\text{ g} = 0,56\text{ kg}$

$$\text{b) } 1 \text{ tấn } 5 \text{ tạ} = 1,5 \text{ tấn}$$

$$2 \text{ tấn } 325 \text{ kg} = 2,235 \text{ tấn}$$

$$1 \text{ } 450 \text{ kg} = 1,45 \text{ tấn}$$

- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 3: a) Tìm số thập phân thích hợp.

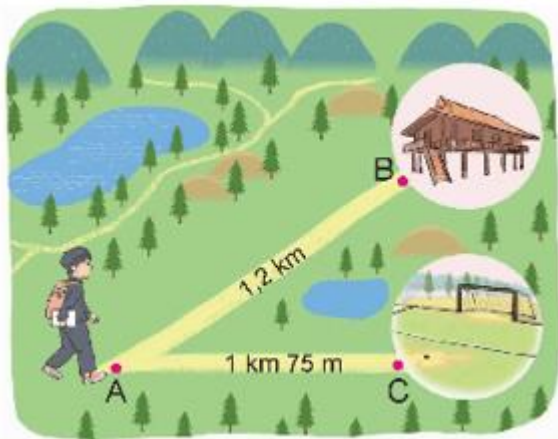
$$1 \text{ km } 75 \text{ m} = \boxed{?} \text{ km}$$

b) Đ, S?

Đoạn đường nào dài hơn?

• Đoạn đường AB

• Đoạn đường AC



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV cho HS suy nghĩ.

- GV gọi HS trả lời, nêu cách làm.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc yêu cầu.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

$$\text{a) } 1 \text{ km } 75 \text{ m} = 1,075 \text{ km}$$

b) Ta có: $1,075 \text{ km} < 1,2 \text{ km}$. Vậy đoạn đường AB dài hơn.

Ta điền như sau:

• Đoạn đường AB **Đ**

• Đoạn đường AC **S**

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Âm nhạc
HÁT: ÁNH TRĂNG VÀNG

Nhạc Trung Quốc
Lời việt: Lê Anh Tuấn

I. Yêu cầu cần đạt:

- Hát đúng ca độ và trường độ bài *Ánh trăng vàng*.
- Hát rõ lời, thuộc lời, biết hát kết hợp với gõ đệm theo phách và biết vận động theo tiếng đàn.
- Có kỹ năng ca hát cơ bản
- Phát triển giọng hát tự nhiên cho HS
- Biết thể hiện bài hát theo hướng dẫn của giáo viên.
- Góp phần giáo dục các em yêu quê hương, đất nước, mến thầy cô, bạn bè, mái trường.

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên:

- Bài giảng điện tử đủ hết file âm thanh, hình ảnh...
- Giáo án word soạn rõ chi tiết
- Nhạc cụ cơ bản (*VD như thanh phách, song loan, trống con*)

2. Học sinh:

- Nhạc cụ : thanh phách, trống nhỏ....

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động (3’) <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS khởi động theo video bài nhảy Âm sam sam đã chuẩn bị- GV mở tiết tấu hướng dẫn HS nghe kết hợp vận động cơ thể.	<ul style="list-style-type: none">- HS theo dõi khởi động- HS vận động

Mở đầu

♥ Thể hiện tiết tấu bằng nhạc cụ gõ hoặc vận động cơ thể



2. HD Khám phá- Luyện tập

* **Hát: Ánh trăng vàng** (khoảng 30 phút)

- GV giới thiệu ngắn gọn (tham khảo thông tin sau): Bài hát *Ánh trăng vàng* được đặt lời Việt từ bài *Chiếc thuyền nhỏ màu trắng* (The little white boat), đây là bài hát thiếu nhi, rất phổ biến ở Trung Quốc. Nội dung bài hát tiếng Trung Quốc nói về mặt trăng giống như một chiếc thuyền nhỏ màu trắng trôi trong dải ngân hà, trên mặt trăng có chú thỏ vui chơi bên cây hoa quế thơm ngát,... Bài hát *Ánh trăng vàng* có tính chất âm nhạc trong sáng, tha thiết, nói về niềm vui của các bạn thiếu nhi được cùng nhau múa hát dưới ánh trăng.
- GV hướng dẫn HS đọc lời (cá nhân đọc hoặc cả lớp cùng đọc), có thể vừa đọc vừa vỗ tay theo tiết tấu lời ca.
- GV cho HS nghe bài hát; khuyến khích HS nghe kết hợp vận động cơ thể hoặc biểu lộ cảm xúc.
- GV hướng dẫn HS khởi động giọng hát.
- GV đàn và hát mẫu từng câu, hướng dẫn HS tập hát mỗi câu một vài lần. HS hát nối tiếp câu hát thứ nhất và câu hát thứ hai, hát nối tiếp câu hát thứ ba và câu hát thứ tư. GV giúp HS sửa những chỗ hát sai (nếu có).
- GV cho HS hát cả bài, kết hợp vận động cơ thể theo tiết tấu đã luyện tập ở phần mở đầu.
- GV hướng dẫn HS tập cách lấy hơi, thể hiện tình cảm trong sáng, tha thiết, hát với nhịp độ ổn định.
- GV yêu cầu: Thể hiện lại câu hát em yêu thích. So sánh giai điệu của câu hát thứ nhất và câu hát thứ hai. GV để cá nhân hoặc nhóm thực hiện yêu cầu trên.
- GV hướng dẫn HS tập trình bày bài hát theo cách hát nối tiếp:

- HS nghe, ghi nhớ

- HS đọc lời ca

- HS nghe hát mẫu

-HS khởi động giọng

- Tập hát từng câu

- Tập hát ngân đủ phách.

-HS tập hát theo HDGV .

- Theo dõi, lắng nghe và sửa sai.

- HS thực hiện theo HDGV.

- HS hát nối tiếp

- HS thực hiện

Người hát	Câu hát	
Nhóm 1	<i>Vui múa ca mừng đón ánh trăng vàng và cùng muôn ánh sao.</i>	
Nhóm 2	<i>Nghe sáo ngân hoà chung với nhịp đàn, mùa thu về thiết tha.</i>	
Nhóm 3	<i>Trăng ơi trăng về đây múa ca, vui cùng bao sắc hoa.</i>	
Nhóm 4	<i>Gió bay nhẹ trên tóc, dưới ánh trăng vàng rất xa.</i>	

-GV cho HS hát cả bài, kết hợp sử dụng nhạc cụ gõ đệm theo phách hoặc vỗ tay nhịp nhàng. Hướng dẫn HS sửa chỗ sai (nếu có). GV hướng dẫn HS tập cách lẩy hơi, thể hiện tình cảm vui tươi, hát với nhịp độ ổn định.

-GV nhận xét, tuyên dương

Hoạt động 3: Vận dụng

-GV hướng dẫn HS tập trình bày bài hát theo nhóm, tổ hoặc cá nhân. GV dặn HS về nhà tìm động tác vận động phụ họa cho bài hát.

-GV giáo dục phẩm chất: Qua bài học, chúng ta cần biết thể hiện và chia sẻ niềm vui trong cuộc sống.

-Cuối tiết học, GV cần nhắc lại yêu cầu của tiết học này và khen ngợi các em có ý thức luyện tập tích cực, hát hay,...

- Nhận xét tiết học

- HS luyện tập theo nhóm, tổ, cá nhân trình bày bài hát

- HS theo dõi, lắng nghe và ghi nhớ nội dung của bài.

-Hs thực hiện

-Hs ghi nhớ

-Hs lắng nghe, ghi nhớ

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....

.....

Ôn Toán

Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠO LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS viết được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân.
- HS vận dụng được số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được cách viết số đo độ dài, khối lượng dưới dạng số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Hỏi nhanh – Đáp gọn”.</p> <p>+ Cách chơi: GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe, suy nghĩ và trả lời ngắn gọn. HS nào trả lời được đúng nhiều câu hỏi hơn, HS đó chiến thắng.</p> <p>+ Em hãy nhắc lại các đại lượng đo độ dài đã học.</p> <p>+ Em hãy nhắc lại các đại lượng đo khối lượng đã học.</p> <p>+ Đơn vị lớn gấp mấy lần đơn vị bé hơn liền kề?</p> <p>+ Đơn vị bé bằng một phần mấy đơn vị lớn hơn liền kề?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ mi – li – mét, xăng – ti – mét, đề – xi – mét, mét, ki – lô – mét,...</p> <p>+ gam, ki – lô - gam, yến, tạ, tấn,..</p> <p>+ Gấp 10 lần</p> <p>+ Bằng $\frac{1}{10}$</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động luyện tập</p>	
<p>Bài 1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>a) 4 m 6 dm = m b) 3 km 407 m = km</p> <p>7 m 18 cm = m 12 km 50 m = km</p>	

20 m 5 cm = m 275 m = km

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc cá nhân.
- GV mời HS báo cáo kết quả.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân
- a) $4\text{ m } 6\text{ dm} = 4,6\text{ m}$ b) $3\text{ km } 407\text{ m} = 3,407$
- $7\text{ m } 18\text{ cm} = 7,18\text{ m}$ $12\text{ km } 50\text{ m} = 12,050$
- $20\text{ m } 5\text{ cm} = 20,05\text{ m}$ $275\text{ m} = 0,275\text{ km}$
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Nói (theo mẫu).

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS thảo luận nhóm đôi làm vào phiếu bài tập
- Đại diện nhóm trình bày

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi
- HS làm vào phiếu bài tập

- Đại diện nhóm nhận xét.
- GV nhận xét và tuyên dương.

- Đại diện nhóm nhận xét
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

Bài 3. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) $1\text{ l } 725\text{ ml} = \dots\dots\dots\text{ l}$ $2\text{ l } 45\text{ ml} = \dots\dots\dots\text{ l}$
b) $5\text{ } 420\text{ ml} = \dots\dots\dots\text{ l}$ $718\text{ ml} = \dots\dots\dots\text{ l}$

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS làm bài vào vở
- GV thu vở, nhận xét

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài vào vở
- a) $1\text{ l } 725\text{ ml} = 1,725\text{ l}$ $2\text{ l } 45\text{ ml} = 2,045$
- b) $5\text{ } 420\text{ ml} = 5,420\text{ l}$ $718\text{ ml} = 0,718\text{ l}$
- HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

3. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 4: a) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

2 km 80 m = km

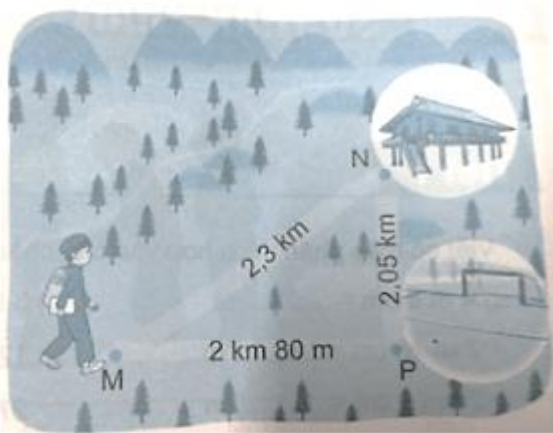
b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Đoạn đường nào dài nhất?

A. Đoạn đường MN

B. Đoạn đường MP

C. Đoạn đường NP



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV cho HS suy nghĩ.

- GV gọi HS trả lời, nêu cách làm.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu.

- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

a) $2\text{ km } 80\text{ m} = 2,080\text{ km}$

b) Ta có: $2,05 < 2,080 < 2,3$

Đáp án đúng là A

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Hoạt động trải nghiệm

Sinh hoạt lớp

TRAO ĐỔI VỀ CÁCH TỰ CHỦ KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Tự nhận xét, đánh giá được những việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Trao đổi được về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá được việc làm thể hiện sự tự chủ của bản thân khi giao tiếp trên mạng
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Kể lại được một tình huống cụ thể về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng và chia sẻ kinh nghiệm của cá nhân về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng

2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: xác định được những biểu hiện của tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức thực hiện những việc làm thể hiện sự tự chủ khi giao tiếp trên mạng.

II. CHUẨN BỊ

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Vận động theo nhạc - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ sinh hoạt.	
- GV bật video bài A RAM SAM SAM. - GV nêu câu hỏi: + <i>Các em có cảm xúc như thế nào sau khi vận động theo video vừa rồi?</i> - GV dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.	- HS làm động tác theo hình ảnh trong video. - HS trả lời. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động 1: Sơ kết tuần và thông qua kế hoạch tuần sau	
a) Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
b) Cách tiến hành:	
* Đánh giá kết quả tuần 5 - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động theo phong trào. - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét chung, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động. 	<ul style="list-style-type: none"> + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời GVCN nhận xét - HS lắng nghe và rút kinh nghiệm - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc theo tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Trao đổi về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng</p>	
<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chia sẻ được kinh nghiệm cá nhân về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng. – Kể lại được 1 tình huống cụ thể về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng. 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2 tiết sinh hoạt lớp trong SGK, trang 19. - GV yêu cầu mỗi HS chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng trong nhóm 4. - GV mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp về kết quả trao đổi kinh nghiệm cá nhân về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng. - GV giữ nguyên nhóm 4 và yêu cầu mỗi HS kể lại một tình huống cụ thể mà em biết về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng cho các bạn trong nhóm - GV mời HS chia sẻ trước lớp một số tình huống tự chủ khi giao tiếp trên mạng cho các bạn cả lớp cùng nghe. - GV nêu câu hỏi cho cả lớp: + <i>Em học được những gì khi nghe các bạn chia sẻ về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng ?</i> + <i>Em sẽ áp dụng những điều nào để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng?</i> - GV mời một số HS trong lớp trả lời và tổng hợp lại các ý kiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm và ghi nhớ nhiệm vụ - HS chia sẻ kinh nghiệm trong nhóm 4. - HS trình bày - HS kể lại tình huống - HS chia sẻ trước lớp - HS trả lời - HS lắng nghe và ghi nhớ
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở các em về nhà trao đổi với người thân về cách tự chủ khi giao tiếp trên mạng và xây dựng tiểu phẩm về an toàn khi giao tiếp trên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và ghi nhớ
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

KÝ DUYỆT

Ngày tháng 10 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hải

TUẦN 6

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 6

(Từ ngày 7/10 - 11/10)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
HAI (7/10)	1	16	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Biểu diễn tiểu phẩm “An toàn khi giao tiếp trên mạng”.	
	2	6	Tin học	Bài 3. Tìm kiếm thông tin trong giải quyết vấn đề (Tiết 2)	
	3	36	Tiếng Việt	Đọc: Hang Sơn Đoòng - Những điều kì thú	GDDĐ
	4	37	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa	
	5				
	6	26	Toán	Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 2)	
	7	11	LS-ĐL	Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 3)	
	8	16	Ôn TV	Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đồng nghĩa	
BA (8/10)	1	38	Tiếng Việt	Viết: Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh	
	2	6	Mĩ thuật	Bài 3: Quê ngoại (Tiết 2)	
	3	27	Toán	Bài 12: Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân (Tiết 3)	
	3	11	Khoa học	Bài 5: Sự biến đổi hoá học của chất (Tiết 2)	
	5	6	Đạo đức	Bài 2: Tôn trọng sự khác biệt của người khác (Tiết 2)	
	6	11	Thể dục	Bài 4: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng (Tiết 1)	
	7	21	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go! (cont)	
	8	17	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Xác định nguyên tắc khi giao tiếp an toàn trên mạng. - Thực hành xử lí tình huống đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.	QCN
TU (9/10)	1	39	Tiếng Việt	Đọc: Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long (Tiết 1)	
	2	40	Tiếng Việt	Đọc: Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long (Tiết 2)	GDDĐ

	3	28	Toán	Bài 13: Làm tròn số thập phân (Tiết 1)	
	4	12	LS-ĐL	Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam (Tiết 4)	QCN, TLĐP
	5	22	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go! (cont)	
	6	6	Công nghệ	Bài 2: Nhà sáng chế (Tiết 4)	
	7	16	Ôn Toán	Bài 13: Làm tròn số thập phân (Tiết 1)	
	8	17	Ôn TV	Viết: Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh	
NĂM (10/10)	1	41	Tiếng Việt	Viết: Quan sát phong cảnh	
	2	29	Toán	Bài 13: Làm tròn số thập phân (Tiết 2)	
	3	23	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go! (cont)	
	4	12	Khoa học	Bài 6: Ôn tập chủ đề: Chất	
	5				
	6	12	Thể dục	Bài 4: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng (Tiết 2)	
	7	17	Ôn Toán	Bài 13: Làm tròn số thập phân (Tiết 2)	
	8	18	Ôn TV	Viết: Quan sát phong cảnh	
	9	6	KNS	Phòng tránh và ứng phó khi gặp thiên tai (Tiết 2)	
SÁU (11/10)	1	42	Tiếng Việt	Nói và nghe: Bảo tồn động vật hoang dã	
	2	30	Toán	Bài 14: Luyện tập chung (Tiết 1)	
	3	6	Âm nhạc	Ôn tập bài hát: Ánh trăng vàng Thường thức âm nhạc – Câu chuyện âm nhạc: Khúc nhạc dưới trăng	
	4	24	Tiếng Anh	Unit 2. Places to go! (cont)	
	5				
	6	18	Ôn Toán	Bài 14: Luyện tập chung (Tiết 1)	
	7	18	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Xây dựng cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng.	
	8	6	Năng khiếu		

Thứ Hai, ngày 7 tháng 10 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

Sinh hoạt dưới cờ

BIỂU DIỄN TIỂU PHẨM “AN TOÀN KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh tham gia biểu diễn được/xem được tiểu phẩm về an toàn khi giao tiếp trên mạng.
- Học sinh chia sẻ được về cảm nhận của mình sau khi xem tiểu phẩm về chủ đề “an toàn khi giao tiếp trên mạng”

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với bạn về lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng. Cùng bạn sắm vai xử lý tình huống về đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự chủ khi giao tiếp trên mạng. Tự tìm kiếm thông tin về nguy cơ khi giao tiếp trên mạng và cách phòng tránh. Tự tìm kiếm thông tin về nguyên nhân gây hỏa hoạn và cách phòng tránh.

3. Năng lực đặc thù

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: tìm hiểu và xác định được nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. Tìm hiểu được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn, thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn từ đó thích ứng được với những tình huống trong cuộc sống.

4. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và với mọi người khi giao tiếp trên mạng và đảm bảo an toàn để phòng tránh hỏa hoạn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Địa điểm, hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động
- Hướng dẫn HS chuẩn bị tiểu phẩm về chủ đề an toàn khi giao tiếp trên mạng để sẵn sàng tham gia trong tiết Sinh hoạt dưới cờ.
- Một số phần quà để trao thưởng (nếu có).

2. Học sinh:

- Chuẩn bị các nội dung có liên quan đến an toàn khi giao tiếp trên mạng.
- Tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động đóng vai trong tiểu phẩm về an toàn khi giao tiếp trên mạng.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<i>a) Mục tiêu</i>	

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thể hiện được vai diễn trong tiểu phẩm về nội dung an toàn khi giao tiếp trên mạng. - Học sinh sẵn sàng trao đổi, chia sẻ những cảm nhận của mình sai khi xem tiểu phẩm về chủ đề “an toàn khi giao tiếp trên mạng” 	
b) Tiến trình hoạt động	
<ul style="list-style-type: none"> – GV hướng dẫn các em chuẩn bị những nội dung, kịch bản và lời thoại để đóng vai trong tiểu phẩm an toàn khi giao tiếp trên mạng. - Đối với những HS không tham gia sắm vai trong tiểu phẩm, GV gợi ý để các em tìm hiểu nội dung về an toàn khi giao tiếp trên mạng để sẵn sàng trao đổi sau khi xem tiểu phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị và thực hiện theo hướng dẫn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở các em tập trung xem tiểu phẩm và sẵn sàng chia sẻ cảm nhận của mình sau khi xem tiểu phẩm về an toàn khi giao tiếp trên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS ghi nhớ và thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> – GV nhắc nhở HS ghi chép lại những điều các em học hỏi được khi xem tiểu phẩm về an toàn khi giao tiếp trên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị giấy, bút viết để ghi chép

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Bài 11: HANG SƠN ĐOÀNG - NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ (3 tiết)

Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài *Hang Sơn Đoòng- những điều kì thú*, ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự say mê, ngưỡng mộ với vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.
- Đọc hiểu: Nhận biết được những thông tin nổi bật: niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang. Nhận biết được các thông tin nổi bật, hiểu nội dung của đoạn và văn bản, bộc lộ được ý kiến của bản thân về những thông tin đã tiếp nhận được sau khi đọc văn

bản. Nhận biết được những thông tin nổi bật về hang Sơn Đoòng (niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang), biết phân bố bố cục của văn bản, tìm được ý chính trong mỗi đoạn, hiểu được nội dung của từng đoạn, cũng như chủ đề của toàn bài đọc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và tranh ảnh cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phân khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Ôn bài cũ:</p> <p>- GV gọi 2 Hs đọc nói tiếp bài “<i>Kì diệu rừng xanh</i>”</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>-HS quan bóc thăm đọc đoạn và trả lời câu hỏi.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khởi động</p> <p>-GV cho HS hát và khởi động theo nhạc trước khi vào học</p> <p>? Hang Sơn Đoòng nằm ở tỉnh nào?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe thực hiện</p> <p>-HSTL</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

Vào năm 1991, có một người nông dân địa phương tên là Hồ Khanh vào rừng tìm kiếm cây cỏ. Đang đi trong rừng, ông bất chợt gặp một cơn mưa lớn. Ông vội vàng tìm chỗ trú mưa. Không ngờ nơi ông trú mưa chính là cửa hang Sơn Đoòng - một trong những tác phẩm hang động xuất sắc nhất của tạo hoá. Vào năm 2009, khi đoàn thám hiểm Hiệp hội Hang động Hoàng Gia Anh đến Quảng Bình, ông Hồ Khanh đã báo tin này cho họ. Họ đã đi sâu vào hang và phát hiện ra nhiều điều kì thú. Hãy cùng đọc văn bản để xem hang Sơn Đoòng năm giữ những kỉ lục nào?

2. Khám phá.

- Mục tiêu: Đọc đúng, rõ ràng bài *Hang Sơn Đoòng- những điều kì thú*, ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự say mê, ngưỡng mộ với vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, thể sự tự hào, say mê, thích thú, tự hào, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ quan trọng trong văn bản.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, chú ý chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ quan trọng trong văn bản.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

? Theo các em, những phân in đậm này là gì?

- GV chia đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến ngay dưới mặt đất.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến 40 tầng.

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *Sơn Đoòng, vết đứt gãy, Rào Thương, sầm uất,...*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Hang Sơn Đoòng/ được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn,/ bị dòng nước sông Rào

- Hs lắng nghe GV đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- Những phân in đậm là chủ đề/ nội dung khái quát của từng đoạn.)

- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc câu.

<p>Thương bào mòn liên tục/ trong một khoảng thời gian dài (từ 2 đến 5 triệu năm)//</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV HD đọc diễn cảm: Đọc diễn cảm toàn bài, biết thay đổi ngữ điệu thể sự tự hào, say mê, thích thú. - GV mời HS luyện đọc diễn cảm nhóm đôi. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi, mỗi em đọc 1 đoạn.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <p>Hiểu được những thông tin nổi bật: niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang. Nhận biết được các thông tin nổi bật, hiểu nội dung của đoạn và văn bản, bộc lộ được ý kiến của bản thân về những thông tin đã tiếp nhận được sau khi đọc văn bản. Nhận biết được những thông tin nổi bật về hang Sơn Đoòng (niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang), biết phân bố bố cục của văn bản, tìm được ý chính trong mỗi đoạn, hiểu được nội dung của từng đoạn, cũng như chủ đề của toàn bài đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách tiến hành: 	
<p>3.1. Giải nghĩa từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) <p>+ Rừng nguyên sinh là rừng tự nhiên chưa hoặc ít bị tác động bởi con người, chưa làm thay đổi cấu trúc của rừng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. <p>+ Câu 1: Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: <p>+ Những câu in đậm cho biết 3 nội dung chính của bài, cũng là 3 điều kì thú về hang Sơn Đoòng: niên đại của hang (đoạn 2); độ lớn của hang (đoạn 3); hệ sinh thái đặc biệt của hang (đoạn 4).</p>

+ Câu 2: Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu như thế nào?

? Quá trình hình thành này cho thấy điều gì?

+ Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?

+ Câu 4: Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng.

+ Câu 5: Tương tự em là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách.

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.

+ Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu: hang được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn, bị dòng nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong một khoảng thời gian dài (từ 2 đến 5 triệu năm). Quá trình đó đã tạo nên một “lỗ hổng khổng lồ” ngay dưới mặt đất.

- Cho thấy hang Sơn Đoòng có bề dày lịch sử lâu dài

- Những chi tiết cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn là: (1) chiều dài ước tính 9 ki-lô-mét; (2) thể tích 38,5 triệu mét khối, (3) có thể chứa tới 68 máy bay Bô-ing 777 hoặc cả một khu phố sầm uất với những toà nhà cao 40 tầng.

+ Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt, nguyên sơ. Trong hang có cả một khu rừng nguyên sinh với động thực vật rất phong phú và khác lạ. Cụ thể: thực vật rất mỏng manh, động vật không có mắt và cơ thể trong suốt.

+ Xin được chào quý khách, đến với hang Sơn Đoòng hôm nay, em xin giới thiệu với quý khách một danh lam thắng cảnh tự nhiên tuyệt vời của Việt Nam. Hang Sơn Đoòng là một trong những hang có nhiều ấn tượng, được rất nhiều cơ quan ghi nhận và cấp bằng kỉ lục: Vào năm 2013, hang Sơn Đoòng được ghi nhận là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới; Năm 2014, hang được bình chọn là một trong 52 điểm du lịch hấp dẫn nhất thế giới; Năm 2020, được vinh danh là một trong 20 kì quan phá vỡ kỉ lục tự nhiên. Hi vọng nơi đây có thể thoả mãn nhãn quan của quý khách, mời quý khách cùng tiến vào bên trong hang để thăm thú.

- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học

- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.

<p>- GV nhận xét và chốt: Hang Sơn Đoòng với những ấn tượng về sự hình thành, sự công nhận của thế giới về một di tích bậc nhất thế giới và bất ngờ với hệ sinh thái của hang – thực sự là một niềm tự hào to lớn, sự khâm phục trước khả năng tạo tác thiên nhiên của người dân Việt Nam nói riêng, khu vực và thế giới nói chung.</p>	
---	--

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú”</p> <p>*Giáo dục đạo đức:</p> <p>- Các em cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên?</p> <p>- GD: Các em cần yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên. Vì bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ môi trường sống của chúng ta.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS trả lời</p>
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Tiếng Việt
Bài: LUYỆN TẬP VỀ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa một cách phù hợp ngữ cảnh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua chọn từ ngữ.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu từ đồng nghĩa vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- Trò chơi: Gv chiếu một số từ ngữ cho HS nhận biết từ ngữ nào có nghĩa tương đồng nhau -1 số từ: cha, mẹ, má, u, bầm, tàu hoả, thầy, xe lửa, hổ, hùm, cọp, bố Theo em, các từ có nghĩa tương đồng (giống nhau) như vậy được gọi là từ gì? - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS tham gia trò chơi nhận biết -Câu trả lời : má, u, bầm - mẹ, cha, thầy - bố, hùm, cọp - hổ, xe lửa - tàu hoả -từ đồng nghĩa - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. - Mục tiêu: - Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa một cách phù hợp ngữ cảnh.	

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua chọn từ ngữ.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Trò chơi

Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây (**lớn, nơi, ước, lượt, yên, lành**).

a. Ngày tháng **tốt**

b. Năm **lần** bảy

c. Sóng biển **lặng**

d. **Cầu** được thấy

e. Dao **to** búa

g. Đi đến về đến **chốn**

- GV yêu cầu HS đọc đầu bài .

- GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng.

- GV nhận xét chung trò chơi.

Câu 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây.

Góc sân **nhỏ nhỏ** mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em **trông**

Thấy trời xanh biếc **mênh mông**

Cánh cò chóp trắng trên sông Kinh Thầy...

-GV yêu cầu 1 HS đọc đầu bài

-GV cho HS thảo luận nhóm đôi trình bày trước lớp.

-GV nhận xét, tuyên dương

-GV cho HS hiểu được các từ đồng nghĩa sử dụng trong đoạn thơ.

Ngoài ra:

+ Đồng nghĩa với **nhỏ nhỏ** có thể :
nhỏ bé, bé nhỏ, bé bé,...

+ Đồng nghĩa với **trông** có thể :
nhìn, xem, coi,...

-HS đọc đầu bài

a. Ngày **lành** tháng **tốt**

b. Năm **lần** bảy **lượt**

c. Sóng **yên** biển **lặng**

d. **Cầu** được **ước** thấy

e. Dao **to** búa **lớn**

f. Đi đến **nơi** về đến **chốn**

- Các nhóm tổng kết trò chơi, nhận thưởng

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

-HS đọc đầu bài

-Nhóm thảo luận và đưa ra đáp án, trình bày trước lớp.

Góc sân **be bé** mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em **coi**

Thấy trời xanh biếc **bao la**

Cánh cò chóp trắng trên sông Kinh Thầy...

-HS nhận xét, bổ sung

-HS nắm được các từ đồng nghĩa

+ Đồng nghĩa với **mênh mông** có thể : *bao la, bát ngát, mông mênh,...*

Bài 3: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.

- GV mời 1 HS đọc bài tập 3
- GV hướng dẫn cách thực hiện
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi

-GV nhận xét, tuyên dương

Bài 4: Viết đoạn văn (4-5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2-3 từ đồng nghĩa.

- GV mời 1 HS đọc bài tập 4
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập.

-GV nhận xét, tuyên dương

- HS đọc
- HS đọc kĩ từng câu của đoạn văn
- HS làm việc cá nhân- thảo luận nhóm

-Nhóm báo cáo kết quả

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới.

Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất.

*Mặt đất đã **khô cằn** bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, **trong lành**. Mặt đất lại dịu **mềm**, lại cằn mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây **sức sống** tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.*

-Nhóm khác nhận xét, bổ sung

-1 HS đọc

-HS làm việc cá nhân

-HS đọc bài trước lớp

Một buổi sáng, em thức dậy ngắm nhìn những bông hoa vươn mình bừng tỉnh đón ánh nắng mặt trời. Nắng xuyên qua kẽ lá, làm thủng những chồi lộc xanh biếc. Đâu đó, những chú chim vành khuyên cất tiếng hót cao vời vợi, líu lo hát vang lanh lảnh. Cứ vậy, dàn đồng ca nắng

	và chim đua nhau, chen chúc gọi mời ngày mới đến.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.</p> <p>+ Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)</p> <p>+ Yêu cầu các nhóm:</p> <p>1 nhóm đưa từ</p> <p>1 nhóm nêu từ đồng nghĩa với từ nhóm kia đưa ra và đổi lại. Đội nào nêu và trả lời được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠ LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thể hiện được số đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích bằng cách dùng số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực củng cố kiến thức về viết đo đo các đại lượng dưới dạng số thập phân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 44.</p> <p>- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện Ví dụ 1 trong SGK trang 44.</p> <p>+ Viết $1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2$ dưới dạng số thập phân với đơn vị mét vuông</p> <div style="border: 1px dashed red; padding: 5px; display: inline-block; margin: 10px 0;"> $1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2 = \boxed{?}\text{ m}^2$ </div> <div style="margin: 10px 0;"> $1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2 = 1\frac{60}{100}\text{ m}^2 = 1,6\text{ m}^2.$ </div> <p>Vậy: $1\text{ m}^2\ 60\text{ dm}^2 = 1,6\text{ m}^2$</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện Ví dụ 2.</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 44.</p> <p>- HS cùng chia sẻ thông tin.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>+ Viết 56 dm^2 dưới dạng số thập phân với đơn vị mét vuông.</p> <div style="border: 1px dashed red; padding: 5px; display: inline-block; margin: 10px 0;"> $56\text{ dm}^2 = \boxed{?}\text{ m}^2$ </div> <p>- HS nêu cách thực hiện.</p> <div style="margin: 10px 0;"> $56\text{ dm}^2 = \frac{56}{100}\text{ m}^2 = 0,56\text{ m}^2.$ </div> <p>Vậy: $56\text{ dm}^2 = 0,56\text{ m}^2$</p>
<p>2. Hoạt động</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

- + Thể hiện được số đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích bằng cách dùng số thập phân.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Tìm số thập phân thích hợp.

a) $8 \text{ m}^2 75 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$
 $3 \text{ m}^2 6 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$
 $120 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$

b) $4 \text{ dm}^2 25 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$
 $2 \text{ dm}^2 5 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$
 $85 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2. Đ, S?

- GV yêu cầu HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.



- GV mời HS nêu kết quả.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

3. Vận dụng trải nghiệm.

a) $8 \text{ m}^2 75 \text{ dm}^2 = 8,75 \text{ m}^2$

$3 \text{ m}^2 6 \text{ dm}^2 = 3,06 \text{ m}^2$

$120 \text{ dm}^2 = 1,2 \text{ m}^2$

b) $4 \text{ dm}^2 25 \text{ cm}^2 = 4,25 \text{ dm}^2$

$2 \text{ dm}^2 5 \text{ cm}^2 = 2,05 \text{ dm}^2$

$85 \text{ cm}^2 = 0,85 \text{ dm}^2$

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân.
- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.

- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.

- HS nêu kết quả.

- + Đối đơn vị diện tích của hai hình về cùng đơn vị đo.

$4 \text{ cm}^2 15 \text{ mm}^2 = 4,15 \text{ cm}^2$

+ So sánh $3,95 \text{ cm}^2 < 4,15 \text{ cm}^2$

Kết quả:

Mai nói: Hình **A** có diện tích lớn hơn => Đ

Việt nói: Hình **B** có diện tích lớn hơn => S

- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

<p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Cầu thang – Cầu trượt”.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn.</p> <p>- Cách chơi:</p> <p>+ Chơi theo nhóm</p> <p>+ Trò chơi kết thúc khi có người về đích.</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm.</p> <p>- Đánh giá tổng kết trò chơi.</p> <p>- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe trò chơi.</p> <p>- HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn.</p> <p>- Các nhóm lắng nghe luật chơi.</p> <p>- Các nhóm tham gia chơi.</p> <p>Các nhóm rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Lịch sử - Địa lí

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam.
- Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.
- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thi kể tên các thành phố ở Việt Nam. - Em dự đoán dân số ở các thành phố đó như thế nào? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <p>Vừa rồi các em đã kể tên được rất nhiều tên thành phố lớn, vậy mật độ dân số ở các vùng miền như thế nào. Thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Dân số và dân tộc Việt Nam Tiết 3”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thi kể tên. - HS trả lời. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận xét được sự phân bố dân cư ở Việt Nam. + Nêu được hậu quả của phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1. Tìm hiểu về đặc điểm phân bố dân cư.</p> <p>GV yêu cầu các cặp đôi quan sát lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc bảng chú giải, cho biết có mấy mức chia mật độ dân số. Màu càng đậm thể hiện mật độ dân số như thế nào? + Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số cao, các khu vực có mật độ dân số thấp. + Phân bố dân cư nước ta có đặc điểm như thế nào? 	<p>- HS quan sát tìm hiểu thông tin:</p>  <p>+Màu càng đậm thì mật độ dân số càng đông.</p> <p>+ Dân cư tập trung chủ yếu ở các đồng bằng và thành phố lớn.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nước ta có mật độ dân số khá cao. Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn. + Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu lao động; gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên và sử dụng hợp lí nguồn lao động.
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức về phân bố dân cư ở nước ta. + nêu được một số hậu quả do phân bố dân cư không đồng đều. + rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động trò chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng - Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về phân bố dân cư ở Việt Nam. - Chuẩn bị: Các câu hỏi chiếu trên Powerpoint. - Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên đọc câu hỏi và sau thời gian suy nghĩ là 30 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được thi và ghi điểm. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về dân cư ở địa phương. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- Dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Ôn Tiếng Việt
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: LUYỆN TẬP VỀ ĐỒNG NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa một cách phù hợp ngữ cảnh.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua chọn từ ngữ.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu từ đồng nghĩa vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- SGK, VBT Tiếng Việt và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành:	

<p>- Theo em, các từ có nghĩa tương đồng (giống nhau) như vậy được gọi là từ gì?</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- Từ đồng nghĩa</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa một cách phù hợp ngữ cảnh. - Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua chọn từ ngữ. - Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Trò chơi</p> <p>Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong mỗi thành ngữ dưới đây: (lớn, nơi, ước, lướt, yên, lành).</p> <p>f. Ngày tháng tốt</p> <p>g. Năm lần bảy</p> <p>h. Sóng biển lặng</p> <p>i. Cầu được thấy</p> <p>j. Đao to búa</p> <p style="padding-left: 40px;">g. Đi đến về đến chón</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đầu bài.</p> <p>- Cho Hs tham gia trò chơi.</p> <p>- GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng.</p> <p>- GV nhận xét chung trò chơi.</p> <p>Câu 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ trong bài tập 2 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 58)</p> <p>– nho nhỏ:</p> <p>– trông:</p> <p>– mênh mông:</p> <p>-GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu bài.</p>	<p>-HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>-HS tham gia trò chơi.</p> <p style="padding-left: 40px;">a. Ngày lành tháng tốt</p> <p style="padding-left: 40px;">b. Năm lần bảy lướt</p> <p style="padding-left: 40px;">c. Sóng yên biển lặng</p> <p style="padding-left: 40px;">d. Cầu được ước thấy</p> <p style="padding-left: 40px;">e. Đao to búa lớn</p> <p style="padding-left: 40px;">f. Đi đến nơi về đến chón</p> <p>- Các nhóm tổng kết trò chơi, nhận thưởng</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p>

- Yêu cầu 1 HS đọc đoạn thơ trong SGK.
-GV cho HS thảo luận nhóm đôi trình bày trước lớp.

-GV nhận xét, tuyên dương
-GV cho HS hiểu được các từ đồng nghĩa sử dụng trong đoạn thơ.

Ngoài ra:

+ Đồng nghĩa với **nhỏ nhỏ** có thể :
nhỏ bé, bé nhỏ, be bé,...

+ Đồng nghĩa với **trông** có thể :
nhìn, xem, coi,...

+ Đồng nghĩa với **mênh mông** có thể :
bao la, bát ngát, mông mênh,...

Bài 3*: Xếp các từ cho dưới đây thành những nhóm từ đồng nghĩa: *náo nhiệt, lạnh cóng, âm ỉ, lạnh buốt, ồn ã, im lặng, buốt giá, ồn ào, giá lạnh, lặng thinh*

- Nhóm 1:

- Nhóm 2:

- Nhóm 3:

- Nhóm 4:

- GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân vào VBT.
- Gọi HS trình bày kết quả.

- Gọi HS nhận xét.
- Nhận xét chung, giải nghĩa thêm một số từ cho HS hiểu.

Bài 4: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để

-HS đọc yêu cầu bài.
- 1 HS đọc đoạn thơ trong SGK.
- Nhóm thảo luận và đưa ra đáp án, trình bày trước lớp.
– nhỏ nhỏ: be bé, nhỏ xíu, nhỏ nhắn.
– trông: nhìn, chờ, đợi.
– mênh mông: rộng lớn, thênh thang, rộng rãi
-HS nhận xét, bổ sung

-HS nắm được các từ đồng nghĩa

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm việc cá nhân vào VBT.
- HS nêu kết quả:
+ Nhóm 1: náo nhiệt, âm ỉ, ồn ã, ồn ào
+ Nhóm 2: lạnh cóng, lạnh buốt, buốt giá, giá lạnh
+ Nhóm 3: im lặng, lặng thinh
- HS nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe.

hoàn thành đoạn văn.

- GV mời 1 HS đọc bài tập 4.
- GV hướng dẫn cách thực hiện.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi.

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 5*: Viết đoạn văn (4-5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2-3 từ đồng nghĩa.

- GV mời 1 HS đọc bài tập 5
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập.

- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- HS đọc
- HS đọc kĩ từng câu của đoạn văn
- HS làm việc cá nhân- thảo luận nhóm
- Nhóm báo cáo kết quả:

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới.

Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất.

*Mặt đất đã **khô cằn** bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ẩm áp, **trong lành**. Mặt đất lại dịu **mềm**, lại cằn mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây **sức sống** tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.*

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung

- 1 HS đọc
- HS làm việc cá nhân
- HS đọc bài trước lớp

Một buổi sáng, em thức dậy ngắm nhìn những bông hoa vươn mình bừng tỉnh đón ánh nắng mặt trời. Nắng xuyên qua kẽ lá, làm thủng những chồi lộc xanh biếc. Đâu đó, những chú chim vành khuyên cất tiếng hót cao vời vợi, líu lo hát vang lanh lảnh. Cứ vậy, dàn đồng ca nắng và chim đua nhau, chen chúc gọi mời ngày mới đến.

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. + Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu) + Yêu cầu các nhóm: <ul style="list-style-type: none"> 1 nhóm đưa từ 1 nhóm nêu từ đồng nghĩa với từ nhóm kia đưa ra và đổi lại Đội nào nêu và trả lời được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ Ba, ngày 8 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.
- Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn Bốn mùa trong ánh nước theo cách của mình.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm văn tả cảnh sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và bài văn làm tốt của học sinh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV mở nhạc HS khởi động đầu tiết học. - HS nêu cảm nhận khi tham gia khởi động. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS nghe nhạc và tham gia khởi động cả lớp. - Hs nêu cảm nhận của mình. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhận biết các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh. + Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn Bốn mùa trong ánh nước theo cách của mình. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài tập 1: So sánh các cách mở bài và kết bài. -GV yêu cầu HS đọc bài 1 - Nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách mở bài?	-HS đọc - Giống nhau: Hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh, cũng là địa điểm có phong cảnh và những cảnh vật nổi bật, để lại ấn tượng cho mọi người nhất (nơi có nhiều hoa, nhiều thông và nhiều hồ nước đẹp). - Khác nhau: + Mở bài trực tiếp: ngắn gọn nhưng hàm súc, dễ nhớ và tạo ấn tượng mạnh. + Mở bài gián tiếp: đoạn văn có nhiều câu hơn, có nhiều thông tin hơn.

<p>- Nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách kết bài?</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương, kết luận</p> <p>Bài 2: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài <i>Bốn mùa trong ánh nước</i>.</p> <p>-GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài</p> <p>-GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, tả con vật đã học ở lớp 4</p> <p>-Gv hướng dẫn HS viết: Để viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu phong cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả trong bài./...; Để viết kết bài mở rộng, có thể giải thích vì sao người dân mọi miền đất nước về thăm Hà Nội bao giờ cũng đến hồ Hoàn Kiếm, hoặc tưởng tượng sau này lớn lên và nhớ về hồ Hoàn Kiếm cùng những kỉ niệm đã có với hồ Hoàn Kiếm, /...</p> <p>-GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương</p> <p>Bài 3: Trao đổi (Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.)</p> <p>-GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài</p> <p>- GV hướng dẫn Hs dựa vào những cách mở bài và kết bài mà đã viết và những gợi ý trong sách để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.</p> <p>-GV gọi HS nêu cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.</p>	<p>- HS khác nhận xét</p> <p>- Giống nhau: Hai cách kết bài đều nhấn mạnh lại ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh. Mỗi cách kết bài đều có cái hay riêng.</p> <p>- Khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết bài không mở rộng: ngắn gọn, súc tích, gây ấn tượng với người đọc. + Kết bài mở rộng: làm cho ý của kết bài phong phú hơn, tạo kết nối với người đọc dễ dàng hơn. <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc</p> <p>-HS nêu</p> <p>-HS chú ý</p> <p>-HS viết bài</p> <p>-HS đọc bài viết của mình trước lớp</p>
--	---

<p>-GV nhận xét,tuyên dương</p>	<p>-HS đọc -HS chú ý</p> <p>-HS nêu</p> <table border="1" data-bbox="883 365 1446 787"> <tr> <td data-bbox="883 365 964 583"> <p>Cách viết mở bài gián tiếp</p> </td> <td data-bbox="964 365 1446 583"> <p>Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh,...</p> <p>Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,... có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Nhắc đến cuộc thi giới thiệu một phong cảnh của quê hương, đất nước mình đã chứng kiến hoặc tham gia,...</p> <p>Nói về một kỉ niệm với người thân, với bạn bè,... gắn với phong cảnh được miêu tả.</p> <p>...</p> </td> </tr> <tr> <td data-bbox="883 583 964 787"> <p>Cách viết kết bài mở rộng</p> </td> <td data-bbox="964 583 1446 787"> <p>Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,...</p> <p>Giải thích vì sao những cảnh đẹp thiên nhiên luôn được nhiều người yêu thích, tới thăm.</p> <p>Tưởng tượng sau này lớn lên sẽ làm gì để góp phần làm cho phong cảnh đẹp thêm.</p> <p>...</p> </td> </tr> </table>	<p>Cách viết mở bài gián tiếp</p>	<p>Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh,...</p> <p>Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,... có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Nhắc đến cuộc thi giới thiệu một phong cảnh của quê hương, đất nước mình đã chứng kiến hoặc tham gia,...</p> <p>Nói về một kỉ niệm với người thân, với bạn bè,... gắn với phong cảnh được miêu tả.</p> <p>...</p>	<p>Cách viết kết bài mở rộng</p>	<p>Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,...</p> <p>Giải thích vì sao những cảnh đẹp thiên nhiên luôn được nhiều người yêu thích, tới thăm.</p> <p>Tưởng tượng sau này lớn lên sẽ làm gì để góp phần làm cho phong cảnh đẹp thêm.</p> <p>...</p>
<p>Cách viết mở bài gián tiếp</p>	<p>Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh,...</p> <p>Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,... có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Nhắc đến cuộc thi giới thiệu một phong cảnh của quê hương, đất nước mình đã chứng kiến hoặc tham gia,...</p> <p>Nói về một kỉ niệm với người thân, với bạn bè,... gắn với phong cảnh được miêu tả.</p> <p>...</p>				
<p>Cách viết kết bài mở rộng</p>	<p>Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...</p> <p>Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,...</p> <p>Giải thích vì sao những cảnh đẹp thiên nhiên luôn được nhiều người yêu thích, tới thăm.</p> <p>Tưởng tượng sau này lớn lên sẽ làm gì để góp phần làm cho phong cảnh đẹp thêm.</p> <p>...</p>				

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:</p> <p>1/ Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài mở bài và kết bài sáng tạo.</p> <p>2/ Chia sẻ với người thân nội dung mở bài và kết bài em đã viết.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>1/. Em ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài mở bài và kết bài sáng tạo.</p> <p>- HS chia sẻ và chuẩn bị cho tiết sau.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Mĩ thuật
BÀI 3: QUÊ NGOẠI (TIẾT 2)

3. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Nhận biết được sự đa dạng của vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo trong các SPMT.
- Biết lựa chọn, phối hợp các vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo phù hợp để thực hành, sáng tạo SPMT.
- Chia sẻ được kinh nghiệm thực hành sản phẩm với các bạn.
- Biết phát triển kỹ năng tạo hình và cảm nhận về đẹp của tự nhiên.

4. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

- PC1: Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động trong học tập.
- PC2: Nhân ái: Biết đoàn kết, hợp tác làm việc nhóm cùng các bạn.
- PC3: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

**Năng lực chung*

- NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.
- NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học/ thực hành, trưng bày, nêu tên sản phẩm.
- NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

**Năng lực đặc thù*

- NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát các SPMT và chỉ ra công dụng của sản phẩm, vật liệu và hình thức thực hiện.
- NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: HS thực hiện được SPMT về đề tài quê ngoại.
- NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết chia sẻ cảm nhận về chất liệu. Lựa chọn được vị trí trưng bày sản phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

3. Giáo viên

- KHBD, SGK.
- Một số tranh ảnh về đề tài quê ngoại.
- Bút chì, giấy vẽ, bút màu, máy chiếu,...

4. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).- Bút chì, giấy vẽ, bút màu,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 2

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Đồ dùng/ phương tiện/ sản phẩm của HS
Hoạt động 1. Quan sát và nhận thức	Khởi động: Múa hát theo video bài <i>Cô Tấm ngày nay</i> – GV hướng HS chú ý trong video có hình ảnh các bạn nhỏ mặc trang phục cô Tấm đang lựa đậu. cuối video có chiếu hình ảnh những bức tranh làm từ các loại đậu, ngũ cốc. – Giới thiệu vào bài mới: Bài 3: Quê ngoại. (tiết 2) Nhiệm vụ: GV hướng dẫn cho HS quan sát tranh đa chất liệu và nêu được đặc điểm chất liệu, vật liệu, hình thức tạo hình sản phẩm. Gợi ý cách thức tổ chức: – Tạo cơ hội cho HS tìm ra đặc điểm của chất liệu, vật liệu, hình thức tạo hình sản phẩm. – GV phát cho mỗi nhóm một tranh đa chất liệu và nêu câu hỏi, HS thảo luận để tìm hiểu, khám phá. – Câu hỏi gợi ý: + Tranh có hình ảnh gì? + Tranh sử dụng chất liệu, vật liệu gì? + những chất liệu, vật liệu trong tranh có nguồn gốc từ đâu? + Em hãy phán đoán cách tạo thành tranh? HS cần biết: ngoài các vật liệu nhân tạo có thể sử dụng như: màu vẽ, đất nặn, giấy,... thì các vật liệu có sẵn trong tự nhiên như: gỗ, đá, hạt, lá cây,... cũng là những vật liệu độc đáo để sáng tạo thành các SPMT.	– HS múa hát, trả lời câu hỏi của GV. – HS quan sát một số SPMT đa chất liệu. – HS thảo luận nhóm và trả lời theo gợi ý của GV. Lưu ý để ghi nhớ. – HS tham gia chơi trò chơi	Video, tranh ảnh,...
Hoạt động 2. Luyện			

<p>tập và sáng tạo</p>	<p>Nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhắc lại các bước thực hiện một SPMT về đề tài cuộc sống quanh em. - HS hoàn thiện được một SPMT. <p>Gợi ý cách thức tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi <i>Ai nhanh hơn</i>. các đội chơi sắp xếp các bước tạo SPMT theo đúng thứ tự. Đội nhanh nhất là đội giành chiến thắng. - Gợi ý các bước thực hiện: Bước 1: Tìm ý tưởng và vẽ hình. Bước 2: gắn hạt vào hình chính. Bước 3: gắn hạt vào các hình phụ. Bước 4: Bỏ sung chi tiết và hoàn thiện sản phẩm. - Câu hỏi gợi ý: + Nhóm em sẽ tạo màu gì cho hình ảnh chính, hình ảnh phụ? Màu đó là màu tự nhiên hay màu nhân tạo? Màu được tạo ra từ đâu? + Nhóm em sẽ bỏ sung chi tiết gì để hoàn thiện tranh? <p>Bài tập thực hành: GV yêu cầu HS hoàn thiện SPMT từ vật liệu tự nhiên hoặc vật liệu nhân tạo với chủ đề <i>Cuộc sống quanh em</i>. (HS hoàn thành bước 3 và bước 4) – GV quan sát HS thực hành, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát các bước thực hiện và thảo luận. - HS thảo luận nhóm, phân công công việc theo nhóm và thực hành theo sự sáng tạo của nhóm mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình minh họa các bước thực hiện. - Bút chì, giấy, màu vẽ,... – Hồ/keo dán, các loại hạt.
-------------------------------	---	---	--

<p>Hoạt động 3. Phân tích và đánh giá</p>	<p>Nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trình bày ý tưởng thể hiện và nguyên lí tạo hình trong sản phẩm. Gợi ý cách thức tổ chức: – GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận về SPMT của nhóm mình và nhóm bạn. – Câu hỏi gợi ý: + Đặc điểm của vật liệu tự nhiên và ý tưởng thực hiện sản phẩm. + giới thiệu tính ứng dụng của sản phẩm. – GV nhận xét, tuyên dương, động viên khuyến khích HS.</p>	<p>– HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận. – HS trình bày theo hướng dẫn của GV.</p>	<p>Sản phẩm của HS.</p>
<p>Hoạt động 4. Vận dụng</p>	<p>Nhiệm vụ: GV tạo cơ hội cho HS làm hoa giấy. Gợi ý cách thức tổ chức: GV cho HS xem video cách làm hoa, lá đơn giản từ giấy màu.</p>	<p>– HS quan sát và trả lời câu hỏi.</p>	<p>Video cách làm hoa, lá đơn giản từ giấy màu.</p>
	<p>– Câu hỏi gợi ý: + Em hãy nói lại các bước làm hoa giấy trong video vừa xem. + Em có thể làm được hoa gì, màu gì? – GV giúp đỡ HS trải nghiệm làm hoa, lá đơn giản từ giấy màu.</p>	<p>– Nhóm làm hoa, nhóm làm lá, sau đó gộp lại thành bó hoa, lọ hoa.</p>	
<p>Củng cố, dặn dò</p>	<p>Củng cố: nhắc lại các bước thực hiện một SPMT. Dặn dò: giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau.</p>	<p>– HS chuẩn bị cho bài học sau.</p>	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (nếu có)

.....

Toán

Bài 12: VIẾT SỐ ĐO ĐẠI LƯỢNG DƯỚI DẠNG SỐ THẬP PHẦN (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thể hiện được số đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích bằng cách dùng số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực củng cố kiến thức về viết đo các đại lượng dưới dạng số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện viết số đo diện tích và đo độ dài dưới dạng số thập phân. - GV yêu cầu HS viết kết quả vào bảng con. a) $43 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$ $17 \text{ dm}^2 \ 5 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$ $2 \text{ cm}^2 \ 35 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$ b) $6 \text{ m} \ 9 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m}$	HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 44. - HS viết kết quả vào bảng con. a) $0,43 \text{ m}^2$ $17,05 \text{ dm}^2$ $2,35 \text{ mm}^2$

$8 \text{ dm } 5 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ dm}$ $3 \text{ cm } 7 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$ - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.	b) $6,9 \text{ m}$ $8,5 \text{ dm}$ $3,7 \text{ mm}$
--	--

2. Hoạt động

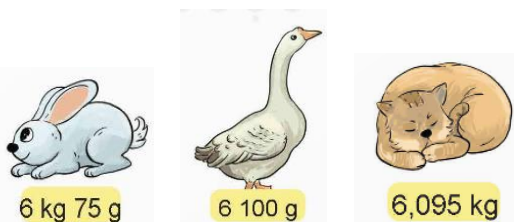
- Mục tiêu:
- + Thể hiện được số đo độ dài, khối lượng, dung tích, diện tích bằng cách dùng số thập phân.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Tìm số thập phân thích hợp.

- a) $8 \text{ m } 7 \text{ dm} = \boxed{?} \text{ m}$
 $4 \text{ m } 8 \text{ cm} = \boxed{?} \text{ m}$
 $5 \text{ cm } 6 \text{ mm} = \boxed{?} \text{ cm}$
- b) $215 \text{ cm} = \boxed{?} \text{ m}$
 $76 \text{ mm} = \boxed{?} \text{ cm}$
 $9 \text{ mm} = \boxed{?} \text{ cm}$

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS báo cáo kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2. Các con vật có cân nặng như hình vẽ.



a) Tìm số thập phân thích hợp.

$6 \text{ kg } 75 \text{ g} = \boxed{?} \text{ kg}$

$6 \text{ 100 g} = \boxed{?} \text{ kg}$

b) Chọn câu trả lời đúng.

Con vật nào nặng nhất?

- A. Thỏ B. Ngỗng C. Mèo

- a) $8 \text{ m } 7 \text{ dm} = 8,7 \text{ m}$
 $4 \text{ m } 8 \text{ cm} = 4,08 \text{ m}$
 $5 \text{ cm } 6 \text{ mm} = 5,6 \text{ cm}$
- b) $215 \text{ cm} = 2,15 \text{ m}$
 $76 \text{ mm} = 7,6 \text{ cm}$
 $9 \text{ mm} = 0,9 \text{ cm}$

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
- HS làm việc cá nhân.
- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- a.
- $6 \text{ kg } 75 \text{ g} = 6,075 \text{ kg}$
 $6 \text{ 100 g} = 6,100 \text{ kg}$

b.
Đáp án B. Ngỗng

- HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.

- HS nêu kết quả.

<p>- GV yêu cầu HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.</p> <p>- GV mời HS nêu kết quả.</p> <p>- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p> <p>Bài 3.</p> <p>a) Tìm số thập phân thích hợp.</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> $6 \text{ l } 260 \text{ ml} = \boxed{?} \text{ l}$ $5 \text{ l } 75 \text{ ml} = \boxed{?} \text{ l}$ </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> $3 \text{ l } 452 \text{ ml} = \boxed{?} \text{ l}$ $750 \text{ ml} = \boxed{?} \text{ l}$ </div> <p>b) Sắp xếp các số thập phân tìm được ở câu a theo thứ tự từ bé đến lớn.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV mời HS thực hiện cá nhân.</p> <p>- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.</p> <p>- GV gọi HS báo cáo kết quả.</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>b) Dựa vào câu a. So sánh</p> $6,075 \text{ kg} < 6,095 \text{ kg} < 6,100 \text{ kg}$ <p>Nên Ngỗng là con vật nặng nhất.</p> <p>- HS nhận xét bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>a.</p> $6 \text{ l } 260 \text{ ml} = 6,260 \text{ l}$ $5 \text{ l } 75 \text{ ml} = 5,075 \text{ l}$ $3 \text{ l } 452 \text{ ml} = 3,452 \text{ l}$ $750 \text{ ml} = 0,750 \text{ l}$ <p>b. 0,750; 3,452; 5,075; 6,260</p> <p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.</p> <p>- HS làm việc cá nhân.</p> <p>- 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p>
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 4. Chọn câu trả lời đúng.</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 46.</p>	<p>- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin.</p>



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi thống nhất kết quả.

- GV yêu cầu HS nêu kết quả và cách thực hiện.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- GV dặn dò bài về nhà.

- HS thảo luận nhóm đôi thống nhất kết quả.

- HS nêu kết quả và cách thực hiện.

+ Viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.

$$5 \text{ m}^2 8 \text{ dm}^2 = 5,08 \text{ m}^2$$

$$5 \text{ m}^2 9 \text{ dm}^2 = 5,09 \text{ m}^2$$

+ So sánh các số thập phân.

$$5,08 < 5,09 < 5,3$$

Vậy: Bức tranh về An toàn giao thông có diện tích bé nhất.

Đáp án B.

- Các nhóm khác nhận xét.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Khoa học

BÀI 5: SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CHẤT (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được một số ví dụ đơn giản gắn gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học (ví dụ: Đinh bị gỉ, giấy cháy, than cháy,...)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu sự biến đổi hóa học qua một số ví dụ đơn giản.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện tốt và có sáng tạo trong thực hiện các hoạt động của bài học để nắm chắc kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.


- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: <i>Hộp quà bí mật</i> để khởi động bài học. + Câu 1: Biến đổi hóa học xảy ra khi nào? + Câu 2: Người ta có thể nhận ra sự biến đổi hóa học dựa vào những dấu hiệu nào? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài	- HS tham gia trò chơi. Quan sát hình và trả lời câu hỏi + Biến đổi hóa học xảy ra khi có sự tạo thành chất mới. + Dựa vào sự thay đổi về màu sắc, mùi, vị,... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá : Một số ví dụ về biến đổi hóa học trong cuộc sống - Mục tiêu: + Trình bày được một số ví dụ đơn giản gần gũi với cuộc sống về biến đổi hóa học + Vận dụng được kiến thức về biến đổi hóa học để giải thích hiện tượng xảy ra trong cuộc sống hằng ngày - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1: Sự biến đổi hóa học của đinh sắt (nhóm 4)	
- Yêu cầu HS quan sát hình 4 SGK, đọc thông tin và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:  + Sự thay đổi màu sắc của đinh sắt sau khi bị gỉ	- HS quan sát và thảo luận

<p>+ Biến đổi nào đã diễn ra với đinh sắt? Giải thích.</p> <p>- Gọi các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>+ Để chống gỉ cho đinh người ta thường làm gì? <i>Chốt: Biến đổi hóa học đã diễn ra đối với đinh sắt vì sau một thời gian sắt đã hình thành chất mới có màu và tính chất khác. Để chống gỉ cho đinh người ta thường sơn hoặc bôi dầu mỡ lên đinh để chống gỉ.</i></p>	<p>+ Sau khi bị gỉ đinh sắt chuyển sang màu nâu đỏ, dễ bị gãy và sẽ không sử dụng được nữa</p> <p>+ Biến đổi hóa học đã xảy ra với đinh sắt vì sau một thời gian sắt đã hình thành chất mới có màu và tính chất khác.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét</p> <p>+ Người ta thường sơn hoặc bôi dầu mỡ lên đinh để chống gỉ.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>Hoạt động khám phá 2: Trình bày ví dụ về sự biến đổi hóa học (cá nhân)</p>	
<p>Giáo viên cho HS làm việc cá nhân</p> <p>Gọi HS trả lời nối tiếp mỗi em 1 ví dụ</p> <p><i>GV nhận xét, kết luận: Có rất nhiều sự biến đổi hóa học diễn ra xung quanh chúng ta, chỉ cần chúng ta chú ý quan sát sẽ nhận ra các dấu hiệu của sự biến đổi hóa học</i></p> <p>- GV giới thiệu và gọi HS đọc mục “em có biết?”</p>	<p>- HS hoạt động cá nhân</p> <p>- HS trả lời nối tiếp</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Nghe và đọc</p>
<p>Hoạt động khám phá 3: Các trường hợp biến đổi hóa học</p>	
<p>Yêu cầu HS quan sát hình 8, 9 và thảo luận nhóm 4:</p> <p>- Sự biến đổi nào đã xảy ra khi đun đường thành ca-ra-men? Giải thích</p> <p>- Cửa sắt bị biến đổi hóa học như thế nào?</p> <p>- Người ta thường làm gì để ngăn ngừa sự biến đổi hóa học của các vật làm bằng sắt?</p> <p>- Gọi các nhóm nhận xét, bổ sung</p> <p><i>GV nhận xét, tuyên dương và chốt: Sự biến đổi hóa học có thể xảy ra dưới tác dụng của nhiệt độ (đun đường thành ca-ra-men, không khí, ánh sáng (sắt bị gỉ khi để lâu trong không khí). Để chống gỉ cho</i></p>	<p>- Biến đổi hóa học vì có sự hình thành chất mới: Đường có màu trắng, vị ngọt chuyển thành chất khác có màu vàng, vị đắng và ngọt dịu.</p> <p>- Cửa sắt chuyển sang màu nâu đỏ</p> <p>- Người ta thường sơn hoặc bôi mỡ lên vật làm bằng sắt để chống gỉ</p> <p>- HS nhận xét, bổ sung câu trả lời</p> <p>- Nghe</p>

<i>các đồ vật làm bằng sắt người ta thường sơn hoặc bôi mỡ lên các đồ vật đó.</i>	
3. Vận dụng, trải nghiệm	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc mục em đã học - GV hướng dẫn học sinh liên hệ kiến thức đã học để giải thích cho người thân về sự biến đổi hóa học của các trường hợp trong thực tiễn cuộc sống hàng ngày . - Hãy cùng người thân thực hiện việc chống gỉ các đồ dùng làm bằng sắt trong gia đình. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Học sinh lắng nghe yêu cầu. - HS tham gia thực hiện. - Lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Đạo đức

Bài 2: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết) (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (việc đặc điểm cá nhân; giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc...

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác phù hợp với bản thân. Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thấu hiểu, và chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, và ngoại hình phải giới tính, ấy hoàn cảnh phải dân tộc,...)
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV cho HS xem video và hát theo bài hát "Trái đất này là của chúng mình" (Nhạc: Trương Quang Lục, lời thơ: Định Hải) lặp lại đoạn nhạc thứ 2 để nhấn mạnh sự khác biệt giữa các màu da của con người trên khắp thế giới, người trên thế giới có thể có nhiều điểm khác- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Bài hát muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì trong cuộc sống?	<ul style="list-style-type: none">- HS xem video, hát.
<ul style="list-style-type: none">- GV tổng kết phần trả lời và nhấn mạnh đến trách nhiệm hành vi, thể hiện tôn trọng sự khác biệt.- GV ghi bảng tên bài	<ul style="list-style-type: none">- HS TL: Bài hát muốn gửi đến thông điệp rằng mọi người trên thế giới có thể có nhiều điểm khác biệt nhau, chúng ta có thể khác biệt về ngôn ngữ, hình dáng, phong tục giới tính, tập quán, văn hóa trong đó có cả sự khác biệt về màu da, mái tóc. Nhưng những sự khác nhau đó không dẫn đến tốt, xấu và mọi người đều luôn cần tôn trọng lẫn nhau về những sự khác biệt. Tất cả đều được yêu quý như nhau. Điều đó tạo nên sự thú vị và sự đoàn kết vui tươi của con người trên Trái Đất.-HS khác NX, góp ý.- HS lắng nghe.- HS ghi vở
2. Hoạt động luyện tập:	

- Mục tiêu:

+ Củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng của bài học thông qua nhận xét hành vi, việc làm cụ thể.

+ Đưa ra lời khuyên, cách xử lý tình huống liên quan đến tôn trọng sự khác biệt.

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Bài tập 1: Bày tỏ ý kiến (Làm việc nhóm 4)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

1 Em tán thành hay không tán thành với các ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a Sự khác biệt của mỗi người tạo nên sắc màu đa dạng cho cuộc sống.

b Các bạn nữ không nên chơi cùng với các bạn nam.

c Chỉ nên chơi với những bạn có cùng hoàn cảnh với mình.

d Mỗi dân tộc đều có những giá trị văn hoá đặc trưng cần được trân trọng và gìn giữ.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 điền vào phiếu học tập ý kiến tán thành (mặt cười), không tán thành (mặt mếu) và giải thích vì sao tán thành hay không tán thành.

- GV cho các nhóm trình bày

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thành phiếu học tập

- Đại diện các nhóm trình bày:

+ Ý kiến a: Tán thành. Vì cuộc sống vốn là thế giới đa dạng, phong phú, đầy màu sắc với mỗi người là một cá thể riêng biệt về sở thích, ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...

+ Ý kiến b: Không tán thành. Vì chúng ta nên vui chơi với các bạn một cách hòa đồng, không nên có sự phân biệt giới tính.

+ Ý kiến c: Không tán thành. Vì mỗi bạn có hoàn cảnh sống khác nhau, điều này không ảnh hưởng đến tình bạn của mỗi người. Cần tôn trọng hoàn cảnh riêng của các bạn và chơi cùng bạn.

+ Ý kiến d: Tán thành. Vì mỗi dân tộc có phong tục và các nét văn hóa đặc trưng đã được gìn giữ và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Vì vậy, chúng ta cần biết trân trọng các giá trị tốt đẹp của mỗi dân tộc.

- GV nhận xét, khen HS.
- GV nêu YC: Nêu những việc nên và không nên làm để thể hiện tôn trọng sự khác biệt.
- GV tổng kết hoạt động, khen thưởng các nhóm làm việc tốt và tổng kết về những việc làm đúng và không đúng trong việc thể hiện tôn trọng sự khác biệt

Hoạt động 2. Nhận xét các việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt. (Làm việc nhóm 2)

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

2 Nhận xét việc làm của các bạn trong những trường hợp dưới đây:

a Mỗi lần bị các bạn trêu chọc vì có vóc dáng nhỏ bé, Tân đều được Phong đỡ đỡ ra bệnh viện, bảo vệ.

b Vì Văn thích chơi đàn pi-a-nô nên bạn không ủng hộ em gái đang kí học chơi nhạc cụ dân tộc.

c Nghỉ hè, Tú được bố mẹ cho về quê chơi. Thấy các bạn trong xóm đá bóng trên mặt ruộng nhưng Tú vẫn vui vẻ tham gia cùng các bạn.

d Vì mới từ nơi khác chuyển đến, lại nói giọng địa phương nên Linh ngại tiếp xúc và trò chuyện với các bạn trong lớp. Thấy vậy, Nga chủ động bắt chuyện với Linh để bạn tự tin hơn.

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để nhận xét các tình huống rồi cho đại diện nhóm trình bày trước lớp:

- + Mỗi bạn trong các tình huống đã làm gì?
- + Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm đó ? vì sao?

- GV NX, khen ngợi HS: nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả làm việc và kết luận về những

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- 2-3 HS nêu:

- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.

- 1 HS đọc trước lớp, HS khác đọc thầm

- HS thảo luận nhóm đôi TL câu hỏi và cử đại diện trình bày trước lớp:

+ Trường hợp a: Không đồng tình với việc làm của các bạn trêu chọc Tân vì điều đó thể hiện thành vi thiếu tôn trọng với sự khác biệt của người khác người khác; đồng tình với Phong vì bạn đã đứng ra bệnh viện và bảo vệ Tân.

+ Trường hợp b: Không đồng tình với Văn vì bạn chưa biết tôn trọng sở thích của em gái khi em có sở thích không giống mình.

+ Trường hợp c: Đồng tình với Tú vì bạn hoà đồng với các bạn, sẵn sàng tham gia chơi vui vẻ cùng các bạn dù điều kiện ở quê khác nơi Tú ở.

+ Trường hợp d: Đồng tình với Nga vì bạn biết cảm thông, chia sẻ với hoàn cảnh riêng của Linh.

- Nhóm khác NX, bổ sung.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm

<p>việc nên làm và không nên làm để thể hiện việc tôn trọng sự khác biệt.</p>	
<p>Hoạt động 3. Đưa ra lời khuyên. (Làm việc nhóm4)</p> <p>-GV đưa đề bài, YC HS đọc</p> <p>Đưa ra lời khuyên cho bạn:</p> <p>a.Mai đang chơi với một nhóm bạn thì thấy Hà đi qua. Mai định rủ Hà vào chơi cùng thì một bạn trong nhóm nói: “Chơi với Hà làm gì! Bạn ấy điệu lắm!” Nếu là Mai, em sẽ nói gì với bạn? Vì sao?</p> <p>b.Cùng là thành viên trong đội văn nghệ của trường, Hương chia sẻ với Lan: “Tớ mong sau này sẽ trở thành nghệ nhân quan họ như bà của tớ”. Lan tỏ vẻ chê bai: “Cậu buồn cười thật! Lẽ ra phải mơ ước thành ca sĩ nổi tiếng chứ!” Em sẽ khuyên lan điều gì? Vì sao?</p> <p>c.Cuối tuần, 2 chị em Na được mẹ đưa đi mua quần áo mới. Thấy em định chọn chiếc áo màu hồng, Na cản nhắc: “Sao em có thể thích cái màu này được nhỉ?” Em sẽ khuyên N cái gì? Vì sao?</p> <p>-GV có thể cho đại diện nhóm quay vòng quay ngẫu nhiên chọn tình huống hoặc phân tình huống cho các nhóm.</p> <p>-GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4 đưa ra lời khuyên và thể hiện tình huống bằng cách sắm vai.</p> <p>-GV cho các nhóm thể hiện trước lớp.</p> <p>-GV tổng kết hoạt động, khen thưởng các nhóm làm việc tốt và tổng kết về việc nên đưa ra những lời khuyên đúng đắn thể hiện tôn trọng, sự khác biệt.</p>	<p>- 1-2 HS đọc, lớp đọc thầm</p> <p>- Các nhóm nhận tình huống</p> <p>- HS lắng nghe, thảo luận nhóm đưa ra lời khuyên bằng cách sắm vai</p> <p>-Một số nhóm lên thể hiện trước lớp</p> <p>-Các nhóm khác nhận xét, góp ý.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS chơi trò “Phóng viên nhí”.</p>	<p>- HS tham gia chơi.</p>

<p>- GV chọn một HS xung phong làm phóng viên, lần lượt hỏi các bạn trong lớp: + Nêu việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt. + Bạn đã có những việc làm nào thể hiện tôn trọng sự khác biệt? + Bạn có suy nghĩ gì khi làm những việc đó? - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực. - Dặn dò về nhà: thực hiện các sản phẩm như bài viết, video, tranh kí họa,.. về chủ đề "Tôi khác biệt" để giới thiệu về những điểm đặc biệt của bản thân mình với các bạn vào tiết học sau.</p>	<p>- 1HS làm phóng viên và hỏi cả lớp. - 3-5 HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân - HS lắng nghe nắm được nhiệm vụ.</p>
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Hoạt động trải nghiệm

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:

XÁC ĐỊNH NGUYÊN TẮC KHI GIAO TIẾP AN TOÀN TRÊN MẠNG.

THỰC HÀNH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI GIAO TIẾP TRÊN MẠNG.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS xác định được những nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng
- HS thực hành xử lý được một số tình huống đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: xác định được những nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng và xử lý được một số tình huống để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng .

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Vận dụng được những nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng vào thực tế

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm để thực hiện thực hành sắm vai xử lý tình huống về đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.

3. Phẩm chất

– Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân trong việc thực hiện những nguyên tắc an toàn khi giao tiếp trên mạng.

**Giáo dục Quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.*

II. ĐỒ DÙNG

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Trò chơi “Chuyền hoa”</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>– Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.</p>	
<p>b) Cách tiến hành</p> <p>- GV phổ biến luật chơi cho cả lớp: Cả lớp hát một bài hát bất kì và chuyền tay nhau 1 cành hoa (1 chiếc bút hay quyển vở, ...) khi cô giáo hô “dừng lại”, cành hoa (chiếc bút hay quyển vở) dừng ở bạn nào thì bạn đó sẽ trả lời câu hỏi sau: + <i>Nêu 01 biểu hiện của sự tự chủ khi giao tiếp trên mạng.</i></p> <p>- Trò chơi tiếp tục cho đến khi GV thấy HS trong lớp đã nêu được tương đối đầy đủ các biểu hiện của sự tự chủ khi giao tiếp trên mạng thì dừng trò chơi.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ cách thực hiện</p> <p>- HS thực hiện hoạt động.</p>
<p>– GV tổng hợp câu trả lời của các HS trong lớp và giới thiệu chủ đề hoạt động “An toàn cho em – An toàn cho mọi người” tuần 6</p>	HS lắng nghe
<p>2. Tìm hiểu – Mở rộng</p> <p>Hoạt động 4. Xác định nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng</p>	
<p>a) Mục tiêu</p> <p>- HS chia sẻ được với bạn về những việc mình đã làm được để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng.</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất được những nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng</p>	
<p>b) Cách tiến hành</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 4 HS) và phát cho mỗi nhóm giấy A0, bút viết và yêu cầu học sinh các nhóm thảo luận để xác định nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng theo các bước sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Lần lượt từng học sinh chia sẻ trong nhóm về những việc mà mình đã làm được để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. - Bước 2: Cả nhóm thảo luận về những nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng dựa trên những việc mà mỗi bạn trong nhóm đã chia sẻ. - Bước 3: trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0. <p>GV gợi ý cho HS trình bày kết quả theo những cách biểu đạt sáng tạo như vẽ tranh, vẽ sơ đồ tư duy, ... lưu ý cách trình bày thật dễ hiểu, dễ nhớ về các nguyên tắc.</p>	<p>HS thảo luận nhóm ghi kết quả thảo luận trên giấy A0 theo những cách biểu đạt sáng tạo như vẽ tranh, vẽ sơ đồ tư duy, ...</p>
<p>– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn nếu chỗ nào chưa rõ. Sau khi các nhóm trình bày xong, GV nêu 2 câu hỏi cho cả lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ai có thể tổng hợp và nhắc lại những nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng mà các nhóm đã trình bày ?</i> - <i>Có ai muốn bổ sung thêm nguyên tắc nào khác không ?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện HS trình bày. - HS lắng nghe. - HS trả lời 2 câu hỏi
<ul style="list-style-type: none"> - GV dành thời gian cho HS cả lớp suy nghĩ, mời một số học sinh trả lời câu hỏi trên và kết luận những điều HS cần nhớ về nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng. - GV nhận xét chung về kết quả làm việc của các nhóm và chuyển ý sang hoạt động 5. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS làm theo hướng dẫn.
<p>3. Thực hành – Vận dụng</p>	
<p>Hoạt động 5.</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Thực hành xử lý tình huống đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng	
a) Mục tiêu - HS sắm vai xử lý được một số tình huống đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng	
b) Cách tiến hành – GV chia lớp thành các nhóm và phân công cho mỗi nhóm 1 tình huống (trong SGK HĐTN lớp 5, trang 20) liên quan đến đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. - GV hướng dẫn các nhóm HS sắm vai: mỗi nhóm đọc kĩ tình huống được phân công, thảo luận để đưa ra cách giải quyết tình huống đó, phân vai cho các thành viên trong nhóm và diễn thử trong nhóm. - GV dành thời gian cho các nhóm chuẩn bị và hỗ trợ khi cần thiết. - GV mời lần lượt các nhóm lên sắm vai xử lý tình huống, các nhóm khác quan sát và ghi nhớ cách giải quyết tình huống của nhóm bạn. - GV tổ chức cho HS cả lớp nhận xét về cách giải quyết tình huống của các nhóm và rút ra những điều cần lưu ý khi sắm vai cũng như việc thực hiện những việc làm đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. *Giáo dục Quyền con người: - Trẻ em có quyền gì? - GD: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.	– HS làm việc theo nhóm: đọc tình huống và phân vai. <div style="background-color: #e0f2f1; padding: 10px; border-radius: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>Tình huống 1</p> <p>Khi đang học trực tuyến thì Mai nhận được lời mời kết bạn từ một người không quen biết. Mai băn khoăn không biết có nên kết bạn hay không.</p> <p><i>Nếu là Mai, em sẽ làm gì?</i></p> </div> <div style="background-color: #e0f2f1; padding: 10px; border-radius: 10px; margin-bottom: 10px;"> <p>Tình huống 2</p> <p>Nam được các bạn rủ tham gia một nhóm trò chuyện trên mạng xã hội. Nam đang băn khoăn không biết có nên tham gia không.</p> <p><i>Nếu là Nam, em sẽ làm gì?</i></p> </div> - HS trả lời
4. Tổng kết tiết trải nghiệm	
– GV tổng kết hoạt động, khen ngợi, động viên những HS tích cực tham gia hoạt động, tuyên dương nhóm nhận được nhiều lời khen về cách xử lý tình huống tốt.	– HS lắng nghe và cổ vũ những bạn được khen ngợi.
IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

Thứ Tư, ngày 9 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
Bài 4: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG
Tiết 1 – 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

- Đọc hiểu: Biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh (cách triển khai ý, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh). Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bày đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết thể hiện cảm nhận tinh tế của nhà thơ về vẻ đẹp phong cảnh Vịnh Hạ Long.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý mọi người, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên biển đảo, bảo vệ động vật hoang dã.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, ảnh tư liệu trong câu chuyện.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu:	

<p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1.1. Ôn bài cũ:</p> <p>- GV cho 2 HS nêu tên bài đọc trước và 2 HS đọc nối tiếp bài <i>Hang Sơn Đoòng - những điều kì thú và trả lời câu hỏi:</i></p> <p>Theo bài đọc, điều gì làm nên sự kì thú của hang Sơn Đoòng?</p>	<p>HS thực hiện theo yêu cầu của GV</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>1.2. Khởi động:</p> <p>-GV đưa bức tranh về Vịnh Hạ Long ? Nêu cảm nhận của mình về cảnh vật trong bức ảnh. - GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát vào bài mới.</p>	<p>- HS quan sát -HS nêu</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.</p> <p>- GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai</p> <p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- GV chia đoạn:</p> <p>+ Đoạn 1: Từ đầu đến phượng múa</p> <p>+ Đoạn 2: Tiếp theo đến phơi lưới</p> <p>+ Đoạn 3: Tiếp theo đến huyện bí</p> <p>+Đoạn 4: Còn lại</p> <p>- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: (“ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển với chân trời”; “lúc neo thuyền, phơi lưới”; “ông lão trầm tĩnh”,...)</p>	<p>- Hs lắng nghe GV đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.</p> <p>- 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- HS đọc từ khó.</p>

<p>- GV hướng dẫn luyện đọc những câu dài: (Chiều đoạn 1 hướng dẫn đọc)</p> <p><i>Có chỗ đảo dàn ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập,/ xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển.</i></p> <p><i>Có hòn trông như đôi gà /đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước/ (hòn Gà Chọi); có hòn bẻ thế như mái nhà/ (hòn Mái Khà);/ có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng/ (hòn Con Cóc) c có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá/ (hòn Ông Lão Vọng).</i></p> <p>-GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn</p> <p>- HS đọc cá nhân</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- 2-3 HS đọc câu.</p> <p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>-Đọc nhắm toàn bài 1 lượt</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+Biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh (cách triển khai ý, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh). Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bày đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1. Giải nghĩa từ:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có)</p> <p>Trường thành: bức thành dài và vững chắc</p> <p>+ Khơi: vùng biển xa bờ.</p> <p>+ Lộng: vùng biển gần bờ</p> <p>+ <i>Khuất khúc</i>, có nhiều đoạn quanh co, gấp khúc.</p> <p>+ <i>Chon von</i>: trơ trọi ở trên cao, không có chỗ dựa chắc chắn.</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nghe giải nghĩa từ</p>

3.2. Tìm hiểu bài:

- GV gọi HS đọc toàn bài và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?

+ Câu 2: Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó

+ Câu 3: Dựa vào bài đọc, em. hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long: Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng châu, phượng múa.

+ Câu văn này giúp người đọc hình dung được toàn cảnh vịnh Hạ Long: vịnh rất rộng với hàng nghìn đảo; những hòn đảo được tạo hoá xếp đặt rất đẹp mắt.

+ Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt rất thú vị. Bằng biện pháp so sánh hoặc nhân hoá, tác giả đã giúp người đọc hình dung sự thú vị đó.

Trên một diện tích hẹp, mọc lên <i>hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng châu, phượng múa</i>	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.
<i>Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi</i> , ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển với chân trời.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.
Có cho <i>đảo dàn ra thưa thớt</i> , hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông <i>như quân cờ bày chon von trên mặt biển</i> .	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.
Có chỗ <i>đảo quần tụ ỉai, xúm xít như vạn chài ỉục neo thuyền, phơi lưới</i>	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.

+ Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều

+ Câu 4: Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được “chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá”?

***Giáo dục đạo đức:**

- Các em cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên biển đảo, động vật hoang dã?

- **GD: Yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên biển đảo, bảo vệ động vật hoang dã.**

Câu 5: Chủ đề của bài “Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long” là gì? Chọn đáp án đúng.

A. Vẻ đẹp kỹ thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long.

C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách.

D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV yêu cầu HS nêu ND bài học.

- GV nhận xét, chốt ND:

Bài đọc đã khắc họa lên một bức tranh Hạ Long với những hang đảo có vẻ đẹp kỳ thú, đầy sự sống động và những sự tích huyền bí.

3.3. Luyện đọc lại:

- Gv gợi ý cách đọc diễn cảm; Nhóm tổ chức đọc

thấp thoáng hình ảnh của sự sống.

Có hòn chông chênh như con cóc ngòi bờ	Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi	Có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn
--	--	---

+ Khi ngắm đảo ở Hạ Long, tác giả có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá vì hình dáng mỗi hòn đảo trên vịnh Hạ Long đều giống hình người hoặc vật quen thuộc (hình ảnh mái nhà, hình ảnh ông lão ngồi câu cá, hình con cóc, con gà, con rùa, con thiên nga,...). Những hòn đảo tụ họp lại bên nhau làm hiện lên thấp thoáng hình ảnh của sự sống là vậy.

- HS trả lời

-HS chọn đáp án: A

- 2-3 HS nêu theo hiểu biết của mình.

-3-4 HS đọc lại ND bài.

- Nghe Gv hướng dẫn đọc diễn cảm

<p>+ 4 HS đọc 4 đoạn + HS làm việc theo nhóm góp ý bạn đọc + Xung phong đọc trước lớp.</p> <p>3.4. Luyện tập sau khi đọc</p> <p>- GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.</p> <p>Câu 1: Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long: nhấp nhô, sừng sững, thưa thớt, chon von, xúm xít, chông chênh.</p> <p>Câu 2: Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa. <i>Ngắm nhìn, quần tụ, vững chắc, trầm lặng, vững chãi, quây quần</i></p> <p>Câu 3: Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài</p> <p>- GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- 4 HS đọc – Lớp nhận xét cách đọc của bạn</p> <p>-Nhóm phân công luân phiên bạn đọc</p> <p>-2 -3 HS đọc bài</p> <p>-Thảo luận thống nhất trình bày trước lớp:</p> <p>+ các từ có âm đầu hoặc vần giống nhau, tạo sự độc đáo về âm điệu khi đọc, đồng thời các từ này đều giàu sức gợi tả, giúp người đọc hình dung được hình dáng, sự xếp đặt thú vị của các hòn đảo trên vịnh.</p> <p>+ Cặp từ đồng nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - trầm tĩnh, trầm lặng - quần tụ, quây quần - vững chắc, vững chãi - ngắm nhìn, chiêm ngưỡng <p>-HS đặt câu: Dân cư quần tụ đông đúc dọc hai bên bờ sông. Cả gia đình quây quần bên nhau cùng thưởng thức bữa tối âm cúng.</p> <p>-Hs nghe</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “<i>Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long</i>”.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà chia sẻ người thân bài em đã được học.</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Toán

Bài 13: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

- Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được việc làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 47.	- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách làm tròn số tự nhiên đã học ở lớp 4.
- GV hướng dẫn cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.

+ **Ta so sánh chữ số ở hàng phần mười với 5.**

+ **Nếu chữ số ở hàng phần mười bé hơn 5 thì làm tròn xuống.**

Nếu chữ số ở hàng phần mười bằng hoặc lớn hơn 5 thì làm tròn lên.



- GV yêu cầu HS chia sẻ cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất theo nhóm đôi.
- GV mời HS đọc phần ghi nhớ cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất ở khung xanh trong SGK trang 47.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ Làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

- Cách tiến hành:

- HS chia sẻ thông tin.
- HS nhắc lại cách làm tròn số tự nhiên đã học ở lớp 4.
- HS lắng nghe.

- HS đọc phần ghi nhớ cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên ở khung xanh trong SGK trang 47.

Khi làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, ta so sánh chữ số ở hàng phần mười với 5. Nếu chữ số hàng phần mười bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Bài 1. Làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.

42,305 513,59 0,806

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV yêu cầu HS nêu cách làm
- GV nhận xét.

Bài 2. Chiều cao, cân nặng chuẩn của trẻ 10 tuổi theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) như sau:

	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Trẻ trai	137,8	31,2
Trẻ gái	138,6	31,9

Em hãy làm tròn các số đo trong bảng đến số tự nhiên gần nhất.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS cho biết;
 - + Chiều cao của bé trai, bé gái khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?
 - + Cân nặng của bé trai, bé gái khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân.
- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
 - Các nhóm chia sẻ kết quả.
- + $42,305 = 42$
 $513,59 = 514$
 $0,806 = 1$
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nêu cách làm.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc yêu cầu của đề bài.

- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
 - + Chiều cao:
Bé trai: 138 cm
Bé gái: 139 cm
 - + Cân nặng:
Bé trai: 31 kg

<ul style="list-style-type: none"> - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). 	<p>Bé gái: 32 kg</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét bổ sung. - HS lắng nghe. 									
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 										
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lập bảng thống kê chiều cao, cân nặng của nhóm như ở bài tập 2 trng SGK trang 48. - GV mời HS chia sẻ. - GV nhận xét. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân. - HS làm việc theo nhóm, lập bảng thống kê chiều cao, cân nặng của nhóm. <p style="text-align: center;">BẢNG THỐNG KÊ</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 33%;">Nhóm</th> <th style="width: 33%;">Chiều cao (cm)</th> <th style="width: 33%;">Cân nặng (kg)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bạn nam</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Bạn nữ</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ. Lớp nhận xét. - HS lắng nghe. 	Nhóm	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)	Bạn nam			Bạn nữ		
Nhóm	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)								
Bạn nam										
Bạn nữ										

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Lịch sử - Địa lí

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM (tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng sự hiểu biết về dân số, các dân tộc Việt Nam.

- Phẩm chất trách nhiệm: Tôn trọng sự đa dạng văn hoá của các dân tộc.

**Giáo dục Quyền con người: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.*

**Tài liệu Giáo dục địa phương*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS thi kể tên các dân tộc ở Việt Nam.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>Vừa rồi các em đã kể tên được rất nhiều tên dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam, vậy để biết được các dân tộc ấy ở vùng nào và nét văn hoá đặc sắc nào, thì tiết học hôm nay chúng ta cùng khám phá nhé: “Dân số và dân tộc Việt Nam Tiết 4”</p>	<p>- HS thi kể tên.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1. Tìm hiểu về dân tộc.</p> <p><i>a. Tìm hiểu về tên các dân tộc sinh sống ở nước ta.</i></p> <p>GV tổ chức trò chơi kể tên các dân tộc ở Việt Nam, có thể chia đội hoặc theo cách “điền tiếp”, “kể tiếp” không trùng lặp tên dân tộc.</p> <p>- TLĐP: Kể tên các dân tộc ở Bình Dương.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS chơi theo hướng dẫn.</p> <p>- HS trả lời</p>

<p>- GV chuẩn hoá lại tên các dân tộc, đồng thời có thể giới thiệu một số hình ảnh đặc trưng về trang phục, nhà ở, lễ hội của các dân tộc ở Việt Nam</p> <p>b. Kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.</p> <p>GV chia HS thành các nhóm 4 – 6 HS, hướng dẫn HS đọc câu chuyện Đoàn kết dân tộc trong phong trào Cần Vương và Tình cảm yêu thương của đồng bào dân tộc ở tân trào đối với Bác Hồ, kết hợp với tranh ảnh, tư liệu sưu tầm được, kể với bạn trong nhóm câu chuyện thể hiện tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.</p> <p>GV gọi 2 nhóm HS kể chuyện.</p> <p>Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm theo các tiêu chí dưới đây, tổng kết ý nghĩa của việc đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam trong thời kì dựng nước, giữ nước và phát triển kinh tế. Ở hoạt động này, GV rèn cho HS kĩ năng kể một câu chuyện lịch sử. Vì vậy, trong quá trình HS báo cáo nhiệm vụ, GV hướng dẫn HS đứng trình bày, giọng kể và biểu cảm thế nào cho hấp dẫn</p>	<p>-HS lắng nghe.</p> <p>- Quan sát.</p> <p>- HS tìm hiểu câu chuyện theo nhóm.</p> <p>+ Chọn câu chuyện dự định kể.</p> <p>+ Kể câu chuyện cho các bạn trong nhóm.</p> <p>- HS kể chuyện theo nhóm.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức về các dân tộc ở nước ta.</p> <p>+ Nêu nét văn hoá của dân tộc qua hình ảnh.</p> <p>+ Rèn luyện kĩ năng để góp phần phát triển năng lực tư duy, năng lực thẩm mỹ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động trò chơi:</p> <p>- GV tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng</p> <p>- Mục đích: Giúp học sinh nhớ những kiến thức về các dân tộc ở Việt Nam.</p> <p>- Chuẩn bị: Hình ảnh chiếu trên Powerpoint.</p> <p>- Cách chơi: Chơi cả lớp. Giáo viên chiếu hình ảnh trang phục rồi yêu cầu học sinh nêu tên dân tộc có trang phục đó. và sau thời gian suy nghĩ là 20 giây học sinh phải đưa ra câu trả lời. Nếu trả lời đúng một câu hỏi các em sẽ được</p>	<p>- HS lắng nghe luật chơi.</p> <p>- HS tham gia chơi.</p>

<p>thi và giờ bảng. Sau 4 câu hỏi học sinh nào trả lời được hết sẽ là người thắng cuộc.</p> <p>- GV tổng kết trò chơi.</p> <p>- TLĐP: <i>Sưu tầm tranh, ảnh, trang phục truyền thống của một số dân tộc ở Bình Dương mà em biết. Giới thiệu với bạn cùng lớp về một lễ hội của dân tộc mình.</i></p> <p>- GV nhận xét chung tuyên dương học sinh.</p>	<p>- HS sưu tầm và giới thiệu cho các bạn</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- TLĐP: <i>Yêu cầu HS vẽ tranh thể hiện tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc ở tỉnh Bình Dương. Nêu cảm nhận ngắn gọn và mong muốn của em qua bức tranh đó.</i></p> <p>*Giáo dục Quyền con người:</p> <p>- Là học sinh, các em làm gì để giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam?</p> <p>- GD: <i>Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam.</i></p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh tham gia</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS trả lời</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Công nghệ

Bài 2: NHÀ SÁNG CHẾ (T4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu thông tin từ những ngữ liệu cho sẵn trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình... trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Tích cực tham gia vào các hoạt động học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tôn trọng các nhà sáng chế, trân trọng các sáng chế mà họ đóng góp cho xã hội.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

a

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
<u>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Vòng quay may mắn”</u> <u>- Cách chơi: GV cho HS chọn bất kì 1 trong 3 câu hỏi và trả lời nếu trả lời đúng sẽ quay vòng quay để nhận phần thưởng, trả lời sai sẽ nhường quyền trả lời cho HS khác</u> <u>+ Câu 1: Ai là người sáng chế ra động cơ hơi nước?</u> <u>+ Câu 2: Bóng đèn sợi đốt của Tô-mát Ê-đi-xơn được cấp bằng sáng chế vào năm nào?</u> <u>+ Câu 3: Nhà sáng chế A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo là người nước nào?</u> - GV nhận xét, khen HS tham gia chơi đồng thời dẫn dắt vào bài mới	- HS lắng nghe luật chơi và tham gia chơi. + Câu 1: Giêm Oát + Câu 2: 1879 + Câu 3: Nước Xcốt-len - Lắng nghe
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + HS nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế. - Cách tiến hành:	

Hoạt động khám phá.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận theo nhóm 4 lựa chọn các thẻ mô tả đức tính cần có để trở thành một nhà sáng chế.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Yêu cầu các nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận:

Một số đức tính để trở thành nhà sáng chế là: kiên trì, tò mò khoa học, chịu khó quan sát, chăm chỉ, đam mê, không ngại thất bại, thông minh, sáng tạo, nghị lực, ham học hỏi

Hoạt động luyện tập.

- Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV nhận xét, tuyên dương

Kết luận: Ghi nhớ (SGK trang 13).

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

+ Một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế là: kiên trì, tò mò khoa học, chịu khó quan sát, chăm chỉ, đam mê, không ngại thất bại, thông minh, sáng tạo, nghị lực, ham học hỏi

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

- HS lắng nghe, thoi dõi

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe

- HS đọc

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

- Cách tiến hành:

- GV cho HS đọc câu chuyện “Chiếc máy tính điện tử đầu tiên”

- HS đọc cá nhân

- HS lắng nghe, về nhà thực hiện.

- Yêu cầu HS về nhà chia sẻ cùng người thân về những sáng kiến mà em biết và những đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế mà em có thể học tập - Nhận xét, đánh giá tiết dạy.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
---	---------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Ôn Toán
Bài 13: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHẦN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm
- Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được việc làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- VBT Toán và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	
- Cách tiến hành:	
- Trò chơi: Ai nhanh hơn?	- HS tham gia chơi.

<p>Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>a)</p> <p>18 dm² 9 cm² = dm² 2 cm² 37 mm² = cm²</p> <p>b) 6 m 3 dm = m 4 dm 5 cm = dm</p> <p>- GV nhận xét trò chơi, tuyên dương. - Dẫn vào bài học.</p>	<p>a)</p> <p>18, 09 dm² 2, 37 mm²</p> <p>b) 6,3 m 4,5 dm</p> <p>- Lắng nghe.</p>
--	--

2. Hoạt động thực hành

- Mục tiêu:

+ Làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

- Cách tiến hành:

Bài 1. Hoàn thành bảng sau bằng cách làm tròn các số thập phân đã cho đến số tự nhiên gần nhất.

Số đã cho	Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất
25,108	
406,39	
0,915	
1,098	

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS nêu cách làm.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- Gọi HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
- HS nêu cách làm.
- HS làm việc cá nhân.
- HS chia sẻ kết quả.

Số đã cho	Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất
25,108	25
406,39	406
0,915	1
1,098	1

- HS khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Chiều cao, cân nặng của một số bạn học sinh được cho như bảng sau.

Tên	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Hòa	146,7	35,4
Nùng	145,85	36,8
Páo	150,2	40,3

Em hãy làm tròn các số đo trong bảng trên đến số tự nhiên gần nhất để hoàn thành bảng sau.

Tên	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Hòa		
Nùng		
Páo		

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS cho biết;
 - + Chiều cao của các bạn khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?
 - + Cân nặng của các bạn khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào VBT.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

- HS đọc yêu cầu của đề bài.

- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.

Tên	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)
Hòa	147	35
Nùng	146	37
Páo	150	40

- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

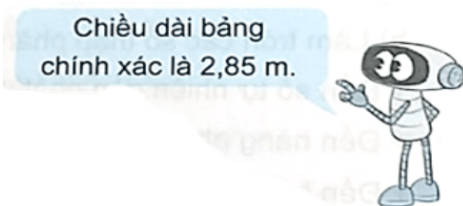
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân.

Bài 3: Đ, S?



Khi ước lượng chiều dài bảng lớp:

+ Việt nói: Chiều dài bảng khoảng 2 m.

+ Nam nói: Chiều dài bảng khoảng 3 m.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2.

- GV mời đại diện HS chia sẻ.

- GV nhận xét.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân.

- HS đọc yêu cầu của đề bài.

- HS làm việc theo nhóm.

- HS chia sẻ. Các nhóm khác nhận xét.

Khi ước lượng chiều dài bảng lớp:

+ Việt nói: Chiều dài bảng khoảng 2 m. **S**

+ Nam nói: Chiều dài bảng khoảng 3 m. **Đ**

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Ôn Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.
- Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn Bốn mùa trong ánh nước theo cách của mình.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn tả cảnh sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- SGK, VBT Tiếng Việt và bài văn làm tốt của học sinh.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV mở nhạc HS khởi động đầu tiết học.- HS nêu cảm nhận khi tham gia khởi động.- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- HS nghe nhạc và tham gia khởi động cả lớp.- Hs nêu cảm nhận của mình.- HS lắng nghe.
2. Khám phá. <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Nhận biết các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.+ Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn Bốn mùa trong ánh nước theo cách của mình.+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.- Cách tiến hành:	

Bài tập 1: So sánh các cách mở bài và kết bài ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 59). Em thích cách viết nào hơn? Vì sao?

-GV yêu cầu HS đọc bài 1

-Nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách mở bài?

- Gọi HS nhận xét.

- Nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách kết bài?

- Em thích cách viết nào hơn? Vì sao?

-GV nhận xét, kết luận.

Bài 2: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Bốn mùa trong ánh nước*.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, tả con vật đã học ở lớp 4

- GV hướng dẫn HS viết: Đề viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu phong cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả trong bài./...; Đề viết kết bài mở rộng, có thể giải thích vì sao người dân mọi miền đất nước về thăm Hà Nội bao giờ cũng đến hồ Hoàn Kiếm, hoặc tưởng tượng sau này lớn lên và nhớ về hồ Hoàn

-HS đọc

- Giống nhau: Hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh, cũng là địa điểm có phong cảnh và những cảnh vật nổi bật, để lại ấn tượng cho mọi người nhất (nơi có nhiều hoa, nhiều thông và nhiều hồ nước đẹp).

- Khác nhau: + Mở bài trực tiếp: ngắn gọn nhưng hàm súc, dễ nhớ và tạo ấn tượng mạnh.

+ Mở bài gián tiếp: đoạn văn có nhiều câu hơn, có nhiều thông tin hơn.

- HS khác nhận xét

- Giống nhau: Hai cách kết bài đều nhấn mạnh lại ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh. Mỗi cách kết bài đều có cái hay riêng.

- Khác nhau:

+ Kết bài không mở rộng: ngắn gọn, súc tích, gây ấn tượng với người đọc.

+ Kết bài mở rộng: làm cho ý của kết bài phong phú hơn, tạo kết nối với người đọc dễ dàng hơn.

- HS trả lời.

- HS lắng nghe

- HS đọc

- HS nêu

- HS chú ý

Kiểm cùng những kỉ niệm đã có với hồ Hoàn Kiếm, /...

- Yêu cầu HS viết bài vào VBT.
- Gọi HS đọc bài viết của mình trước lớp.
- GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương

Bài 3: Trả lời các câu hỏi sau:

a. Theo em, khi viết mở bài gián tiếp, có thể bắt đầu như thế nào để dẫn vào phần giới thiệu phong cảnh?

b. Theo em, khi viết kết bài mở rộng, nên mở rộng theo hướng nào?

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài
- GV hướng dẫn Hs dựa vào những cách mở bài và kết bài mà đã viết và những gợi ý trong sách để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.
- GV gọi HS nêu cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.

-HS viết bài.

-HS đọc bài viết của mình trước lớp.

-HS đọc

-HS chú ý

-HS nêu :

a. Cách viết mở bài gián tiếp cho bài văn tả phong cảnh:

+ Khi viết mở bài gián tiếp, có thể bắt đầu nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh.

+ Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn nhắc đến cảnh vật thiên nhiên.

+ Dùng một giác quan để nêu cảm nhận về cảnh vật thiên nhiên.

+ Dùng một câu chuyện, truyền thuyết, sự tích có liên quan đến cảnh vật.

b. Cách viết kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh:

+ Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên.

+ Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian.

+ Chia sẻ cảm xúc của bản thân với cảnh vật.

+ Đặt câu hỏi với người đọc về một suy nghĩ, cách làm để bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên.

<p>-Gọi HS nhận xét. -GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>+ Tạo một khẩu hiệu, kết luận về cách làm tích cực giúp bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên. - HS nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe.</p>
<p>3. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: 1/ Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài mở bài và kết bài sáng tạo. 2/ Chia sẻ với người thân nội dung mở bài và kết bài em đã viết. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. 1/. Em ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài mở bài và kết bài sáng tạo. - HS chia sẻ và chuẩn bị cho tiết sau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Thứ Năm, ngày 10 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: QUAN SÁT PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết bài văn quan sát phong cảnh.
- Nhận biết được quan sát phong cảnh theo đúng trình tự.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng hiểu biết về cách viết báo cáo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và mẫu báo cáo công việc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV gọi HS đọc mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh và nêu nhận xét - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Chuẩn bị : -GV hướng dẫn HS chuẩn bị ?Để quan sát tranh phong cảnh cần chuẩn bị những gì?	- 2 HS đọc các bước chuẩn bị; Cả lớp lắng nghe. - HS đọc yêu cầu và gọi ý trước lớp + Lựa chọn cách quan sát trực tiếp hoặc qua tranh ảnh,... + Lựa chọn trình tự quan sát

-GV yêu cầu HS chuẩn bị
 - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết

- a. Theo không gian:
- Từ bao quát toàn cảnh đến từng chi tiết, từng bộ phận (hoặc ngược lại)
 - Từ gần đến xa (hoặc ngược lại)
 - Từ trái qua phải (hoặc ngược lại)
 - ●

- b. Theo thời gian:
- Theo thời gian trong ngày
 - Theo các mùa trong năm
 - Theo sự thay đổi của phong cảnh trong mỗi lần quan sát
 - ●

-HS chuẩn bị

Bài 2: Quan sát và ghi lại kết quả quan sát
 -GV yêu cầu HS đọc mẫu và gợi ý trong SGK
 - Đọc câu gợi ý
 - Cho HS tiến hành thảo luận
 - Trình bày trước lớp

-HS đọc
 -HS nhớ lại kết quả đã quan sát
 -Hs ghi vào vở những đặc điểm của phong cảnh được chọn quan sát và miêu tả cần sử dụng các giác quan để nhận biết các đặc điểm của phong cảnh: nhìn ngắm, hình dáng, màu sắc,.....
 -HS đọc bài đã ghi chép

Cảnh vật	Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Âm thanh	Hương vị	(...)
Dòng suối	uốn lượn,...	trong vắt,...	róc rách,...	(...)	(...)
	uốn lượn như dải lụa mềm mại	trong vắt như pha lê	róc rách, thánh thót như tiếng đàn.	(...)	(...)

-GV nhận xét, tuyên dương

-HS khác nhận xét, bổ sung

3.Trao đổi về kết quả quan sát
 -GV yêu cầu HS đọc yêu cầu
 -GV nhắc HS Khi quan sát, các em cố gắng nhận ra đặc điểm riêng của phong cảnh được quan sát và miêu tả. Trong bài văn tả phong cảnh, để người đọc nhận rõ được đặc điểm của cảnh vật, phụ thuộc vào việc các em lựa chọn từ ngữ, sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng,... gây ấn tượng

-HS đọc yêu cầu
 -HS chú ý

-HS chia sẻ kết quả:
 Cảnh vật nào được quan sát?

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét HS trình bày – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi trao đổi bài. - GV kết luận về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát - một khâu quan trọng để viết được bài văn tả phong cảnh hay. 	<ul style="list-style-type: none"> + Cảnh vật đó có những đặc điểm nào nổi bật? Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điểm của phong cảnh được quan sát có hợp lí không? + Cách miêu tả đặc điểm (sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...) của bạn đã giúp làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh được tả hay chưa? + Bạn đã học tập được điều gì từ các bài văn tả phong cảnh đã học? -Nhận xét, bổ sung
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu đề HS tham gia vận dụng: Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về những điều em đã tìm hiểu về cách viết về bài văn tả phong cảnh - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia đề vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em tiến hành chia sẻ với người thân cùng góp ý - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Toán

Bài 13: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHẦN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Làm tròn được số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm
- Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được việc làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

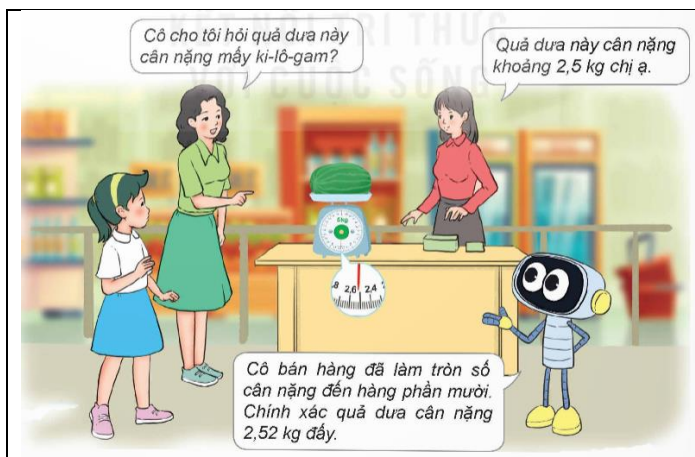
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 48. a) Làm tròn số thập phân đến hàng mười. b) Làm tròn số thập phân đến hàng trăm.	- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.
- GV hướng dẫn HS làm tròn số thập phân đến hàng phần mười.

+ So sánh chữ số ở hàng phần trăm với 5.

+ Nếu chữ số ở hàng phần trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống.

Nếu chữ số ở hàng phần trăm bằng hoặc lớn hơn 5 thì làm tròn lên.

- GV hướng dẫn HS làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm.

+ So sánh chữ số ở hàng phần nghìn với 5.

+ Nếu chữ số ở hàng phần nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống.

Nếu chữ số ở hàng phần nghìn bằng hoặc lớn hơn 5 thì làm tròn lên.

- GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ cách làm tròn số thập phân đến hàng phần mười và hàng phần trăm ở khung xanh trong SGK trang 49.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- HS chia sẻ thông tin.

- HS nhắc lại cách làm tròn số thập phân đến số tự nhiên gần nhất.

- + Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười.

$$\begin{array}{l}
 2,\underline{5}2 \xrightarrow[\text{Làm tròn xuống}]{\text{Vì } 2 < 5} 2,5 \\
 3,\underline{2}5 \xrightarrow[\text{Làm tròn lên}]{\text{Vì } 5 = 5} 3,3 \\
 1,\underline{5}7 \xrightarrow[\text{Làm tròn lên}]{\text{Vì } 7 > 5} 1,6
 \end{array}$$

- Làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm.

$$\begin{array}{l}
 6,3\underline{2}4 \xrightarrow[\text{Làm tròn xuống}]{\text{Vì } 4 < 5} 6,32 \\
 6,3\underline{2}5 \xrightarrow[\text{Làm tròn lên}]{\text{Vì } 5 = 5} 6,33 \\
 6,3\underline{2}7 \xrightarrow[\text{Làm tròn lên}]{\text{Vì } 7 > 5} 6,33
 \end{array}$$

- HS đọc phần ghi nhớ

+ Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, ta so sánh chữ số ở hàng phần trăm với 5. Nếu chữ số ở hàng phần trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

+ Khi làm tròn số thập phân đến hàng phần trăm, ta so sánh chữ số ở hàng phần

<p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>nghìn với 5. Nếu chữ số ở hàng phần nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Làm tròn được số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm</p> <p>+ Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Làm tròn các số thập phân: 9, 345; 21, 663; 0,451</p> <p>a) Đến phần mười. b) Đến hàng phần trăm.</p> <p>- GV mời HS đọc đề bài. - GV yêu cầu HS làm bài vào vở. - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. - GV gọi HS chia sẻ kết quả.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>Bài 1. Đ, S? Làm tròn 139,7 đến số tự nhiên gần nhất.</p> <p>a) Việt nói: Đường chéo màn hình ti vi dài khoảng 139 cm. ?</p> <p>b) Nam nói; Đường chéo màn hình ti vi dài khoảng 140 cm.D. ?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài. - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở. - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. - GV gọi HS chia sẻ kết quả.</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm bài vào vở. - 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả. - Các nhóm chia sẻ kết quả. + Làm tròn số thập phân đến:</p> <p>a) Hàng phần mười $9,345 = 9,3$ $21, 663 = 22,7$ $0,4571 = 0,5$</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p> <p>- HS đọc yêu cầu của đề bài. - HS làm bài cá nhân vào vở. - 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. - HS chia sẻ kết quả. $139,7 = 140.$ a) S</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). 	<p>b) Đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét bổ sung. - HS lắng nghe.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 2. Làm tròn số Pi đến hàng phần mười, hàng phần trăm.</p> <p>Pi: 3,141592</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả. - GV gọi HS nêu kết quả. - GV nhận xét. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để ước lượng số đo diện tích của một số đồ vật trong lớp. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài. - HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả. - HS nêu kết quả. + Làm tròn số Pi đến hàng phần mười $3,141592 = 3,1$ + Làm tròn số Pi đến hàng phần trăm $3,141592 = 3,14$ - HS lắng nghe. - HS thảo luận theo nhóm. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Khoa học
BÀI 6: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực những nội dung chính đã học về chủ đề chất dưới dạng sơ đồ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Vận dụng và trao đổi với bạn và mọi người về chủ đề chất.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết về kiến thức và kĩ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV đưa ra câu hỏi: ? Kể tên một số chất mà em đã học? - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: “Ôn tập chủ đề chất”	-Hs nêu. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh trình bày vòng đời và sự phát triển của động vật đẻ trứng . - Cách tiến hành:	
Hoạt động khám phá 1. - GV yêu cầu hs quan sát hình 1, đọc thông tin và nói với bạn về một trong những nội dung đã học trong chủ đề chất.	- HS quan sát tranh và trao đổi về chủ đề chất.



- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

GV tổ chức cho Hs tham gia hoạt động nhóm 2, quan sát hình 2, đọc thông tin và trả lời câu hỏi

- Vai trò của đất đối với cây lúa.
- Lợi ích của việc trồng lúa trên ruộng bậc thang ở những vùng đất có độ dốc cao.



Hình 2

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau.
- HS đọc

- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 3.

- GV yêu cầu hs quan sát hình 3 và cho biết bất nào chứa hỗn hợp. Trong các hỗn hợp đó, hỗn hợp nào là dung dịch? Giải thích?

- HS quan sát và TLCH.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
Gv kết luận.

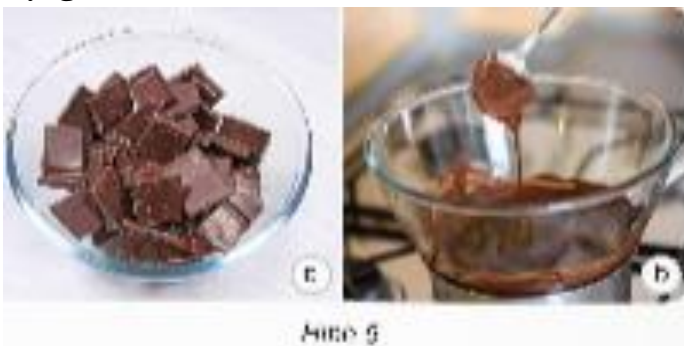
Hoạt động khám phá 4.

- GV yêu cầu hs quan sát hình 4 và cho biết biến đổi nào đã diễn ra với đường trong quá trình nấu nước màu.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
Gv kết luận.

- GV yêu cầu hs quan sát hình 5 và đề xuất cách làm để tạo nên các viên sô cô la có nhiều hình dạng khác nhau.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
Gv kết luận.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
HS lắng nghe

- HS quan sát và TLCH.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
HS lắng nghe

- HS quan sát và TLCH.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
HS lắng nghe

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV mời HS chia sẻ về chủ đề chất.

- GV nhận xét tuyên dương. (có thể cho xem video)

- Nhận xét sau tiết dạy.

- Dặn dò về nhà.

- Học sinh tham gia chia sẻ.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Ôn Toán

Bài 13: LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Làm tròn được số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm
- Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực thực hiện được việc làm tròn được số thập phân đến số tự nhiên gần nhất, đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- VBT Toán và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh															
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 																
<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: Ong tìm hoa <p>Làm tròn các số thập phân đã cho đến số tự nhiên gần nhất</p> <p>62, 105 783, 54 0,912 127, 49</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét trò chơi, tuyên dương. - Dẫn vào bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> + 63 + 784 + 1 + 127 - Lắng nghe. 															
<p>2. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Làm tròn được số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm + Vận dụng làm tròn, ước lượng số thập phân trong giải các bài tập, bài toán thực tế. - Cách tiến hành: 																
<p>Bài 1. Hoàn thành bảng sau bằng cách làm tròn các số thập phân đã cho đến hàng phần mười và hàng phần trăm.</p> <table border="1" data-bbox="151 1293 764 1646"> <thead> <tr> <th>Số đã cho</th> <th>Làm tròn đến hàng phần mười</th> <th>Làm tròn đến hàng phần trăm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>5,275</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>10,771</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>0,648</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3,1416</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài. - Gọi HS nêu cách làm. - GV yêu cầu HS làm cá nhân. - GV yêu cầu HS trả lời. - GV gọi HS chia sẻ kết quả. 	Số đã cho	Làm tròn đến hàng phần mười	Làm tròn đến hàng phần trăm	5,275			10,771			0,648			3,1416			<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của đề bài. - HS nêu cách làm. - HS làm cá nhân. - HS trả lời.
Số đã cho	Làm tròn đến hàng phần mười	Làm tròn đến hàng phần trăm														
5,275																
10,771																
0,648																
3,1416																

Số đã cho	Làm tròn đến hàng phần mười	Làm tròn đến hàng phần trăm
5,275	5,3	5,28
10,771	10,8	10,77
0,648	0,6	0,65
3,1416	3,1	3,14

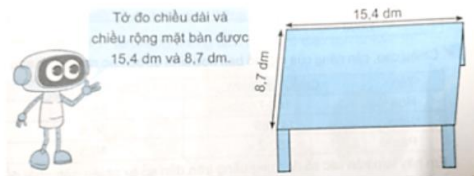
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 2. Đ, S?



Làm tròn kích thước mặt bàn đến số tự nhiên gần nhất:

+ Việt nói: Chiều dài mặt bàn khoảng 16 dm.

+ Nam nói: Chiều rộng mặt bàn khoảng 9 dm.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.
- GV gọi HS nêu kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 3: Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 085 mm = m

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.

- HS nêu kết quả.

+ Việt nói: Chiều dài mặt bàn khoảng 16 dm. **S**

+ Nam nói: Chiều rộng mặt bàn khoảng 9 dm. **Đ**

- HS lắng nghe.

752 kg = tấn

b) Làm tròn các số thập phân ở câu a:

+ Đến số tự nhiên gần nhất, ta được các số:

.....

+ Đến hàng phần mười, ta được các số:

.....

+ Đến hàng phần trăm, ta được các số:

.....

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu.

- Cho HS làm bài vào VBT.

- Gọi HS trình bày kết quả.

- Gọi HS nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu.

- HS làm bài vào VBT.

- HS trả lời:

a) 3 085 mm = 3,085 m

752 kg = 0,752 tấn

b) Làm tròn các số thập phân ở câu a:

+ Đến số tự nhiên gần nhất, ta được các số: 3; 1

+ Đến hàng phần mười, ta được các số: 3,1; 0,8

+ Đến hàng phần trăm, ta được các số: 3,09; 0,75

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Ôn Tiếng Việt
Tiết 3: VIẾT
Bài: QUAN SÁT PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết bài văn quan sát phong cảnh.
- Nhận biết được quan sát phong cảnh theo đúng trình tự.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng hiểu biết về cách viết báo cáo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- SGK, VBT Tiếng Việt và mẫu báo cáo công việc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV gọi HS đọc mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh và nêu nhận xét - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhận biết được cách viết bài văn tả phong cảnh. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	

Bài 1: Chọn phong cảnh theo yêu cầu để quan sát và ghi lại kết quả quan sát.

a. Đặc điểm chung của phong cảnh:

b. Đặc điểm của từng sự vật, hiện tượng:

Cảnh vật	
Hình dáng	
Màu sắc	
Âm thanh	
Hương vị	
....	

- GV yêu cầu HS đọc mẫu và gợi ý trong SGK
- Đọc câu gợi ý
- Cho HS tiến hành thảo luận
- Trình bày trước lớp

- Gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

-HS đọc

-HS nhớ lại kết quả đã quan sát

-Hs ghi vào vở những đặc điểm của phong cảnh được chọn quan sát và miêu tả cần sử dụng các giác quan để nhận biết các đặc điểm của phong cảnh: nhìn ngắm, hình dáng, màu sắc,.....

-HS đọc bài đã ghi chép:

Cảnh vật	Rừng có nhiều cây cao to, tán lá rộng, rậm rạp. Con suối uốn lượn nhẹ nhàng qua các tảng đá lớn nhỏ. Có đa dạng các loài động vật khác nhau sống xung quanh.
Hình dáng	Như một chiếc thảm xanh khổng lồ bao chứa những cây cối, động vật,...
Màu sắc	Màu xanh của cây cối chiếm phần lớn phong cảnh, kết hợp với màu nâu của thân cây và đá. Nước suối trong veo, phản chiếu ánh sáng mặt trời tạo nên những mảng màu xanh và trắng. Voi có màu xám đặc trưng, trong khi nai có bộ lông nâu nhạt.
Âm thanh	Âm thanh chủ đạo là tiếng nước suối chảy róc rách, tiếng chim hót líu lo, và thỉnh thoảng có tiếng động vật rừng di chuyển. Tất cả tạo nên một bản giao hưởng thiên nhiên tuyệt vời.
Hương vị	Không khí trong lành, mùi thơm của cây cỏ và đất ẩm từ rừng rậm, kết hợp với hương thơm nhẹ nhàng của hoa dại. Mùi này mang lại cảm giác sảng khoái và thư giãn.

-HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 2: Em muốn tả phong cảnh mình lựa chọn theo trình tự nào? Vì sao?

-GV yêu cầu HS đọc yêu cầu.

- GV nhắc HS Khi quan sát, các em cố gắng nhận ra đặc điểm riêng của phong cảnh được quan sát và miêu tả. Trong bài văn tả phong cảnh, để người đọc nhận rõ được đặc điểm của cảnh vật, phụ thuộc vào việc các em lựa chọn từ ngữ, sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng,... gây ấn tượng

-Lắng nghe.

-HS đọc yêu cầu
-HS chú ý.

-HS chia sẻ kết quả:
-Nhận xét, bổ sung

- Em quan sát và lựa chọn trình tự để tả phong cảnh (không gian, thời gian,...)

Cách 1	Cách 2
- Em muốn tả phong cảnh mình lựa chọn theo trình tự thời gian.	- Em muốn tả phong cảnh mình lựa chọn theo trình tự không gian.
- Bởi vì: Trình tự thời gian giúp bài văn được cảm nhận trong nhiều thời điểm, giúp người đọc nắm được đặc trưng hay vẻ đẹp riêng của cảnh vật ở từng giai đoạn khác nhau.	- Bởi vì: Trình tự không gian giúp cảnh vật được quan sát trong nhiều góc độ từ hình dáng, màu sắc đến âm thanh, mùi hương,... Từ đó người đọc cảm nhận được cảnh vật từ bao quát tới chi tiết.

- GV nhận xét HS trình bày – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi trao đổi bài.

- GV kết luận về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát - một khâu quan trọng để viết được bài văn tả phong cảnh hay.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Cách tiến hành:

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:
Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về những điều em đã tìm hiểu về cách viết về bài văn tả phong cảnh

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn:
- Em tiến hành chia sẻ với người thân cùng góp ý

- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	----------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Thứ Sáu, ngày 11 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
Tiết 4: NÓI VÀ NGHE: BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được chủ đề sắp được thảo luận (bảo tồn các loài động vật hoang dã).
- Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	

<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu một đoạn văn tả phong cảnh cho HS đọc và nêu hiểu biết của mình về cách viết đoạn văn đã đọc - GV giới thiệu 1 số bức tranh về các loài động vật hoang dã; cho HS xem tranh rồi và trả lời câu hỏi: ? Theo em, hiện nay các loài động vật hoang dã đang phải đối diện với vấn đề gì? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc và nêu theo cách hiểu của mình. -HS xem tranh và trả lời câu hỏi - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết được chủ đề sắp được thảo luận (bảo tồn các loài động vật hoang dã. + Biết trao đổi ý kiến về những chi tiết thú vị có trong câu chuyện mà mình yêu thích. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1: Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời học sinh đọc yêu cầu - GV HD: <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ lại kể tên một số loài vật hoang dã mà em biết dựa vào những sách báo đã đọc. + Làm việc cá nhân: - HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu. - GV theo dõi nhận xét chung, 	
<p>Bài 2: Thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 Hs đọc lại yêu cầu của bài học - HD HS thảo luận nhóm + Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận + Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu - HS làm việc cá nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ lại kể tên loài vật hoang dã yêu thích dựa vào những sách báo đã đọc: giới thiệu về các loài động vật, về các hoạt động bảo tồn các loài động vật + Liệt kê các thông tin quan trọng về thực tế liên quan đến động vật hoang dã hiện nay và những hoạt động để bảo vệ chúng. - Thực hiện ghi chép - HS lắng nghe.
<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc -Nhóm thảo luận các nội dung <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu tên nội dung chính thảo luận và lí do cần bảo vệ động vật hoang dã. + Chia sẻ những chi tiết thú vị cần bảo vệ động vật hoang dã. 	

<ul style="list-style-type: none"> + Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp -Tiến hành trình bày trước lớp - GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nêu suy nghĩ cảm xúc của mình về những động vật hoang dã cần bảo vệ -Đại diện trình bày – Lớp nhận xét -Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Viết bài văn mình đã chọn + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 3. Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS bình chọn - GV đánh giá kết quả học tập của Hs theo 2 nội dung : <li style="padding-left: 20px;">+ Những thông tin quan trọng đối với việc bảo tồn động vật hoang dã. <li style="padding-left: 20px;">+ Những ý kiến hay về việc làm thế nào để bảo tồn động vật hoang dã. - GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị về động vật hoang dã để Hs biết mà tìm đọc. <p>3. Đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS bình chọn người kể được nhiều chi tiết thú vị nhất, người trình bày ý kiến hấp dẫn nhất, người tham gia thảo luận tích cực nhất,... - GV đánh giá kết quả học tập, có thể giới thiệu thêm một vài câu chuyện thú vị khác (hoặc cuốn sách có nhiều câu chuyện thú vị) để HS cùng biết và tìm đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs tham gia bình chọn - Nghe GV đánh giá - Theo dõi GV giới thiệu để tìm đọc.
<ul style="list-style-type: none"> + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: -Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất - GV đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn: - Em chia sẻ với người thân của em và trao đổi về về câu chuyện em nghe thú vị nhất và lắng nghe ý kiến của người thân. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Toán
Bài 14: LUYỆN TẬP CHUNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Hệ thống, củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Phân số $\frac{3}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là: A. 0,3 B. 0,03 C. 0,003 D. 0,0003 + Câu 2: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm 7,268 7,38 A. < B. > C. =	- HS tham gia trò chơi 1. Đáp án B 2. Đáp án A 3. Đáp án B

<p>+ Câu 3: Giá trị của chữ số 6 trong số thập phân 23,867 là</p> <p>A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ B. $\frac{6}{1000}$ D. $\frac{6}{10000}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1. Nêu số thập phân thích hợp.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS thực hiện cá nhân. - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. - GV gọi HS báo cáo kết quả.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>Bài 2.</p> <p>a) Tìm số thập phân thích hợp</p> <p>3 m 45 cm = <input type="text"/> m</p> <p>5 kg 256 g = <input type="text"/> kg</p> <p>4 cm² 6 mm² = <input type="text"/> cm²</p> <p>518 ml = <input type="text"/> l</p> <p>b) Số?</p> <p>2,35 m = <input type="text"/> m <input type="text"/> cm = <input type="text"/> cm</p> <p>4,75 kg = <input type="text"/> kg <input type="text"/> g = <input type="text"/> g</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS nêu kết quả. - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc cá nhân. - 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả.</p> <p>+ 37,364 + 508,42 + 0,025 + 1000,071</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p> <p>a)</p> <p>3 m 45 cm = 3,45 m 5 kg 256 g = 5,256 kg 4 cm² 6 mm² = 4,06 cm² 518 ml = 0,518 l</p> <p>b)</p> <p>2,35 m = 2 m 35 cm = 235 cm 4,75 kg = 4 kg 75 g = 4075 g</p> <p>- HS đọc đề bài. - HS nhận xét bổ sung.</p>

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3. Quan sát các số thập phân trong bảng rồi làm tròn.

Tên chất lỏng	1 / cân nặng ? kg
Nước biển	1,026
Rượu	0,79
Mật ong	1,36
Dầu ăn	0,9
Thủy ngân	13,56
Hi-đrô lỏng	0,07085

- GV yêu cầu HS nêu kết quả.
- GV nhận xét, tuyên dương.

a) Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất các số thập phân ứng với dầu ăn và thủy ngân.

$$\text{Dầu ăn: } 0,9 = 1$$

$$\text{Thủy Ngân: } 13,56 = 14$$

b) Làm tròn đến hàng phần mười các số thập phân ứng với rượu và mật ong.

$$\text{Rượu: } 0,79 = 0,8$$

$$\text{Mật ong: } 1,36 = 1,4$$

c) Làm tròn đến hàng phần trăm các số thập phân ứng với nước biển và hi-đrô lỏng.

$$\text{Nước biển: } 1.026 = 1,03$$

$$\text{Hi-đrô lỏng: } 1.07085 = 0,070$$

- HS nêu kết quả.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Từ năm thẻ **5; 1; 7; 0; ,** hãy lập tất cả các số thập phân bé hơn 1.

- GV phát cho mỗi nhóm các thẻ ghi số và dấu phẩy.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm thành lập tất cả các số thập phân từ năm thẻ số.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe trò chơi.

- Nhóm nhận thẻ số và thẻ dấu phẩy.

- HS thảo luận nhóm.

- Các nhóm nhận xét.

Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Âm nhạc
- ÔN TẬP BÀI HÁT: ÁNH TRẮNG VÀNG
- THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC – CÂU CHUYỆN ÂM NHẠC:
KHÚC NHẠC DƯỚI TRĂNG

I. Yêu cầu cần đạt:

- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái bài *Ánh trăng vàng*
- Hát rõ lời và thuộc lời, biết hát kết hợp gõ đệm và vận động. Biết hát với các hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.
- HS ghi nhớ nội dung câu chuyện Khúc nhạc dưới trăng.
- Qua bài hát giáo dục học sinh biết thể hiện tình cảm yêu quê hương, đất nước, yêu mến và gắn bó với mái trường thông qua những hành động như: giúp đỡ bạn bè, kính trọng thầy cô, giữ gìn vệ sinh trong trường học..

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên

- Đàn phím điện tử
- Bài dạy trình chiếu
- Câu chuyện Khúc nhạc dưới trăng

2. Học sinh.

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập
- Có một số nhạc cụ gõ

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. HĐ khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none">- Gv: cho HS khởi động theo bài nhạc “7 nốt nhạc xinh”- Gv: Nhận xét, liên hệ vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- Hs khởi động- Hs nghe nhận xét
<p>2. HĐ thực hành luyện tập.</p> <p>a. ND1: Ôn tập bài hát: <i>Ánh trăng vàng</i> (khoảng 17 phút)</p> <ul style="list-style-type: none">- Hỏi? Bạn nào cho cô biết bài hát <i>Ánh trăng vàng</i> do ai sáng tác? Nêu nội dung của bài- Gv: Nhận xét và liên hệ bài- Gv: Cho học sinh nghe lại bài hát 1 lần.- Hỏi? Nhắc lại sắc thái bài hát cho cô?- Gv: Nhận xét	<ul style="list-style-type: none">- Hs trả lời- Hs nghe nhận xét- Hs nghe lại giai điệu bài hát.- Hs trả lời- Hs nghe nhận xét- Hs nghe bài hát

-GV cho HS nghe bài hát *Ánh trăng vàng* được trình bày bằng tiếng Trung Quốc, HS nêu lên cảm nhận về nhịp độ, sắc thái, tình cảm của bài hát.

-GV cho HS nghe bài hát *Ánh trăng vàng* được trình bày bằng tiếng Việt, HS nghe và gõ đệm hoặc vận động cơ thể.

-GV cho HS hát cùng nhạc đệm 1 – 2 lần, tập lấy hơi và thể hiện sắc thái.

-GV mời HS xung phong hát kết hợp thể hiện động tác minh họa.

-GV hướng dẫn HS hát kết hợp vận động (tham khảo gợi ý sau):

Câu hát	Động tác
<i>Vui múa ca mừng đón ánh trăng vàng</i> <i>và cùng muôn ánh sao.</i>	Tay trái đưa lên cao, tay phải ngang ngực, hai bàn tay cuộn từ ngoài vào trong và ngược lại. Hai tay đan chéo vào nhau mở vòng qua đầu sang hai bên.
<i>Nghe sáo ngân hòa chung với nhịp đàn,</i> <i>mùa thu về thiết tha.</i>	Tay phải đặt gần tai phải, tay trái chống hông. Hai tay đan chéo vào nhau đưa từ trong ra ngoài.

<i>Trăng ơi trăng về đây múa ca, vui cùng bao sắc hoa.</i>	Tay phải đưa lên cao vẫy nhẹ, tay trái đặt sau lưng. Tay trái đưa lên cao vẫy nhẹ, tay phải đặt sau lưng.
<i>Gió bay nhẹ trên tóc, dưới ánh trăng vàng rất xa.</i>	Hai tay đưa lên cao, đưa sang hai bên. Hai tay mở cao từ trong ra ngoài, chân nhún nhẹ.

- GV cho HS tập biểu diễn bài hát theo hình thức cá nhân, theo cặp hoặc nhóm.

-Hs hát.

- HS xung phong hát kết hợp thể hiện động tác minh họa.

- HS tập biểu diễn bài hát theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi nhóm, tổ, cá nhân trình bày. - Gv: Tuyên dương và nhận xét, khuyến khích HS. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS trình bày theo nhóm, tổ, cá nhân - HS theo dõi và lắng nghe
<p>3. HĐ khám phá. Thường thức âm nhạc – Câu chuyện âm nhạc: <i>Khúc nhạc dưới trăng</i> <i>(khoảng 18 phút)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> -GV mời HS đọc truyện cảm từng đoạn của câu chuyện. -GV mời HS trả lời một số câu hỏi củng cố: <ul style="list-style-type: none"> + Câu chuyện có mấy nhân vật? + Hãy nêu đặc điểm của từng nhân vật? + Những ai trong câu chuyện biết chơi đàn pi-a-nô? + Em yêu thích nhân vật nào nhất trong câu chuyện? Vì sao? + Ý nghĩa của câu chuyện <i>Khúc nhạc dưới trăng</i> là gì? + Em muốn đóng vai nhân vật nào trong câu chuyện? -GV yêu cầu HS tập kể lại câu chuyện theo cách riêng hoặc HS đóng vai các nhân vật trong câu chuyện (nếu có điều kiện). - GV cho HS nghe trích đoạn bản nhạc <i>Xô-nát Ánh trăng</i> của Bét-tô-ven. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc chuyện - Hs trả lời . - Hs kể lại câu chuyện theo cách riêng -Hs nghe đoạn trích
<p>4. HĐ ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi? Bài học hôm nay các con được học mấy phần? - Gv: Đàn và cho học sinh tập biểu diễn bài hát lại 1 lần. - Gv: Nhận xét giờ học ngày hôm nay, động viên các em có tinh thần học tập tốt, cần phát huy trong các tiết học sau. - Gv: Dặn dò học sinh về nhà xem lại bài hôm nay và chuẩn bị sách vở cho giờ học ngày hôm sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs trả lời - Hs hát và múa lại bài 1 lần - Hs lắng nghe - Hs ghi nhớ lời cô dặn

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....

.....

Ôn Toán
Bài 14: LUYỆN TẬP CHUNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Hệ thống, củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- VBT Toán và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Phân số $\frac{4}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là: A. 0,4 B. 0,04 C. 0,004 D. 0,0004 + Câu 2: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm 8,299 8,31 A. < B. > C. =	- HS tham gia trò chơi 1. Đáp án B 2. Đáp án A 3. Đáp án A

+ Câu 3: Giá trị của chữ số 8 trong số thập phân 23, 867 là

- A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ B. $\frac{8}{1000}$ D. $\frac{8}{10000}$

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ Củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Viết số thập phân thích hợp

Số thập phân gồm	Số thập phân
Năm chục, sáu đơn vị, bốn phần mười, ba phần nghìn	
Một trăm linh năm đơn vị, mười bảy phần trăm	
Không đơn vị, bảy mươi lăm phần nghìn	

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV gọi HS báo cáo kết quả.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân.
- HS báo cáo kết quả.

Số thập phân gồm	Số thập phân
Năm chục, sáu đơn vị, bốn phần mười, ba phần nghìn	56,403
Một trăm linh năm đơn vị, mười bảy phần trăm	105,17
Không đơn vị, bảy mươi lăm phần nghìn	0,075

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- GV nhận xét.

Bài 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

Chiều dài một số cây cầu bắc qua sông Hồng ở Hà Nội được cho như bảng sau:

Tên cầu	Chiều dài (phần cầu chính) (đơn vị: km)
Cầu Thăng Long	3,25
Cầu Thanh Trì	3,084
Cầu Vĩnh Tuy	3,778

Số đo chiều dài được làm tròn của:

- a) Cầu Thanh Trì đến số tự nhiên gần nhất là: km.
 b) Cầu Thăng Long đến hàng phần mười là: km.
 c) Cầu Vĩnh Tuy đến hàng phần trăm là: km.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2.
- GV mời đại diện nhóm nêu kết quả.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

Bài 3. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 2 m 74 cm = m
 10 l 107 ml = l
 20 cm 5 mm = cm
 815 g = kg
 b) 12,53 m = m cm = cm.
 7,42 kg = kg g = g

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Yêu cầu HS làm vào bảng con.
- Gọi HS nêu kết quả.

- GV yêu cầu HS nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- HS đọc đề bài.
- HS làm nhóm 2.
- Đại diện nhóm nêu kết quả:
 - Cầu Thanh Trì đến số tự nhiên gần nhất là: 3 km.
 - Cầu Thăng Long đến hàng phần mười là: 3,3 km.
 - Cầu Vĩnh Tuy đến hàng phần trăm là: 3,78 km.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe.

- HS đọc đề bài.
- HS làm vào bảng con.
- HS nêu kết quả:

$$\begin{aligned} \text{a) } 2 \text{ m } 74 \text{ cm} &= 2,74 \text{ m} & 20 \text{ cm } 5 \text{ mm} &= 20,5 \text{ cm} \\ 10 \text{ l } 107 \text{ ml} &= 10,107 \text{ l} & 815 \text{ g} &= 0,815 \text{ kg} \\ \text{b) } 12,53 \text{ m} &= 12 \text{ m } 53 \text{ cm} = 12,53 \text{ m} \\ 7,42 \text{ kg} &= 7 \text{ kg } 420 \text{ g} = 7420 \text{ g} \end{aligned}$$

- HS nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 4.

Từ năm tấm thẻ  lập được các số thập phân lớn hơn 4 mà có 3 chữ số ở phần thập phân là:

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu.
- GV phát cho mỗi nhóm các thẻ ghi số và dấu phẩy.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm thành lập tất cả các số thập phân từ năm thẻ số.
- Gọi đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu.
- HS lắng nghe trò chơi.
- Nhóm nhận thẻ số và thẻ dấu phẩy.
- HS thảo luận nhóm.
- Đại diện nhóm trình bày:
Các chữ số thập phân lập được là: 9,394; 9,349; 9,439; 9,493; 4,399; 4,993; 4,939
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Hoạt động trải nghiệm Sinh hoạt lớp

XÂY DỰNG CAM KẾT VỀ GIAO TIẾP AN TOÀN TRÊN MẠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Tự nhận xét, đánh giá được những việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Xây dựng được cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá được việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm để xây dựng cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng

2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: xây dựng và thực hiện được những cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức thực hiện những cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng.

II. CHUẨN BỊ

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Trò chơi “Vòng quay may mắn”</p> <p>- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ sinh hoạt.</p>	
<p>- GV bật phần mềm vòng quay may mắn (công cụ chọn tên ngẫu nhiên, đã được GV nhập tên của HS trong lớp vào) theo link sau: https://wheelofnames.com/vi/ để chọn tên học sinh sẽ trả lời câu hỏi: + <i>Nêu những nguyên tắc đảm bảo an toàn khi giao tiếp</i></p> <p>- GV sử dụng vòng quay vài lần để chọn khoảng 4, 5 HS trả lời - GV tổng hợp câu trả lời của HS và dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.</p>	<p>- HS theo dõi kết quả vòng quay, kim chỉ của vòng quay dừng lại ở tên ai thì học sinh đó trả lời câu hỏi</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động 1: Sơ kết tuần và thông qua kế hoạch tuần sau</p>	
<p>a) Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.</p>	
<p>b) Cách tiến hành:</p>	
<p>* Đánh giá kết quả tuần 6</p> <p>- GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.</p>	<p>- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần...</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động theo phong trào. - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét chung, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời GVCN nhận xét - HS lắng nghe và rút kinh nghiệm - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc theo tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Xây dựng cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng</p>	
<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xây dựng được cam kết về giao tiếp an toàn trên mạng 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu mỗi HS viết ít nhất 3 điều để cam kết về việc thực hiện giao tiếp an toàn trên mạng vào giấy nháp - GV chia lớp thành các nhóm (mỗi 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân

<p>nhóm từ 4 – 6 HS) và yêu cầu từng HS trao đổi trong nhóm về 3 điều cam kết mà mình mới viết, sau đó thống nhất trong nhóm để viết thành bản cam kết chung của nhóm và trình bày bản cam kết đó trên giấy A1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS các nhóm chia sẻ bản cam kết của nhóm mình với cả lớp. - GV cùng HS cả lớp thống nhất bản cam kết của lớp về giao tiếp an toàn trên mạng và giao nhiệm vụ cho nhóm HS trình bày lại bản cam kết đó trên giấy khổ lớn để treo trong lớp học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm, trình bày kết quả trên giấy A1. - HS chia sẻ kết quả trước lớp - HS lắng nghe và ghi nhớ
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV khen ngợi các nhóm làm việc nghiêm túc, có sự hợp tác cao - GV nhắc nhở các em luôn thực hiện giao tiếp an toàn trên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và ghi nhớ
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

KÝ DUYỆT

Ngày tháng 10 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hải

TUẦN 7

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 7
(Từ ngày 14/10 - 18/10)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
HAI (14/10)	1	19	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Nghe nói chuyện về chủ đề “Phòng chống hoả hoạn”.	
	2	7	Tin học	Bài 4. Cây thư mục (Tiết 1)	
	3	43	Tiếng Việt	Đọc: Mầm non	GDDĐ
	4	44	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa	
	5				
	6	31	Toán	Bài 14: Luyện tập chung (Tiết 2)	
	7	13	LS-ĐL	Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (Tiết 1)	
	8	19	Ôn TV	Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa	
BA (15/10)	1	45	Tiếng Việt	Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh	
	2	7	Mĩ thuật	Bài 4: Vòng quanh thế giới (Tiết 1)	
	3	32	Toán	Bài 15: Ki-lô-mét vuông. Héc-ta (Tiết 1)	
	3	13	Khoa học	Bài 7: Vai trò của năng lượng (Tiết 1)	TLDP
	5	7	Đạo đức	Bài 2: Tôn trọng sự khác biệt của người khác (Tiết 3)	
	6	13	Thể dục	Bài 4: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng (Tiết 3)	
	7	25	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please?	
	8	20	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Chơi trò chơi “Bức tranh bí ẩn”. - Nhận diện một số nguyên nhân gây hoả hoạn.	QCN
TƯ (16/10)	1	46	Tiếng Việt	Đọc: Những ngọn núi nóng rẫy (Tiết 1)	
	2	47	Tiếng Việt	Đọc: Những ngọn núi nóng rẫy (Tiết 2)	GDDĐ
	3	33	Toán	Bài 15: Ki-lô-mét vuông. Héc-ta (Tiết 2)	
	4	14	LS-ĐL	Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (Tiết 2)	
	5	26	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please?	
	6	7	Công nghệ	Bài 3: Tìm hiểu thiết kế (Tiết 1)	Tiết đọc thư viện
	7	19	Ôn Toán	Bài 15: Ki-lô-mét vuông. Héc-ta (Tiết 2)	
	8	20	Ôn TV	Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh	

NĂM (17/10)	1	48	Tiếng Việt	Viết: Viết đoạn văn tả phong cảnh	
	2	34	Toán	Bài 16: Các đơn vị đo diện tích (Tiết 1)	
	3	27	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please?	
	4	14	Khoa học	Bài 7: Vai trò của năng lượng (Tiết 2)	
	5				
	6	14	Thê dục	Bài 4: Bài tập phối hợp biến đổi đội hình di chuyển hướng vòng (Tiết 4)	
	7	20	Ôn Toán	Bài 16: Các đơn vị đo diện tích (Tiết 1)	
	8	21	Ôn TV	Viết: Viết đoạn văn tả phong cảnh	
	9	7	KNS	Ngoài sân - Phòng tránh và ứng phó khi gặp thiên tai (Tiết 3)	
SÁU (18/10)	1	49	Tiếng Việt	Đọc mở rộng	
	2	35	Toán	Bài 16: Các đơn vị đo diện tích (Tiết 2)	
	3	7	Âm nhạc	Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu - Nhạc cụ thể hiện giai điệu Lí thuyết âm nhạc: Vạch nhịp, ô nhịp, trọng âm, phách	
	4	28	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please?	
	5				
	6	21	Ôn Toán	Bài 16: Các đơn vị đo diện tích (Tiết 2)	
	7	21	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Diễn tập phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy.	
	8	7	Năng khiếu		

Thứ Hai, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Hoạt động trải nghiệm

Sinh hoạt dưới cờ

NGHE NÓI CHUYỆN VỀ CHỦ ĐỀ “PHÒNG CHỐNG HỎA HOẠN”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh tham gia tích cực buổi nói chuyện về phòng chống hỏa hoạn.
- Học sinh ghi nhớ được những biện pháp phòng chống hỏa hoạn sau buổi nghe nói chuyện.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với bạn về lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng. Cùng bạn sắm vai xử lý tình huống về đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự chủ khi giao tiếp trên mạng. Tự tìm kiếm thông tin về nguy cơ khi giao tiếp trên mạng và cách phòng tránh. Tự tìm kiếm thông tin về nguyên nhân gây hỏa hoạn và cách phòng tránh.

3. Năng lực đặc thù

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: tìm hiểu và xác định được nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. Tìm hiểu được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn, thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn từ đó thích ứng được với những tình huống trong cuộc sống.

4. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và với mọi người khi giao tiếp trên mạng và đảm bảo an toàn để phòng tránh hỏa hoạn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Địa điểm, hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động
- Hướng dẫn HS chuẩn bị những nội dung về phòng chống hỏa hoạn sẽ trao đổi với khách mời khi tham gia tiết Sinh hoạt dưới cờ.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị các câu hỏi có liên quan đến nội dung phòng chống hỏa hoạn.
- Tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động nghe nói chuyện về phòng chống hỏa hoạn.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh trao đổi, giao lưu được với khách mời về nội dung phòng chống hỏa hoạn.- Học sinh ghi nhớ được những biện pháp phòng chống hỏa hoạn sau buổi nghe nói chuyện.	

b) Tiến trình hoạt động	
– GV hướng dẫn các em chuẩn bị những nội dung sẽ trao đổi với khách mời về chủ đề phòng chống hỏa hoạn.	- HS chuẩn bị và thực hiện theo hướng dẫn.
- GV nhắc nhở HS lắng nghe khách mời nói chuyện về chủ đề phòng chống hỏa hoạn và tích cực tham gia trao đổi bằng cách đặt câu hỏi cho khách mời về chủ đề phòng chống hỏa hoạn.	– HS ghi nhớ và thực hiện
– GV yêu cầu HS ghi nhớ những biện pháp phòng chống hỏa hoạn sau khi dự tiết sinh hoạt dưới cờ về chủ đề phòng chống hỏa hoạn.	- HS chuẩn bị giấy, bút viết để ghi chép

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Bài 13: MÀM NON (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và diễn cảm toàn bộ bài thơ “mâm non”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

- Đọc hiểu: Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự chuyển mùa của thiên nhiên qua hình ảnh thơ, biện pháp tu từ nhân hoá của tác giả. Hiểu được bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh mâm non. Vẻ đẹp của thiên nhiên vào thời khắc chuyển mùa từ đông sang xuân. Cảm nhận được tình yêu của tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước.

- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp của thiên nhiên, biết đồng cảm với tình yêu thiên nhiên của tác giả trong tác phẩm nghệ thuật hoặc của những người xung quanh.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên. Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực tham gia hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>1. Ôn bài cũ.</p> <p>- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về vịnh Hạ Long và yêu cầu HS xác định đó là những hòn đảo nào để ôn lại bài đã học.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS quan sát và xác định.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khởi động</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Quả bóng bí ẩn” trả lời các câu hỏi về thời tiết giao mùa khi mùa đông chuyển sang mùa xuân.</p> <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p>Khi mùa đông chuyển sang mùa xuân, thời tiết, cỏ cây có sự thay đổi rõ rệt. Thời tiết sẽ ấm hơn, không còn cái lạnh giá của mùa đông. Những cơn gió té được thay bằng những làn gió ấm, nhẹ nhàng. Chồi non bắt đầu xuất hiện trên những cành cây, lá cây xanh mướt.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ (SGK trang 64) và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Trong tranh có những hình ảnh gì?</p> <p>+ Các sự vật đang làm gì?</p> <p>+ Em có cảm nghĩ gì về bức tranh?</p> <p>Cảnh vật trong tranh thật đẹp, giúp chúng ta cảm nhận được phần nào về cảnh sắc thiên nhiên trong bài thơ <i>Mầm non của Võ Quảng</i>. Vậy cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học hôm nay.</p>	<p>- HS quan sát tranh minh hoạ.</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>+....</p> <p>+</p> <p>+</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và diễn cảm toàn bộ bài thơ “mầm non”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, miêu tả cảnh vật mùa đông và mùa xuân, miêu tả hình ảnh chồi non.</p> <p>- GV HD đọc:</p> <p>+ Đọc đúng các từ ngữ có tiếng dễ phát âm sai: <i>nằm nép, lặng im, chíp chiu chiu, xuân đến ...</i></p> <p>+ Đọc đúng ngữ điệu, đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc.</p> <p>+ Đọc chậm rãi, nhấn vào từ “thấy” trong các câu: <i>Thấy mây bay hổi hỏ/ Thấy lát phát mưa phùn....</i></p> <p>+ Ngữ điệu nhanh, tươi vui, rộn ràng khi đọc những câu: <i>Tức thì trăm ngọn suối/ Tức thì ngàn tiếng chim ...</i></p> <p>+ Nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả về đẹp của khu rừng: <i>hổi hỏ, lát phát, lim dim, xanh biếc</i></p> <p>- GV gọi 1 HS đọc toàn bài thơ.</p> <p>- GV 6 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc câu/ đoạn, ngắt nghỉ đúng chỗ.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc theo cặp, mỗi HS đọc một khổ thơ, đọc nối tiếp đến hết bài thơ.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc cá nhân toàn bài một lượt.</p>	<p>- HS lắng nghe GV đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- 6 HS đọc nối tiếp.</p> <p>- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.</p> <p>- HS đọc theo cặp.</p> <p>- HS đọc cá nhân.</p>

<p>- GV nhận xét tuyên dương.</p> <p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự chuyển mùa của thiên nhiên qua hình ảnh thơ, biện pháp tu từ nhân hoá của tác giả. Hiểu được bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh mầm non. Vẽ đẹp của thiên nhiên vào thời khắc chuyển mùa từ đông sang xuân. Cảm nhận được tình yêu của tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên, đất nước</p> <p>.- Cách tiến hành:</p> <p>3.1 Tìm hiểu bài.</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong SGK. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: (khổ thơ 1, 2)</p> <p>Trong 2 khổ thơ đầu, mầm non được miêu tả như thế nào? Cách miêu tả đó có gì thú vị? Nhà thơ sử dụng những động từ chỉ hoạt động của con người để miêu tả mầm non (<i>nằm, nép, lim dim, nhìn</i>) khiến cho mầm non hiện lên rất sinh động. Cũng giống như con người, mầm non biết trốn đi cái rét, biết co mình lại vì sợ lạnh, cũng tò mò, muốn biết cảnh vật quanh mình như thế nào (<i>cố nhìn</i>). Biện pháp nhân hoá đã khiến cho mầm non hiện ra thật đẹp, ngộ nghĩnh đáng yêu.</p> <p>+ Câu 2:</p> <p><i>Cảnh vật mùa đông hiện ra như thế nào qua cảm nhận của mầm non?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc khổ thơ 2, 3, 4 rồi ghi lại các từ ngữ miêu tả cảnh vật mùa đông.</p> <p>+ Câu 3:</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>+ Một mầm non nho nhỏ, nằm nép lạng, mắt lim dim, cố nhìn qua kẽ lá.</p> <p>.....</p> <p>Câu 2:</p> <p>+ Mây bay hồi hả Mưa phùn lất phất Gió thổi ào ào Rừng cây thưa thớt lá cành, lá vàng rụng đầy mặt đất. Các loài thú vắng bóng, một chú thỏ, dẫu có xuất hiện trong bức tranh mùa đông nhưng cũng chỉ là đi tìm nơi trú nấp. Không gian yên ắng, tĩnh mịch.</p> <p>Câu 3:</p>
--	---

<p>a) Nhờ đâu mà bạn nhận ra mùa xuân đến?</p> <p>b) Bức tranh mùa xuân có gì khác với bức tranh mùa đông?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc kỹ khổ thơ thứ 3 rồi ghi lại các từ ngữ miêu tả mùa xuân.</p> <p>+ Câu 4: Nêu nhận xét của em về hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối?</p> <p>- GV yêu HS làm việc nhóm đôi để trả lời thêm các câu hỏi gợi ý cho câu 4.</p> <p>+ Những từ ngữ nào miêu tả mầm non trong khổ thơ 4?</p> <p>+ Nhà thơ dùng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả mầm non?</p> <p>+ Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.</p> <p>- GV yêu cầu HS trình bày, - GV tổng hợp ý kiến của học sinh, giảng giải thêm: Tác giả sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động của con người (nghe, thấy, vội, đứng dậy, khoác áo) để miêu tả mầm non. Nhà thơ đã làm cho người đọc như nhìn thấy sự trỗi dậy, vươn lên, bung nở đầy sức sống của mầm non. Mầm non cũng giống con người, phấn chấn, hào hứng trước vẻ đẹp của đất trời. Mầm non cũng</p>	<p>a) Mầm non nhận ra mùa xuân về nhờ âm thanh tiếng chim kêu, âm thanh róc rách của trăm ngàn con suối, tiếng ca vang của ngàn chim muông.</p> <p>b) Bức tranh mùa xuân và mùa đông có sự khác biệt:</p> <p>Âm thanh</p> <p>+ Mùa đông tĩnh lặng từ ngọn cỏ, làn rêu đến tiếng gió, tiếng lá reo.</p> <p>+ Mùa xuân tràn ngập âm thanh rộn ràng, náo nức, tiếng chim hót chíp chiu, vạn vật trong khu rừng cất tiếng hoà ca cùng tiếng chim.</p> <p>Màu sắc</p> <p>+ Bức tranh mùa đông: có gam màu đỏ đồng của lá bàng, gam màu vàng của lá rụng.</p> <p>+ Bức tranh mùa xuân: màu xanh biếc của chồi non nổi lên trên nền trời mùa xuân.</p> <p>Câu 4:</p> <p>- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm đôi cùng thống nhất đáp án.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi.</p> <p>- 2-3 HS trình bày.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	--

<p>tự hào, hãnh diện cuộc sống mới. Hình ảnh mầm non trong khổ thơ cuối thật đáng yêu!</p> <p>+ Câu 5:</p> <p>Nội dung chính của bài thơ là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lại cả bài thơ để tìm nội dung chính của bài. (HS thực hiện nhóm đôi). - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <p>Bài thơ miêu tả vẻ đẹp giao mùa của thiên nhiên từ mùa đông chuyển sang mùa xuân, miêu tả sự chuyển mình, thay đổi của vạn vật khi mùa xuân về.</p> <p>3.2 Luyện đọc lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc diễn cảm lại bài thơ. - GV mời 6 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp. - GV gọi HS góp ý cách đọc của bạn. - GV tổ chức cho HS đọc thuộc lòng bài thơ. 	<p>Câu 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc cá nhân. - HS thảo luận nhóm đôi tìm nội dung chính của bài thơ. - Đại diện nhóm trình bày. - HS lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - 6 HS đọc nối tiếp. <ul style="list-style-type: none"> - HS góp ý cách đọc của bạn. - HS thi đua học thuộc lòng bài thơ.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Mầm non” 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. + Bài thơ Mầm non mang đến cho em rất nhiều cảm xúc về vẻ đẹp kì lạ nhưng cũng rất đổi thân quen của thiên nhiên. + Em biết được cảnh vật thay đổi theo mùa, nhất là từ mùa đông sang mùa xuân giống như nơi em sinh sống. + Nhờ có bài thơ mà em cảm nhận sức sống diệu kì của thiên nhiên. Từng nhánh cỏ, đám mây, dòng suối đến loài vật cũng biết khao khát mùa xuân, khao khát sự sống mạnh mẽ.

***Giáo dục đạo đức:**

- Các em cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên?

- **GD: Yêu thiên nhiên.**

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- Bài thơ giúp em yêu quý thiên nhiên hơn, mang đến cho em một mong ước lắng nghe được tiếng nói của thiên nhiên.

- HS trả lời

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Tiếng Việt

Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài: TỪ ĐA NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ đa nghĩa tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu từ đa nghĩa và ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem một đoạn clip (2 phút) về trận đấu bóng với bầu không khí sôi động, hào hứng của các cổ động viên Việt Nam. - GV đặt tình huống Cô là một bình luận viên bóng đá. Cô sẽ bình luận: “Khán đài bắt đầu nóng dần lên.” Vậy các em hiểu như thế nào là “nóng”? Từ này có phải muốn nói đến nhiệt độ ngoài trời đang cao hay không? - GV tổ chức cho HS chia sẻ. - GV nhận xét, chốt lại. - GV dẫn vào bài. Vậy để hiểu rõ từ “nóng” có những nghĩa nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học “Từ đa nghĩa”. - GV ghi tên bài học trên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xem clip. - HS lắng nghe. - HS chia sẻ theo cách nghĩ của mình. - HS lắng nghe. - HS ghi bài vào vở.
<p>2. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Nắm được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa. - Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1 (SGK trang 65): Đọc đoạn thơ và các nghĩa của từ <i>mắt</i> rồi trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu, 1 HS đọc đoạn thơ và 1 HS đọc các nghĩa của từ <i>mắt</i>. - GV hướng dẫn cách thực hiện. a. Tìm nghĩa thích hợp cho từ “mắt” được in đậm. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1 1 HS đọc đoạn thơ

- GV gọi 2 HS đọc 2 nghĩa của từ *mắt* được in đậm trong đoạn thơ.

- GV yêu cầu HS xác định nghĩa của chúng trong từng ngữ cảnh của các câu thơ xem nghĩa đó là nghĩa nào trong các nghĩa được nêu.

- GV nhận xét.

b. Trong các nghĩa của từ *mắt* nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa được phát triển từ nghĩa gốc (nghĩa chuyên)?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyên của từ *mắt*.

- GV giảng giải:

+ Nghĩa gốc: là nghĩa có trước, nghĩa đầu tiên được nói đến (chỉ các bộ phận cơ thể con người, con vật)

+ Nghĩa chuyên: là nghĩa được chuyển từ nghĩa gốc (không dùng để chỉ con người, con vật).

c. Các nghĩa trên của từ *mắt* có liên hệ với nhau như thế nào?

- GV yêu cầu HS so sánh sự khác nhau của nghĩa gốc và nghĩa chuyên bằng cách ghi vào Phiếu so sánh (HS

Xe có ⁽¹⁾ **mắt** đèn

Chân người: mắt cá!

⁽²⁾ **Mắt** chim, hình tròn

⁽³⁾ **Mắt** người, hình lá.

(Phạm Hổ)

1 HS đọc các nghĩa của từ *mắt*.

Mắt:

Nghĩa 1: cơ quan để nhìn của người hay động vật.

Nghĩa 2: chỗ lồi ra, giống hình con mắt ở một số vật.

- HS xác định nghĩa của từ *mắt*
- + Từ *mắt* trong câu “Xe có *mắt* đèn”: chỉ đèn xe hơi giống như con mắt.
- Từ *mắt* trong hai câu cuối chỉ bộ phận của con vật và con người.
- HS khác nhận xét.

- HS thảo luận nhóm đôi để tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyên của từ *mắt*.

- HS so sánh sự khác nhau của nghĩa gốc và nghĩa chuyên.
- HS thảo luận nhóm.

thảo luận nhóm).

PHIẾU SO SÁNH

NGHĨA GỐC	NGHĨA CHUYÊN

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- GV chốt:

Các nghĩa trên của từ *mắt* giống nhau ở hình dáng của sự vật mà từ gọi tên, khác nhau ở chỗ nghĩa gốc nói đến chức năng để nhìn, nghĩa chuyên thì không nói đến chức năng đó mà chỉ nhấn mạnh nghĩa về hình dáng của sự vật.

Bài tập 2 (SGK trang 66).

Xác định nghĩa của từ *biển* trong những câu thơ, ca dao dưới đây và chú biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyên.

- GV gọi HS đọc các câu thơ, câu ca dao.

- GV yêu cầu HS dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, dựa vào nghĩa gốc và nghĩa chuyên đã xác định trong bài tập 1 để xác định nghĩa của từ **biển** trong các câu thơ, câu ca dao.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm.

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- Đại diện nhóm trình bày.

- HS lắng nghe.

- HS đọc các câu thơ, câu ca dao.

a. Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông **biển** lúa đầu trời đẹp hơn.
(Nguyễn Đình Thi)

b. Mặt trời xuống **biển** như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
(Huy Cận)

c. Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ngoài ngời **Biển** Đông.
(Ca dao)

- HS thảo luận nhóm để xác định nghĩa của từ **biển** trong các câu thơ, câu ca dao.

- Đại diện nhóm trình bày.

a. **Biển**: chỉ vùng diện tích rộng lớn.
(nghĩa chuyên)

b. **Biển**: chỉ vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt Trái Đất. (nghĩa gốc)

c. **Biển**: chỉ phần đại dương ở ven đất liền. (nghĩa chuyên)

- Nhóm khác nhận xét

- HS lắng nghe

- HS đọc ghi nhớ.

- GV nhận xét và chốt lại nội dung chính của bài học.
- GV mời HS đọc ghi nhớ trong SGK trang 66.

Bài tập 3. (SGK trang 66)

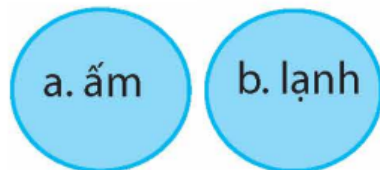
Từ *lưng* trong mỗi đoạn thơ dưới đây được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nếu các nghĩa đó.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 3.
- GV mời HS khác đọc câu a, câu b.
- GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn thơ, xác định từ nào mang nghĩa gốc, từ nào mang nghĩa chuyển.
- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.
- GV gọi HS trình bày kết quả.

- GV kết luận: *Sử dụng từ đa nghĩa trong thơ ca làm cho cách diễn đạt thêm hay, gợi sự liên tưởng độc đáo.*

Bài tập 4. (SGK trang 66)

Chọn 1 trong 2 từ dưới đây và đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đó.



- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 4.
- GV gọi HS khác đọc nội dung câu a, câu b.
- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân. Viết câu vào sổ ghi chép.
- GV gọi HS trình bày kết quả.

- GV nhận xét, tuyên dương.
+ Khen ngợi các câu văn hay, diễn đạt đúng các nghĩa của từ đa nghĩa.

- HS đọc yêu cầu của bài tập 3.
- HS khác đọc câu a, câu b. Cả lớp lắng nghe và theo dõi.
- HS đọc kĩ đoạn thơ, xác định từ mang nghĩa gốc, nghĩa chuyển.
- HS thực hiện cá nhân.
- HS trình bày kết quả.
- a. Lưng: mang nghĩa chuyển (ở khoảng giữa lưng trời).
- b. Lưng núi: mang nghĩa chuyển.
Lưng mẹ, em nằm trên lưng: mang nghĩa gốc, chỉ bộ phận cơ thể.
- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu của bài tập 4.
- HS khác đọc câu a, câu b.
- HS thực hiện cá nhân, viết vào sổ ghi chép.
- HS trình bày kết quả.
- Cả lớp nhận xét.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

<ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh những câu viết chưa đúng. - GV kết luận: <i>Khi sử dụng từ, ta cần phân biệt nghĩa của từ để đặt câu cho đúng theo ngữ cảnh.</i> 	
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm bốc thăm gói câu hỏi và đặt 2 câu cho mỗi từ, 1 câu sử dụng từ mang nghĩa gốc, 1 câu sử dụng từ mang nghĩa chuyển.. + Gói câu hỏi 1: <i>chua, nhạt, cao.</i> + Gói câu hỏi 2: <i>mặn, ngọt, thấp.</i> - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 14: LUYỆN TẬP CHUNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Hệ thống, củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến các nội dung về số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Phân số $\frac{5}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là: A. 0,5 B. 0,05 C. 0,005 D. 0,0005 + Câu 2: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm 9,468 9,48 A. < B. > C. = + Câu 3: Giá trị của chữ số 5 trong số thập phân 19,357 là A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ B. $\frac{6}{1000}$ D. $\frac{6}{10000}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi 1. Đáp án B 2. Đáp án A 3. Đáp án B - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố kiến thức về số thập phân, so sánh số thập phân, viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân, làm tròn số thập phân. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Sắp xếp các số thập phân 3,527; 3,571; 2,752; 3,275 theo thứ tự.</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ bé đến lớn. b) Từ lớn đến bé. 	

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS báo cáo kết quả.

- GV yêu cầu HS nêu cách làm.

- GV nhận xét.

Bài 2. Chọn câu trả lời đúng.

Mỗi ô tô chở lượng hàng hóa như hình vẽ.
Hỏi ô tô nào chở nhẹ nhất?



- GV yêu cầu HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS phân tích đề bài:
 - + Đề bài cho biết gì?
 - + Đề bài hỏi gì?
- GV yêu cầu HS tìm ra hướng giải rồi trả lời câu hỏi của bài toán.
- GV đặt câu hỏi thêm:
 - + Vậy xe ô tô nào chở nặng nhất?
- GV mời HS nêu kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- HS làm việc cá nhân.

- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.

- Các nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

a) Từ bé đến lớn.

2,752; 3,275; 3,527; 3,571

b) Từ lớn đến bé.

3,571; 3,527; 3,275; 2,752

- HS nêu cách làm.

+ Trong 4 số thập phân đã cho, số 2,752 có hàng phần nguyên là 2 bé hơn hàng phần nguyên của các số còn lại (là 3). Vậy 2,752 là số thập phân bé nhất.

+

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.

- HS phân tích đề bài.

- HS thảo luận tìm hướng giải bài toán.

+ Để tìm ô tô nào chở nhẹ nhất, ta phải so sánh khối lượng của 3 xe.

Đáp án:

A. Xe ô tô chở 2, 546 tấn là xe chở nhẹ nhất.

- HS nhận xét bổ sung.

- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Cầu thang – Cầu trượt”. - GV yêu cầu HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn. - Cách chơi: + Chơi theo nhóm + Trò chơi kết thúc khi có người về đích. - GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe trò chơi. - HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn. - Các nhóm lắng nghe luật chơi. - Các nhóm tham gia chơi. Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử - Địa lí

CHỦ ĐỀ 2: NHỮNG QUỐC GIA ĐẦU TIÊN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu câu ca dao: Dù ai đi ngược về xuôi Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba. + Ngày giỗ tổ mà câu ca dao nhắc đến là ngày giỗ của ai? + Em biết gì về các vua Hùng? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi + Ngày giỗ của vua Hùng. + HS trả lời theo hiểu biết. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá: 1. Sự ra đời của nhà nước Văn Lang, nhà nước Âu Lạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Trình bày được sự ra đời của nước Văn Lang, Âu Lạc thông qua tìm hiểu một số truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Sự ra đời của nhà nước Văn Lang (làm việc nhóm 4)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin mục a, quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏi: + Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào? + Nhà nước Văn Lang được hình thành ở khu vực nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi: + Khoảng thế kỉ VII TCN + Hình thành ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.

+ Sự ra đời của nhà nước Văn Lang được phản ánh thông qua truyền thuyết và bằng chứng khảo cổ học nào?

+ Đứng đầu nhà nước Văn Lang là ai?

+ Kinh đô nước Văn Lang đặt ở đâu?

- GV mời đại diện các nhóm trình bày

- GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu một số hiện vật thuộc văn hóa Đông Sơn ở hình 1:



a. Rìu đồng



b. Trống đồng

+ Rìu đồng là công cụ lao động, có hình lưỡi hái, gót vuông, trang trí hoa văn phong phú như hình người, hình động vật.

+ Trống đồng Đông Sơn được phát hiện đầu tiên tại Đông Sơn (Thanh Hóa). Trống đồng là nhạc cụ sử dụng trong các lễ hội, vừa là trống lệnh trong chiến đấu.

- GV cho HS xem video sự ra đời của nhà nước Văn Lang qua sự tích **con Rồng cháu Tiên**:

<https://www.youtube.com/watch?v=s4D8W1Rajns>

- GV kết luận: *Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII trước công nguyên ở lưu vực các dòng sông thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay. Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương, kinh đô được đặt ở Phong Châu thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay.*

Hoạt động 2: Sự ra đời của nhà nước Âu Lạc (làm việc nhóm đôi)

- GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin mục a, quan sát hình 2, 3 và trả lời các câu hỏi:

+ Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng thời gian nào?

+ Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên và bằng chứng khảo cổ học thuộc nền văn hóa Đông Sơn như: lưỡi cày, rìu, đồ gốm, trống đồng.

+ Hùng Vương

+ Phong Châu (Phú Thọ)

- HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe.

- HS xem video.

- HS lắng nghe.

- HS quan sát tranh, đọc thông tin và thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm 208 TCN.



▲ Hình 2. Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa



▲ Hình 3. Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa

- + Đứng đầu nhà nước Âu lạc là ai?
- + Kinh đô nước Âu Lạc đặt ở đâu?
- GV mời đại diện các nhóm trình bày
- GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu hình 2 và 3:
- + Hình 2: Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa: Các mũi tên đồng được cấu tạo gồm 3 bộ phận: đầu nhọn, trụ và chuôi cùng có mặt cắt ngang hình tam giác.
- + Hình 3: Đền thờ An dương Vương ở Cổ Loa: còn gọi là đền thượng nay thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

- + Thực Phán – An Dương Vương
- + Kinh đô đặt ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)
- HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận
- HS chú ý lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- Cách tiến hành:

- Đất nước ta đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, là học sinh các em cần phải làm gì để xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp?
- GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm một số di tích lịch sử liên quan đến thời Văn Lang, Âu Lạc trên sách báo, internet, ...
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- + HS trả lời theo hiểu biết
- Ví dụ: thực hiện tốt năm điều Bác hồ dạy
- HS lắng nghe và thực hiện
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
Bài: TỪ ĐA NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nắm được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ đa nghĩa tìm được.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu từ đa nghĩa và ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem một đoạn clip (2 phút) về trận đấu bóng với bầu không khí sôi động, hào hứng của các cổ động viên Việt Nam. - GV đặt tình huống Cô là một bình luận viên bóng đá. Cô sẽ bình luận: “Khán đài bắt đầu nóng dần lên.” Vậy các em hiểu như thế nào là “nóng”? Từ này có phải muốn nói đến nhiệt độ ngoài trời đang cao hay không? - GV tổ chức cho HS chia sẻ. - GV nhận xét, chốt lại. - GV dẫn vào bài. Vậy để hiểu rõ từ “nóng” có những nghĩa nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu qua bài học “Từ đa nghĩa”. - GV ghi tên bài học trên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xem clip. - HS lắng nghe. - HS chia sẻ theo cách nghĩ của mình. - HS lắng nghe. - HS ghi bài vào vở.
<p>2. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: - Nắm được khái niệm về từ đa nghĩa, có thể nhận biết được từ đa nghĩa và các nghĩa của từ đa nghĩa. - Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua các từ loại tìm được + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1: Đọc đoạn thơ và các nghĩa của từ mắt trong bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 65) và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu, 1 HS đọc đoạn thơ và 1 HS đọc các nghĩa của từ <i>mắt</i>. - GV hướng dẫn cách thực hiện. a. Tìm nghĩa thích hợp cho từ “mắt” được in đậm. - GV gọi 2 HS đọc 2 nghĩa của từ <i>mắt</i> được in đậm trong đoạn thơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1 1 HS đọc đoạn thơ <div style="background-color: #e0f0ff; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>Xe có ⁽¹⁾mắt đèn Chân người: mắt cá! ⁽²⁾Mắt chim, hình tròn ⁽³⁾Mắt người, hình lá. (Phạm Hồ)</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc các nghĩa của từ <i>mắt</i>.

Mắt:

Nghĩa 1: cơ quan để nhìn của người hay động vật.

Nghĩa 2: chỗ lồi ra, giống hình con mắt ở một số vật.

- GV yêu cầu HS xác định nghĩa của chúng trong từng ngữ cảnh của các câu thơ xem nghĩa đó là nghĩa nào trong các nghĩa được nêu.

- GV gọi HS nhận xét

- GV nhận xét.

b. Trong các nghĩa của từ *mắt* nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ *mắt*.

- GV yêu cầu nhóm trình bày

- GV gọi HS nhận xét

- GV giảng giải và chốt:

+ Nghĩa gốc: là nghĩa có trước, nghĩa đầu tiên được nói đến (chỉ các bộ phận cơ thể con người, con vật)

+ Nghĩa chuyển: là nghĩa được chuyển từ nghĩa gốc (không dùng để chỉ con người, con vật).

c. Các nghĩa trên của từ *mắt* có liên hệ với nhau như thế nào?

- GV yêu cầu HS so sánh sự khác nhau của nghĩa gốc và nghĩa chuyển bằng cách ghi vào Phiếu so sánh (HS thảo luận nhóm).

- HS xác định nghĩa của từ *mắt*

a. - Từ *mắt* (1) mang nghĩa: chỗ lồi ra, giống hình con mắt ở một số vật.

- Từ *mắt* (2) mang nghĩa: cơ quan để nhìn của người hay động vật.

- Từ *mắt* (3) mang nghĩa: cơ quan để nhìn của người hay động vật.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhóm đôi để tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ *mắt*.

- Đại diện nhóm trình bày

- HS nhận xét

- HS lắng nghe

- HS so sánh sự khác nhau của nghĩa gốc và nghĩa chuyển

- HS thảo luận nhóm.

PHIẾU SO SÁNH

NGHĨA GỐC	NGHĨA CHUYỂN

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- GV chốt:

Các nghĩa trên của từ *mắt* giống nhau ở hình dáng của sự vật mà từ gọi tên, khác nhau ở chỗ nghĩa gốc nói đến chức năng để nhìn, nghĩa chuyển thì không nói đến chức năng đó mà chỉ nhấn mạnh nghĩa về hình dáng của sự vật.

Bài tập 2: Xác định nghĩa của từ biển trong những câu thơ, câu ca dao ở bài tập 2 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 66) và cho biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.

- GV gọi HS đọc các câu thơ, câu ca dao.

- GV yêu cầu HS dựa vào khái niệm từ đa nghĩa, dựa vào nghĩa gốc và nghĩa chuyển đã xác định trong bài tập 1 để xác định nghĩa của từ **biển** trong các câu thơ, câu ca dao.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm.

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- Đại diện nhóm trình bày.

- HS lắng nghe.

- HS đọc các câu thơ, câu ca dao.

a. Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông **biển** lúa đâu trời đẹp hơn.
(Nguyễn Đình Thi)

b. Mặt trời xuống **biển** như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
(Huy Cận)

c. Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ngoài khơi **Biển** Đông.
(Ca dao)

- HS thảo luận nhóm để xác định nghĩa của từ **biển** trong các câu thơ, câu ca dao.

- Đại diện nhóm trình bày.

a. **Biển**: chỉ vùng diện tích rộng lớn.
(nghĩa chuyển)

b. **Biển**: chỉ vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt Trái Đất. (nghĩa gốc)

c. **Biển**: chỉ phần đại dương ở ven đất liền. (nghĩa chuyển)

- GV gọi HS nhận xét
- GV nhận xét và chốt lại nội dung chính của bài học.
- GV mời HS đọc ghi nhớ trong SGK trang 66.

Bài tập 3. Từ lung trong mỗi đoạn thơ ở bài tập 3 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 66) dùng nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nêu các nghĩa đó.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 3.
- GV mời HS khác đọc câu a, câu b.
- GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn thơ, xác định từ nào mang nghĩa gốc, từ nào mang nghĩa chuyển.
- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.
- GV gọi HS trình bày kết quả.

- GV kết luận: *Sử dụng từ đa nghĩa trong thơ ca làm cho cách diễn đạt thêm hay, gợi sự liên tưởng độc đáo.*

– Trong các nghĩa nêu trên, nghĩa ở ý b, c là nghĩa gốc; nghĩa ở ý a là nghĩa chuyển.

- Nhóm khác nhận xét
- HS lắng nghe.

- HS đọc ghi nhớ.

- HS đọc yêu cầu của bài tập 3.
- HS khác đọc câu a, câu b. Cả lớp lắng nghe và theo dõi.

- HS đọc kĩ đoạn thơ, xác định từ mang nghĩa gốc, nghĩa chuyển.

- HS thực hiện cá nhân.

- HS trình bày kết quả.

a. Từ *lung* (*lung trời*) được dùng với nghĩa chuyển. Nghĩa đó là vị trí giữa bầu trời và đường chân trời (mặt đất) theo cách nhìn bằng mắt thường.

b. Trong đoạn thơ a:

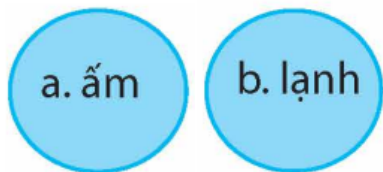
+ Từ *lung*(1) được dùng với nghĩa chuyển. Nghĩa đó là vị trí giữa của ngọn núi so sánh giữa đỉnh và chân núi.

+ Từ *lung*(2) được dùng với nghĩa gốc. Nghĩa đó là bộ phận của con người, nằm ở thân người phía sau, tính từ gáy (sau cổ) tới hông.

+ Từ *lung*(3) được dùng với nghĩa gốc. Nghĩa đó là bộ phận của con người, nằm ở thân người phía sau, tính từ gáy (sau cổ) tới hông.

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

Bài tập 4. Chọn 1 trong 2 từ ở bài tập 4 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 66) và đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đó.



- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 4.
- GV gọi HS khác đọc nội dung câu a, câu b.
- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân. Viết câu vào sổ ghi chép.
- GV gọi HS trình bày kết quả.
- GV gọi HS nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương.
- + Khen ngợi các câu văn hay, diễn đạt đúng các nghĩa của từ đa nghĩa.
- + Điều chỉnh những câu viết chưa đúng.
- GV kết luận: *Khi sử dụng từ, ta cần phân biệt nghĩa của từ để đặt câu cho đúng theo ngữ cảnh.*

- HS đọc yêu cầu của bài tập 4.
- HS khác đọc câu a, câu b.
- HS thực hiện cá nhân, viết vào sổ ghi chép.
- HS trình bày kết quả.
- Cả lớp nhận xét.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm bốc thăm gói câu hỏi và đặt 2 câu cho mỗi từ, 1 câu sử dụng từ mang nghĩa gốc, 1 câu sử dụng từ mang nghĩa chuyển..
- + Gói câu hỏi 1: *chua, nhạt, cao.*
- + Gói câu hỏi 2: *mặn, ngọt, thấp.*
- Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Thứ Ba, ngày 15 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
Tiết 3: VIẾT
Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn tả cảnh đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả cảnh.
- Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn tả cảnh sáng tạo.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về phong cảnh thiên nhiên.	- HS quan sát. - HS nêu những điểm nổi bật của phong cảnh.

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu những điểm nổi bật của phong cảnh. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhớ lại cách viết bài văn tả cảnh đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả cảnh. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc hai đề bài trong SGK trang 67. <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.</p> <p>Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS chọn một trong 2 đề. - GV mời HS làm việc cá nhân, dựa vào kết quả quan sát trong hoạt động Viết ở bài 12, lập dàn ý cho đề bài đã chọn. - GV yêu cầu HS nêu các phần của bài văn tả cảnh. <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS lần lượt đọc các nội dung từng phần của bài văn tả cảnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. <ul style="list-style-type: none"> - HS chọn 1 trong 2 đề. - HS làm việc cá nhân. <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu các phần của bài văn tả cảnh. <p>Bài văn tả cảnh gồm 3 phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở bài 2. Thân bài 3. Kết bài <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lần lượt các phần của bài văn tả cảnh. <ol style="list-style-type: none"> 1. Mở bài: Giới thiệu bao quát về phong cảnh theo cách mở bài gián tiếp hoặc trực tiếp. 2. Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> + Tả theo không gian: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh theo trình tự từ gần tới xa, từ thấp lên cao, từ trái sang phải... + Theo thời gian: Tả sự biến đổi hoặc đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau (các buổi trong ngày, các mùa trong năm ...)

<p>Hoạt động 2: Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến, tự đánh giá dàn ý của mình và bạn, đưa ra các phương án để chỉnh sửa, hoàn thiện. - GV yêu cầu HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn trong SGK trang 67) và tự điều chỉnh, bổ sung thêm ý theo suy nghĩ của bản thân. - GV quan sát, góp ý hỗ trợ kịp thời để HS hoàn thành dàn ý tả phong cảnh. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi cùng nhau chia sẻ, điều chỉnh dàn ý. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm để cả nhóm cùng góp ý, bổ sung. - GV chốt những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> + Theo không gian kết hợp với thời gian: Tả sự thay đổi của từng sự vật, hiện tượng ... trong những thời điểm khác nhau. 3. Kết bài: Nêu suy nghĩ, nhận xét hoặc tình cảm, cảm xúc đối với phong cảnh được miêu tả. - HS chia sẻ ý kiến. - HS đọc soát dàn ý của mình - HS đọc soát và tự điều chỉnh bổ sung. - HS hoàn thành dàn ý. - HS làm việc theo nhóm đôi. - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS hoàn thiện dàn ý tả phong cảnh của mình bằng cách viết lại một dàn ý hoàn chỉnh vào vở. - GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm. - GV gọi HS đọc dàn ý của mình trước lớp. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thiện dàn ý tả phong cảnh và viết vào vở. - HS chia sẻ trong nhóm. - HS đọc dàn ý của mình trước lớp. - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.

<p>Bài văn miêu tả phong cảnh gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Giới thiệu bao quát phong cảnh cần tả. - Thân bài: Tả chi tiết cảnh vật theo trình không gian, thời gian hợp lí. - Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về phong cảnh, cảnh vật đã miêu tả. 	
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tìm đọc sách báo viết về núi, hang động, các hành tinh, hệ Mặt Trời... hoặc các hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá... nhằm hỗ trợ tốt cho việc viết một bài văn miêu tả phong cảnh hoàn chỉnh. - GV nêu ý nghĩa của hoạt động: mở rộng kiến thức về thế giới tự nhiên. Củng cố: - GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của bài 13. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tìm đọc. - HS lắng nghe. - HS nhắc lại. + Đọc: Mâm non + Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa + Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Mĩ thuật

BÀI 4: VÒNG QUANH THẾ GIỚI (TIẾT 1)

1. Mục tiêu bài học

- Nhận biết được vật liệu tái sử dụng trong SPMT.

- Biết lựa chọn và phối hợp các vật liệu tái sử dụng phù hợp trong sáng tạo SPMT.
- Chia sẻ những điều học được trong trưng bày, thảo luận và đánh giá sản phẩm.
- Vận dụng được kiến thức đã học tìm hiểu nghệ thuật thế giới.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

- PC1: Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động trong học tập.
- PC2: Nhân ái: Biết đoàn kết, hợp tác làm việc nhóm cùng các bạn.
- PC3: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

*Năng lực chung

- NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.
- NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học/ thực hành, trưng bày, nêu tên sản phẩm.
- NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

*Năng lực đặc thù

- NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát những SPMT và nhận biết được cấu trúc, tỉ lệ và công dụng của sản phẩm.
- NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: HS thực hiện được SPMT về đề tài *vòng quanh thế giới*.
- NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết chia sẻ cảm nhận về chất liệu. Lựa chọn được vị trí trưng bày sản phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- KHBD, SGK.
- Một số tranh ảnh về đề tài vòng quanh thế giới. – Bút chì, giấy vẽ, bút màu, máy chiếu,...

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).– Bút chì, giấy vẽ, bút màu,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Đồ dùng/ phương tiện/ sản phẩm của HS
----------	------------------	------------------	---------------------------------------

<p>Hoạt động 2. Luyện tập và sáng tạo</p>	<p>+ SPMT sử dụng chất liệu, vật liệu gì? + những chất liệu, vật liệu trong SPMT có thể tìm kiếm được ở đâu? GV chốt ý. HS cần biết: Khai thác vật liệu tái sử dụng trong sáng tạo SPMT là các cách tạo sản phẩm mới có tính ứng dụng, góp phần giảm ô nhiễm môi trường. Nhiệm vụ: – GV hướng dẫn cho HS tham khảo các bước thực hiện một SPMT 3D về đề tài cuộc sống quanh em. – HS thực hiện được một SPMT từ vật liệu tái sử dụng. Gợi ý cách thức tổ chức: GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa trong SgK trang 20, thảo luận để biết cách thực hiện SPMT. – gợi ý các bước thực hiện: Bước 1: Tìm ý tưởng và phác hình. Bước 2: cắt theo hình đã phác và ghép các bộ phận theo ý tưởng. Bước 3: Trang trí sản phẩm. Bước 4: Hoàn thiện sản phẩm. – câu hỏi gợi ý: + nhóm em chọn nội dung gì để thể hiện? + nhóm em sẽ chọn vật liệu, chất liệu gì? + Hình ảnh chính là gì, hình ảnh phụ là gì? Bài tập thực hành: GV yêu cầu HS thực hiện tạo một sản phẩm 3D từ vật liệu tái sử dụng. (HS chỉ cần hoàn thành bước 1 và bước 2) – GV quan sát HS thực hành, tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời.</p>	<p>– Lưu ý để ghi nhớ. – HS quan sát các bước thực hiện và thảo luận.</p>	<p>– Hình minh họa các bước thực hiện. Bìa, màu, bút lông, kéo, băng dính hai mặt, hồ/ keo dán, keo sữa,...</p>
---	---	--	---

<p>Hoạt động 3. Phân tích và đánh giá</p>	<p>Nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trình bày ý tưởng lựa chọn vật liệu tái sử dụng trong bài thực hành. chia sẻ về việc lựa chọn vật liệu phù hợp trong thực hành sáng tạo và tính ứng dụng của sản phẩm. Gợi ý cách thức tổ chức: - GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận về SPMT của nhóm mình và nhóm bạn. - Câu hỏi gợi ý: + Nhóm em đang thực hiện sản phẩm gì? + Em sử dụng chất liệu, vật liệu để tạo ra SPMT? + SPMT này ứng dụng như thế nào vào đời sống? -GV nhận xét, tuyên dương, động viên, khuyến khích HS.</p>	<p>- HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận. - HS quan sát. HS trả lời theo gợi ý của GV.</p>	<p>Sản phẩm của HS.</p>
<p>Hoạt động 4. Vận dụng</p>	<p>Nhiệm vụ: Tìm hiểu các tác phẩm mỹ thuật từ vật liệu tái sử dụng. Gợi ý cách thức tổ chức: - GV cho HS quan sát hình ảnh trong SgK trang 21. - GV có thể sưu tầm hình ảnh sản phẩm, tác phẩm từ vật liệu tái sử dụng để HS quan sát và tìm hiểu. - Câu hỏi gợi ý: + Em thấy gì trong hình ảnh được quan sát? + Các SPMT trong ảnh được làm từ vật liệu gì? + Vật liệu tái sử dụng có ý nghĩa như thế nào đối với môi trường sống?</p>	<p>-HS lắng nghe và trả lời. - HS chuẩn bị cho bài học sau.</p>	

Củng cố, dặn dò	<p>+ Nêu cảm nhận của em về tác phẩm mỹ thuật <i>Cá</i> của tác giả Hideaki Shibata (Đan Mạch, 2019) và tác phẩm <i>Cá voi</i> của Studio KcA (Bi, 2018)?</p> <p>Củng cố: nhắc lại các bước thực hiện một SPMT.</p> <p>Dặn dò: giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau.</p>		
------------------------	--	--	--

Toán

Bài 15: KI-LÔ-MÉT VUÔNG, HÉC-TA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).
- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

1. Khởi động:

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.

+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 53.



- GV và HS cùng chia sẻ thông tin.

- GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới.

+ Để đo diện tích lớn như diện tích một thành phố, một khu rừng hay một vùng biển... người ta thường dùng đơn vị ki-lô-mét vuông.

- GV yêu cầu HS đọc lại phần giới thiệu ki-lô-mét vuông ở khung xanh trong SGK trang 53.

- HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin.

- HS chia sẻ thông tin.

- HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.

- HS lắng nghe.

- HS đọc lại phần giới thiệu ki-lô-mét vuông.

+ Ki-lô-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km.

+ Ki-lô-mét vuông viết tắt là km^2 .

+ $1 \text{ km}^2 = 1\,000\,000 \text{ m}^2$.

2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).

- Cách tiến hành:

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

Đọc	Viết
Tám trăm hai mươi hai ki-lô-mét vuông	?
Không phải bốn mươi tư ki-lô-mét vuông	?
?	728,6 km^2
Mười sáu nghìn bốn trăm chín mươi ki-lô-mét vuông	?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 2. Số?

a) $2 \text{ km}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$ $4 \text{ km}^2 500 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$
 b) $5 000 000 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ km}^2$ $6 450 000 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ km}^2$

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 3. SGK trang 54.



- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- HS làm việc cá nhân.
- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- Các nhóm chia sẻ kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- + 820 km^2
- + $0,44 \text{ km}^2$
- + Bảy trăm hai mươi tám phẩy sáu ki-lô-mét vuông.
- + $16 490 \text{ km}^2$
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc yêu cầu của đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
- + **Mảnh đất A** có diện tích là:
 $7 \times 3 = 21 \text{ (km}^2\text{)}$
- + **Mảnh đất B** có diện tích là:
 $5 \times 5 = 25 \text{ (km}^2\text{)}$
- + **Mảnh đất C** có diện tích là:
 $6 \times 4 = 24 \text{ (km}^2\text{)}$

<ul style="list-style-type: none"> - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<p>Như vậy mảnh đất được chọn là mảnh đất B vì mảnh đất B có diện tích lớn nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét bổ sung. - HS lắng nghe.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Cầu thang – Cầu trượt”. - GV yêu cầu HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn. - Cách chơi: + Chơi theo nhóm + Trò chơi kết thúc khi có người về đích. - GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe trò chơi. - HS đọc cách chơi rồi chia sẻ cách chơi với bạn. - Các nhóm lắng nghe luật chơi. - Các nhóm tham gia chơi. Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Khoa học
CHỦ ĐỀ 2: NĂNG LƯỢNG
Bài 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học tự nhiên: Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.
- Vận dụng được kiến thức về năng lượng trong cuộc sống thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tìm hiểu việc sử dụng nguồn năng lượng ở gia đình chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua đề xuất các phương án để giải quyết vấn đề tình huống thực tế liên quan đến năng lượng và đưa ra dự đoán nếu không có các nguồn năng lượng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ, nhóm chia sẻ ý kiến trình bày kết quả làm việc nhóm. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham hiểu biết tìm hiểu về năng lượng và mai trò của năng lượng, vận dụng kiến thức và cuộc sống.

- Phẩm chất trách nhiệm: Trách nhiệm và trung thực trong báo cáo kết quả thảo luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các tranh ảnh hình 1, 2 SGK, đồ vật để tổ chức sinh nhật (bánh gato, nến, ô tô, đồ chơi,...), phiếu học tập sưu tầm thông tin, hình ảnh về năng lượng, thủy triều, năng lượng sinh khối.

- HS: Hoàn thành phiếu giao việc mà giáo viên đã yêu cầu chuẩn bị.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Học sinh nêu được một số nguồn năng lượng cung cấp cho hoạt động của con người bằng hiểu biết ban đầu. - Cách tiến hành:	
- GV tạo tình huống tổ chức sinh nhật một bạn hoặc các bạn cùng sinh nhật trong tháng ở lớp, giáo viên thấp nến bánh sinh nhật và cho cả lớp hát chúc mừng sinh nhật. Sau đó, giáo viên tặng cho học sinh một món quà là chiếc ô tô đồ chơi giáo viên hỏi: - Để chúc mừng sinh nhật bạn, các em vừa có những hoạt động gì? - Để thực hiện các hoạt động hát, nhảy vận động đó, chúng ta lấy năng lượng từ đâu? - GV mời một số học sinh trình bày	- Cả lớp hát và thực hiện các hoạt động gv tổ chức. - HS 1: Để chúc mừng sinh nhật bạn, các em vừa có những hoạt động gì? Hát, múa, vỗ tay... - HS2: Để thực hiện các hoạt động hát, nhảy vận động đó, chúng ta lấy năng lượng từ đâu?

<p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: - Năng lượng các em đã kể được lấy từ đâu? Con người sử dụng các năng lượng đó trong cuộc sống như thế nào? Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Vai trò của năng lượng”. - GV giới thiệu bài, ghi bảng.</p>	<p>- HS1: Hát, nhảy, múa, nói, cười, thổi nến, tặng quà. - HS 2: Các hoạt động đó lấy năng lượng từ thức ăn và nước uống. - HS lắng nghe. - HS nghe, ghi tên bài.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá: - Mục tiêu: + Học sinh nhận biết được một số nguồn năng lượng cung cấp cho hoạt động của con người, động vật, thực vật, máy móc. + Học sinh tìm hiểu và nêu được một số nguồn năng lượng có ở gia đình, địa phương. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động khám phá 1: Tìm hiểu một số nguồn năng lượng: - GV yêu cầu học sinh đọc nội dung khung thông tin, mời một học sinh đọc trước lớp. - Giáo viên phân tích nội dung thông tin thông qua các hoạt động thực tế đã tổ chức ở phần mở đầu. - GV mời học sinh được tặng xe ô tô đồ chơi lên thực hiện cho các bạn quan sát và hỏi: Khi đẩy chiếc ô tô em thấy có hiện tượng gì xảy ra? Vật nào đã cung cấp năng lượng cho hoạt động đó? - Khi thắp nến ở bánh gato, vì sao ta lại thấy có ánh sáng phát ra và tỏa nhiệt? - GV dẫn dắt, tay ta làm cho xe chạy, ngọn nến cháy tỏa ra ánh sáng... Tay ta, ngọn nến cháy được gọi là nguồn năng lượng. Trong cuộc sống hàng ngày còn có nhiều nguồn năng lượng khác. Chúng ta sẽ tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo. - HS quan sát hình 1, thảo luận nhóm nêu tên nguồn năng lượng cung cấp cho hoạt động của con người, động vật, thực vật, máy móc ở mỗi hình:</p>	<p>- 01 học sinh đọc thông tin, cả lớp đọc thầm. - Học sinh dựa vào thực tế và hiểu biết để trả lời: - Khi bị đẩy, chiếc ô tô sẽ chạy về phía trước. Tay ta đã cung cấp năng lượng làm xe chuyển động. - Khi thắp nến ở bánh gato có ánh sáng phát ra và tỏa nhiệt vì ngọn nến đã cung cấp năng lượng cho việc phát sáng và tỏa nhiệt. - HS lắng nghe. - Học sinh quan sát các đối tượng thực vật, động vật, con người, máy móc và phương tiện giao thông có trong hình 1.</p>



Hình 1

- GV sử dụng các câu hỏi gợi mở cho học sinh thảo luận:

- Hình 1a mặt trời có vai trò như thế nào đối với cây rau?

- Hình 1b: Xe máy chạy được nhờ có nguồn năng lượng nào?

- Hình 1c con trâu lấy nguồn năng lượng từ đâu để sống và phát triển?

- Hình 1d chong chóng quay được là nhờ nguồn năng lượng nào?

- Hình 1e để nấu chín cơm bằng nồi cơm điện cần lấy năng lượng từ đâu?

- Hình 1g con nước lấy nguồn năng lượng từ đâu để quay?

GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV kết luận: *Khi đẩy một chiếc xe đồ chơi tay ta đã cung cấp năng lượng làm xe chuyển động. Khi thả nến ta thấy ánh sáng tỏa ra vì ngọn nến đã cung cấp năng lượng cho việc phát sáng và tỏa nhiệt. Con người, động vật, thực vật đều cần năng lượng để sống và phát triển.*

- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- Giáo viên yêu cầu học sinh dựa vào kiến thức đã biết và tìm hiểu thông tin về các nguồn năng lượng

- HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi gợi mở của giáo viên trả lời được:

a. Mặt trời cung cấp năng lượng cho rau trong vườn sống và phát triển.

b. Xăng cung cấp năng lượng cho xe máy chở người di chuyển.

c. Mặt trời cung cấp năng lượng cho cỏ sống và phát triển, cỏ cung cấp năng lượng cho trâu.

d. Gió cung cấp năng lượng cho chong chóng và tuabin gió hoạt động.

e. Nguồn điện cung cấp năng lượng cho nồi cơm điện nấu chín, cơm cung cấp năng lượng cho con người.

g. Nước chảy cung cấp năng lượng cho con nước quay.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

khác, yêu cầu thảo luận nhóm, các nhóm vẽ viết về một số nguồn năng lượng có ở xung quanh em vào vào khổ giấy A3 theo gợi ý:

- Tên nguồn năng lượng.
- Vai trò của những nguồn năng lượng đó trong đời sống.
- Điều gì sẽ xảy ra nếu không có các nguồn năng lượng?
- Giáo viên yêu cầu các nhóm dán sản phẩm của nhóm lên bảng và 1 đến 2 nhóm trình bày trước lớp về sản phẩm của nhóm mình.
- GV tổ chức cho các nhóm nhận xét lẫn nhau và bình chọn sản phẩm được yêu thích nhất.
- GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

- Các nhóm dán sản phẩm lên bảng.
- Đại diện 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung (nếu có).

- Học sinh lắng nghe.

3. Hoạt động luyện tập.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức về vai trò của năng lượng trong đời sống.
- + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực khoa học tự nhiên.

- Cách tiến hành:

Hoạt động trò chơi:

- GV tổ chức trò chơi:

- Luật chơi:

+ Ba đội tham gia trò chơi tương ứng với ba nhóm theo các gợi ý đã nêu trong hoạt động khám phá.

Mỗi đội khoảng 3 HS:

+ HS1: Đứng cuối hàng, nghĩ ra tên một nguồn năng lượng rồi dùng ngón tay viết lên lưng HS2 (bạn đứng trước mình).

+ HS 2 dùng ngón tay viết tên nguồn năng lượng lên lưng HS3 (bạn đứng đầu hàng).

+ HS3 viết mô tả vai trò của nguồn năng lượng đó lên bảng rồi giơ lên cho các bạn dưới lớp đoán tên đó là nguồn năng lượng gì.

- HS lắng nghe luật chơi.

- HS tham gia chơi.

<ul style="list-style-type: none"> + HS nào dưới lớp đoán đúng tên nguồn năng lượng sẽ được tuyên dương. + Trong 10 phút, đội nào có nguồn năng lượng được đoán đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học tự nhiên. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về một số nguồn năng lượng của gia đình, địa phương em, giải thích vai trò của những nguồn năng lượng đó. - TLĐP: Yêu cầu HS nêu nguồn năng lượng cung cấp cho hoạt động sản xuất của con người nơi em sinh sống là nghề bánh tráng. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ về một số nguồn năng lượng của gia đình, địa phương em, giải thích vai trò của những nguồn năng lượng đó trước lớp. - HS trả lời - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Đạo đức

Bài 2: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết) (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (việc đặc điểm cá nhân; giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...) của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc thể hiện được bằng lời nói, hành động, thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác. Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc...

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ tự học, tự điều chỉnh hành vi, thái độ lời nói và việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện thể hiện tôn trọng sự khác biệt của người khác phù hợp với bản thân.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thấu hiểu, và chia sẻ và cảm thông với những điều khác biệt của người khác về sở thích, và ngoại hình phải giới tính, ấy hoàn cảnh phải dân tộc,...)
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem clip câu chuyện “ Màu của cầu vồng” (Hat giống tâm hồn, tập 8, NXB Tổng hợp TPHCM, năm 2008) - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Câu chuyện cho chúng ta bài học gì? - GV GV tổng kết phần trả lời và nhấn mạnh đến ý nghĩa của sự khác biệt và sự cần thiết phải vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống trong việc tôn trọng sự khác biệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xem video, hát. - HS TL: Câu chuyện cho chúng ta thấy mỗi màu sắc đều có sự khác biệt và giá trị riêng biệt. Đồng thời, khi những sự riêng biệt ấy đứng chung với nhau sẽ tạo nên sự đa dạng và mang lại những điều thú vị của cuộc sống. -HS khác NX, góp ý. - HS lắng nghe.

- GV ghi bảng tên bài	- HS ghi vở
<p>2. Hoạt động luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng của bài học thông qua nhận xét hành vi, việc làm cụ thể.</p> <p>+ Đưa ra lời khuyên, cách xử lý tình huống liên quan đến tôn trọng sự khác biệt.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Bài tập 4: Xử lý tình huống (Làm việc nhóm 4)</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.</p> <div data-bbox="235 588 868 976" style="border: 1px solid #ccc; padding: 10px;"> <p>4 Xử lý tình huống</p> <p>a Thái và Ba là đôi bạn thân, đi đâu hay làm gì cũng có nhau. Gần đây, Thái rất thích chơi cờ vua với anh trai sau mỗi giờ tan học. Ba lại không muốn bỏ qua một buổi đá cầu nào với các bạn trong xóm nên rủ Thái bỏ chơi cờ vua để đá cầu cùng mình. Thái không đồng ý. Bởi vậy, Ba giận và không chơi với bạn nữa. <i>Nếu là Thái, em sẽ làm gì?</i></p> <p>b Thắng cùng các bạn và thầy, cô giáo trong trường đi thăm trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật. Thắng thấy một số bạn trong lớp tỏ ra e ngại, không thích trò chuyện vì các bạn ở đó có ngoại hình khác biệt so với mọi người. <i>Nếu là Thắng, em sẽ làm gì?</i></p> <p>c Chung cư nơi An ở có một số bạn người nước ngoài sinh sống. An định lại gần trẻ chuyện thì anh trai An tỏ vẻ không đồng tình và cho rằng các bạn nước ngoài có nhiều điểm khác biệt nên khó hoà hợp. <i>Nếu là An, em sẽ làm gì?</i></p> </div> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 Đọc tình huống thảo luận để đưa ra phương án xử lý tình huống và đóng vai thể hiện kết quả xử lý.</p> <p>- GV cho các nhóm trình bày</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 thực hiện nhiệm vụ, phân vai và trình bày phương án xử lý</p> <p>- Các nhóm trình bày:</p> <p>+ Tình huống a: Em sẽ nói chuyện với Ba, để bạn hiểu và tôn trọng sở thích của mình.</p> <p>+ Tình huống b: Em sẽ nói với các bạn trong lớp rằng: Người khuyết tật mang trong mình những khiếm khuyết nhất định, không được lạnh lặn như người bình thường. Họ phải chịu nhiều khó khăn, vất vả, thiệt thòi. Chúng ta nên trò chuyện, chia sẻ và cảm thông với hoàn cảnh của các bạn.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, khen HS. - GV nêu YC: Nêu những việc nên và không nên làm để thể hiện tôn trọng sự khác biệt. - GV tổng kết hoạt động, khen thưởng các nhóm làm việc tốt và tổng kết: trong giao tiếp cần thể hiện tôn trọng sự khác biệt qua lời nói, hành động, việc làm và thái độ cụ thể phù hợp với hoàn cảnh 	<ul style="list-style-type: none"> + Tình huống c: Em nên nói với anh trai rằng: anh cứ yên tâm, em sẽ hòa hợp được với các bạn nước ngoài vì em biết tôn trọng sự khác biệt của các bạn ấy. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. + 2-3 HS nêu: -HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức.
<p>3. Hoạt động vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: HS kết nối được những điều đã học với thực tiễn cuộc sống bằng những việc làm cụ thể. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1. Giới thiệu bản thân "Tôi khác biệt" (Làm việc tổ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài: Em hãy viết vậ vẽ, làm video, ở tranh ký họa,... Về chủ đề " tôi khác biệt" để giới thiệu về những đặc điểm của bản thân mình với các bạn. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm tổ, từng thành viên giới thiệu bản thân theo sản phẩm đã chuẩn bị rồi trưng bày sản phẩm của tổ vào bảng phụ. - GV cho các tổ trình bày trước lớp - GV cho HS đi xem sản phẩm các tổ - GV nhận xét chung về sản phẩm của HS và kết luận: Cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ, trong đó mỗi con người lại là một mảnh ghép riêng biệt, độc đáo mà không ai có thể thay thế. Từ đó, mỗi người trong chúng ta phải có trách nhiệm tôn trọng những sự khác biệt đó. 	<ul style="list-style-type: none"> -1 HS đọc trước lớp, HS khác đọc thầm - HS thảo luận nhóm tổ và trưng bày sản phẩm - Đại diện tổ trình bày sản phẩm trước lớp - Nhóm khác NX, góp ý. - HS tham quan sản phẩm - HS lắng nghe rút kinh nghiệm
<p>Hoạt động 2. Chia sẻ cảm nhận (Làm việc nhóm 2)</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV YC HS thảo luận nhóm đôi để chia sẻ cảm nhận về sự khác biệt của các bạn trong lớp bằng các câu hỏi: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, nắm bắt nhiệm vụ

<ul style="list-style-type: none"> + Bạn nào trong lớp có đặc điểm khác biệt với em? + Em cảm thấy thế nào về điều đó? + Em sẽ làm gì thể hiện tôn trọng sự khác biệt của các bạn? -GV cho HS chia sẻ trước lớp. -GV nhận xét, kết luận: Xung quanh bạn bè, người thân chúng ta ai cũng có những khác biệt thú vị. Những sự khác biệt ấy luôn cần được tôn trọng để cuộc sống chan hòa, đoàn kết, vui tươi trong tình thân thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3-5 HS chia sẻ, HS khác giao lưu - HS lắng nghe
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò “Phóng viên nhí”. - GV chọn một HS xung phong làm phóng viên, lần lượt hỏi các bạn trong lớp: + Bạn ghi nhớ điều gì sau giờ học? + Bạn có cảm nghĩ gì về bài học? + Bạn sẽ làm gì để vận dụng bài học vào cuộc sống? - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực. - Dặn dò về nhà: chia sẻ điều học được với người thân, chuẩn bị bài học sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi. - 1HS làm phóng viên và hỏi cả lớp. - 3-5 HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân -HS lắng nghe nắm được nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:

CHƠI TRÒ CHƠI “BỨC TRANH BÍ ẨN”.

NHẬN DIỆN MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN GÂY HOẢ HOẠN.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

– HS nêu được một số nguyên nhân gây hỏa hoạn

- HS có ý thức phòng tránh hỏa hoạn.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

– Năng lực thích ứng với cuộc sống: xác định được những nguyên nhân gây hỏa hoạn và có ý thức phòng tránh.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm để thảo luận về những nguyên nhân gây hỏa hoạn.

3. Phẩm chất

– Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân trong việc thực hiện việc phòng tránh hỏa hoạn.

***Giáo dục Quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.**

II. ĐỒ DÙNG

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- GV chuẩn bị một bức tranh được cắt thành 4 hoặc 6 mảnh ghép. Nội dung của bức tranh là hình ảnh học sinh đang diễn tập về phòng chống hỏa hoạn. Ví dụ như tranh sau:



III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: Trò chơi “Bức tranh bí ẩn” a) Mục tiêu	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– Tạo hứng thú cho HS và dẫn nhập vào tiết HĐTN về phòng tránh hỏa hoạn.	
b) Cách tiến hành	
- GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 - 6 học sinh và nêu yêu cầu của trò chơi: Mỗi nhóm chọn một mảnh ghép, suy nghĩ để trả lời câu hỏi có nội dung về phòng chống hỏa hoạn. Nếu nhóm trả lời đúng câu hỏi của mỗi mảnh ghép thì một phần hình ảnh của tranh chủ đề sẽ được mở ra. Các nhóm có thể đoán luôn tranh chủ đề sau khi mở mảnh ghép thứ hai. Nhóm nào đoán được nhiều mảnh ghép hoặc đoán đúng tranh chủ đề sẽ thắng cuộc.	- HS lắng nghe và ghi nhớ cách thực hiện
GV tổ chức cho các nhóm tham gia trò chơi, sau khi tranh chủ đề đã được mở ra, GV yêu cầu các nhóm thảo luận về ý nghĩa của tranh chủ đề.	- HS thực hiện hoạt động.
– GV mời đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi: “ <i>Bức tranh này có ý nghĩa gì?</i> ” và tổng hợp ý kiến của các nhóm để giới thiệu vào nội dung buổi hoạt động và chuyển ý sang hoạt động 7	HS lắng nghe
2. Nhận diện - Khám phá	
Hoạt động 7. Nhận diện một số nguyên nhân gây hỏa hoạn.	
a) Mục tiêu - HS nêu được một số nguyên nhân gây hỏa hoạn - HS có ý thức phòng tránh hỏa hoạn.	
b) Cách tiến hành	
GV yêu cầu từng học sinh đọc thầm 2 yêu cầu của hoạt động 7 trong SGK Hoạt động trải nghiệm lớp 5, trang 22	HS đọc thầm nhiệm vụ 1, nhiệm vụ 2, hoạt động 7 trong SGK trang 22
– GV chia lớp thành các nhóm từ 4 đến 6 HS và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận để nêu những nguyên nhân gây hỏa hoạn theo các bước sau: + Bước 1: quan sát 4 bức tranh trong SGK, trang 22 và nêu 4 nguyên nhân gây hỏa hoạn mà bức tranh mô tả	- HS thực hiện nhiệm vụ quan sát tranh - HS thảo luận theo nhóm

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>+ Bước 2: Suy nghĩ và kể thêm các nguyên nhân gây hỏa hoạn khác mà em biết</p> <p>+ Bước 3: Thống nhất trong nhóm về các nguyên nhân gây hỏa hoạn và ghi kết quả vào giấy A1.</p>	<p>- HS ghi kết quả thảo luận trên giấy A1</p>
<p>- GV dành thời gian cho các nhóm làm việc và đi xung quanh lớp, hỗ trợ khi cần thiết.</p> <p>- GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận, mời các nhóm khác bổ sung</p>	<p>- Đại diện nhóm báo cáo kết quả</p>
<p>- GV tổng hợp ý kiến của các nhóm và kết luận về nguyên nhân gây hỏa hoạn được thể hiện trong 4 bức tranh là:</p> <p>+ Tranh 1: để những vật dễ cháy như xăng, dầu, ... cạnh nguồn lửa</p> <p>+ Tranh 2: chập điện (do ổ cắm hoặc phích cắm điện bị hư hỏng, ...)</p> <p>+ Tranh 3: gọi điện thoại ở khu vực có chất dễ cháy nổ như cửa hàng xăng dầu</p> <p>+ Tranh 4: đốt củi khô, lá khô trong rừng</p> <p>- Ngoài các nguyên nhân trên còn có các nguyên nhân gây hỏa hoạn khác như: bất cẩn khi thắp hương, đốt nến, đốt vàng mã, sạc xe điện không an toàn, tò mò nghịch các thiết bị điện (cắm kéo vào ổ điện, ...) sử dụng bếp ga quá cũ hoặc nổ bình ga, ...</p> <p>*Giáo dục Quyền con người:</p> <p>- Các em có quyền gì?</p> <p>- GD: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ</p> <p>- HS trả lời</p>
<p>3. Tổng kết tiết trải nghiệm</p>	
<p>- GV nhắc nhở học sinh về nhà trao đổi với bố, mẹ người thân để kiểm tra xem trong gia đình mình có xuất hiện một trong những nguyên nhân gây hỏa hoạn như trên không và kết thúc tiết học.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ Tư, ngày 16 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Bài 14: NHỮNG NGỌN NÚI NÓNG RẦY (4 tiết)

Tiết 1+2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ văn bản “Những ngọn núi nóng rẫy”. Biết đọc nhấn giọng ở những từ ngữ mang nội dung quan trọng của bài (từ khoá).

- Đọc hiểu: Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị.

- Có ý thức quan sát, chú ý đến những hiện tượng tự nhiên quanh mình, có mong muốn trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những cảnh vật ở những ngọn núi lửa.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	

- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về những ngọn núi.

- GV yêu cầu HS quan sát và cho biết những ngọn núi có gì đặc biệt?

- GV đặt câu hỏi gợi ý:

+ Hình dạng của những ngọn núi đó như thế nào?

+ Màu sắc của những ngọn núi?

+ Phần đỉnh núi (phần chóp) của các ngọn núi có gì đặc biệt?

+ Theo em, đây là núi gì?

- GV giới thiệu:

Các bức tranh này đều là những ngọn núi, với phần chóp núi (đỉnh núi) bị lõm xuống, không giống những ngọn núi thông thường. Phần lõm xuống sẽ phun trào lửa, dung nham dữ dội, đe dọa đến cuộc sống của những sinh vật xung quanh núi. Những khi núi lửa không còn hoạt động, trông chúng thật đẹp và bình yên. Thậm chí, có những núi lửa còn trở thành điểm du lịch nổi tiếng của các quốc gia.

- GV yêu cầu HS nêu tên núi của từng bức tranh.

- GV giảng giải thêm:

+ Bức tranh đầu tiên: Núi Phú Sĩ ở Nhật Bản. Đây là ngọn núi cao nhất Nhật Bản và cao thứ 7

- HS xem một số hình ảnh về những ngọn núi.



- HS quan sát và nêu điểm đặc biệt của những ngọn núi.

- HS thảo luận theo câu hỏi gợi ý

- HS nêu tên núi ở từng bức tranh.

+ Tranh 1: Núi Phú Sĩ ở Nhật Bản

+ Tranh 2: Núi lửa Diamond Head ở Hoa Kỳ.

+ Tranh 3: Núi Bromo ở Indonesia.

- HS lắng nghe.

thế giới. Núi Phú Sĩ ngừng hoạt động. Lần phun trào cuối là năm 1707 – 1708. Núi Phú Sĩ được phủ tuyết khoảng 5 tháng/năm, là biểu tượng của đất nước Nhật Bản, đồng thời là một danh lam thắng cảnh đặc biệt, một di tích lịch sử của Nhật Bản, được vào danh sách di sản thế giới của UNESCO.

+ Bức tranh thứ hai: Núi lửa Diamond Head (Đỉnh Kim Cương hay còn gọi là Đỉnh Gió Hú) ở Hoa Kỳ. Núi lửa này cũng đã ngừng hoạt động. Miệng núi lửa hình đĩa rộng, được hình thành khoảng 150.000 năm trước, núi chỉ phun trào một lần duy nhất. Đến nay, núi lửa này đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn vì phong cảnh đẹp.

+ Bức tranh 3: Núi Bromo ở Indonesia. Núi lửa này vẫn còn hoạt động. Cảnh quan xung quanh núi hùng vĩ tuyệt đẹp nên ngọn núi này đã được công nhận là kì quan thiên nhiên thế giới mới.

- GV mời HS nêu nội dung tranh minh họa bài học.



- GV Nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới: Đây là một văn bản thông tin về núi lửa. Các em cùng đọc bài để biết sự hình thành của núi lửa được giải thích như thế nào.

- HS nêu nội dung tranh minh họa bài học.

+ Tranh vẽ nhiều loại núi lửa khác nhau (quả núi hình nón, hình tròn thoải thoải)

2. Khám phá.

- Mục tiêu:

Đọc đúng từ ngữ câu đoạn và toàn bộ văn bản “Những ngọn núi nóng rẫy”. Biết đọc nhấn giọng ở những từ ngữ mang nội dung quan trọng của bài (từ khoá).

- Cách tiến hành:

<p>2.1. Luyện đọc đúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài. + Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai: <i>núi lửa, hình nón, nóng rẫy, thoải thoải, khổng lồ, nhảy nhót, nung chảy, lục bục, kẽ nứt, nóng chảy....</i> + Cách cất giọng ở những câu dài: <i>Để hiểu núi lửa hình thành ra sao,/ bạn biết/ Trái Đất được tạo bởi nhiều lớp khác nhau,/ y hết một củ hành khổng lồ/ với nhiều lớp áo.; Vậy là/ nếu mặt đất tự nhiên nứt ra/ và từ kẽ nứt đó trào ra một thứ đá nóng chảy,/ thì chắc chắn là/ chúng ta đang thấy một quả núi lửa đấy..</i> - GV gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến trong nước biển nữa. + Đoạn 2: Để hiểu núi lửa ... nhiều lớp áo? + Đoạn 3: Lớp ngoài cùng ... thành núi lửa. + Đoạn 4: Phần còn lại. - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp. - GV giải thích từ khó: + Nóng rẫy: rất nóng, do nhiệt độ cao quá mức của lửa, điện.... + Mác – ma: đá nóng chảy trong lòng đất. - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn. - HS đọc từ khó. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - HS lắng nghe.
<p>2.2. Luyện đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm:. - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi - GV theo dõi, nhận xét, tuyên dương, điều chỉnh những chỗ HS đọc chưa đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. - HS luyện đọc nhóm đôi:
<p>2.3. Luyện đọc toàn bài.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

TIẾT 2

3. Tìm hiểu bài.

- Mục tiêu:

Nhận biết được các thông tin về núi lửa. Hiểu được sự hình thành của núi lửa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Núi lửa là một hiện tượng tự nhiên vô cùng độc đáo và thú vị.

- Cách tiến hành:

3.1. Giải nghĩa từ.

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì gạch chân rồi đưa ra để GV hỗ trợ.

- Ngoài ra GV đưa thêm một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa.

+ Hình tròn thoải thái, đám mây tro, rít, đạch quánh, sôi sùng sục,

- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.

- HS nghe giải nghĩa từ.

3.2. Tìm hiểu bài.

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Những đặc điểm dưới đây của núi lửa được miêu tả như thế nào?



Hình dáng



Hoạt động

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:

Câu 1.

+ Về hình dáng: Một số hình nón, một số hình tròn thoải thoải.

+ Về hoạt động: Một số phun lửa, một số phun khói, khí hoặc các đám mây tro.

+ Về tiếng động: Một số nổ với tiếng động kinh hoàng, một số chỉ rít lên khe khẽ.

+ Về vị trí: Một số trên mặt đất, một số hoạt động ngầm trong nước biển.



Tiếng động



Vị trí

- GV phát Phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 69 rồi trả lời câu hỏi.

Phiếu học tập

Về hình dáng
Về hoạt động
Về tiếng động
Về vị trí

+ Câu 2: Vì sao trái đất được miêu tả “y hệt một củ hành khổng lồ”? Em nghĩ gì về hình ảnh đó?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản, tìm các chi tiết để trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu HS trao đổi trong nhóm, cả nhóm góp ý và bổ sung đáp án.

+ Câu 3: Lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới được miêu tả như thế nào?

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại các chi tiết miêu tả lớp vỏ Trái Đất và mác-ma bên dưới để tìm ý trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu HS trao đổi và thống nhất ý kiến trong nhóm.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.

+ Câu 4; Núi lửa được hình thành ra sao?

Câu 2.

+ Vì cả Trái Đất và củ hành đều có đặc điểm cấu tạo là gồm nhiều lớp khác nhau.

+ Củ hành là một sự vật quen thuộc, vì thế hình ảnh này so sánh rất sinh động, giúp hình dung ra cấu tạo các lớp của Trái Đất.

(HS có thể diễn tả củ hành mà em biết và nêu sự liên tưởng thú vị với Trái Đất hoặc nêu nhận xét của bản thân).

- HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản, tìm các chi tiết để trả lời câu hỏi.
- HS trao đổi trong nhóm, cả nhóm góp ý và bổ sung đáp án.

Câu 3:

+ Lớp vỏ Trái Đất: rất cứng, là nơi con người đi lại, nhảy hót, nơi có thể nứt ra.

+ Mác-ma: đá nóng chảy, đặc quánh, giống như cháo đặc sôi lục bục ở nhiệt độ 1 300 độ C.

- HS trao đổi và thống nhất ý kiến trong nhóm.
- Đại diện nhóm trình bày.

Câu 4:

+ Do nhiều nguyên nhân, mác-ma sôi sục và len lên trên, xuyên qua kẽ nứt ở lớp vỏ và phun trào, tạo thành núi lửa.

Câu 5.

+ Thông tin em đã biết:

+ Câu 5: Trao đổi với bạn về các thông tin trong bài đọc theo gợi ý.

- GV phát Phiếu học tập, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK trang 69 rồi trả lời câu hỏi.

Thông tin em đã biết
Thông tin mới đối với em
Thông tin em thấy thú vị nhất
Thông tin em muốn biết thêm

- GV mời đại diện nhóm chia sẻ.
- GV khuyến khích HS chia sẻ càng nhiều càng tốt theo hiểu biết và cảm nhận riêng của mình
- GV nhận xét, khen những HS có chia sẻ hay, nhiều thông tin phong phú, biết diễn đạt rõ ràng, rành mạch.

***Giáo dục đạo đức:**

- **Các em làm gì để bảo vệ thiên nhiên?**
- **GD: Yêu thiên nhiên.**
- GV nhận xét, tuyên dương.

3.3. Luyện đọc lại.

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (4 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc.
- GV mời HS nhận xét nhóm đọc.
- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Luyện tập theo văn bản đọc.

- Mục tiêu: Mở rộng vốn từ về thiên nhiên, hiện tượng tự nhiên gây tác hại cho đời sống của con người, ôn tập về từ đa nghĩa đã học ở bài 13. Điều này giúp học sinh hiểu thêm về bài đọc.

- Cách tiến hành:

Câu 1. Tìm những từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên có thể gây thiệt hại nặng nề cho đời sống của con người.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

Núi lửa hình nón; Núi lửa ohun lửa; Dưới lớp vỏ của Trái Đất là mác-ma sôi sùng sục.

+ Thông tin mới đối với em:

Núi lửa hình tròn thoải; Một số núi lửa ngầm dưới nước; Một số núi lửa phun lửa hoặc khói, khí và các đám mây tro; Một số núi lửa chỉ rít khe khẽ.

+ Thông tin em thấy thú vị nhất:

Mác-ma giống như cháo đặc, sôi lục bục ở nhiệt độ 700 – 1300 độ C; Trái Đất giống như củ hành.

+ Thông tin em muốn biết thêm:

Quá trình hoạt động của núi lửa: trước khi phun trào, trong khi phun trào, sau khi phun trào.

- HS lắng nghe

- HS trả lời

- HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm.

- HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm

+ Động đất, lũ lụt, bão, lốc xoáy, sóng thần, mưa đá, sương muối, núi lửa phun

<p>- Mời HS làm việc cá nhân.</p>	<p>- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm bài cá nhân vào vở và trình bày trước lớp.</p>
<p>Câu 2. Trong các cặp từ ngữ dưới đây: từ “quả” và từ “lửa” nào được dùng với nghĩa chuyển?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV giải thích thêm: + Nghĩa gốc của từ <i>quả</i> là bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển thành, bên trong thường chứa hạt (quả cam). Còn từ <i>quả</i> trong <i>quả núi</i> đã chuyển nghĩa, dùng với nghĩa chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây (quả cầu, quả đất, quả núi...) + Từ <i>lửa</i> trong <i>phun lửa</i> được dùng với nghĩa chuyển. Vì nghĩa gốc của từ <i>lửa</i> là nhiệt và ánh sáng phát sinh đồng thời từ vật đang cháy. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>a. quả núi – quả cam b. núi lửa – ngọn lửa ước mơ + Từ “quả” trong “quả núi” được dùng với nghĩa chuyển còn “quả” trong “quả cam” được dùng với nghĩa gốc. - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS lắng nghe.</p>
<p>5. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tự rút ra bài học những việc nên làm, không nên làm qua đó giúp HS hiểu thêm ý nghĩa của câu chuyện “Những ngọn núi nóng rẫy”: Cần có việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên trong cộng đồng. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- Cả lớp vừa tìm hiểu một hiện tượng thú vị của tự nhiên trên Trái Đất chúng ta. Vì thế chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ hành tinh của mình nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc nên làm, không nên làm tại trường, lớp hoặc nơi em ở để góp phần bảo vệ môi trường sống của chúng ta. - Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe. - HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc làm tốt tại trường, lớp hoặc nơi em ở. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

- | | |
|---|--|
| - GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà. | |
|---|--|

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Toán

Bài 15: KI-LÔ-MÉT VUÔNG, HÉC-TA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).
- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.


3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 4. <div data-bbox="214 550 889 974" style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;">Héc-ta</p> <p style="text-align: center;">Vườn quốc gia Tràm Chim ở vùng Đồng Tháp Mười có tổng diện tích hơn 7 500 héc-ta. (Nguồn: vqgtrc.dongthap.gov.vn)</p>  </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV và HS cùng chia sẻ thông tin. - GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới. + Để đo diện tích đất trong những ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp người ta thường dùng đơn vị héc-ta. - GV yêu cầu HS đọc lại phần giới thiệu héc-ta ở khung xanh trong SGK trang 54. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin. - HS chia sẻ thông tin. - HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - HS lắng nghe. - HS đọc lại phần giới thiệu héc-ta. + Héc-ta là diện tích của hình vuông có cạnh dài 100 m. + Héc-ta viết tắt là ha. + $1 \text{ ha} = 10\,000 \text{ m}^2$ $1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha}$.
<p>2. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2, ha). - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Chọn số đo phù hợp với diện tích của mỗi địa danh dưới đây:</p>	

Vườn quốc gia
Bạch Mã

Điện Thái Hoà

Tỉnh
Thừa Thiên Huế

5 054 km²

22 031 ha

1 360 m²

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 2. Số?

a) 3 km² = ? ha

b) 40 000 ha = ? km²

c) 64 800 ha = ? km²

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân.
- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- Các nhóm chia sẻ kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Vườn quốc gia
Bạch Mã

Điện Thái Hoà

Tỉnh
Thừa Thiên Huế

5 054 km²

22 031 ha

1 360 m²

Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc yêu cầu của đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
- a) 3 km² = 300 ha
- b) 40 000 ha = 40 km²
- c) 64 800 ha = 648 km²
- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Chọn câu trả lời đúng

Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng có diện tích là 123 326 ha.
(Nguồn: phongnhakebang.vn)



Số đo diện tích vườn quốc gia đó theo đơn vị ki-lô-mét vuông là:

- A. 12,3326 km² B. 123,326 km²
C. 1233,26 km² D. 12332,6 km²

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
 - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.
 - GV gọi HS nêu kết quả.
 - GV nhận xét.
- Bài 2. SGK trang 55.**
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
 - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.
 - GV gọi HS nêu kết quả.
 - GV nhận xét.
 - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả.
- HS lắng nghe.

- HS đọc đề bài.
 - HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.
 - HS nêu kết quả.
- + Diện tích của khu đất đó là:
 $200 \times 200 = 40\,000$ (m²)
Vậy khu đất đó có diện tích là 4 ha.
- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Lịch sử - Địa lí

Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thông điệp bí ẩn - Luật chơi: GV lần lượt nêu những gợi ý về 1 câu chuyện truyền thuyết của Việt Nam. HS đoán tên câu chuyện càng nhanh càng tốt để nhận 1 phần quà của GV. - Gợi ý: + Câu chuyện xảy ra vào thời Hùng Vương thứ sáu. + Hùng Vương muốn nhường ngôi nên nghĩ cách tìm người tài + Nhắc đến một phong tục tập quán ngày tết + Bánh hình vuông tượng trưng cho đất, bánh hình tròn tượng trưng cho trời - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chơi trò chơi. - Sự tích bánh chưng, bánh giầy - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá: 2. Đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được đời sống kinh tế của nhà nước Văn lang, Âu Lạc. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc (Thảo luận nhóm 4)</p>	

- GV yêu cầu HS kết hợp đọc thông tin, quan sát hình 4 đến 6 và trả lời các câu hỏi:

+ Mô tả những nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?



▲ Hình 4. Nồi gốm



▲ Hình 5. Lưỡi cày đồng



▲ Hình 6. Vòng tay bằng đồng

- GV cho đại diện các nhóm trình bày.

- GV nhận xét và tuyên dương, giới thiệu hình 4, 5, 6 và kết luận: ***Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có đời sống kinh tế khá đa dạng:***

+ ***Nông nghiệp: làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải***

+ ***Thủ công nghiệp: đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền, ...***

Hoạt động 2: Kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh (làm việc cá nhân)

- GV yêu cầu HS kể chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh

- GV yêu cầu HS kể trước lớp

- GV gọi HS nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương và hỏi:

+ Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết gì về đời sống kinh tế của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp như: cơm nếp, bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,... Đồng thời cho thấy cư dân Văn Lang, Âu Lạc cũng thường xuyên đối phó với lũ lụt để bảo vệ sản xuất nông nghiệp.***

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Nghề chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả,... Ngoài ra họ còn biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải; Biết đúc đồng để làm công cụ lao động, vũ khí và đồ trang sức. Họ cũng biết làm đồ gốm, đan lát, đóng thuyền, ...

- Đại diện các nhóm trình bày

- HS lắng nghe.

- HS kể chuyện cá nhân

- 2 đến 3 HS kể trước lớp

- HS nhận xét

- HS lắng nghe và trả lời

+ Câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh cho em biết những sản phẩm phong phú của nền kinh tế nông nghiệp như: cơm nếp, bánh chưng, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao,...

- HS lắng nghe

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu thêm về câu chuyện truyền thuyết khác liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe. - HS lắng nghe.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

Công nghệ
Bài 3: TÌM HIỂU THIẾT KẾ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Năng lực công nghệ: Nhận thức được muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải thiết kế, thiết kế là quá trình sáng tạo.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự tìm hiểu bài và tự nhận xét được kết quả học tập của mình, tự làm được những việc của mình theo sự phân công và hướng dẫn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được sự khác nhau của một số sản phẩm cùng mục đích sử dụng cần thiết kế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm. hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi thực hiện được hướng dẫn, phân công. Có khả năng giao tiếp, bày tỏ ý kiến khi làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ được giao bởi giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- Mục tiêu:

+ Tạo tâm thế học tập, kích thích sự hứng thú vui vẻ và liên hệ và bài học.

+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Chín người mười ý”

Luật chơi

- GV đưa ra yêu cầu:

+ Hãy vẽ một bức tranh gồm có các hình sau: một hình vuông, một hình tam giác, một hình chữ nhật, hình tròn, sáu đường thẳng.

+ Sau 3 phút HS đi tìm những bạn có bức tranh giống ý tưởng của mình và đứng thành nhóm.

- GV mời một số nhóm trình bày ý tưởng bức tranh của mình.



- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:

Mỗi bức tranh của các em đều được vẽ lên bằng những hình cơ bản giống nhau nhưng với những ý tưởng khác nhau lại tạo ra những bức tranh có ý nghĩa khác nhau, rất đa dạng và phong phú. Đó chính là hoạt động thiết kế. Ngày hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học “Tìm hiểu thiết kế”.

- Cả lớp lắng nghe và tham gia trò chơi.

- HS tìm nhóm cùng ý tưởng:

- Nhóm 1: Hình tròn.

- Nhóm 2: Hình vuông.

- Nhóm 3: Hình tam giác.

- Nhóm 4: Hình chữ nhật.

...

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ Học sinh nhận thức được về tầm quan trọng và tính sáng tạo của thiết kế trong cuộc sống.

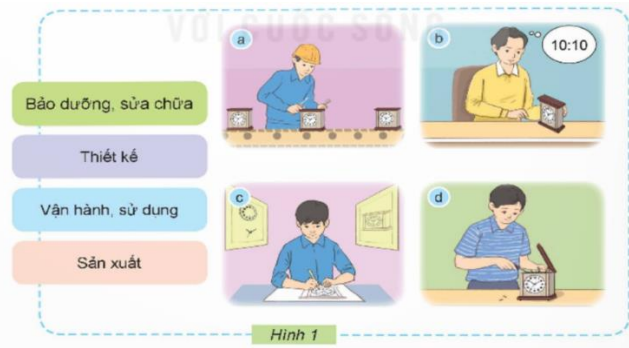
- Cách tiến hành:

Hoạt động khám phá 1.

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm. Mỗi nhóm quan sát một bức tranh trong Hình 1 (SGK trang 14) và mô tả về nội dung của bức tranh. Sau đó

- HS quan sát tranh, thảo luận và nêu tên hoạt động của nhân vật với bức tranh tương ứng và ghi vào bảng con.

nhóm ghi tên hoạt động của nhân vật trong bức tranh vào bảng con.



- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- GV yêu cầu đại diện 4 nhóm thảo luận nhanh với nhau để xác định vị trí đứng của mình theo thứ tự các bước tạo ra sản phẩm công nghệ.

- GV nhận xét, tuyên dương và chốt ý kiến: **Muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải bắt đầu từ việc thiết kế sản phẩm.**

Hoạt động khám phá 2.

- GV yêu cầu các học sinh làm việc theo nhóm, quan sát Hình 2 và trả lời các câu hỏi:

+ Hãy nêu sự khác nhau về kiểu dáng, màu sắc của những chiếc đồng hồ trong Hình 2.

+ Hoạt động nào tạo nên sự khác nhau của những sản phẩm đó?



- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau.

+ H1:a: Sản xuất.

+ H1:b: Vận hành sử dụng.

+ H1:c: Thiết kế.

+ H1:d: Bảo dưỡng, sửa chữa

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

- Đại diện các nhóm lắng nghe và thảo luận. Sau đó xếp thành một hàng ngang theo thứ tự mà giáo viên đã ghi trên bảng:

1. Thiết kế
2. Sản xuất
3. Vận hành, sử dụng
4. Bảo dưỡng, sửa chữa

- HS lắng nghe

- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu.

- Đại diện các nhóm trình bày và nhận xét
+ H2:a: Đồng hồ báo thức có hình tròn, viền màu xanh nước biển.

<p>- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: <i>Thiết kế là quá trình sáng tạo để tạo ra sản phẩm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của con người.</i></p>	<p>+ H2:b: Đồng hồ treo tường có hình vuông, viền màu đỏ. + H2:c: Đồng hồ đeo tay, có dây quai màu nâu. + H2:d: Đồng hồ cát màu nâu, có hình trụ. - Hoạt động tạo lên sự khác nhau của những sản phẩm đó là hoạt động thiết kế.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Luyện tập, khắc sâu kiến thức vừa học về thiết kế trong đời sống. + Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động nhóm</p> <p>- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, mỗi nhóm tìm những sản phẩm công nghệ trong lớp có cùng mục đích sử dụng. HS so sánh thiết kế của các sản phẩm công nghệ cùng nhóm với nhau và giải thích vì sao có sự khác nhau đó.</p> <p>- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.</p>	<p>- HS lắng nghe và tham gia hoạt động nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm: + Nhóm 1: Ghế HS và ghế GV. + Nhóm 2: cốc uống nước và bình nước. + Nhóm 3: Bàn GV và bàn HS. + Nhóm 4: Thước kẻ HS và thước chỉ bảng của GV. - HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho nhóm bạn.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về một số sản phẩm công nghệ của gia đình em ở nhà có cùng mục đích sử dụng và nêu sự khác nhau của những sản phẩm đó. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ về một số sản phẩm công nghệ của gia đình em ở nhà và nêu sự khác nhau của những sản phẩm đó. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Toán

Bài 15: KI-LÔ-MÉT VUÔNG, HÉC-TA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km² (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km², ha).
- Vận dụng được các đơn vị đo diện tích km² (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta) vào bài giải bài tập.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km² (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km², ha).
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

1. Khởi động:

- Mục tiêu:

+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.

+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.

- Cách tiến hành:

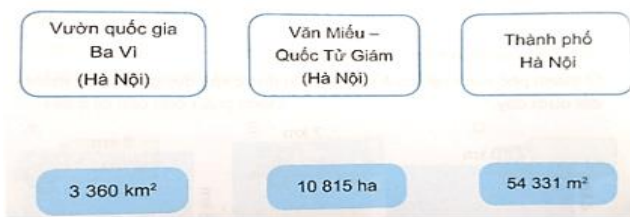
2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta), thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích (km^2 , ha).

- Cách tiến hành:

Bài 1. Nối số đo thích hợp với diện tích của mỗi địa danh dưới đây.



- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS thực hiện cá nhân.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.

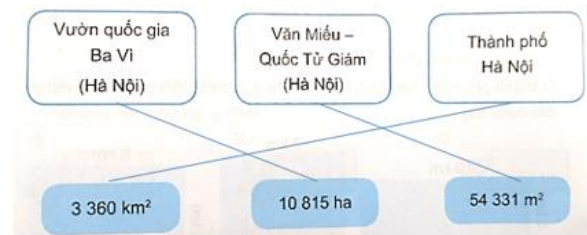
a) $5 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$ $4 \text{ km}^2 5 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ ha}$

b) $30\,000 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$ $127\,500 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc cá nhân.
- 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- Các nhóm chia sẻ kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.



- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

- HS đọc yêu cầu của đề bài.

- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.

a) $5 \text{ km}^2 = 500 \text{ ha}$ $4 \text{ km}^2 5 \text{ ha} = 405 \text{ ha}$

b) $30\,000 \text{ ha} = 300 \text{ km}^2$ $127\,500 \text{ ha} = 1\,275 \text{ km}^2$

- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích của thành phố Hải Phòng là 1 562 km². Số đo diện tích của thành phố Hải Phòng theo đơn vị héc-ta là:

A. 150 620 ha

B. 156 200 ha

C. 15 620 ha

D. 1 562 000 ha

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.

- GV gọi HS nêu kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 4: Công viên nước lớn nhất ở thành phố Hình học được xây dựng trên mảnh đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 120 m, chiều rộng 50 m. Hỏi công viên đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.

- GV gọi HS nêu kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 5: Một thành phố có diện tích là 728 km². Biết diện tích đất để trồng cây xanh của thành phố đó bằng 1414 diện tích của

- HS đọc yêu cầu bài.

- HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.

- HS nêu kết quả: Đáp án B

- HS lắng nghe.

- HS đọc đề bài.

- HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.

- HS nêu kết quả.

Diện tích công viên nước là:

$$120 \times 50 = 6\,000 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi } 6\,000 \text{ m}^2 = 0,6 \text{ ha}$$

Đáp số: 0,6 ha

- HS lắng nghe.

thành phố. Vậy diện tích đất để trồng cây xanh của thành phố đó là:

- A. 546 ha
- B. 182 ha
- C. C. 1 820 ha
- D. D. 18 200 ha

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS nêu kết quả.
- GV nhận xét.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thực hiện cá nhân rồi trao đổi với bạn ngồi kế bên, cùng thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả: Đáp án D
- HS lắng nghe.
- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Ôn Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn tả cảnh đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả cảnh.

- Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn tả cảnh sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về phong cảnh thiên nhiên. - GV yêu cầu HS nêu những điểm nổi bật của phong cảnh. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- HS quan sát. - HS nêu những điểm nổi bật của phong cảnh. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhớ lại cách viết bài văn tả cảnh đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả cảnh. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Dựa vào kết quả quan sát và những nội dung đã ghi chép trong hoạt động Viết ở Bài 12, lập dàn ý theo đề bài đã chọn. - GV mời HS đọc hai đề bài: <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px 0;"><p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p><p>Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.</p><p>Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.</p></div> - GV yêu cầu HS chọn một trong 2 đề. - GV mời HS làm việc cá nhân, dựa vào kết quả quan sát trong hoạt động Viết ở bài 12, lập dàn ý cho đề bài đã chọn.	- HS đọc đề bài. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS chọn 1 trong 2 đề. - HS làm việc cá nhân.

- GV yêu cầu HS nêu các phần của bài văn tả cảnh.

- GV gọi HS lần lượt đọc các nội dung từng phần của bài văn tả cảnh.

Hoạt động 2: Viết lại một nội dung trong dàn ý của em theo góp ý của thầy cô hoặc các bạn.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến, tự đánh giá dàn ý của mình và bạn, đưa ra các phương án để chỉnh sửa, hoàn thiện.

- GV yêu cầu HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn trong SGK trang 67) và tự điều chỉnh, bổ sung thêm ý theo suy nghĩ của bản thân.

- GV quan sát, góp ý hỗ trợ kịp thời để HS hoàn thành dàn ý tả phong cảnh.

- HS nêu các phần của bài văn tả cảnh.

Bài văn tả cảnh gồm 3 phần:

1. Mở bài

2. Thân bài

3. Kết bài

- HS đọc lần lượt các phần của bài văn tả cảnh.

1. **Mở bài:** Giới thiệu bao quát về phong cảnh theo cách mở bài gián tiếp hoặc trực tiếp.

2. **Thân bài:**

+ Tả theo không gian: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh theo trình tự từ gần tới xa, từ thấp lên cao, từ trái sang phải...

+ Theo thời gian: Tả sự biến đổi hoặc đặc điểm của phong cảnh trong những thời gian khác nhau (các buổi trong ngày, các mùa trong năm ...)

+ Theo không gian kết hợp với thời gian: Tả sự thay đổi của từng sự vật, hiện tượng ... trong những thời điểm khác nhau.

3. **Kết bài:** Nêu suy nghĩ, nhận xét hoặc tình cảm, cảm xúc đối với phong cảnh được miêu tả.

- HS chia sẻ ý kiến.

- HS đọc soát dàn ý của mình

- HS đọc soát và tự điều chỉnh bổ sung.

- HS hoàn thành dàn ý.

- HS làm việc theo nhóm đôi.

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi cùng nhau chia sẻ, điều chỉnh dàn ý. - GV yêu cầu HS làm việc nhóm để cả nhóm cùng góp ý, bổ sung. - GV chốt những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh đúng yêu cầu đề bài và theo đúng các bước cần thiết. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS hoàn thiện dàn ý tả phong cảnh của mình bằng cách viết lại một dàn ý hoàn chỉnh vào vở. - GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm. - GV gọi HS đọc dàn ý của mình trước lớp. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt. <p>Bài văn miêu tả phong cảnh gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Giới thiệu bao quát phong cảnh cần tả. - Thân bài: Tả chi tiết cảnh vật theo trình không gian, thời gian hợp lí. - Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về phong cảnh, cảnh vật đã miêu tả. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoàn thiện dàn ý tả phong cảnh và viết vào vở. - HS chia sẻ trong nhóm. - HS đọc dàn ý của mình trước lớp. - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: Tìm đọc sách báo viết về núi, hang động, đại dương, các hành tinh trong hệ Mặt Trời,... hoặc hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi lửa phun trào, lốc xoáy, mưa đá,...). Ghi lại thông tin thú vị em đọc được. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tìm đọc.

<p>- GV nêu ý nghĩa của hoạt động: mở rộng kiến thức về thế giới tự nhiên.</p> <p>Củng cố:</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của bài 13.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nhắc lại.</p> <p>+ Đọc: Mầm non</p> <p>+ Luyện từ và câu: Từ đa nghĩa</p> <p>+ Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Tiết đọc thư viện

CHỦ ĐỀ: GIỚI THIỆU KHO TÀNG TRUYỆN NGỤ NGÔN THẾ GIỚI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Giúp các em chọn được sách theo chủ đề truyện ngụ ngôn, giúp học sinh nhớ lại những truyện ngụ ngôn mà các em đã được nghe kể chuyện hay được đọc từ thưở ấu thơ đến nay.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng, tóm tắt truyện, kỹ năng kể chuyện, đọc văn bản nghệ thuật , kỹ năng nghe và luyện kỹ năng khai thác sách vở thông tin trong thư viện.

3. Thái độ:

- Giúp các em có thêm trí tưởng tượng phong phú, ý nghĩa sâu sắc tính giáo dục nhẹ nhàng được rút ra từ những câu chuyện

- Giúp HS ham đọc sách, có thói quen đọc sách theo chủ đề trên

II. CHUẨN BỊ:

* Địa điểm: Thư viện nhà trường.

* Nhân viên thư viện chuẩn bị:

- Phòng đọc: Sắp xếp ngăn nắp, sạch sẽ, thoáng mát.

- Danh mục sách, truyện: Về chủ đề tiết học.

- Thiết bị: Ti vi

* Học sinh chuẩn bị: Giấy bút cho tiết học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I- TRƯỚC KHI ĐỌC</p> <p>Hoạt động 1: Ôn định tổ chức</p> <p>Hoạt động 2: Giới thiệu bài:</p> <p>- Hãy nhớ lại và nói cho cô, các bạn biết các em đã được nghe những câu chuyện ngụ ngôn nào?</p> <p>Giới thiệu một số truyện cổ tích đã chuẩn bị như: <i>Con quạ khát nước, Chiếc đuôi của con công, Công và nữ thần Hera, Chim ưng mèo và lợn rừng, ...</i></p> <p>- Theo các em thế nào là truyện ngụ ngôn? (Truyện ngụ ngôn là truyện kể có tính chất đối nhân thế sự, dùng cách ẩn dụ hoặc nhân hóa của loài vật, con vật hay kể cả con người để thuyết minh cho một chủ đề luân lý, triết lý một quan niệm nhân sinh hay một nhận xét về thực tế xã hội hay những thói hư tật xấu của con người.....)</p> <p>II- TRONG KHI ĐỌC</p> <p>Hoạt động 1: Đọc truyện</p> <p><i>Mục tiêu: biết chọn sách theo chủ đề Thảo luận sách tóm tắt được câu truyện.</i></p> <p>- Hướng dẫn tìm sách.</p> <p>- Nêu câu hỏi thảo luận (các câu hỏi viết trên bảng nhóm)</p> <p>- Theo dõi- trò chuyện với các em về nội dung câu chuyện các em đang đọc.</p> <p>II- SAU KHI ĐỌC</p> <p>Hoạt động 1: Báo cáo kết quả</p> <p><i>Mục tiêu: Báo cáo kết quả lưu loát, hấp dẫn..</i></p>	<p>HT: nhóm/lớp</p> <p>-HS phát biểu: Rùa và thỏ, Con chó đói khát, mèo và hai con chim sẻ,...</p> <p>- HS phát biểu</p> <p>-HS lắng nghe.</p> <p>*HĐ nhóm</p> <p>- HS chọn sách truyện ngụ ngôn.</p> <p>- Đọc nối tiếp nhau cho cả nhóm nghe cho đến hết câu truyện.</p> <p>- Thảo luận ghi ra bảng nhóm.</p> <p>+ Tên truyện là gì? Nhà xuất bản nào?</p> <p>+ Truyện có những nhân vật nào? Mỗi nhân vật có tính cách thế nào ?</p> <p>+ Những chi tiết nào trong truyện làm em thích? Vì sao</p> <p>+ Bài học rút ra từ câu truyện là gì?</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cách trình bày - Nhận xét. <p>Hoạt động 2: Tổng kết, dặn dò.</p> <p>+ Em học được gì qua tiết thư viện hôm nay?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về tìm đọc những truyện mà cô giới thiệu trong tiết thư viện hôm nay - Trao đổi với các bạn về câu chuyện mình đã chọn đọc. viết lời giới thiệu quyển truyện ngụ ngôn mà em đã chọn đọc tuần này. 	<ul style="list-style-type: none"> * Đại diện nhóm trình bày. - Nhận xét cách trình bày của bạn. - Lớp bình chọn bạn giới thiệu hay nhất. - HS trả lời - Lắng nghe - Lắng nghe
--	--

Thứ Năm, ngày 17 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn tả phong cảnh đã học để chuẩn bị viết một đoạn văn tả phong cảnh hoàn chỉnh.

- Viết được đoạn văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh ...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn tả phong cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong cách sử dụng từ, câu, cách diễn đạt cảm xúc, tình cảm của bản thân.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: biết đoàn kết, nhân ái và giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị học thêm một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo. - Cách tiến hành:	
<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết văn miêu tả đã học ở những năm học trước.</p> <p>+ Lớp 2 và lớp 3: Luyện viết bài văn tả phong cảnh.</p> <p>+ Lớp 4: Luyện viết đoạn văn và bài văn tả con vật, cây cối.</p> <p>+ Lớp 5: Luyện viết đoạn văn, bài văn tả phong cảnh.</p> <p>- GV gọi cho HS nhớ lại chuỗi bài học về viết văn tả phong cảnh: Trước khi viết đoạn văn tả phong cảnh, các em đã được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tả từng bộ phận, từng vẻ đẹp của phong cảnh hoặc tả cảnh theo những thời điểm, thời gian khác nhau), được luyện viết mở bài, kết bài, được học cách quan sát phong cảnh, cách lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. Hôm nay, các em được luyện viết đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh. Trong bài văn tả phong cảnh, ngoài đoạn mở bài và kết bài, phần thân bài có thể viết thành nhiều đoạn văn. Tiết Viết tiếp theo các em sẽ viết một bài văn hoàn chỉnh.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS nhắc lại cách viết văn miêu tả đã học ở những năm học trước.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
2. Khám phá. - Mục tiêu: + Nhớ lại cách viết bài văn tả phong cảnh đã học để chuẩn bị viết một đoạn văn tả phong cảnh hoàn chỉnh. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.	

- GV mời 2 HS đọc 2 đoạn văn trong SGK trang 70.

- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ 2 đoạn văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Đoạn văn a.

+ Đoạn văn tả phong cảnh gì?

+ Tác giả quan sát, cảm nhận về đẹp của phong cảnh bằng những giác quan nào?

+ Phong cảnh được miêu tả theo trình tự thời gian hay không gian?

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- GV nhận xét.

Đoạn văn b.

+ Tìm câu chủ đề của đoạn văn.

+ Theo em, tác giả đã quan sát biển, trời vào những thời điểm nào?

+ Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh và nhân hoá trong đoạn văn?

- GV yêu cầu HS nêu tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hoá theo cảm nhận của cá nhân.

+ GV đặt câu hỏi: Em học được những gì về cách tả phong cảnh qua các đoạn văn vừa nêu?

- GV nhận xét, chốt:

Qua bài tập 1 đã giúp các em làm quen với cách viết đoạn văn tả phong cảnh. Cách viết này rất sinh động, tự nhiên, bước đầu giúp các em biết

- 2 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:

Đoạn văn a.

+ Đoạn văn miêu tả dòng suối nhỏ trong rừng trúc.

+ Tác giả quan sát và cảm nhận về đẹp của cảnh vật bằng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi ...

+ Tác giả miêu tả cảnh vật theo trình tự không gian.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.

- Cả lớp nhận xét nhận xét.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

+ Câu chủ đề: Câu mở đầu của đoạn văn (Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời).

+ Tác giả quan sát biển trời vào những ngày, vào những lúc thời tiết khác nhau: lúc trời xanh thẳm, lúc rải mây trắng nhạt, lúc trời âm u mây mưa, lúc trời ảm ảm đông gió.

+ Những câu văn có chứa hình ảnh so sánh, nhân hoá:

Trời anh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chặc nịch.

Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.

+ HS nêu.

+ HS trả lời.

<p><i>cách viết đoạn văn trong bài văn miêu tả phong cảnh.</i></p>	
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Viết được đoạn văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh ...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: Viết đoạn văn tả một đặc điểm nổi bật của cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p> <p>- GV nhắc HS: 2 đoạn văn ở bài 1 đều là cảnh sông nước, các em có thể học tập để viết đoạn văn tả phong cảnh mình lựa chọn.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn tả phong cảnh vào tập ghi chép.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ, sửa lỗi cho HS trong quá trình viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- GV mời một số HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét khen ngợi HS viết được các đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của phong cảnh, biết cách quan sát, phát hiện đặc điểm của phong cảnh hoặc viết được câu văn hay, dùng từ độc đáo</p> <p>- GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn tả phong cảnh vào tập ghi chép.</p> <p>- HS thực hành viết đoạn văn.</p> <p>- HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- Cả lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nêu những điểm cần nhớ khi viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến tự đánh giá, bổ sung ý kiến về đoạn văn tả phong cảnh của mình và bạn</p>	<p>- HS thảo luận nhóm, trao đổi, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.</p>

- GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	----------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Toán

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH Bài 16: CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy toán học và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																																																												
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong SGK trang 56. - GV và HS cùng chia sẻ thông tin. - GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - GV yêu cầu HS hệ thống lại các đơn vị đo diện tích đã học. - GV trình chiếu bảng các đơn vị diện tích đã học. <table border="1" data-bbox="175 884 873 1142"> <caption>Các đơn vị đo diện tích đã học</caption> <thead> <tr> <th colspan="2">Lớn hơn mét vuông</th> <th>Mét vuông</th> <th colspan="3">Bé hơn mét vuông</th> </tr> <tr> <th>km²</th> <th>ha</th> <th>m²</th> <th>dm²</th> <th>cm²</th> <th>mm²</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1 km²</td> <td>1 ha</td> <td>1 m²</td> <td>1 dm²</td> <td>1 cm²</td> <td>1 mm²</td> </tr> <tr> <td>= 100 ha</td> <td>= $\frac{1}{100}$ km²</td> <td>= $\frac{1}{10\,000}$ ha</td> <td>= $\frac{1}{100}$ m²</td> <td>= $\frac{1}{100}$ dm²</td> <td>= $\frac{1}{100}$ cm²</td> </tr> <tr> <td></td> <td>= 10\,000 m²</td> <td>= 100 dm²</td> <td>= 100 cm²</td> <td>= 100 mm²</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới. 	Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông			km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²	1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²	= 100 ha	= $\frac{1}{100}$ km ²	= $\frac{1}{10\,000}$ ha	= $\frac{1}{100}$ m ²	= $\frac{1}{100}$ dm ²	= $\frac{1}{100}$ cm ²		= 10\,000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²		<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin. - HS chia sẻ thông tin. - HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - HS hệ thống lại các đơn vị đo diện tích đã học. <table border="1" data-bbox="915 804 1455 1031"> <thead> <tr> <th colspan="2">Lớn hơn mét vuông</th> <th>Mét vuông</th> <th colspan="3">Bé hơn mét vuông</th> </tr> <tr> <th>km²</th> <th>ha</th> <th>m²</th> <th>dm²</th> <th>cm²</th> <th>mm²</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1 km²</td> <td>1 ha</td> <td>1 m²</td> <td>1 dm²</td> <td>1 cm²</td> <td>1 mm²</td> </tr> <tr> <td>= 100 ha</td> <td>= $\frac{1}{100}$ km²</td> <td>= $\frac{1}{10\,000}$ ha</td> <td>= $\frac{1}{100}$ m²</td> <td>= $\frac{1}{100}$ dm²</td> <td>= $\frac{1}{100}$ cm²</td> </tr> <tr> <td></td> <td>= 10\,000 m²</td> <td>= 100 dm²</td> <td>= 100 cm²</td> <td>= 100 mm²</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. 	Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông			km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²	1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²	= 100 ha	= $\frac{1}{100}$ km ²	= $\frac{1}{10\,000}$ ha	= $\frac{1}{100}$ m ²	= $\frac{1}{100}$ dm ²	= $\frac{1}{100}$ cm ²		= 10\,000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²	
Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông																																																										
km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²																																																								
1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²																																																								
= 100 ha	= $\frac{1}{100}$ km ²	= $\frac{1}{10\,000}$ ha	= $\frac{1}{100}$ m ²	= $\frac{1}{100}$ dm ²	= $\frac{1}{100}$ cm ²																																																								
	= 10\,000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²																																																									
Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông																																																										
km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²																																																								
1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²																																																								
= 100 ha	= $\frac{1}{100}$ km ²	= $\frac{1}{10\,000}$ ha	= $\frac{1}{100}$ m ²	= $\frac{1}{100}$ dm ²	= $\frac{1}{100}$ cm ²																																																								
	= 10\,000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²																																																									
<p>2. Hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học. + Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học. - Cách tiến hành: 																																																													
<p>Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.</p> <p>A. $\frac{4}{100}$ dm² B. $\frac{1}{400}$ dm²</p> <p>C. 40 dm² D. 400 dm²</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS quan sát hình ảnh của bài tập trong SGK trang 57. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đáp án D - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS quan sát hình ảnh 																																																												

- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 2. Số?

a) $5 \text{ km}^2 = \boxed{?} \text{ ha}$
 $12 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$
 $6 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$

b) $600 \text{ ha} = \boxed{?} \text{ km}^2$
 $2\ 500 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$
 $900 \text{ cm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$

c) $2 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$
 $40 \text{ cm}^2 4 \text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ mm}^2$
 $615 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2 \boxed{?} \text{ dm}^2$

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).



- HS làm bài vào vở.
- 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- Các nhóm chia sẻ kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

a) $5 \text{ km}^2 = 500 \text{ ha}$
 $12 \text{ km}^2 = 1\ 200 \text{ dm}^2$
 $6 \text{ dm}^2 = 600 \text{ cm}^2$

b) $600 \text{ ha} = 6 \text{ km}^2$
 $2\ 500 \text{ dm}^2 = 25 \text{ m}^2$
 $900 \text{ cm}^2 = 9 \text{ dm}^2$

c) $2 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = 205 \text{ dm}^2$
 $40 \text{ cm}^2 4 \text{ mm}^2 = 4004 \text{ mm}^2$
 $615 \text{ dm}^2 = 6 \text{ m}^2 15 \text{ dm}^2$

- HS đọc yêu cầu của đề bài.
- HS làm bài cá nhân vào vở.
- 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng

A. 50 cm²

B. 50 dm²

C. 50 m²

D. 50 ha

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.
- GV gọi HS nêu kết quả.
- GV nhận xét.
- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để ước lượng số đo diện tích của một số đồ vật trong lớp.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả.
- HS lắng nghe.
- HS thảo luận theo nhóm.
- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Khoa học

Bài 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực khoa học tự nhiên: Trình bày được một số nguồn năng lượng thông dụng và việc sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày.
- Vận dụng được kiến thức về năng lượng trong cuộc sống thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tìm hiểu việc sử dụng nguồn năng lượng ở gia đình chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua đề xuất các phương án để giải quyết vấn đề tình huống thực tế liên quan đến năng lượng và đưa ra dự đoán nếu không có các nguồn năng lượng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ, nhóm chia sẻ ý kiến trình bày kết quả làm việc nhóm. Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham hiểu biết tìm hiểu về năng lượng và mai trò của năng lượng, vận dụng kiến thức và cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Trách nhiệm và trung thực trong báo cáo kết quả thảo luận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các tranh ảnh hình 1, 2 SGK, đồ vật để tổ chức sinh nhật (bánh gato, nến, ô tô, đồ chơi,...), phiếu học tập sưu tầm thông tin, hình ảnh về năng lượng, thủy triều, năng lượng sinh khối.

- HS: Hoàn thành phiếu giao việc mà giáo viên đã yêu cầu chuẩn bị.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố cho học sinh các nguồn năng lượng thông dụng. + Tạo hứng thú cho học sinh và kết nối vào tiết học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh hát bài “Những lá thuyền ước mơ” - GV đặt câu hỏi để dẫn dắt vào bài: Nhờ đâu mà những chiếc thuyền của các bạn nhỏ có thể đi đến bao miền? - GV kết nối với tiết học: Ngoài năng lượng nước chảy và năng lượng gió, con người còn sử dụng những nguồn năng lượng nào? Chúng ta tiếp tục tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Vai trò của năng lượng” (tiết 2).. - GV giới thiệu bài, ghi bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp nghe nhạc và cùng vui hát. - HS lắng nghe câu hỏi và trả lời: Những chiếc thuyền giấy có thể đi đến bao miền là nhờ năng lượng của nước chảy và năng lượng của gió thổi. - HS nghe, ghi tên bài.
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh nêu được một số việc sử dụng các nguồn năng lượng trong cuộc sống. + Trình bày được việc sử dụng năng lượng ở gia đình mình. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động khám phá 1. Tìm hiểu cách sử dụng nguồn năng lượng thông dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu học sinh đọc nội dung khung thông tin và trả lời một số câu hỏi, mời một học sinh đọc trước lớp. + Con người sử dụng năng lượng để làm gì? + Con người sử dụng nguồn năng lượng được lấy từ đâu? 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 học sinh đọc thông tin, cả lớp đọc thầm để trả lời: + Con người sử dụng năng lượng lấy từ thức ăn, đồ uống để sống, phát triển và vận động. + Năng lượng mà con người sử dụng được lấy từ tự nhiên hoặc do con người tạo ra.

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ: Quan sát hình 2, cho biết các máy móc, phương tiện trong hình sử dụng nguồn năng lượng nào và sử dụng vào việc gì ở mỗi hình?



a) Bơm nước



b) Máy xúc đất



c) Tàu hỏa chạy



Hình 2

d) Đi xe đạp điện

- GV hướng dẫn thảo luận, giao lưu giữa các nhóm, lưu ý gợi ý một số câu hỏi:

+ Trong các nguồn năng lượng em biết năng lượng nào được lấy từ tự nhiên? Năng lượng nào do con người tạo ra?

- GV xác nhận một số ý kiến đúng: Các nguồn năng lượng được lấy từ tự nhiên (năng lượng mặt trời, gió, nước chảy, ..) và năng lượng do con người tạo ra (điện).

- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động khám phá 2.

- GV yêu cầu HS dựa vào Phiếu giao việc đã chuẩn bị trước để trình bày việc sử dụng năng lượng ở gia đình mình theo gợi ý:

+ Nêu những nguồn năng lượng gia đình em sử dụng hằng ngày.

+ Mỗi nguồn năng lượng đó được sử dụng vào những việc gì?

- GV yêu cầu một số học sinh trình bày kết quả.

- GV nhận xét, chốt ý.

- GV yêu cầu cá nhân HS đọc mục “Em có biết?” và trả lời câu hỏi: Ngoài những nguồn năng lượng thông dụng, con người đang hướng tới khai thác và sử dụng thêm những nguồn năng lượng có sẵn trong tự nhiên. Đó là những nguồn năng lượng nào?

- HS quan sát các máy móc và phương tiện trong hình, thảo luận và báo cáo kết quả:

- Hình 2a: Máy bơm sử dụng dầu đi-ê-zen để bơm nước.

- Hình 2b: Máy xúc đất sử dụng dầu đi-ê-zen để máy hoạt động, nâng tay cần gầu xúc đất,...

- Hình 2c: Tàu hỏa sử dụng dầu đi-ê-zen để chạy động cơ đốt trong giúp cho đầu máy hoạt động, kéo đoàn tàu chuyển động.

- Hình 2d: Xe đạp điện sử dụng điện lấy từ ắc-quy làm xe đạp chuyển động.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện yêu cầu vào phiếu giao việc.

- Một vài học sinh dựa vào phiếu trình bày kết quả.

- Điện (năng lượng do con người tạo ra)

- Mặt trời (năng lượng từ tự nhiên)

- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

- Đại diện HS đọc thông tin trong mục “Em có biết?” và trả lời câu hỏi:

<p>- GV cung cấp thêm thông tin về các nguồn năng lượng thủy triều và năng lượng sinh khối cho HS qua hình ảnh hoặc video sưu tầm được.</p>	<p>- HS đọc cá nhân và suy nghĩ trả lời các câu hỏi GV yêu cầu. + Điện: thắp sáng, nấu ăn, giặt đồ, ủi đồ, quạt mát, bảo quản thức ăn... + Mặt trời: Phơi quần áo, chiếu sáng, phơi lương thực, thực phẩm, tích điện cho đèn, quạt.... - HS đọc và trả lời: Ngoài những nguồn năng lượng thông dụng, con người đang hướng tới khai thác và sử dụng thêm những nguồn năng lượng có sẵn trong tự nhiên như năng lượng thủy triều, năng lượng sinh khối (năng lượng thu được từ quá trình phân hủy thực vật, rơm, gỗ, rác, chất thải... - HS lắng nghe, xem.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu: + củng cố những kiến thức về vai trò của năng lượng trong đời sống. + Vận dụng được kiến thức đã học vào tình huống thực tế. - Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động trò chơi:</p> <p>- GV tổ chức trò chơi: “Vòng quay may mắn” - Luật chơi: + Vòng quay may mắn sẽ chọn tên bất kỳ học sinh nào lên bốc thăm 2 câu hỏi trong SGK trang 29. + Học sinh nào không trả lời được có thể nhờ sự trợ giúp từ bạn khác.</p> <p>Câu hỏi 1. Khi đạp xe nhanh trong khoảng 30 phút, em cảm thấy thế nào? Nguồn năng lượng nào làm cho xe chuyển động? Năng lượng của em được lấy từ đâu?</p> <p>Câu hỏi 2. Khi đạp xe xuôi theo chiều gió, em sẽ cảm thấy mất ít hay nhiều sức hơn khi đạp xe ngược chiều gió? Nguồn năng lượng nào đã làm</p>	<p>- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. - HS liên hệ với trải nghiệm của bản thân để trả lời: - HS1. Em cảm thấy mất sức khi đạp xe nhanh trong khoảng 30 phút. Em là nguồn cung cấp năng lượng cho xe đạp chuyển động. Năng lượng của em được lấy từ thức ăn và nước uống hằng ngày. - HS2. Khi đạp xe xuôi theo chiều gió, em cảm thấy như xe nhẹ hơn, đạp được nhanh hơn.</p>

<p>ảnh hưởng đến việc đạp xe của em?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh nhận xét, bổ sung. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Khi đạp xe xuôi chiều gió, năng lượng của gió đã giúp em đạp xe nhanh hơn mà mất ít sức hơn. + Khi đạp xe ngược chiều gió, năng lượng của gió đã làm ảnh hưởng đến việc đạp xe chậm hơn mà mất nhiều sức hơn. <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực khoa học tự nhiên. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV củng cố kiến thức của bài học. + Qua bài học này, em biết những nguồn năng lượng nào? + Con người sử dụng năng lượng vào những việc gì? - Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần “Em đã học” giao nhiệm vụ về nhà, khuyến khích mỗi học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập ở mục “Em có thể” sau đó trao đổi với các bạn và thầy cô. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ về một số nguồn năng lượng, vai trò của những nguồn năng lượng đó trước lớp. - HS đọc và lắng nghe nhiệm vụ về nhà. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

PHIẾU GIAO VIỆC

<p>Em hãy quan sát và ghi chép việc sử dụng năng lượng ở gia đình em theo gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những nguồn năng lượng gia đình em sử dụng hàng ngày? - Mỗi nguồn năng lượng đó được sử dụng vào những việc gì? 	
Nguồn năng lượng	Sử dụng vào việc.

Ôn Toán
Bài 16: CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy toán học và lập luận toán học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - GV yêu cầu HS hệ thống lại các đơn vị đo diện tích đã học. - GV trình chiếu bảng các đơn vị diện tích đã học.	- HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - HS hệ thống lại các đơn vị đo diện tích đã học.

Các đơn vị đo diện tích đã học

Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông		
km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²
1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²
= 100 ha	= $\frac{1}{100}$ km ²	= $\frac{1}{10\ 000}$ ha	= $\frac{1}{100}$ m ²	= $\frac{1}{100}$ dm ²	= $\frac{1}{100}$ cm ²
	= 10 000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²	

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Lớn hơn mét vuông		Mét vuông	Bé hơn mét vuông		
km ²	ha	m ²	dm ²	cm ²	mm ²
1 km ²	1 ha	1 m ²	1 dm ²	1 cm ²	1 mm ²
= 100 ha	= $\frac{1}{100}$ km ²	= $\frac{1}{10\ 000}$ ha	= $\frac{1}{100}$ m ²	= $\frac{1}{100}$ dm ²	= $\frac{1}{100}$ cm ²
	= 10 000 m ²	= 100 dm ²	= 100 cm ²	= 100 mm ²	

- HS lắng nghe.

2. Hoạt động

- Mục tiêu:

+ Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.

+ Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rừng quốc gia Cúc Phương có tổng diện tích là 22 408 ha. Hay ta có thể nói diện tích rừng quốc gia Cúc Phương là:

- A. 22,408 km² B. 2 240 800 km²
 C. 2,2408 km² D. 224,08 km²

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- GV nhận xét.

Bài 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 2 km² = ha b) 8 000 ha = km²
 5 ha = m² 12 400 m² = ha
 8 m² = dm² 70 dm² = m²
 c) 5 km² 14 ha = ha
 10 ha 2 m² = m²
 830 mm² = cm² mm²

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm bài vào vở.
- 2HS đối vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- Các nhóm chia sẻ kết quả: **D. 224,08 km²**
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài. - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở. - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chia sẻ kết quả. - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của đề bài. - HS làm bài cá nhân vào vở. - 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. <ul style="list-style-type: none"> a) $2 \text{ km}^2 = 200 \text{ ha}$ b) $8 \text{ 000 ha} = 80 \text{ km}^2$ $5 \text{ ha} = 50 \text{ 000 m}^2$ $12 \text{ 400 m}^2 = 1,24 \text{ ha}$ $8 \text{ m}^2 = 800 \text{ dm}^2$ $70 \text{ dm}^2 = 0,7 \text{ m}^2$ c) $5 \text{ km}^2 \text{ 14 ha} = 514 \text{ ha}$ $10 \text{ ha } 2 \text{ m}^2 = 100002 \text{ m}^2$ $830 \text{ mm}^2 = 8 \text{ cm}^2 \text{ 30 mm}^2$ <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ kết quả. - HS nhận xét bổ sung. - HS lắng nghe.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</p> <p>Phòng học của em có diện tích khoảng:</p> <p>A. 25 km² B. 25 ha C. 25 m² D. 25 dm²</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả. - GV gọi HS nêu kết quả. - GV nhận xét. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để ước lượng số đo diện tích của một số đồ vật trong lớp. <p>Bài 4: Bác Hai có một mảnh đất với diện tích là 1 ha. Bác chia mảnh đất thành hai khu: khu nuôi dê và khu nuôi cừu. Biết diện tích khu nuôi dê lớn hơn diện tích khu nuôi cừu là 2 000 m². Tính diện tích khu nuôi cừu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài. - HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất kết quả. - HS nêu kết quả: Đáp án C - HS lắng nghe. - HS thảo luận theo nhóm. - HS lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của đề bài.

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở. - GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chia sẻ kết quả. - Mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai). - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài cá nhân vào vở. - 2 HS ngồi kế bên nhau đối vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả. <p style="text-align: center;">Đổi: 1 ha = 10 000 m²</p> <p style="text-align: center;">Diện tích khu nuôi cừu là: (10 000 – 2 000) : 2 = 4 000 (m²)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 4 000 m²</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ kết quả. - HS nhận xét bổ sung. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

Tiết 3: VIẾT

Bài: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn tả phong cảnh đã học để chuẩn bị viết một đoạn văn tả phong cảnh hoàn chỉnh.

- Viết được đoạn văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh ...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng viết đoạn văn tả phong cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong cách sử dụng từ, câu, cách diễn đạt cảm xúc, tình cảm của bản thân.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: biết đoàn kết, nhân ái và giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo đã học để chuẩn bị học thêm một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết văn miêu tả đã học ở những năm học trước.+ Lớp 2 và lớp 3: Luyện viết bài văn tả phong cảnh.+ Lớp 4: Luyện viết đoạn văn và bài văn tả con vật, cây cối.+ Lớp 5: Luyện viết đoạn văn, bài văn tả phong cảnh.- GV gọi cho HS nhớ lại chuỗi bài học về viết văn tả phong cảnh: Trước khi viết đoạn văn tả phong cảnh, các em đã được tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh (tả từng bộ phận, từng vẻ đẹp của phong cảnh hoặc tả cảnh theo những thời điểm, thời gian khác nhau), được luyện viết mở bài, kết bài, được học cách quan sát phong cảnh, cách lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh. Hôm nay, các em được luyện viết đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh. Trong bài văn tả phong cảnh, ngoài đoạn mở bài và kết bài, phần thân bài có thể viết thành nhiều đoạn văn. Tiết Viết tiếp theo các em sẽ viết một bài văn hoàn chỉnh.- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- HS nhắc lại cách viết văn miêu tả đã học ở những năm học trước. - HS lắng nghe.
2. Khám phá. <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Nhớ lại cách viết bài văn tả phong cảnh đã học để chuẩn bị viết một đoạn văn tả phong cảnh hoàn chỉnh.+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Đọc các đoạn văn trong bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 70) và trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV mời 2 HS đọc 2 đoạn văn trong SGK trang 70.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kỹ 2 đoạn văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:</p> <p>Đoạn văn a.</p> <p>+ Đoạn văn tả phong cảnh gì?</p> <p>+ Tác giả quan sát, cảm nhận vẻ đẹp của phong cảnh bằng những giác quan nào?</p> <p>+ Phong cảnh được miêu tả theo trình tự thời gian hay không gian?</p> <p>- GV mời đại diện nhóm trình bày.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>Đoạn văn b.</p> <p>+ Nêu câu chủ đề của đoạn văn.</p> <p>+ Theo em, tác giả đã quan sát biển, trời vào những thời điểm nào?</p> <p>+ Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh và nhân hoá trong đoạn văn?</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu tác dụng của biện pháp so sánh, nhân hoá theo cảm nhận của cá nhân.</p> <p>+ GV đặt câu hỏi: Em học được những gì về cách tả phong cảnh qua các đoạn văn vừa nêu?</p>	<p>- 2 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:</p> <p>Đoạn văn a.</p> <p>+ Đoạn văn miêu tả dòng suối nhỏ trong rừng trúc.</p> <p>+ Tác giả quan sát và cảm nhận vẻ đẹp của cảnh vật bằng nhiều giác quan: mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi ...</p> <p>+ Tác giả miêu tả cảnh vật theo trình tự không gian.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- Cả lớp nhận xét nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>+ Câu chủ đề: Câu mở đầu của đoạn văn (Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời).</p> <p>+ Tác giả quan sát biển trời vào những ngày, vào những lúc thời tiết khác nhau: lúc trời xanh thẳm, lúc rải mây trắng nhạt, lúc trời âm u mây mưa, lúc trời ảm ảm đông gió.</p> <p>+ Những câu văn có chứa hình ảnh so sánh, nhân hoá:</p> <p>Trời anh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chặc nịch.</p> <p>Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng.</p> <p>+ HS nêu.</p> <p>+ HS trả lời.</p>

<p>- GV nhận xét, chốt: <i>Qua bài tập 1 đã giúp các em làm quen với cách viết đoạn văn tả phong cảnh. Cách viết này rất sinh động, tự nhiên, bước đầu giúp các em biết cách viết đoạn văn trong bài văn miêu tả phong cảnh.</i></p>	<p>- HS lắng nghe</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Viết được đoạn văn tả phong cảnh (cách triển khai ý trong đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh ...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh.</p> <p>+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: Dựa vào kết quả quan sát phong cảnh ở Bài 12 và dàn ý đã lập ở Bài 13, viết đoạn văn tả một điểm nổi bật của cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p> <p>- GV nhắc HS: 2 đoạn văn ở bài 1 đều là cảnh sông nước, các em có thể học tập để viết đoạn văn tả phong cảnh mình lựa chọn.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn tả phong cảnh vào tập.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ, sửa lỗi cho HS trong quá trình viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- GV mời một số HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét khen ngợi HS viết được các đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của phong cảnh, biết cách quan sát, phát hiện đặc điểm của phong cảnh hoặc viết được câu văn hay, dùng từ độc đáo</p> <p>- GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn tả phong cảnh vào tập.</p> <p>- HS thực hành viết đoạn văn.</p> <p>- HS đọc bài trước lớp.</p> <p>- Cả lớp nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nêu những điểm cần nhớ khi viết đoạn văn tả phong cảnh.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến tự đánh giá, bổ sung ý kiến về đoạn văn tả phong cảnh của mình và bạn	- HS thảo luận nhóm, trao đổi, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.
- GV nhận xét tiết dạy.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- Dặn dò bài về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Thứ Sáu, ngày 18 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc mở rộng: Đọc văn bản thông tin về vật thể hoặc hiện tượng tự nhiên (núi, hang động, gió, mưa, động đất ...), viết được phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về thông tin đã đọc.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong đọc các câu chuyện một cách nghiêm túc và có định hướng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tự đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu cho HS xem một clip về núi lửa phun trào. https://www.youtube.com/watch?v=a9GkXA5SfVQ - GV đặt câu hỏi: + Em thấy gì qua đoạn clip vừa xem? + Nêu cảm xúc của em khi xem clip. - GV nhận xét, tuyên dương. - Gv dẫn vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS xem clip. - HS trả lời. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Đọc văn bản thông tin về vật thể hoặc hiện tượng tự nhiên (núi, hang động, gió, mưa, động đất ...), viết được phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về thông tin đã đọc. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1: Đọc phiếu đọc trong SGK trang 71</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu HS quan sát phiếu đọc sách và cho biết: Bạn Châu Anh đã ghép những gì vào phiếu đọc sách? + Ngày đọc + Tên sách + Các thông tin cơ bản về núi lửa. + Điều ấn tượng nhất về núi lửa. + Cảm nhận chung về bài đọc - GV yêu cầu HS đánh giá mức độ yêu thích của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS quan sát và trả lời. + Ngày đọc: 18/10/2024 + Tên sách; Lợi ích từ núi lửa + Các thông tin: Núi lửa mang đến nhiều lợi ích cho con người (nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai màu mỡ, điểm thu hút khách du lịch.) + Điều ấn tượng: có khoảng 500 triệu người sinh sống gần núi lửa, có nhiều thành phố lớn nằm gần kề các ngọn núi lửa. + Cảm nhận: Núi lửa không chỉ là một thảm họa mà còn là một kho báu. - HS tự đánh giá.

- Mức độ yêu thích
- Rất hay
 - Khá hay
 - Bình thường
 - Không hấp dẫn

Bài 2. Đọc tham khảo sách báo về các hiện tượng trong thế giới tự nhiên (núi, hang động, đại dương, các hành tinh...)

- GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập.
- GV chuẩn bị cho HS một số sách báo theo nội dung bài.
- GV mời các nhóm trưởng nhận sách báo và phát cho thành viên nhóm.
- GV tổ chức cho HS đọc.

- HS đọc yêu cầu của bài tập.

- Nhóm trưởng nhận sách báo và phát cho thành viên nhóm.

- HS đọc sách báo.

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:
 - + Rèn luyện kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng viết của học sinh. Trình bày được cảm nhận của bản thân về nội dung trong sách báo đã đọc.
 - + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Cách tiến hành:

Bài 3.

Viết phiếu đọc sách và chia sẻ cùng bạn.

- GV yêu cầu HS viết những thông tin đã đọc được vào phiếu đọc sách.
- GV mời HS chia sẻ.
- GV nhận xét tuyên dương.

- HS viết phiếu đọc sách.

- HS chia sẻ.

- HS lắng nghe.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- GV giao việc cho HS về nhà:
 - + Trao đổi với người thân về những ngọn núi lửa nổi tiếng trên thế giới.

- HS lắng nghe nhiệm vụ về nhà.

<p>+ Sưu tầm tranh ảnh về những điểm du lịch được hình thành từ núi lửa để chia sẻ cùng bạn trong tiết học sau.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....



Toán

Bài 16: CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy toán học và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

- + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.
- + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.
- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS ghi kết quả vào bảng con
- a) $4 \text{ m}^2 \ 5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$
- b) $7 \text{ cm}^2 \ 10 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$
- c) $14 \text{ km}^2 \ 50 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$
- GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

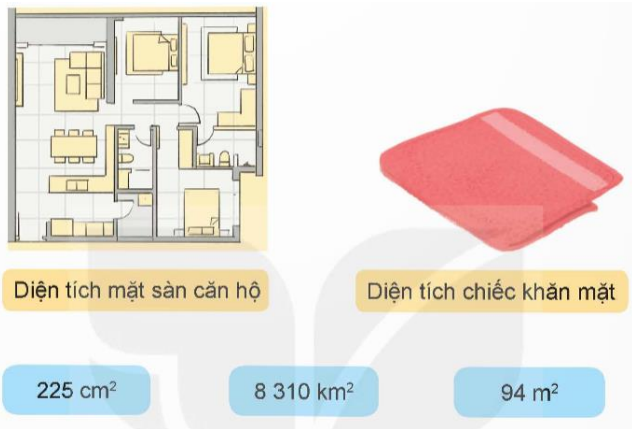
- HS ghi kết quả vào bảng con
- a) $4,05 \text{ m}^2$
- b) $7,1 \text{ cm}^2$
- c) $14,50 \text{ km}^2$
- HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học.
- HS lắng nghe.

2. Hoạt động

- Mục tiêu:
- + Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
- + Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Chọn số đo phù hợp với diện tích của mỗi đồ vật, địa danh dưới đây.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS quan sát hình ảnh của bài tập trong SGK trang 58.
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.



- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS quan sát hình ảnh.
- HS làm bài vào vở.
- 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.
- + Diện tích mặt sàn căn hộ: 94 m^2
- + Diện tích chiếc khăn mặt: 225 cm^2
- + Diện tích tỉnh Lạng Sơn: $8 \ 310 \text{ km}^2$



Diện tích tỉnh Lạng Sơn
(Nguồn: langson.gov.vn)

- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 2. Số?

a) $30 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$
 $271 \text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$
 $54 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ ha}$

b) $3 \text{ m}^2 7 \text{ dm}^2 = \boxed{?} \text{ m}^2$
 $8 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = \boxed{?} \text{ cm}^2$
 $12 \text{ km}^2 50 \text{ ha} = \boxed{?} \text{ km}^2$

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
- GV yêu cầu HS làm theo nhóm.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

- Các nhóm chia sẻ kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

a) $30 \text{ dm}^2 = 0,3 \text{ m}^2$
 $271 \text{ mm}^2 = 0,0271 \text{ dm}^2$
 $54 \text{ m}^2 = 0,0054 \text{ ha}$

b) $3 \text{ m}^2 7 \text{ dm}^2 = 3,07 \text{ m}^2$
 $8 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = 8,1 \text{ cm}^2$
 $12 \text{ km}^2 50 \text{ ha} = 12,5 \text{ km}^2$

- HS đọc yêu cầu của đề bài.
- HS làm bài theo nhóm.
- HS chia sẻ kết quả.
- HS nhận xét bổ sung.
- HS lắng nghe.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 3. Chọn câu trả lời đúng

A. $\frac{3}{5} \text{ m}$ B. $\frac{3}{5} \text{ dm}^2$
 C. 600 dm^2 D. 60 dm^2

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.

+ Đáp án D

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả.
- HS nêu kết quả.

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả. - GV gọi HS nêu kết quả. - GV nhận xét. <p>Bài 4. SGK trang 59</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân vào vở. - GV gọi HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - GV dặn dò bài về nhà. 	<p>+ Diện tích của ô cửa sổ đó là:</p> $1 \times \frac{3}{5} = \frac{3}{5} \text{ (m}^2\text{)} = 0,6 \text{ m}^2 = 60 \text{ dm}^2$ <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - HS đọc yêu cầu. - HS thực hiện cá nhân vào vở. - HS trình bày bài làm của mình. <p>+ Số mét vuông đất bác Tư dùng để xây nhà là:</p> $1 - \frac{9}{10} = \frac{1}{10} \text{ (ha)} = 1 \text{ 000 m}^2$ <p>Đáp số: 1 000 m²</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Âm nhạc

- NHẠC CỤ: NHẠC CỤ THỂ HIỆN TIẾT TẤU - NHẠC CỤ THỂ HIỆN GIAI ĐIỆU
- LÍ THUYẾT ÂM NHẠC: VẠCH NHỊP, Ô NHỊP, TRỌNG ÂM, PHÁCH

I. Yêu cầu cần đạt:

- Thể hiện đúng trường độ bài tập tiết tấu, biết sử dụng một số nhạc cụ gõ để đệm cho bài hát. Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài tập giai điệu bằng recorder hoặc kèn phím, duy trì được tốc độ ổn định.
- Ghi nhớ phần lí thuyết về vạch nhịp, ô nhịp, trọng âm, phách

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên.


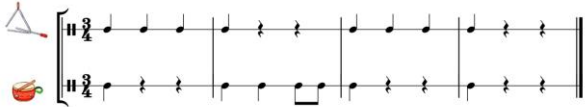

- Đàn phím điện tử, recorder và kèn phím.
- Thể hiện được bài tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.
- Thể hiện được bài tập giai điệu bằng recorder và kèn phím.
- Giáo án điện tử

2. Học sinh.

- Có một trong số các nhạc cụ gõ như: thanh phách, trống nhỏ, song loan, tem-bơ-rin, trai-en-gô, chuông, ma-ra-cát, hoặc nhạc cụ gõ tự làm.

- Có một trong hai nhạc cụ thể hiện giai điệu: recorder hoặc kèn phím.

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Hoạt động khởi động Gv: Cho cả lớp vận động bài nhạc vui nhộn đã chuẩn bị - Gv: Nhận xét và liên hệ vào bài mới.</p>	<p>- Hs khởi động - Hs nghe cô nhận xét</p>
<p>2. Hoạt động khám phá. 1.1/ Nhạc cụ thể hiện tiết tấu. - Gv: Cho học sinh quan sát câu tiết tấu.</p> <p> Luyện tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ</p> <p></p> <p></p> <p>- GV hướng dẫn cả lớp luyện tập tiết tấu thứ nhất bằng nhạc cụ gõ hoặc động tác cơ thể. *Cách 1: vừa chơi nhạc cụ, vừa đếm: 1 – 2 – 3 – 4; 1 – 2 – 3 – 4. *Cách 2: vừa chơi nhạc cụ, vừa đọc: đen – đen – đen – đen; đen – đen – đen – đen.</p> <p>- GV mời cá nhân, nhóm, tổ thể hiện tiết tấu thứ nhất. - GV hướng dẫn cả lớp thể hiện tiết tấu thứ nhất, đồng thời GV thể hiện tiết tấu thứ hai, hoà tấu cùng HS. - GV hướng dẫn HS kết hợp 2 tiết tấu, đệm cho bài hát <i>Ánh trăng vàng</i>.</p>	<p>- Hs quan sát câu tiết tấu</p> <p>- Hs xem cô làm mẫu</p> <p>- Hs luyện tập câu tiết tấu 1</p> <p>- Hs thực hiện theo nhóm, tổ, cá nhân</p> <p>- Hs thực hiện</p> <p>- Hs áp dụng câu tiết tấu vào bài <i>Ánh trăng vàng</i>. - Hs thực hiện theo HDGV</p>



Đệm cho bài: *Ánh trăng vàng*



- + GV làm mẫu, vừa thể hiện tiết tấu thứ nhất vừa hát.
 - + GV và HS cùng luyện tập.
 - + Tương tự, GV vừa thể hiện tiết tấu thứ hai vừa hát, sau đó, GV và HS cùng luyện tập.
- Lưu ý: Nếu HS kết hợp khó khăn khi thể hiện 2 tiết tấu, GV hướng dẫn các em hát và thể hiện kết hợp 2 tiết tấu sau) là tổng hợp 2 tiết tấu trên

1.2 Nhạc cụ thể hiện giai điệu (khoảng 14) – -

GV hướng dẫn HS luyện tập:

Sáo ri-coóc-đơ	Kèn phím
– Bước 1: GV thể hiện giai điệu làm mẫu.	
– Bước 2: GV hướng dẫn HS đọc hoặc hát giai điệu.	
– Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Son, La, Si, Đô (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Son, La, Si, Đô (thổi nhẹ nhàng). + Luyện tập giai điệu (theo kí hiệu bàn tay, nghe và lặp lại, theo kí hiệu ghi nhạc).	– Bước 3: GV hướng dẫn HS luyện tập: + Tập bấm nốt Đô, Rê, Mi, Pha (chưa thổi). + Tập bấm và thổi nốt Đô, Rê, Mi, Pha (thổi nhẹ nhàng). + Luyện tập giai điệu (theo kí hiệu bàn tay, nghe và lặp lại, theo kí hiệu ghi nhạc).

- Hs quan sát

- HS luyện tập

-HS thực hiện theo HDGV
-Nhóm A hát bài *Ánh trăng vàng.* , nhóm B đệm theo tiết tấu trên.

- HS thực hiện theo HDGV. HS luyện tập

-Hs quan sát, thực hiện

-Hs thể hiện giai điệu cùng nhạc đệm

– Bước 4: HS thể hiện giai điệu cùng nhạc đệm.

2. Nội dung 2: Lí thuyết âm nhạc: Vạch nhịp, ô nhịp, trọng âm, phách (khoảng 13 phút)

-GV mời HS đọc sách và nêu khái niệm về vạch nhịp, ô nhịp, trọng âm, phách.

-GV yêu cầu HS chỉ vị trí vạch nhịp, ô nhịp trên khuông nhạc.

-GV hướng dẫn cả lớp đọc nhạc kết hợp vỗ tay thể hiện phách mạnh và phách nhẹ. Sau đó, GV mời cá nhân, nhóm, tổ thực hiện.



Lí thuyết âm nhạc: Vạch nhịp, ô nhịp, trọng âm, phách

- Vạch nhịp là vạch thẳng đứng cắt ngang khuông nhạc. Vạch nhịp kép gồm hai vạch nhịp đặt sát nhau được dùng khi kết thúc bản nhạc hoặc một phần của bản nhạc.

- Ô nhịp là khoảng cách giữa 2 vạch nhịp kế tiếp.



-GV hướng dẫn HS luyện tập và đặt câu hỏi: Trong khuông nhạc dưới đây có những hình nốt nào? Có bao nhiêu vạch nhịp và ô nhịp? HS quan sát và trả lời.

-GV nhận xét

3. Hoạt động luyện tập.

- GV hướng dẫn HS đọc nhạc kết hợp vỗ tay theo tiết tấu (nếu có thời gian).

-Gv cho HS luyện tập thêm phần nhạc cụ để đệm cho bài hát

- Gv: Nhận xét, sửa sai (nếu có)

4. Hoạt động ứng dụng

- Hỏi? Bài học hôm nay các con được học mấy phần?

- Hỏi? Tên nhạc cụ mà các em vừa được học?

- Gv: Nhận xét

- Gv: Tuyên dương các em có tinh thần học tập tốt, cần phát huy trong các giờ học sau, dặn dò các em về

- Hs đọc sách

- Hs trả lời

- Hs thực hiện

- Hs nghe và trả lời.

- Hs lắng nghe

- Hs thực hiện

-Hs luyện tập

- Hs lắng nghe

- Hs trả lời

- Hs trả lời

- Hs nghe nhận xét

- Hs lắng nghe và ghi nhớ lời cô.

nhà xem lại bài và chuẩn bị sách vở cho các giờ học ngày hôm sau.

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....
.....
.....

Ôn Toán

Bài 16: CÁC ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
- Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực mô tả các hiện tượng quan sát được, diễn giải câu trả lời được đưa ra, HS có thể hình thành và phát triển năng lực tư duy toán học và lập luận toán học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức đã học vào giải các bài tập, bài toán thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

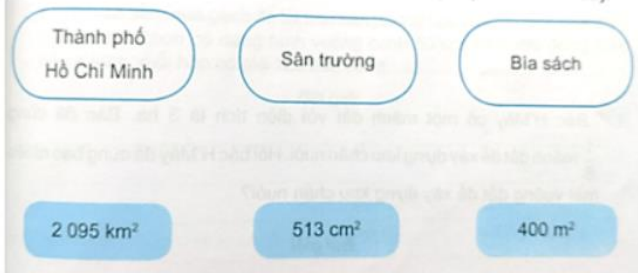
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS ghi kết quả vào bảng con a) $4 \text{ m}^2 \ 5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$	- HS ghi kết quả vào bảng con a) $4,05 \text{ m}^2$

<p>b) $7 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$ c) $14 \text{ km}^2 50 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$ - GV yêu cầu HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>b) $7,1 \text{ cm}^2$ c) $14,50 \text{ km}^2$ - HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học. - HS lắng nghe.</p>
--	---

2. Hoạt động
- Mục tiêu:
+ Nhắc lại và củng cố kiến thức về các đơn vị đo diện tích đã học.
+ Thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học.
- Cách tiến hành:

Bài 1. Nối số đo thích hợp với diện tích của mỗi đồ vật, địa danh dưới đây.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.



- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.
- GV yêu cầu 2 HS ngồi kế bên nhau đổi vở, chữa bài cho nhau, cùng thống nhất kết quả.

- GV gọi HS chia sẻ kết quả.
- GV nhận xét.

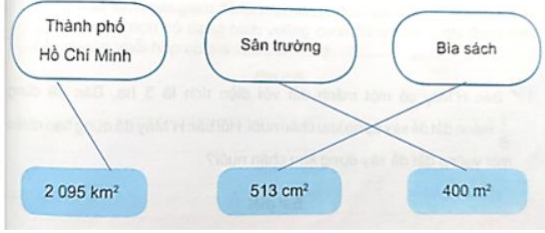
Bài 2. Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của đề bài.
a) $8\ 000 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$ b) $5 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$
 $12\ 000 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$ $7 \text{ km}^2 25 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$
 $1\ 360 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$ $20 \text{ dm}^2 20 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

- GV yêu cầu HS làm theo nhóm.
- GV gọi HS chia sẻ kết quả.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS quan sát hình ảnh.

- HS làm bài vào vở.
- 2HS đổi vở, chữa bài cho nhau, thống nhất kết quả.



- HS lắng nghe

- HS thực hiện

- Các nhóm chia sẻ kết quả.

a) $8\,000\text{ cm}^2 = 0,8\text{ m}^2$

b) $5\text{ m}^2\,5\text{ dm}^2 = 5,05\text{ m}^2$

$12\,000\text{ m}^2 = 1,2\text{ ha}$

$7\text{ km}^2\,25\text{ ha} = 7,25\text{ km}^2$

$1\,360\text{ ha} = 13,6\text{ km}^2$

$20\text{ dm}^2\,20\text{ cm}^2 = 2\,020\text{ cm}^2$

- Mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

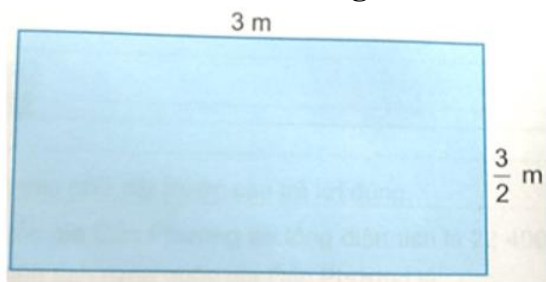
+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 3. Họa sĩ Màu Nước vừa hoàn thành một bức tranh tường có dạng hình chữ nhật với chiều dài 3 m và chiều rộng $\frac{3}{2}$ m. Tính diện tích của bức tranh tường đó.



- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả.

- GV gọi HS nêu kết quả.
- GV nhận xét.

Bài 4. Bác H'Mây có một mảnh đất với diện tích là 3 ha. Bác đã dùng $\frac{1}{6}$ mảnh đất để xây dựng khu chăn nuôi. Hỏi bác H'Mây đã dùng bao

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả.
Diện tích bức tranh tường là:

$$3 \times \frac{3}{2} = 4,5 (m^2)$$

Đáp số: 4,5 m²

- HS nêu kết quả.
- HS lắng nghe.

<p>nhieu mét vuông đất để xây dựng khu chăn nuôi?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân vào vở. - GV gọi HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - GV dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu. - HS thực hiện cá nhân vào vở. - HS trình bày bài làm của mình. <p style="text-align: center;">Đổi: 3 ha = 30 000 m²</p> <p>Bác H'Mây đã dùng số mét vuông đất để xây dựng khu chăn nuôi là:</p> $30\,000 \times \frac{1}{6} = 5\,000 \text{ (m}^2\text{)}$ <p style="text-align: center;">Đáp số: 5 000 m²</p> <ul style="list-style-type: none"> - - HS lắng nghe.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm

Sinh hoạt lớp

DIỄN TẬP PHẢN ỨNG NHANH KHI CÓ CHUÔNG BÁO CHÁY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Tự nhận xét, đánh giá được những việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Thực hiện được hoạt động diễn tập phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá được việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: diễn tập theo nhóm để thực hành phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy.

2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: diễn tập về phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy để chuẩn bị các kỹ năng thoát hiểm khi có cháy.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tuân thủ những yêu cầu để thoát hiểm khi có cháy.

II. CHUẨN BỊ

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Sơ kết tuần và thông qua kế hoạch tuần sau	
<i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
<i>b) Cách tiến hành:</i>	
* Đánh giá kết quả tuần 7 - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. - GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nề nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả hoạt động trong tuần. - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời GVCN nhận xét - HS lắng nghe và rút kinh nghiệm - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.

<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động theo phong trào. - GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới. - GV nhận xét chung, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 4 hoặc theo tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề: Diễn tập phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy	
<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia được các hoạt động trong buổi diễn tập về phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy. 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p>	
<p>GV chuẩn bị cho học sinh diễn tập phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy theo các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Chuẩn bị không gian lớp học để diễn tập bằng cách phân chia khu vực diễn tập và để sẵn một số biển báo “Khu vực an toàn”. - Bước 2: Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm khoảng 6 – 8 học sinh và yêu cầu mỗi HS lấy chiếc khăn mình đã tự chuẩn bị để mang theo người. - Bước 3: Hướng dẫn học sinh cách di chuyển theo khu vực được phân công khi nghe chuông báo cháy (di chuyển thấp bằng cách cúi khom người, đầu cúi thấp xuống sàn, tay dùng khăn út che mũi, miệng. Đi nối đuôi nhau theo nhóm, có thể dùng 1 tay túm lấy áo của người đi trước và đi sát mép tường ...) - Bước 4: Cho 1, 2 nhóm làm mẫu theo yêu cầu khi có chuông báo cháy và yêu cầu các nhóm quan sát nhóm làm mẫu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ các khu vực theo quy định trong không gian lớp học - HS thực hiện theo hướng dẫn - HS ghi nhớ cách di chuyển khi có chuông báo cháy. - HS quan sát người làm mẫu và ghi nhớ cách thực hiện

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho học sinh diễn tập phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy lần một. Chú ý khi HS thực hành diễn tập, GV quan sát HS các nhóm thực hiện và ghi nhớ những HS chưa làm đúng cách để nhắc nhở các em. - Sau khi HS thực hành diễn tập lần 1, GV nhắc nhở những HS di chuyển chưa đúng hướng dẫn và yêu cầu các em ghi nhớ cách di chuyển để lần 2 thực hiện được tốt hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hành diễn tập lần 1 - HS ghi nhớ
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS diễn tập lần 2. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hành diễn tập lần 2
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu cho cả lớp: <i>Nêu những điều cần ghi nhớ sau khi thực hành diễn tập phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy</i> - GV mời một số HS trong lớp trả lời câu hỏi trên và nhắc lại về cách phản ứng nhanh khi có chuông báo cháy. - GV nhắc nhở các em về nhà chia sẻ với người thân về một số nguyên nhân gây hỏa hoạn và cách di chuyển khi có chuông báo cháy và chuẩn bị cho chủ đề hoạt động tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi - HS lắng nghe và ghi nhớ
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

KÝ DUYỆT

Ngày tháng 10 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hải

TUẦN 8

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 8

(Từ ngày 21/10 - 25/10)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
HAI (21/10)	1	22	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Toạ đàm chủ đề “An toàn cho em – An toàn cho mọi người”.	
	2	8	Tin học	Bài 4. Cây thư mục (Tiết 2)	
	3	50	Tiếng Việt	Đọc: Bài ca về mặt trời	GDDĐ
	4	51	Tiếng Việt	Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa	
	5				
	6	36	Toán	Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 1)	
	7	15	LS-ĐL	Bài 5: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc (Tiết 3)	
	8	22	Ôn TV	Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa	
BA (22/10)	1	52	Tiếng Việt	Viết: Viết bài văn tả phong cảnh	
	2	8	Mĩ thuật	Bài 4: Vòng quanh thế giới (Tiết 2)	
	3	37	Toán	Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 2)	
	3	15	Khoa học	Bài 8: Sử dụng năng lượng điện (Tiết 1)	
	5	8	Đạo đức	Thực hành giữa học kỳ 1	
	6	15	Thể dục	Ôn tập, đánh giá giữa kì I: Đội hình đội ngũ	
	7	29	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please? (cont)	
	8	23	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Tìm hiểu một số biện pháp phòng chống hoả hoạn. - Thực hành thoát hiểm khi hoả hoạn.	QCN
TU (23/10)	1	53	Tiếng Việt	Đọc: Xin chào, Xa-ha-ra (Tiết 1)	
	2	54	Tiếng Việt	Đọc: Xin chào, Xa-ha-ra (Tiết 2)	GDDĐ
	3	38	Toán	Bài 18: Luyện tập chung (Tiết 1)	
	4	16	LS-ĐL	Bài 6: Vương quốc Phù Nam	
	5	30	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please? (cont)	
	6	8	Công nghệ	Bài 3: Tìm hiểu thiết kế (Tiết 2)	

	7	22	Ôn Toán	Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 2)	
	8	23	Ôn TV	Viết: Viết bài văn tả phong cảnh	
NĂM (24/10)	1	55	Tiếng Việt	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh	
	2	39	Toán	Bài 18: Luyện tập chung (Tiết 2)	
	3	31	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please? (cont)	
	4	16	Khoa học	Bài 8: Sử dụng năng lượng điện (Tiết 2)	GDĐĐ
	5				
	6	16	Thể dục	Bài 1: Động tác vươn thở, động tác lườn, động tác vặn mình và động tác bụng với hoa (Tiết 1)	
	7	23	Ôn Toán	Bài 18: Luyện tập chung (Tiết 1)	
	8	24	Ôn TV	Viết: Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả phong cảnh	
	9	8	KNS	Trong lớp – Phòng tránh và ứng phó khi gặp thiên tai (Tiết 3)	
SÁU (25/10)	1	56	Tiếng Việt	Nói và nghe: Cảnh đẹp thiên nhiên	
	2	40	Toán	Kiểm tra định kỳ giữa HK 1	
	3	8	Âm nhạc	Hát: Ánh trăng vàng	
	4	32	Tiếng Anh	Unit 3. Could you give me a melon, please? (cont)	
	5				
	6	24	Ôn Toán	Bài 18: Luyện tập chung (Tiết 2)	
	7	24	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Tuyên truyền về phòng chống hoả hoạn.	
	8	8	Năng khiếu		

Thứ Hai, ngày 21 tháng 10 năm 2024
Hoạt động trải nghiệm
Sinh hoạt dưới cờ
TỌA ĐÀM CHỦ ĐỀ “AN TOÀN CHO EM – AN TOÀN CHO MỌI NGƯỜI”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh trao đổi được về những việc cần làm để đảm bảo an toàn cho em, an toàn cho mọi người.

- Học sinh chia sẻ được những điều học được sau khi tham gia tọa đàm.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: chia sẻ được với bạn về lợi ích và nguy cơ khi giao tiếp trên mạng. Cùng bạn sắm vai xử lý tình huống về đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự chủ khi giao tiếp trên mạng. Tự tìm kiếm thông tin về nguy cơ khi giao tiếp trên mạng và cách phòng tránh. Tự tìm kiếm thông tin về nguyên nhân gây hỏa hoạn và cách phòng tránh.

3. Năng lực đặc thù

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: tìm hiểu và xác định được nguyên tắc giao tiếp an toàn trên mạng để đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. Tìm hiểu được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn, thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn từ đó thích ứng được với những tình huống trong cuộc sống.

4. Phẩm chất:

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và với mọi người khi giao tiếp trên mạng và đảm bảo an toàn để phòng tránh hỏa hoạn.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Địa điểm, hệ thống âm thanh phục vụ hoạt động

- Hướng dẫn HS chuẩn bị những nội dung về an toàn cho em, an toàn cho mọi người khi tham gia tiết Sinh hoạt dưới cờ.

2. Học sinh:

- Chuẩn bị các câu hỏi có liên quan đến nội dung an toàn cho em, an toàn cho mọi người .

- Tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động tọa đàm về chủ đề an toàn cho em, an toàn cho mọi người.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<i>a) Mục tiêu</i>	

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trao đổi được về những việc cần làm để đảm bảo an toàn cho em, an toàn cho mọi người. - Học sinh chia sẻ được những điều học được sau khi tham gia tọa đàm. 	
b) Tiến trình hoạt động	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn các em chuẩn bị những nội dung sẽ trao đổi với khách mời về chủ đề “an toàn cho em, an toàn cho mọi người”. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị và thực hiện theo hướng dẫn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở HS lắng nghe khách mời trao đổi về chủ đề “an toàn cho em, an toàn cho mọi người” và đặt câu hỏi với khách mời, với các bạn về nội dung phòng chống hỏa hoạn để được giải đáp thắc mắc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ và thực hiện
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc nhở HS lắng nghe và ghi nhớ nội dung trao đổi về phòng chống hỏa hoạn để áp dụng trong cuộc sống. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chuẩn bị giấy, bút viết để ghi chép

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Bài 15: BÀI CA VỀ MẶT TRỜI (3 tiết)
Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Bài ca về mặt trời. Biết đọc diễn cảm các đoạn chứa nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm và thể hiện tâm lí, cảm xúc của nhân vật; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút

- Đọc hiểu: Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và suy nghĩ của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước tích cực lao động, yêu những người lao động.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
1. Khởi động - GV cho HS xem video hoạt hình Thần gió và mặt trời và yêu cầu HS nêu cảm nhận của em về nhân vật mặt trời https://youtu.be/H1pb1BCZhRU?si=Xq0ckYdG6Gk8BBdW - YC HS thảo luận trả lời các câu hỏi + Câu chuyện có những nhân vật nào? + Mặt trời và gió tranh luận về nội dung gì? + Vậy trong câu chuyện này mặt trời hay gió mạnh hơn? - GV nhận xét - GV dẫn dắt: Ngoài sức mạnh vô tận, mặt trời còn tạo ra những cảnh đẹp tuyệt vời cho Trái	- HS lắng nghe theo dõi câu chuyện - HS thảo luận + Thần gió và mặt trời + Ai cũng nhận là mình mạnh nhất + Mặt trời đã thắng thần Gió - HS nhận xét

<p>đất của chúng mình, cảnh đẹp đó là gì, bài học ngày hôm nay chúng mình sẽ tìm hiểu nhé!</p>	<p>- HS lắng nghe</p>
<p>2. Khám phá.</p> <p>- Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Bài ca về mặt trời. Biết đọc diễn cảm các đoạn chứa nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm và thể hiện tâm lí, cảm xúc của nhân vật</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc rõ ràng, diễn cảm phù hợp với tâm trạng nhân vật, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.</p> <p>- GV HD đọc: Đọc diễn cảm, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ thể hiện sự diễn cảm (cái gì vậy; rõ ràng là, từ bao giờ; chắc là, bỗng ...) trong văn bản.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- GV chia đoạn:</p> <p>+ Đoạn 1: Từ đầu đến trông thấy được</p> <p>+ Đoạn 2: Tiếp theo đến càng nhích dần lên</p> <p>+ Đoạn 3: Phần còn lại.</p> <p>- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>mỏng, màu sữa, bỗng, lè tè, xanh thẫm, vành mũ, chiếm lĩnh,</i></p> <p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu: <i>Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa/ bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, / trùm lấp một khoảng sân;</i></p> <p>- GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu thể hiện tâm trạng của nhân vật</p> <p>- GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- Hs lắng nghe GV đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p> <p>- 1 HS đọc toàn bài.</p> <p>- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.</p> <p>- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p> <p>- HS đọc từ khó.</p> <p>- 2-3 HS đọc câu.</p> <p>- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.</p> <p>- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Nhận biết những chi tiết, cảm nhận được vẻ đẹp mặt trời, thể hiện hứng thú với nội dung câu chuyện.</p>	

+ Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

- Cách tiến hành:

3.1. Giải nghĩa từ.

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)

- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.

- HS nghe giải nghĩa từ

3.2. Tìm hiểu bài.

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Đàn chim sẽ làm gì khiến nhân vật “tôi” chú ý? Nhân vật “tôi” nghĩ gì về chuyện đó?

+ Câu 2: Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?

+ Câu 3: Vì sao nhân vật “tôi” liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ Đáp án:

+ Nhân vật “tôi” chú ý đến những chú chim sẽ đang thi nhau cất tiếng hót trên những ngọn cau cao, tiếng chim khi bổng khi trầm làm xôn xao không gian.

+ Nhân vật “tôi” nghĩ đàn chim sẽ hót xôn xao như vậy vì đang trông thấy một điều gì đó mà nhân vật “tôi” ở thấp quá chưa nhìn ra được.

+ Đầu tiên, mặt trời nhô lên sau vòm cây xanh thẫm như một vành mũ màu đỏ.

Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời. Cuối cùng mặt trời bay lên khỏi vòm cây, to và đỏ giống như một chiếc mâm đồng. Vầng mặt trời bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng.

+ Bạn nhỏ thay đổi hình ảnh so sánh vì hình dáng của mặt trời thay đổi khi nhô dần lên trên bầu trời. Ban đầu, mặt trời chỉ lộ một nửa ra khỏi vòm cây, giống nửa vành mũ đội đầu (đều là nửa hình tròn). Bạn nhỏ có lẽ cũng tưởng tượng có ai đó đang trốn sau vòm cây và chỉ lộ mỗi vành mũ lên, bạn nhỏ hỏi hộc chờ đợi ai là người đội chiếc mũ đó. Khi nhô lên cao, mặt

<p>+ Câu 4: Khi phát hiện ra vàng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật “tôi”?</p> <p>+ Câu 5: Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như trong sách. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?</p> <p>+ GV gợi ý: Mỗi đoạn văn trên so sánh cảnh mặt trời mọc với điều gì? Mỗi đoạn giải thích hình ảnh so sánh đó ra sao?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.</p> <p>- GV nhận xét và chốt: <i>Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.</i></p>	<p>trời mới hiện ra đầy đủ, tròn đầy và to rõ, giống như một chiếc mâm màu đỏ.</p> <p>+ Khi phát hiện ra vàng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” dâng trào, khiến cho trong trái tim của nhân vật “tôi” vang lên tiếng hát. Đó là một bài hát rất độc đáo, giàu hình ảnh, chứa chan cảm xúc</p> <p>- HS làm việc và trả lời được theo ý kiến và cảm nhận của cá nhân về mỗi đoạn văn.</p> <p>- Cả lớp nghe và nhận xét, đánh giá ý kiến nêu ra hay, độc đáo, có sức thuyết phục.</p> <p>+ VD: Vào buổi bình minh, mặt trời giống một quả bóng bay màu đỏ (vì mặt trời tròn, đỏ, ít quãng nắng nên giống quả bóng, càng lúc lại càng lên cao cũng giống quả bóng); khi lên cao tít, mặt trời giống một đốm lửa (vì mặt trời lúc đó nhỏ thôi nhưng màu đỏ hoặc cam, gay gắt, và có những quãng nắng xung quanh rất chói mắt, giống lửa ...)</p> <p>- 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học</p> <p>- 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu: Em hãy nêu cảm nhận của em về cảnh mặt trời mọc trong câu chuyện và tâm trạng của bạn nhỏ khi hát vang bài ca về mặt trời?</p>	<p>- HS nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc. Biết bộc lộ cảm xúc và ý kiến của bản thân về tâm trạng vui tươi, phấn khởi của bạn nhỏ.</p>

<p>– GV mở và chiếu bài hát cho cả lớp hát theo: Cảm ơn ông mặt trời https://youtu.be/oNG5CaHiWFk?si=yelrIWnpg7JQ7sgZ</p> <p>*Giáo dục đạo đức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các em cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên? - GD: Yêu thiên nhiên. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp hát - HS trả lời - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Tiếng Việt
Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU
LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp HS có thể phân biệt, biết sử dụng từ đa nghĩa.
- Củng cố lại kiến thức về từ đa nghĩa; biết sử dụng, giải thích, đánh giá được tác dụng của từ đa nghĩa trong những tình huống cụ thể.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS chơi trò chơi “Đường đua kì thú” - GV phổ biến cách chơi: Các thành viên cùng lên bảng ghi từ tìm được vào ô nhiệm vụ được giao bắt đầu từ từ dùng nghĩa gốc, bạn nói tiếp sẽ điền vào ô dùng nghĩa chuyển. Nhóm nào nhanh hơn, tìm được nhiều từ dùng với nghĩa chuyển hơn thì nhóm đó thắng cuộc. Có một số từ sau: <i>cửa, đầu, tay, mặt, bụng.</i> Em hãy tìm và xếp các từ theo các nhóm nghĩa: <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Từ dùng với nghĩa gốc</p> <p>Ví dụ: <i>khuôn mặt,...</i></p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Từ dùng với nghĩa chuyển.</p> <p>Ví dụ: <i>mặt bàn,...</i></p> </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nhận xét - GV nhận xét - GV yêu cầu HS: Hãy nhắc lại thế nào là từ đa nghĩa? - GV nhắc lại kiến thức và dẫn dắt vào bài. 	<ul style="list-style-type: none"> + HS lắng nghe - HS lắng nghe luật chơi - HS thực hiện theo nhóm - Đáp án: + Từ dùng với nghĩa gốc: <i>khuôn mặt, cửa sổ, đầu tóc, tay trái, đau bụng,....</i> + Từ dùng với nghĩa chuyển: <i>cửa biển, đứng đầu, tay chân, mặt bàn, xấu bụng,..</i> - Nhóm khác nhận xét - HS nhắc lại -
<p>2. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Giúp HS củng cố có thể phân biệt, biết sử dụng từ đa nghĩa. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	

Bài 1: Nêu nghĩa của từ *hạt* trong mỗi đoạn thơ dưới đây. Từ *hạt* trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?

a. Khi đang là **hạt**

Cầm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất

Hạt nằm lặng thinh.

(Trần Hữu Thung)

b. **Hạt** mưa mãi miết trốn tìm

Cây đào trước cửa lim dim mắt cười

Quất gom từng **hạt** nắng rơi

Làm thành quả - những mặt trời tí hon.

(Đỗ Quang Huynh)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:

- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2

- Mời nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Trong hai đoạn thơ dưới đây, từ *chân* được dùng với nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?

a. Cái gậy có một **chân**,
Biết giúp bà khỏi ngã.
Chiếc com-pa bố vẽ,
Có **chân** đứng, **chân** quay.
Cái kiếng đun hằng ngày,
Ba **chân** xoè trong lửa.
(Vũ Quần Phương)



b. **Chân** em bước thật êm
Đường sau mưa ẩm ướt
Trên lá non mịn mượt
Những giọt nước trong lành.
(Nguyễn Quỳnh Mai)



- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 2

- GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc lại mỗi từ *chân* trong các đoạn thơ và xác định

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

- HS nhận xét, góp ý

Đáp án:

a. Chỉ bộ phận nằm trong quả, có thể nảy mầm thành cây con. Đây là nghĩa gốc

b. Chỉ phần chất lỏng có hình giống như hạt của quả. Đây là nghĩa chuyển.

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS nêu yêu cầu bài

nghĩa của mỗi từ đó. Sau khi xác định nghĩa của mỗi từ chân, suy nghĩ xem các nghĩa có quan hệ với nhau như thế nào.

- Yêu cầu HS thực hiện vào phiếu bài tập

Từ chân	So sánh	
	Giống nhau	Khác nhau
a
b

- Mời đại diện nhóm trình bày kết quả

- GV mời các nhóm khác nhận xét

- GV nhận xét, bổ sung.

a. chân: phần dưới cùng của một vật (cái com- pa, cái gậy, cái kiềng) để đỡ vật đó có thể đứng được => nghĩa chuyển.

b. chân: phần dưới cùng của cơ thể người và động vật, có chức năng di chuyển (bước) => nghĩa gốc

- GV nhận xét tuyên dương.

Bài 3. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ sau đây:

Mũi

- Nghĩa 1: bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.
- Nghĩa 2: bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước của một số vật.

Cao

- Nghĩa 1: có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến đầu kia theo chiều thẳng đứng.
- Nghĩa 2: hơn mức trung bình về số lượng hay chất lượng.

- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 3

- Yêu cầu HS làm việc cá nhân

- HS thực hiện các nhân vào phiếu bài tập theo mẫu

Từ chân	So sánh	
	Giống nhau	Khác nhau
a	Hai nét nghĩa đều chỉ phần phía dưới	dùng để chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ vật
b	phía dưới cùng, có tác dụng nâng đỡ	dùng để chỉ bộ phận cơ thể người và động vật, tác dụng giúp nâng đỡ cơ thể và di chuyển.

- Đại diện nhóm trình bày kết quả

- HS nhận xét

- Lắng nghe.

- Lắng nghe

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS thực hiện cá nhân vào vở nháp

<ul style="list-style-type: none"> - Mời HS trình bày kết quả - GV mời các HS khác nhận xét - GV nhận xét, chốt đáp án. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3 HS trình bày kết quả (1) - Lan có chiếc mũi rất cao và thẳng. Mũi tàu như một tấm khiên lớn xé toang cả khối nước không lờ. (2) - Bạn Mai cao 1m60 rồi đấy. Kết quả thi của Hoa cao thứ 2 trong khối. - HS nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đưa ra các từ yêu cầu HS đặt câu và giải nghĩa 2 từ sau: <i>tốt bụng, no bụng</i> - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS thực hiện cá nhân + Hấn ăn ngẫu nhiên cho tới khi no bụng. (bụng: bộ phận của cơ thể; nghĩa gốc) + Lan là một bạn nữ rất tốt bụng. (bụng: chỉ phần bên trong, tính cách; nghĩa chuyển). - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

**Bài 17: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG
(Tiết 1)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.

- Vận dụng được thực hành tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC


1. Giáo viên:

- Giáo án, các hình ảnh minh họa cho bài (nếu cần), máy tính, máy chiếu, bảng phụ, thước đo độ dài.

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa, vở ghi, bút và đồ dùng học tập, thước kẻ đo độ dài

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
I. Khởi động: * Mục tiêu: - Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học. * Cách tiến hành:	
<p>- GV chiếu hình ảnh Khởi động, yêu cầu HS quan sát.</p> <p>Nhà trường lên kế hoạch lát lại toàn bộ sàn các phòng học. Khối lớp Năm được giao nhiệm vụ đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của các lớp, từ đó dự tính cho việc lát sàn.</p>  <p>- GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi trả lời một số câu hỏi sau:</p>	<p>- HS quan sát.</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm đôi.</p> <p>+ Mặt sàn của phòng học có dạng hình chữ nhật.</p> <p>+ Muốn tính diện tích mặt sàn, ta cần biết số đo chiều dài, chiều rộng của mặt sàn.</p>

<p>+ Mặt sàn của phòng học có dạng hình gì? + Muốn tính diện tích mặt sàn của phòng học ta cần biết những gì? + Cách tính diện tích mặt sàn của phòng học.</p> <p>- GV mời đại diện nhóm nhanh nhất trình bày kết quả. - GV nhận xét và tuyên dương HS. - GV giới thiệu bài: “Các em có biết kiến thức chúng ta đã học rất thiết thực và gần gũi ngay xung quanh chúng ta không? Cô trò mình cùng bắt đầu bài học hôm nay nhé! “Bài 17: Thực hành và trải nghiệm với một số đơn vị đo đại lượng””.</p>	<p>+ Diện tích mặt sàn của phòng học bằng chiều dài nhân chiều rộng. - Đại diện nhóm nhanh nhất trình bày kết quả. - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập.</p>
<p>2. Hoạt động vận dụng * Mục tiêu: - HS vận dụng được thực hành tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế. * Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: a) Thực hành đo và tính diện tích mặt sàn phòng học của lớp em. - GV lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 2 – 4 HS. - GV yêu cầu HS thực hiện đo và tính toán diện tích mặt sàn phòng học, ghi lại kết quả thảo luận vào bảng phụ. - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả. b) Tính số tiền mua gạch để lát mặt sàn phòng học lớp em. Mẫu gạch được chọn có dạng hình vuông cạnh 50 cm được đóng theo hộp 4 viên, mỗi hộp có giá 140 000 đồng. - GV cho HS thống nhất các số đo và diện tích của mặt sàn phòng học. - GV yêu cầu HS tính toán số tiền dùng để mua gạch lát mặt sàn phòng học. - GV gợi ý:</p>	<p>-1 HS đọc yêu cầu. - HS làm việc theo nhóm. - HS sử dụng thước dây đã chuẩn bị để đo, ghi lại kết quả đo và tính diện tích mặt sàn phòng học. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - 1 HS đọc yêu cầu. - HS thống nhất các số đo và diện tích của mặt sàn phòng học</p>

<p>+ Tính tổng diện tích của 4 viên gạch có dạng hình vuông trong mỗi hộp theo đơn vị mét vuông.</p> <p>+ Tính số hộp gạch cần mua để lát sàn phòng học.</p> <p>+ Tính tổng số tiền dùng để mua gạch lát mặt sàn phòng học.</p> <p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án cho HS.</p> <p>Hoạt động 2:</p> <p>Giả sử các phòng học khác trong trường có diện tích mặt sàn bằng diện tích mặt sàn các phòng học của lớp em. Tính số tiền để mua gạch lát mặt sàn của tất cả các phòng học trong trường em.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc yêu cầu hoạt động.</p> <p>- GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi.</p> <p>- GV hướng dẫn HS:</p> <p>+ Xác định số lượng phòng học trong trường.</p> <p>+ Dựa vào kết quả đo và diện tích mặt sàn phòng học ở Hoạt động 1 tính toán.</p> <p>- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả, cả lớp lắng nghe và nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- GV chữa bài, thống nhất kết quả.</p>	<p>- HS dựa vào gợi ý của GV để thực hiện các bước giải.</p> <p>-Đại diện nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- Lắng nghe, sửa sai.</p> <p>- HS đọc yêu cầu hoạt động.</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm đôi</p> <p>- Các nhóm làm theo hướng dẫn.</p> <p>+ Đo lường và tính diện tích mặt sàn nhà, mặt bàn học,..</p> <p>+ Tính tiền mua gạch để lát mặt sàn nhà bếp; phòng ngủ;...</p> <p>+ Chuẩn bị dụng cụ đo.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả. Nhận xét nhóm khác.</p> <p>- Lắng nghe.</p>
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời 1 HS nêu những điều em đã học trong bài ngày hôm nay.</p> <p>- GV khuyến khích HS cùng người thân thực hành tính toán, đo lường và tính diện tích mặt sàn nhà bếp, mặt sàn phòng ngủ, ...</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS nêu những điều em biết.</p> <p>- Lớp lắng nghe.</p>

- GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Lịch sử - Địa lí

Bài 5: NHÀ NƯỚC VĂN LANG, NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn lang, Âu Lạc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên thông qua tìm hiểu cội nguồn của dân tộc từ thời nước Văn Lang, Âu lạc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trân trọng và giữ gìn, phát huy những di tích lịch sử, truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp có từ thời Văn lang, Âu Lạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Thông điệp bí ẩn	- HS chơi trò chơi

<ul style="list-style-type: none"> - Luật chơi: GV lần lượt nêu những gợi ý về 1 câu chuyện truyền thuyết của Việt Nam. HS đoán tên câu chuyện càng nhanh càng tốt để nhận 1 phần quà của GV. - Gợi ý: <ul style="list-style-type: none"> + Câu chuyện xảy ra vào thời Hùng Vương thứ mười tám + Lý giải về một hiện tượng thiên nhiên, thời tiết + liên quan đến phong tục kén rể ngày xưa + Gồm các nhân vật: Sơn Tinh, Thủy Tinh - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện: Sơn Tinh, Thủy Tinh - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá: 3. Công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng kiến thức lịch sử và một số truyền thuyết lịch sử mô tả được công cuộc đấu tranh bảo vệ nhà nước Văn Lang, Âu Lạc. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (làm việc nhóm 6)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong sgk và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Cuối thế kỉ III trước công nguyên, nước Văn Lang bị quân nào xâm lược? + Người Việt đã tôn ai lên làm tướng lãnh đạo nhân dân kháng chiến? Kết quả ra sao? + Vì sao cuộc xâm lược của quân Tần lại thất bại? + Công cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc còn được phản ánh qua những câu chuyện nào? - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: từ rất sớm, cư dân Văn Lang, Âu Lạc đã phải đấu tranh chống 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Bị quân Tần xâm lược + Người Việt đã tôn Thục Phán lên làm tướng lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Kết quả quân Tần thất bại. + Do người Việt yêu nước, đoàn kết,... + Câu chuyện như: Thánh Gióng, sự tích nỏ thần,... - HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - HS lắng nghe.

giặc ngoại xâm trong đó: nhà nước Văn Lang chống quân Tần. Nhà nước Văn Lang chống quân Triệu Đà.

Hoạt động 2: Kể chuyện chống giặc ngoại xâm của nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu lạc (thảo luận nhóm đôi)

- GV yêu cầu HS kể lại một trong câu chuyện “Thánh Gióng” hoặc “Sự tích nỏ thần”
- GV mời đại diện các nhóm kể trước lớp
- GV nhận xét, tuyên dương và hỏi:
 - + Câu chuyện em vừa kể để lại cho chúng ta bài học gì?

- GV kết luận: *Nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm giành thắng lợi. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của An Dương Vương thất bại, từ đây nước ta rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc kéo dài hơn một nghìn năm. Câu chuyện Sự tích nỏ thần để lại cho chúng ta bài học về sự cảnh giác đối với kẻ thù, không được chủ quan, lơ là trước kẻ địch.*

- HS kể trong nhóm.

- Đại diện các nhóm kể

- HS lắng nghe.

+ Ví dụ câu chuyện Sự tích nỏ thần để lại bài học: không được chủ quan để mắc mưu kẻ thù, luôn cảnh giác với kẻ thù, luôn đoàn kết chống lại giặc ngoại xâm,...

- Lắng nghe

3. Luyện tập

- Mục tiêu:
- + củng cố lại nội dung bài học
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Hoàn thành bảng

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành phiếu học tập

Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	?	?
Kinh đô	?	?
Người đứng đầu nhà nước	?	?

- HS thảo luận thực hiện yêu cầu của GV

Nội dung	Nhà nước Văn Lang	Nhà nước Âu Lạc
Thời gian ra đời	Thế kỉ VII TCN	Khoảng 208 TCN
Kinh đô	Phong Châu	Cổ Loa
Người đứng đầu	Hùng Vương	An Dương Vương

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương và chốt đáp án đúng <p>Hoạt động 2: Kể một truyền thuyết khác liên quan đến nhà nước Văn Lang hoặc Âu Lạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc yêu cầu - Em biết những câu chuyện nào khác? - Yêu cầu học sinh chọn câu chuyện và kể nhóm đôi - GV mời đại diện các nhóm kể trước lớp - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe - 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi - Sự tích bánh chưng, bánh giầy, sự tích trầu cau, sự tích quả dưa hấu,... - HS chọn câu chuyện và kể nhóm đôi - Đại diện nhóm kể - HS lắng nghe
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS về nhà tiếp tục sưu tầm những câu chuyện khác liên quan đến nhà nước Văn Lang, Âu Lạc trên sách, internet,... - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và thực hiện - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Ôn Tiếng Việt
LUYỆN TỪ VÀ CÂU
LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp HS có thể phân biệt, biết sử dụng từ đa nghĩa.
- củng cố lại kiến thức về từ đa nghĩa; biết sử dụng, giải thích, đánh giá được tác dụng của từ đa nghĩa trong những tình huống cụ thể.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

-VBT Tiếng Việt, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV cho HS trả lời câu hỏi Cho các từ sau: <i>lưng, mũi, tai, chân</i>. Em hãy tìm và xếp các từ theo các nhóm nghĩa:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"><div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Từ dùng với nghĩa gốc</div><div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Từ dùng với nghĩa chuyển.</div></div> <p>- Gọi HS nhận xét - GV nhận xét</p>	<p>+ HS lắng nghe - HS thực hiện. - Đáp án: + Từ dùng với nghĩa gốc: cái lưng, lỗ mũi, đôi tai, bàn chân. + Từ dùng với nghĩa chuyển: lưng ghé, mũi thuyền, tai âm, chân bàn - HS nhận xét</p>
2. Hoạt động Thực hành, luyện tập.	
<p>Bài 1: Nêu nghĩa của từ <i>hạt</i> trong mỗi đoạn thơ nêu ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt, tập một, trang 74). Từ <i>hạt</i> trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc? Nghĩa của từ hạt trong mỗi đoạn thơ: a. b. - Trong đoạn thơ....., từ hạt mang nghĩa gốc. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung: - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p>

<p>- Mời nhóm khác nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.</p> <p>Các nhóm trình bày</p> <p>Đáp án:</p> <p>– Nghĩa của từ <i>hạt</i> trong mỗi đoạn thơ:</p> <p>a. Trong đoạn thơ a, từ <i>hạt</i> có nghĩa là một bộ phận hình thành từ quả của một loại cây, có chức năng duy trì nòi giống, nảy mầm cây mới.</p> <p>b. Trong đoạn thơ b, từ <i>hạt</i> có nghĩa là một giọt, lượng mưa nhỏ, có thể nhìn thấy và sờ thấy để biết số lượng, kích thước của chúng.</p> <p>– Trong đoạn thơ a, từ <i>hạt</i> mang nghĩa gốc.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS nhận xét, góp ý.</p>
--	---

<p>Bài 2. Trong hai đoạn thơ ở bài tập 2(SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 74), từ <i>chân</i> được dùng với các nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?</p> <p>- Nghĩa của từ <i>chân</i> trong mỗi đoạn thơ:</p> <p>a.</p> <p>b.</p> <p>- Điểm giống và khác nhau giữa các nghĩa nêu trên:</p> <table border="1" data-bbox="201 1430 669 1545"> <thead> <tr> <th>So sánh</th> <th>Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ a</th> <th>Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ b</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giống nhau</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Khác nhau</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 2</p> <p>- GV hướng dẫn cách thực hiện: HS đọc lại mỗi từ <i>chân</i> trong các đoạn thơ và xác định nghĩa của mỗi từ đó. Sau khi xác định nghĩa của mỗi từ <i>chân</i>, suy nghĩ xem các nghĩa có quan hệ với nhau như thế nào.</p> <p>- Yêu cầu HS thực hiện vào phiếu bài tập</p>	So sánh	Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ a	Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ b	Giống nhau			Khác nhau			<p>- HS nêu yêu cầu bài</p> <p>- HS thực hiện các nhân vào phiếu bài tập theo mẫu</p>
So sánh	Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ a	Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ b								
Giống nhau										
Khác nhau										

- Mời đại diện nhóm trình bày kết quả

- Đại diện nhóm trình bày kết quả
– Nghĩa của từ *chân* trong mỗi đoạn thơ:
a. Trong câu a (*một chân, chân đứng, chân quay, ba chân*): dùng với các nghĩa chuyển, là bộ phận tiếp xúc với đất, có chức năng đỡ, trụ cho bộ phận của vật đứng thẳng.
b. Trong câu b (*chân em*): được dùng với nghĩa gốc, là bộ phận của con người có chức năng nâng đỡ, di chuyển bước đi.
– Điểm giống và khác nhau giữa các nghĩa nêu trên:

So sánh	Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ a	Nghĩa của từ <i>chân</i> trong đoạn thơ b
Giống nhau	Đều là bộ phận có chức năng làm trụ, tiếp xúc giữa vật/người với mặt đất.	
Khác nhau	Là bộ phận giữ thăng bằng, tiếp giáp với đất, làm trụ cho vật chứ không tự di chuyển được.	Là bộ phận di chuyển, bước đi được.

- GV mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét, bổ sung.

- HS nhận xét
- Lắng nghe.

Bài 3. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ sau đây:

Mũi
Nghĩa 1: bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.
Nghĩa 2: bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước của một số vật.

Cao
Nghĩa 1: có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến đầu kia theo chiều thẳng đứng.
Nghĩa 2: hơn mức trung bình về số lượng hay chất lượng.

- GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập 3
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân
- Mời HS trình bày kết quả

- HS nêu yêu cầu bài.
- HS thực hiện cá nhân vào vở nháp
- 2-3 HS trình bày kết quả
a. mũi:
+ Câu theo nghĩa 1: Em bé có chiếc mũi thật xinh xắn.
+ Câu theo nghĩa 2: Bố dặn em phải cẩn thận với mũi kéo vì nó rất nhọn.
b. cao:

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các HS khác nhận xét - GV nhận xét, chốt đáp án. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Câu theo nghĩa 1: Em chưa từng nhìn thấy toà nhà nào cao như vậy. + Câu theo nghĩa 2: Điểm thi môn Toán của em tương đối cao. - HS nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm.
<p>3. Hoạt động Vận dụng</p>	
<p>Bài 4 (Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 trang 56) : Đặt câu với mỗi từ dưới đây theo nghĩa chuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. tay: b. chân: c. mặt: d. mũi: <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nhận xét. - GV nhận xét - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - HS thực hiện cá nhân a. Mỗi khi em mặc áo sơ mi, bà em lại dặn xắn tay áo lên cho gọn gàng. b. Chân bàn của em rất chắc chắn. c. Lan ơi, lấy hộ tớ cây kéo ở trên mặt bàn nhé. d. Mũi giày của bố đã bung rồi, em đang giành tiền để mua tặng bố một đôi giày mới. - HS nhận xét - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ Ba, ngày 22 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
Tiết 3: VIẾT
Bài: VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn tả cảnh.
- Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV mời HS nêu lại bố cục của một bài văn tả phong cảnh - Mời HS nhận xét - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS nêu gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - HS nhận xét - HS lắng nghe.
2. Luyện tập - Mục tiêu: + Viết được bài văn tả cảnh. + Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Viết</p> <p>- GV HD học sinh chọn 1 trong 2 đề để viết Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống. Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.</p> <p>- GV yêu cầu HS chọn 1 trong 2 đề trên để viết đoạn văn</p> <p>- GV hướng dẫn, lưu ý cho hs khi viết đoạn văn + Đọc lại dàn ý đã lập (có thể chỉnh sửa hoặc bổ sung chi tiết cho nội dung phong phú hơn hoặc điều chỉnh trình tự miêu tả, nếu muốn).</p> <p>+ Đọc những điều lưu ý và ví dụ trong SGK.</p> <p>+ Dự kiến viết những câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh khi tả phong cảnh.</p> <p>- GV nhắc HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.</p> <p>- Viết bài dựa vào dàn ý (đảm bảo bài văn có đủ 3 phần), chú ý viết câu văn sử dụng những từ ngữ gợi tả (VD: những tính từ gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, ... gây ấn tượng mạnh), sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá, ...</p> <p>- GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời.</p> <p>Chẳng hạn: + Hỗ trợ những em hạn chế về kỹ năng viết (kỹ năng tìm ý, kỹ năng dùng từ, viết câu, ...).</p> <p>+ Hỗ trợ, khích lệ HS tìm được lí do xác đáng, dẫn chứng điển hình.</p>	<p>- HS đọc 2 đề bài. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS viết bài cá nhân</p> <p>- HS lắng nghe hướng dẫn, lưu ý khi viết đoạn văn</p> <p>- HS viết bài cá nhân</p> <p>- GV quan sát hỗ trợ</p> <p>- Học sinh viết bài văn theo đề bài đã chọn</p>
<p>Bài 2: Đọc soát và chỉnh sửa.</p> <p>- GV gọi HS đọc bài văn đã viết</p> <p>- Nhận xét đoạn văn theo một số gợi ý</p> <p>+ Bố cục</p> <p>+ Trình tự sắp xếp</p> <p>+ Cách dùng từ, viết câu</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.</p> <p>- HS đọc bài văn đã viết</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS rà soát , phát hiện lỗi, sửa lỗi trong bài viết theo các gợi ý trên. - Gọi HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS rà soát , phát hiện lỗi, sửa lỗi, ghi lại lỗi cần sửa (nếu có) - HS khác lắng nghe, theo dõi để nhận xét
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà. + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Em hãy ghi lại những tác dụng mà mặt trời mang tới cho vạn vật trên thế gian này. - GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để mở rộng hiểu biết của bản thân. - GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính của Bài 15: Đọc - hiểu: Bài ca về mặt trời. Luyện từ và câu: Luyện tập về từ đa nghĩa. Viết: Viết bài văn tả phong cảnh. - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ. - Dặn dò HS đọc trước Bài 16 - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu vận dụng - Ghi chép những ý quan trọng trong hướng dẫn của GV để thực hiện yêu cầu tại nhà. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - Hs nhắc lại - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Mĩ thuật

BÀI 4: VÒNG QUANH THẾ GIỚI (TIẾT 1)

3. Mục tiêu bài học

- Nhận biết được vật liệu tái sử dụng trong SPMT.
- Biết lựa chọn và phối hợp các vật liệu tái sử dụng phù hợp trong sáng tạo SPMT.
- Chia sẻ những điều học được trong trung bày, thảo luận và đánh giá sản phẩm.
- Vận dụng được kiến thức đã học tìm hiểu nghệ thuật thế giới.

4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

- PC1: Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động trong học tập.
- PC2: Nhân ái: Biết đoàn kết, hợp tác làm việc nhóm cùng các bạn.
- PC3: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

*Năng lực chung

- NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.
- NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học/ thực hành, trung bày, nêu tên sản phẩm.
- NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

*Năng lực đặc thù

- NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát những SPMT và nhận biết được cấu trúc, tỉ lệ và công dụng của sản phẩm.
- NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: HS thực hiện được SPMT về đề tài *vòng quanh thế giới*.
- NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết chia sẻ cảm nhận về chất liệu. Lựa chọn được vị trí trưng bày sản phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

3. Giáo viên

- KHBD, SGK.
- Một số tranh ảnh về đề tài vòng quanh thế giới. – Bút chì, giấy vẽ, bút màu, máy chiếu,...

4. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).– Bút chì, giấy vẽ, bút màu,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 2

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Đồ dùng/ phương tiện/ sản phẩm của HS
<p>Hoạt động 1. Quan sát và nhận thức</p>	<p>Khởi động: Trò chơi <i>Phân loại rác</i></p> <p>-GV chia lớp thành 2 đội, mỗi HS sẽ được phát ngẫu nhiên 1 thẻ ảnh có hình 1 chất liệu rác thải.</p> <p>Nhạc nổi lên, lần lượt các HS 2 đội sẽ bỏ thẻ ảnh được phát vào 3 thùng: rác hữu cơ, rác vô cơ, rác tái chế. Hết nhạc, GV cùng HS kiểm tra kết quả, đội nào phân loại rác đúng nhất và nhanh nhất đội đó thắng cuộc.</p> <p>-GV hỏi HS về tầm quan trọng của việc phân loại rác thải và tận dụng rác tái chế để thực hiện được những sản phẩm có ích. góp phần bảo vệ môi trường sống của hành tinh địa cầu chúng ta.</p> <p>-Giới thiệu vào bài mới: Bài 4: Vòng quanh thế giới. (tiết 2)</p> <p>Nhiệm vụ:</p> <p>GV hướng dẫn cho HS quan sát video về các danh lam thắng cảnh nổi tiếng trên thế giới thông qua các SPMT tái chế và chỉ ra đặc điểm vật liệu, tác dụng của sản phẩm.</p> <p>Gợi ý cách thức tổ chức:</p> <p>GV tạo cơ hội cho HS tìm ra đặc điểm vật liệu, tác dụng của sản phẩm.</p> <p>GV nêu câu hỏi, HS thảo luận để tìm hiểu, khám phá.</p> <p>Câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ Những chất liệu, vật liệu trong SPMT có thể tìm được ở đâu?</p>	<p>- HS tham gia chơi trò chơi.</p> <p>-HS trả lời.</p> <p>- HS thảo luận nhóm trả lời theo gợi ý của GV.</p> <p>- HS quan sát các bước thực hiện và thảo luận.</p>	<p>Thẻ ảnh rác thải để HS tham gia trò chơi, âm nhạc để tạo không khí cho trò chơi hấp dẫn.</p>

<p>Hoạt động 2. Luyện tập và sáng tạo</p>	<p>+ Sử dụng những chất liệu, vật liệu đó giúp ích gì cho môi trường sống? Nhiệm vụ: – GV cho HS nhắc lại các bước thực hiện một SPMT 3D về đề tài cuộc sống quanh em. – HS hoàn thiện một SPMT từ vật liệu tái sử dụng. Gợi ý cách thức tổ chức: – GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa trong SgK trang 20, thảo luận để biết cách thực hiện SPMT. – gợi ý các bước thực hiện: Bước 1: Tìm ý tưởng và phác hình. Bước 2: cắt theo hình đã phác và ghép các bộ phận theo ý tưởng. Bước 3: Trang trí sản phẩm. Bước 4: Hoàn thiện sản phẩm – Câu hỏi gợi ý: + Hình ảnh chính là gì, hình ảnh phụ là gì? + Em sẽ làm gì để hoàn thiện SPMT? + SPMT sẽ được ứng dụng như thế nào vào cuộc sống? – Bài tập thực hành: GV yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm 3D từ vật liệu tái sử dụng. (HS hoàn thành bước 3 và bước 4) GV quan sát HS thực hành, gợi ý, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời.</p>	<p>– HS thảo luận nhóm, phân công công việc theo nhóm và thực hành theo sự sáng tạo của nhóm mình.</p>	<p>– Hình minh họa các bước thực hiện. Bìa, màu, bút lông, kéo, băng dính hai mặt, hồ/ keo dán, keo sữa,...</p>
---	--	--	---

<p>Hoạt động 3. Phân tích và đánh giá</p>	<p>Nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trình bày ý tưởng lựa chọn vật liệu tái sử dụng trong bài thực hành. chia sẻ về việc lựa chọn vật liệu phù hợp trong thực hành sáng tạo và tính ứng dụng của sản phẩm. Gợi ý cách thức tổ chức: – GV yêu cầu HS trung bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận về SPMT của nhóm mình và nhóm bạn. – Câu hỏi gợi ý: + Nhóm em đang thực hiện sản phẩm gì? + Nêu cảm nhận của em về SPMT. + SPMT này ứng dụng như thế nào vào đời sống? – GV nhận xét, tuyên dương, động viên khuyến khích HS.</p>	<p>– HS trung bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận. – HS trình bày theo hướng dẫn của GV.</p>	<p>Sản phẩm của HS.</p>
<p>Hoạt động 4. Vận dụng</p>	<p>Nhiệm vụ: cho HS trải nghiệm, làm ống đựng bút từ vật liệu tái sử dụng. Gợi ý cách thức tổ chức: – GV chiếu cách làm ống đựng bút từ lõi cuộn giấy vệ sinh. – Câu hỏi gợi ý: + Nhóm em sẽ tạo hình gì để trang trí? + Nhóm em sẽ vẽ màu như thế nào? + Em sẽ để ống đựng bút này ở đâu? + Nêu cảm nhận của em về SPMT ứng dụng mà em với nhóm vừa thực hiện.</p>		

Củng cố, dặn dò	Củng cố: nhắc lại các bước thực hiện một SPMT. Dặn dò: giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau.	– HS chuẩn bị cho bài học sau.	
------------------------	---	--------------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

Toán

Bài 17: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.
- Vận dụng được thực hành tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết được cách tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	

<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi.+ Trong phòng học của lớp em có vị trí nào có thể đặt được giá sách?+ Muốn làm giá sách thì ta phải tìm hiểu những gì?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới:	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời các câu hỏi+ Có thể để dưới góc lớp hoặc vị trí cạnh cửa sổ trên bục giảng.+ Vật liệu để làm giá sách, kích thước, bản thiết kế,...- HS nhận xét.- HS lắng nghe.
--	---

2. Hoạt động thực hành

- Mục tiêu:

+ Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.

+ Vận dụng được thực hành tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Các bạn lớp 5A lên kế hoạch làm giá sách của lớp. Các bạn dự định đặt mua các tấm gỗ với kích thước và số lượng như trong bảng dưới đây.

Tấm gỗ	Số lượng
	4
	10

Loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m². Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập
- GV yêu cầu HS phân tích bài tập
- GV mời HS làm việc nhóm 2
- Gv mời HS chia sẻ kết quả.

- GV mời HD nhận xét bài nhóm bạn
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

Bài 2. Hãy thiết kế giá sách của lớp em. Tính số tiền mua gỗ làm chiếc giá sách đó nếu loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m².

- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập
- GV yêu cầu HS phân tích bài tập

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS phân tích bài.
- HS làm việc nhóm 2
- HS chia sẻ kết quả bài tập

Bài giải

Diện tích 4 tấm gỗ dài là:

$$(200 \times 25) \times 4 = 20\,000 \text{ (cm}^2\text{)} = 20 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích 10 tấm gỗ ngắn là:

$$(40 \times 25) \times 10 = 10\,000 \text{ (cm}^2\text{)} = 10 \text{ (m}^2\text{)}$$

Số tiền cần mua gỗ để làm giá sách là:

$$(20 + 10) \times 250\,000 = 7\,500\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 7 500 000 đồng

- HS nhận xét bài nhóm bạn, bổ sung

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS phân tích bài.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc nhóm 4 - GV mời HS chia sẻ kết quả. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân. - HS chia sẻ bài của nhóm mình - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu những điều em đã học trong bài ngày hôm nay - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu những điều em biết. - Lớp lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Khoa học
Bài 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp.

- Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà.

- Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận động gia đình và cộng đồng cùng thực hiện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tìm hiểu việc sử dụng nguồn năng lượng điện ở trường và ở nhà, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, trình bày kết quả làm việc nhóm.

3. Phẩm chất.

- Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực.
- Trách nhiệm: Có ý thức thực hiện, sử dụng điện an toàn và tiết kiệm điện khi ở trường và ở nhà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các hình trong SGK; bìa phụ, giấy A3, bút lông dầu.
- HS: SGK, VBT

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về tính chất của nước. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: + Khi dùng năng lượng để thắp sáng, chạy máy..., người ta thường lấy điện từ đâu? + Em hãy nêu một số tình huống không an toàn khi sử dụng điện mà em biết. - GV mời một vài HS trả lời. - GV nhận xét. - GV giải thích thêm: + <i>Điện năng được lấy từ các nhà máy điện và thường ở xa nơi tiêu thụ nên cần truyền tải điện đi xa. Để giảm hao phí điện năng trên đường truyền thì cần sử dụng máy biến thế để tăng điện áp tới hàng trăm ki-lô-vôn (kV).</i> + <i>Để an toàn khi sử dụng điện lại dùng máy biến thế để hạ áp tới khoảng vài trăm vôn trước khi đưa vào sử dụng.</i> + <i>Điện được sản xuất từ nhà máy điện và truyền tải trên đường dây là dòng điện ba pha, ở nơi tiêu dùng có thể sử dụng dòng điện ba pha hoặc một pha.</i> - GV dẫn vào bài học: <i>Sử dụng năng lượng điện.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá và luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp. + Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà. - Phát triển năng lực khoa học. 	

Hoạt động 1: An toàn khi sử dụng điện.

1.1 Tìm hiểu điện được sử dụng vào những việc gì và điện được truyền từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ như thế nào.

- GV yêu cầu HS thảo luận để nêu những việc sử dụng điện trong cuộc sống hằng ngày.

- GV gọi HS trình bày.

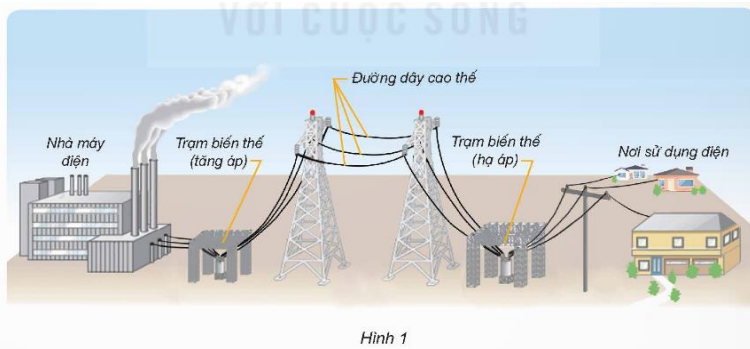
- GV nhận xét, kết luận:

+ Điện được dùng để thắp sáng, sấy khô, đun nấu thức ăn, đun nước, chạy máy móc như: xe đạp điện, xe máy điện, quạt máy, máy điều hoà, máy giặt, tủ lạnh

Điện được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống hằng ngày.

Vậy điện được lấy từ đâu?

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 (SGK trang 30) rồi mô tả sự truyền điện từ nhà máy điện đến ổ điện của mỗi gia đình, cơ quan, trường học... như thế nào.



Hình 1

- GV giải thích thêm: Điện năng được lấy từ các nhà máy điện và thường ở xa nơi tiêu thụ nên cần truyền tải điện đi xa. Để giảm hao phí điện năng trên đường truyền thì cần sử dụng máy biến thế để tăng điện áp tới hàng trăm ki-lô-vôn (kV).

1.2 Tìm hiểu một số việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi sử dụng điện.

(Làm việc nhóm)

- GV yêu cầu HS quan sát hình 2 (SGK trang 31) và cho biết việc nên làm, không nên làm để đảm bảo an toàn cho con người.

- HS thảo luận để nêu những việc sử dụng điện trong cuộc sống hằng ngày.

- HS trình bày.

- HS nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe.

- HS quan sát hình 1 (SGK trang 30) rồi mô tả sự truyền điện từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.

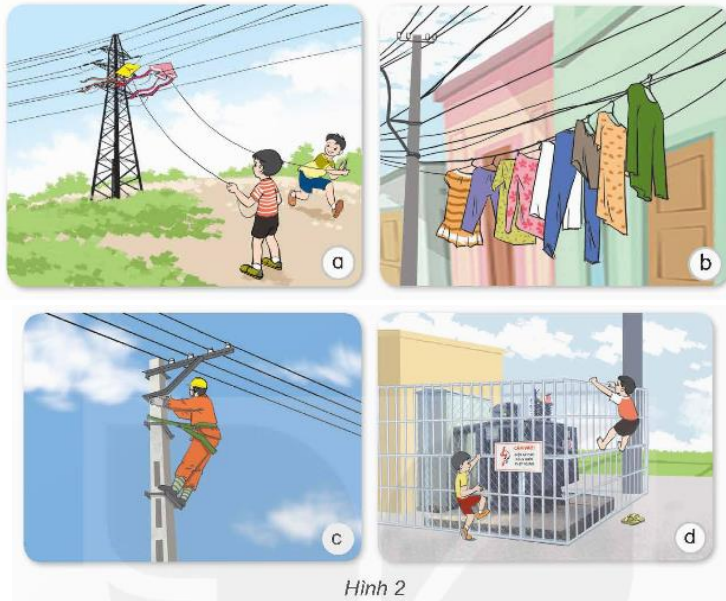
- HS lắng nghe.

- HS quan sát hình 2 (SGK trang 31) và cho biết việc nên làm, không nên làm để đảm bảo an toàn cho con người.

- **Nên làm:**

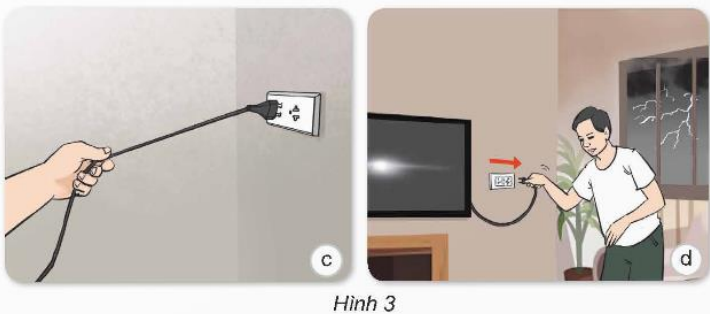
+ Hình c: Sửa điện trên đường dây tải điện.

- **Không nên làm:**



Hình 2

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- GV mời HS nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét.
- GV yêu cầu HS quan sát hình 3 (SGK trang 31) và hình 4 (SGK trang 32) rồi cho biết trường hợp nào sử dụng điện an toàn, trường hợp nào sử dụng điện không an toàn. Vì sao?



Hình 3

- + Hình a; Chơi thả diều dưới đường dây điện.
- + Hình b: Phơi quần áo trên đường dây điện.
- + Hình d: Bám hoặc trèo vào trạm biến thế.

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nhận xét, bổ sung.

- HS quan sát hình 3 (SGK trang 31) và cho biết trường hợp nào sử dụng điện an toàn, trường hợp nào sử dụng điện không an toàn và giải thích.

- Trường hợp sử dụng điện an toàn.

- + Hình 3a: Dùng nắp nhựa đậy lỗ cắm điện ở chỗ thấp để trẻ em không chạm vào ổ cắm gây nguy hiểm.

- + Hình 3d: Dùng tay cầm chuỗi điện cắm vào ổ điện đảm bảo an toàn khi sử dụng.

- + Hình 4b: Đứng trên ghế khô để ngắt cầu dao điện khi nước tràn vào nhà vì nước dẫn điện dễ dàng truyền điện qua người gây giật điện.

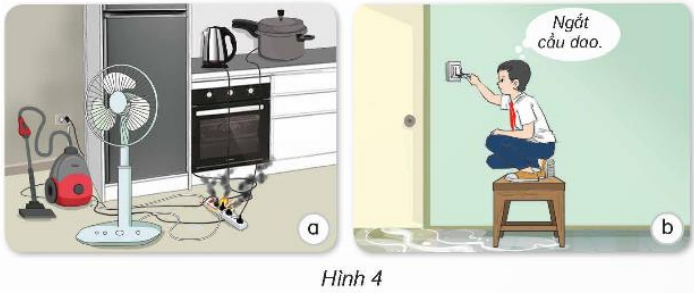
- Trường hợp sử dụng điện không an toàn.

- + Hình 3b: Trải thảm, chiếu đề lên dây điện đang nối ở cắm với các thiết bị dùng điện dễ gây nguy hiểm cho người sử dụng.

- + Hình 3c: Cầm tay vào dây điện để rút phích cắm ra khỏi ổ điện rất dễ kéo ổ điện rời khỏi vị trí đã cố định.

- + Hình 4a: Không dùng nhiều thiết bị điện cắm vào một ổ cắm dễ gây chập điện.

- HS chia sẻ kết quả trước lớp.



Hình 4

- HS nhận xét, bổ sung.
- HS kể thêm một số trường hợp sử dụng điện an toàn và không an toàn.
 - + Khi nhìn thấy dây điện bị đứt thì không lại gần mà cần báo ngay cho người lớn.
 - + Leo trèo lên cột điện.
 - + Thay bóng đèn ở bàn khi chưa rút phích cắm ra khỏi ổ điện.
 - + Không vừa sạc điện thoại vừa sử dụng.

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- GV mời HS nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét.
- GV yêu cầu HS kể thêm một số trường hợp sử dụng điện an toàn và không an toàn.

3. Hoạt động nối tiếp

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
 - + Chuẩn bị bài cho tiết sau.
 - + Phát triển năng lực khoa học.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục Em có biết? và quan sát hình 5 (SGK trang 32).



- HS đọc thông tin mục Em có biết? và quan sát hình 5 (SGK trang 32).

- HS thảo luận trả lời các câu hỏi



Hình 5

- GV yêu cầu HS thảo luận trả lời các câu hỏi:
- + Để an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc gì?

+ Em hãy đề xuất việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh.

- GV yêu cầu HS về nhà:
- + Ghi nhớ và tuân thủ những quy tắc an toàn điện.
- + Làm một bảng cảnh báo an toàn khi sử dụng điện (viết hoặc vẽ) để tiết sau chia sẻ cùng các bạn.

- Để an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc sau:
- + Không nên đến gần đường dây điện cao thế, trạm biến thế.
- + Ngắt nguồn điện của các thiết bị điện trong nhà khi có mưa giông, sấm sét.
- + Cần sử dụng các dụng cụ bảo hộ chuyên dụng và ngắt các thiết bị điện ra khỏi nguồn điện khi sửa chữa điện.
- + Lựa chọn vị trí lắp đặt công tắc, ổ cắm điện phù hợp.
- + Không tiếp xúc trực tiếp với ổ điện, dây điện bị hở.
- Đề xuất việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh.
- + Bản thân cần ghi nhớ và tuân thủ những quy tắc an toàn điện.
- + Xây dựng bảng “Cảnh báo an toàn khi sử dụng điện”, dễ nhớ.
- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....

.....

.....

Đạo đức

TUẦN 8: THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KỲ 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh củng cố các chuẩn mực hành vi đạo đức đã học qua 2 bài học trước.
- Có kĩ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các tình huống đơn giản trong thực tế cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi đạo đức.
- Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, kính trọng, biết ơn người có công với quê hương đất nước
- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức múa hát bài “Biết ơn chị Võ Thị Sáu” https://youtu.be/UdtveSjlyXI?si=AOpd2RN2dbei0Pcp+ GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát : Bài hát nói về ai?+ GV hỏi thêm: Em đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn đó?- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng hát theo nhịp điệu bài hát.- HS trả lời.- HS trả lời theo suy nghĩ của mình.- HS lắng nghe.
2. Hoạt động luyện tập	

- Mục tiêu:

- + Học sinh củng cố các chuẩn mực hành vi đạo đức đã học qua 2 bài học trước.
- + Có kĩ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các tình huống đơn giản trong thực tế cuộc sống.

- Cách tiến hành:

Hoạt Động 1: Hệ thống kiến thức đã học (13')

- Yêu cầu HS nhắc lại tên các bài đã học.

- Yêu cầu lớp tạo nhóm 4, thảo luận trả lời các câu hỏi:

+ *Những người có công với quê hương đất nước đóng góp gì?*

+ *Vì sao chúng ta cần biết ơn người có công với quê hương đất nước?*

+ *Nêu những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người có công với quê hương đất nước?*

+ *Kể tên những biểu hiện tôn trọng sự khác biệt của người mà em biết?*

+ *Vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người?*

- GV yêu cầu HS thảo luận.

- GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả

- GV mời HS nhận xét nhóm bạn

- Giáo viên nhận xét, kết luận.

HD2: Sắm vai xử lý tình huống (12')

- GV chiếu tình huống trên màn hình, cho HS suy nghĩ, tạo nhóm để thảo luận, đóng vai xử lý các tình huống trước lớp.

1. Các bạn trong lớp tích cực tham gia phong trào “Chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”. Sơn nói với các bạn: “Tớ không tham gia đâu vì ông tớ cũng là thương binh”.

Nếu có mặt ở đó, em sẽ nói gì với Sơn?

- Nhắc lại tên các bài học:

- HS tạo nhóm, bầu nhóm trưởng.

- Các nhóm thảo luận, trình bày trong nhóm, thống nhất đáp án.

- Một số nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe

- HS suy nghĩ, thảo luận, sắm vai để xử lý tình huống.

- Tình huống 1: Khuyên Sơn nên tham gia cùng các bạn và rủ các bạn về nhà mình chơi, trò chuyện, thăm hỏi ông.

- Tình huống 2: Nếu em là An, em sẽ thuyết phục anh trai rằng mỗi người đều có những đặc điểm riêng, chúng ta cần tôn trọng sự khác biệt của người khác và rủ anh trai trò chuyện cùng các bạn nước ngoài.

<p>2. Chung cư nơi An ở có một số bạn người nước ngoài sinh sống. An định lại gần trò chuyện thì anh trai An tỏ vẻ không đồng tình và cho rằng các bạn nước ngoài có nhiều điểm khác biệt nên khó hoà hợp. Nếu là An em sẽ làm gì?</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4 và giải quyết tình huống.</p> <p>- GV cho HS đóng sắm vai các tình huống</p> <p>- GV mời HS các nhóm nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét và tuyên dương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm - HS lên sắm vai - HS nhận xét nhóm bạn - HS lắng nghe.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- Tổ chức cho HS chơi trò chơi “<i>Người ấy là ai</i>” để ôn lại về các nội dung 2 bài đã học.</p> <p>- GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi của mình trong các hạt dẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bạn đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với người có công với quê hương đất nước? + Có khi nào bạn chứng kiến những lời nói, việc làm chưa thể hiện sự tôn trọng khác biệt của người khác? + Bạn có suy nghĩ gì về những việc làm và thể hiện đó? <p>- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn dò về nhà.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi. - 1HS chọn câu hỏi và trả lời. - 3-5 HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Hoạt động trải nghiệm
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:
TÌM HIỂU MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG HOẢ HOẠN.
THỰC HÀNH THOÁT HIỂM KHI HOẢ HOẠN.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nêu được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn
- HS thực hành được cách thoát hiểm khi hỏa hoạn
- HS có ý thức phòng tránh hỏa hoạn và áp dụng cách thoát hiểm khi hỏa hoạn

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: xác định được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn và có ý thức áp dụng cách thoát hiểm khi hỏa hoạn .

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm để thảo luận về những biện pháp phòng chống hỏa hoạn.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân trong việc thực hiện việc phòng tránh hỏa hoạn.

***Giáo dục Quyền con người: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện.**

II. ĐỒ DÙNG

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: Xem video clip về phòng tránh hỏa hoạn</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>- Tạo sự chú ý của HS và dẫn nhập vào tiết HĐTN về phòng tránh hỏa hoạn.</p>	
<p>b) Cách tiến hành</p> <p>- GV chiếu 1 video clip về hỏa hoạn và nêu câu hỏi cho HS:</p> <p>+ <i>Nội dung của video nói về điều gì?</i></p> <p>+ <i>Bài học rút ra sau khi xem video này là gì?</i></p> <p>- GV mời một số HS trả lời câu hỏi và tổng hợp ý kiến, giới thiệu vào chủ đề của buổi HĐTN</p>	- HS xem video và trả lời câu hỏi
<p>2. Tìm hiểu – Mở rộng</p>	
<p>Hoạt động 8. Tìm hiểu một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn.</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn - HS có ý thức phòng tránh hỏa hoạn. 	
<p>b) Cách tiến hành</p>	
<p>GV mời một vài HS đọc to yêu cầu của nhiệm vụ 1, 2, 3 hoạt động 8 trong SGK Hoạt động trải nghiệm 5 trang 24 và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của các HS trong lớp</p>	<p>HS đọc nhiệm vụ 1, nhiệm vụ 2, nhiệm vụ 3, hoạt động 8 trong SGK trang 24</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, dựa trên những gợi ý ở các bóng nghĩ trong bức tranh ở SGK hoạt động 8 và xác định những một số biện pháp phòng chống hỏa hoạn và giải thích vì sao nhóm lại chọn như vậy. - Lưu ý rằng tất cả HS trong nhóm đều phải tham gia trình bày sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo nhóm - HS trình bày kết quả thảo luận trên giấy A0 bằng phương pháp biểu đạt sáng tạo như lập sơ đồ tư duy, vẽ tranh, sáng tác bài vẽ,... có chủ đề về phòng chống hỏa hoạn
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình theo hình thức sáng tạo mà nhóm đã chọn và mời các nhóm khác nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm báo cáo kết quả
<ul style="list-style-type: none"> - GV cùng cả lớp chốt lại về những những biện pháp phòng chống hỏa hoạn, cụ thể là: <ul style="list-style-type: none"> + Lắp đặt cầu dao, aptomat cho hệ thống điện. + Không để các chất dễ gây cháy gần nguồn lửa. + Không được nghịch lửa, diêm, các thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt. + Tắt các thiết bị điện trước khi ra khỏi phòng. + Rút nguồn điện cho các thiết bị điện (TV, đèn bàn, máy tính, sạc điện thoại, đèn, bếp ...) khi không sử dụng. + Lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy. + Trang bị bình chữa cháy xách tay. + Gọi 114 nếu khả năng cháy lớn + *Giáo dục Quyền con người: <ul style="list-style-type: none"> - Các em cần làm gì để bảo vệ cơ thể? - GD: Quyền được chăm sóc, bảo vệ để phát triển toàn diện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và ghi nhớ - HS trả lời

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
GV yêu cầu HS ghi lại những biện pháp phòng chống hỏa hoạn mà cả lớp đã thông nhất và chuyển ý sang hoạt động 9.	HS ghi lại những biện pháp phòng chống hỏa hoạn
4. Thực hành – Vận dụng	
Hoạt động 9. Thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn.	
a) Mục tiêu - HS xác định được cách thoát hiểm khi hỏa hoạn - HS thực hành được việc thoát hiểm khi hỏa hoạn theo hiệu lệnh - HS chia sẻ và ghi nhớ được những điều cần chú ý sau khi thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn.	
b) Cách tiến hành	
GV yêu cầu HS kể tên những vị trí và đường đi để thoát hiểm ở trường.	HS thực hiện nhiệm vụ
GV sắp xếp không gian lớp học thành các khu vực thuận tiện cho hoạt động thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn.	
GV hướng dẫn cho học sinh hoạt động thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn theo gợi ý sau. - Giữ bình tĩnh không hoảng loạn - Xác định nơi an toàn - Không đi cầu thang máy, chỉ đi cầu thang bộ - Không cầm vào tay nắm cửa (có thể sờ thử bằng mu bàn tay) - Lấy khăn ẩm bịt mũi miệng - Bò lom khom (hạ độ cao) - Di chuyển theo hàng, nối đuôi nhau - Lấy đồ vật báo hiệu ứng cứu (khăn, áo màu sặc sỡ - màu đỏ, màu trắng, ...) - ...	
GV tổ chức cho học sinh thực hành thoát hiểm khi hỏa hoạn và quan sát các HS di chuyển để nhận xét	HS thực hành thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn theo hiệu lệnh
GV yêu cầu HS ghi lại những điều cần chú ý khi thoát hiểm đám cháy	HS ghi những điều cần chú ý
3. Tổng kết tiết trải nghiệm	
– GV kết luận về hoạt động thực hành và nhắc nhở các em thực hiện những biện pháp để phòng chống	– HS lắng nghe và ghi nhớ

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
hỏa hoạn và về nhà chia sẻ với người thân về cách thoát hiểm khi hỏa hoạn.	
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ Tư, ngày 23 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
Bài 16: XIN CHÀO, XA-HA-RA (4 tiết)
Tiết 1+2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thành tiếng: Đọc đúng toàn bộ câu chuyện. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật

Đọc hiểu: Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật.

Hiểu được: Điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Thiên nhiên xung quanh ta vô cùng kì diệu và có vô vàn điều thú vị để khám phá. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản

- Nhận biết được các nhân vật, hiểu được thông điệp tác giả gửi gắm trong văn bản, biết phân chia bố cục bài đọc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những bài thơ, bài ca dao về quê hương đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

***Giáo dục đạo đức: Yêu thiên nhiên.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chia sẻ những điều em biết về sa mạc- Mời đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận- GV chiếu cho HS xem video ngắn về sa mạc- Mời HS nêu cảm nhận của em về những điều nhìn thấy trong video- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới: Bài đọc hôm nay nói về chuyến du lịch đến một sa mạc rất nổi tiếng trên thế giới. Các em cùng đọc bài xem đó là sa mạc nào và ở sa mạc đó có những gì thú vị.	<ul style="list-style-type: none">- HS tham gia chơi thảo luận theo nhóm theo các chủ đề: thời tiết, cảnh vật, con vật, cây cối,...+ Thời tiết khắc nghiệt, rất nóng bức, ít mưa; chủ yếu là có xương rồng, không có nhiều cây xanh nào khác; chỉ có các loài vật chịu nóng tồn tại như lạc đà, thằn lằn, rắn sa mạc.- Lắng nghe- HS nêu
2. Khám phá. <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Đọc đúng toàn bộ câu chuyện. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật/- Cách tiến hành:	
2.1. Luyện đọc đúng. <ul style="list-style-type: none">- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, với ngữ điệu chung: chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả sa mạc, tâm trạng và cảm xúc từ đó thể hiện tình yêu mến thiên nhiên- Gọi 1 HS đọc toàn bài.- GV chia đoạn: 4 đoạn+ Đoạn 1: Từ đầu đến Xin chào, Xa-ha-ra+ Đoạn 2: Tiếp theo đến vô địch	<ul style="list-style-type: none">- Hs lắng nghe GV đọc.- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.- 1 HS đọc toàn bài.- HS quan sát và đánh dấu các đoạn.

<p>+ Đoạn 3: Tiếp theo đến mênh mông + Đoạn 4: Đoạn còn lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>Bịn rịn, đơn sơ, hớn hờ,...</i> - GV Hướng dẫn HS luyện đọc từ dễ phát âm sai: <i>Át-lát, viễn tường, đỏ quạch, rải lửa, lộng cộm, mỏng manh, ẩm ướt, trèo lên, đứng bồng, lưng lững, cát lún, lỏng lẻo, túp lều, tận hưởng, hứng, nắng non, lóng lánh,...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc các câu thơ dài: <i>Cát sa mạc mịn như bột/ và mỏng manh như gió bụi,/ không to như cát Phan Th iết/ hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn.</i> <i>Mọi người nằm kên ra những tấm chiếu dạ trải trên cát/ để ngắm sao,/ tận hưởng đêm duy nhất/ giữa sa mạc mênh mông.</i> - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
<p>2.2. Luyện đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: + Đọc giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi một số câu thể hiện lời nói của các nhân vật. - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. - HS luyện đọc nhóm đôi: + <i>Xa-ha-ra, sa mạc lớn nhất Châu Phi đang ở trước mắt tôi</i> + <i>Giấc mơ là có thật.</i> + <i>Gió thổi lỏng lẻo kéo bật tóc tôi ra khỏi khăn trùm đầu</i> + <i>Những cồn cát vàng óng vây quanh những căn lều vuông vắn.</i>
<p>2.3. Luyện đọc toàn bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
<p>3. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. + Hiểu được: Điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Thiên nhiên xung quanh ta vô cùng kì diệu và có vô vàn điều thú vị để khám phá. Phân chia được bố cục và bước đầu tóm tắt được văn bản 	
<p>3.1. Giải nghĩa từ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có) <ul style="list-style-type: none"> + Quành: vòng ngược lại hoặc rẽ sang một bên. + Túp lều du mục: lều của những người không cố định nơi ở, họ di chuyển nhiều nơi để thuận lợi cho việc chăn nuôi gia súc. + Cồn cát: dải cát lớn nổi lên thành dãy. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
<p>3.2. Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. <ul style="list-style-type: none"> + Câu 1: Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên: <ul style="list-style-type: none"> - Trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra. - Ở sa mạc Xa-ha-ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. + Trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra: Những rặng đá xám bồng xỉn màu rồi ngả sang đen râm hoặc đỏ quạch; cái nắng như rải lửa khiến tóc của mọi người trở nên giòn tan. <ul style="list-style-type: none"> + Ở sa mạc Xa-ha-ra: Cát của nó lộn cộm dưới đế giày. Cát sa mạc mịn như bột và

<p>+ Câu 2: Nhân vật “tôi” có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?</p> <p>+ Câu 3: Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả thế nào?</p> <p>+ Câu 4: Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?</p> <p>+ Câu 5: Câu cuối bài đọc cho biết điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em. A. Thiên nhiên quá hùng vĩ, con người quá bé nhỏ. B. Ở một nơi kì vĩ như Xa-ha-ra, con người chỉ cần chú ý đến cảnh sắc thiên nhiên.</p>	<p>mỏng manh như gió bụi, không to; Trời tối dần, lạ thay, trời rất mát, thậm chí rất lạnh. Gió thổi lồng lộng kéo bật tóc tôi ra khỏi khăn trùm đầu.</p> <p>+ Khi được đến Xa-ha-ra, nhân vật “tôi” có cảm xúc phấn khích, muốn nhảy nhót, tưởng như mình đang trong một giấc mơ, quên mất nắng nóng.</p> <p>- Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả:</p> <p>+ Thời tiết: buổi sáng nóng, buổi tối trời rất mát, thậm chí rất lạnh, gió thổi lồng lộng.</p> <p>+ Cát: mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn.</p> <p>+ Lạc đà: cao lưng lững, phải ghìm lại để chúng không chạy; chạy trên cát lún thì lạc đà là vô địch.</p> <p>+ Bình minh: trời hửng. Những cồn cát óng vàng vây quanh những căn lều vuông vắn. Bầu trời nhu nhú ánh bình minh rồi rải nắng non lóng lánh lên những hạt cát mịn.</p> <p>+ Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc rất vui mừng, rất tò mò và háo hức được nằm mình lên trên cát, ngắm nhìn sao trời tự nhiên. Khách du lịch rất yêu thích không gian sa mạc, muốn chìm đắm vào sa mạc vốn có.</p> <p>+ Học sinh có thể chọn C. Thiên nhiên giúp xóa nhòa khoảng cách giữa người với người.</p>
--	---

<p>C. Thiên nhiên giúp xoá nhoà khoảng cách giữa người với người</p> <p>*Giáo dục đạo đức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các em cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên? - GD: Yêu thiên nhiên. - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Sa mạc khắc nghiệt nhưng là ước mơ, là đam mê của những người chưa từng được đến đây. Thời tiết, địa chất, con vật nơi đây đều độc đáo, làm cho những vị khách ghé thăm khó có thể quên được; từ sa mạc mà ngẫm nghĩ nhiều hơn về cuộc đời này.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - 2 - 3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học.
<p>3.3. Luyện đọc lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (4 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc. - GV mời HS nhận xét nhóm đọc. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 4. - HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm
<p>4. Luyện tập theo văn bản đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: giúp HS củng cố lại nội dung của toàn bài. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ đặc điểm của sa mạc và những từ ngữ có nghĩa trái ngược với chúng.</p> <p>(M: hoang vu – sầm uất)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất” - GV phổ biến luật chơi: Các nhóm thảo luận, cùng nhau nêu các phương án mà nhóm tìm ra. Nhóm nào tìm ra từ nhanh, đúng và nhiều nhất thì sẽ chiến thắng) - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS tham gia chơi theo nhóm Đáp án: hô hạn – ẩm ướt, mênh mông – chật hẹp, lạnh – nóng, mịn màng – thô ráp... - Đại diện nhóm nhận xét - Lắng nghe
<p>Bài 2. Từ “tối” và từ “lạnh” trong câu được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?</p> <p>“Trời tối dần, lạ thay, trời rất mát, thậm chí rất lạnh.”</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc nhóm đôi và trình bày trước lớp. - GV mời HS nhận xét các nhóm. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm. - HS thảo luận cặp đôi, thống nhất ý kiến và trả lời. + Từ “tối” và “lạnh” được dùng trong câu với nghĩa gốc. - HS nhận xét các nhóm. - HS lắng nghe, sửa chữa.
<p>Bài 3. Đặt câu chứa từ “thổi” mang mỗi nghĩa dưới đây:</p> <p>a. Chùm miệng lại và làm cho luồng hơi bật mạnh từ trong miệng ra. b. (Không khí) chuyển động thành luồng và gây ra tác động nhất định</p> <ul style="list-style-type: none"> .- GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. - GV mời HS nhận xét các nhóm. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm. - HS làm việc cá nhân + Lan rủ tôi cùng chơi thổi bong bóng xà phòng xem ai thổi được nhiều nhất. + Gió thổi ào ào khiến trên mặt đất, bụi cuốn mù mịt. - HS nhận xét các nhóm. - HS lắng nghe, sửa chữa.
<p>5. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Biết yêu thiên nhiên và trân trọng các sự vật thuộc về tự nhiên, có ý thức tìm tòi thông tin để hiểu biết về thiên nhiên, có mong muốn được khám phá, trải nghiệm những điều thú vị của thiên nhiên, biết tự hào về danh lam thắng cảnh của đất nước. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu nêu 1 vài nét về thời tiết quang cảnh nơi em ở - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và nêu một số việc làm tốt tại trường, lớp hoặc nơi em ở. - VD: + Thời tiết đẹp,... + Xung quanh có ruộng đồng, cây xanh,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 18: LUYỆN TẬP CHUNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học;

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết được cách tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho HS chơi trò chơi “Hái táo” Câu 1: $1\text{km}^2 = \dots\text{ha}$ Câu 2: $4\text{ m}^2 = \dots\text{ dm}^2$ Câu 3 : $17\text{ km}^2 = \dots\text{ m}^2$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia chơi trò chơi - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành - Mục tiêu: + HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học;	

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Chọn số đo phù hợp.

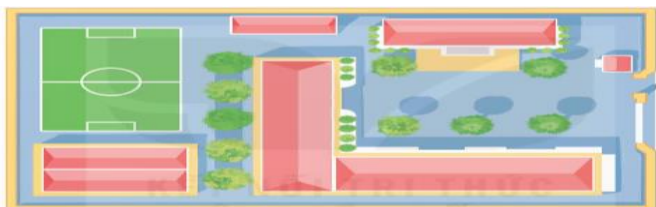
Diện tích trường học của Mai khoảng:

A. 1,5 ha

B. 1,5 m²

C. 1,5 dm²

D. 1,5 cm²



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời lớp làm việc theo cặp đôi:

- GV mời HS đại diện trình bày.

- GV mời HS nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- Lớp làm việc theo cặp đôi:

- HS trình bày: Đáp án A là đáp án chính xác

- HS nhận xét, bổ sung

- HS lắng nghe, sửa sai.

Bài 2. Viết các số đo dưới đây theo đơn vị hecta.

a) 25 000 m² 412 000 m² 8 000 m²

b) 11 km² 7 km² 480 km²

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

- GV mời HS làm việc thực hiện nhóm đôi

- GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, Ai đúng”

- GV nêu cách chơi, luật chơi.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.

- HS thực hiện thảo luận nhóm đôi

- HS tham gia chơi trò chơi

+ Đáp án

a) 25 000 m² = 2,5 ha

412 000 m² = 41,2 ha

8 000 m² = 0,8 ha

b) 11 km² = 1 100 ha

7 km² = 700 ha

480 km² = 48 000 ha

- HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3. Người ta muốn xây dựng khu vui chơi cho trẻ em kết hợp với khu cắm trại trên mảnh đất có diện tích 2 ha. Biết khu vui chơi cho trẻ

em chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích mảnh đất. Hỏi diện tích của khu cắm trại là bao nhiêu mét vuông?

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV cùng HS tóm tắt bài toán
- ? Khu cắm trại có diện tích bao nhiêu?
- ? Khu vui chơi của trẻ em rộng bao nhiêu?
- ? Bài toán hỏi gì?
- GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- HS cùng tóm tắt bài toán
- + Cho biết khu cắm trại rộng 2 ha
- + Khu vui chơi cho trẻ em chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích mảnh đất
- + Bài toán muốn tính diện tích khu cắm trại là bao nhiêu mét vuông?
- Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- HS trình bày.

Bài giải

$$\text{Đổi } 2 \text{ ha} = 20\,000 \text{ m}^2$$

Diện tích khu vui chơi cho trẻ em là:

$$20\,000 : \frac{3}{4} = 15\,000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích khu cắm trại là:

$$20\,000 - 15\,000 = 5\,000 \text{ (m}^2\text{)}$$

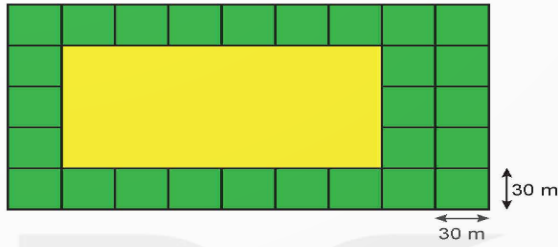
Đáp số: 5 000 m²

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 4: Một mảnh đất dạng hình chữ nhật được chia thành các phần như hình vẽ dưới đây. Biết phần đất có dạng hình chữ nhật màu vàng được dùng để xây nhà máy. Hỏi người ta dùng bao nhiêu héc-ta để xây nhà máy?



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV cùng HS tóm tắt bài toán
- GV mời lớp làm việc cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời HS trả lời.

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- HS cùng tóm tắt bài toán
- Lớp làm việc cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu.
- HS trình bày.

Bài giải

Chiều dài của khu xây nhà máy là:

$$30 \times 6 = 180 \text{ (m)}$$

Chiều rộng khu xây nhà máy là:

$$30 \times 3 = 90 \text{ (m)}$$

Diện tích xây nhà máy là:

$$180 \times 90 = 16\,200 \text{ (m}^2\text{)} = 1,62 \text{ ha}$$

Đáp số: 1,62 ha

- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
- HS lắng nghe
- Hs lắng nghe và rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Lịch sử - Địa lí

Bài 6: VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học.
- Mô tả được một số hiện vật khảo cổ học của Phù Nam.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động học tập.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, trân trọng giá trị văn hóa của vương quốc Phù nam để lại.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Nâng cao nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay vốn có nguồn gốc bản địa lâu đời. Có ý thức tuyên truyền, giới thiệu về những giá trị văn hóa của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 sgk và hỏi: + Hình 1 vẽ gì? - GV giới thiệu: Bình gốm Nhon Thành là một trong những hiện vật tiêu biểu của vương quốc Phù Nam. Là minh chứng cho giai đoạn lịch sử phát triển rực rỡ của vương quốc Phù Nam. Em hãy chia sẻ những điều em biết về vương quốc này? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.	- HS quan sát + Vẽ bình gốm Nhon Thành - HS lắng nghe và chia sẻ. - HS lắng nghe.
2. Khám phá: - Mục tiêu: + Trình bày được sự thành lập của nước Phù Nam qua truyền thuyết lập nước và một số bằng chứng khảo cổ học. - Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Sự thành lập của vương quốc Phù Nam (thảo luận nhóm đôi)	

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát hình 2, 3 trong sgk và trả lời các câu hỏi:

+ Vương quốc Phù Nam được thành lập vào khoảng thời gian nào? ở đâu?

+ Những bằng chứng nào chứng tỏ sự tồn tại của vương quốc Phù nam?

+ Hãy kể lại truyền thuyết về Hồn Điền – Liễu Diệp?



▲ Hình 2. Dấu tích kiến trúc ở di tích Gò Cây Thị (An Giang)



▲ Hình 3. Dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù Nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang)

- GV mời đại diện các nhóm trình bày

- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, sự ra đời và phát triển của vương quốc này gắn với truyền thuyết Hồn Điền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học như: Dấu tích kiến trúc ở di tích gò cây thị (An Giang); dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang). Địa bàn cư trú của cư dân Phù nam chủ yếu ở khu vực Nam Bộ nước ta hiện nay.***

Hoạt động 2: Một số hiện vật khảo cổ học của vương quốc Phù Nam (thảo luận nhóm 4)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát các hình từ 4 đến 7 và trả lời câu hỏi:

- HS quan sát hình, đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, ở khu vực Nam Bộ Việt Nam hiện nay.

+ Truyền thuyết về Hồn Điền – Liễu Diệp cùng những bằng chứng khảo cổ học như: Dấu tích kiến trúc ở di tích gò cây thị (An Giang); dấu tích cọc gỗ nhà sàn của cư dân Phù nam ở di tích Nền Chùa (Kiên Giang) chứng tỏ sự tồn tại của vương quốc Phù nam.

+ HS kể trong nhóm

- HS các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe.

- HS quan sát hình và đọc thông tin cùng thảo luận trả lời câu hỏi:

+ Những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ học phát hiện là: Nền móng kiến trúc; bếp đun; đồ gốm; tiền kim loại, đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,..



▲ Hình 4. Đồng tiền kim loại thời Vương quốc Phù Nam được phát hiện ở tỉnh An Giang



▲ Hình 5. Nồi và cà ràng được phát hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh

+ Kể tên những hiện vật của cư dân Phù Nam được các nhà khảo cổ học phát hiện?

+ Những hiện vật đó phản ánh điều gì?



▲ Hình 6. Khuyên tai bằng vàng của cư dân Phù Nam được phát hiện ở An Giang



▲ Hình 7. Tượng Phật Bình Hoà (Long An)

+ Lựa chọn và mô tả một hiện vật của vương quốc Phù Nam?

- GV mời đại diện các nhóm trình bày
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: **Nhiều dấu tích, hiện vật khác nhau được phát hiện chứng tỏ cư dân Phù Nam có đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần khá phát triển.**

3. Luyện tập

- Mục tiêu:
- + Củng cố lại nội dung bài học
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Trình bày sự thành lập của vương quốc Phù Nam (cá nhân)

+ Phản ánh đời sống kinh tế, vật chất, tinh thần của cư dân Phù Nam khá phát triển và phong phú.

+ Ví dụ:

Hiện vật	Chất liệu	Màu sắc	Kiểu dáng
Đồng tiền kim loại	Kim loại	Trắng bạc	Hình tròn có các hoa văn
Cà ràng	Đất nung	Nâu	Hình trụ, có 3 cạnh để kê nồi,
Khuyên tai bằng vàng	Vàng	Vàng	Hình tròn có khắc hoa văn
Tượng phật	Gỗ	Nâu	Tượng phật đứng trên tòa sen mặc áo cà sa

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- HS lắng nghe

- 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc yêu cầu - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân: + Trình bày sự thành lập của vương quốc Phù Nam? <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời - GV nhận xét, tuyên dương <p>Hoạt động 2: Hoàn thành bảng (nhóm đôi)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc yêu cầu - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi <table border="1" data-bbox="162 651 876 850"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th> <th>Hiện vật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đời sống vật chất</td> <td>?</td> </tr> <tr> <td>Đời sống tinh thần</td> <td>?</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương 	Lĩnh vực	Hiện vật	Đời sống vật chất	?	Đời sống tinh thần	?	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân + Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng thế kỉ I, gắn với truyền thuyết về Hồn Đền – Liễu Diệp cùng một số bằng chứng khảo cổ học. - 1 HS trả lời, HS khác nhận xét - HS lắng nghe <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi - HS thảo luận nhóm đôi <table border="1" data-bbox="909 693 1469 1060"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th> <th>Hiện vật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đời sống vật chất</td> <td>Nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại,...</td> </tr> <tr> <td>Đời sống tinh thần</td> <td>Đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,...</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm trình bày - HS lắng nghe 	Lĩnh vực	Hiện vật	Đời sống vật chất	Nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại,...	Đời sống tinh thần	Đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,...
Lĩnh vực	Hiện vật												
Đời sống vật chất	?												
Đời sống tinh thần	?												
Lĩnh vực	Hiện vật												
Đời sống vật chất	Nền móng kiến trúc, bếp đun, đồ gốm, tiền kim loại,...												
Đời sống tinh thần	Đồ trang sức, tượng thần, tượng phật,...												
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Cách tiến hành: 													
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS về nhà viết một bức thư ngắn giới thiệu về vương quốc Phù Nam cho một người bạn của em - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. 												
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>													

Công nghệ
Bài 3: TÌM HIỂU THIẾT KẾ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thiết kế kĩ thuật: kể tên được các công việc chính khi thiết kế.
- Năng lực công nghệ: phác thảo bằng hình vẽ cho người khác hiểu được ý tưởng thiết kế của một sản phẩm công nghệ đơn giản.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự tìm hiểu bài và tự nhận xét được kết quả học tập của mình; tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Dựa trên hiểu biết đã có, hình thành và phác thảo được ý tưởng về sản phẩm công nghệ đơn giản.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công; có khả năng giao tiếp, bày tỏ ý kiến khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập được giao bởi GV.

3. Phẩm chất.


- Phẩm chất chăm chỉ: Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên Xem lại kiến thức bài cũ.
- Phẩm chất trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân, nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo tâm thế học tập, kích thích sự hứng thú vui vẻ và liên hệ và bài học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “ Ô cửa bí mật”, mỗi ô cửa là hình ảnh của một sản phẩm công nghệ: bút chì, bút lông, bút mực, bút bi, bút dạ, bút sáp. - GV tổ chức cho HS chơi như sau: + GV quay vòng quay may mắn để chọn tên HS tham gia chơi. + Mỗi HS chọn một ô cửa bí mật để mở hình ảnh của sản phẩm công nghệ trong đó. HS nêu tên sản phẩm, vật liệu và chức năng của sản phẩm. - Sau 6 lượt chơi, giáo viên đặt câu hỏi đặc biệt và quay vòng quay may mắn để chọn HS trả lời: Vì sao	- Cả lớp lắng nghe và tham gia trò chơi. -Lần lượt mỗi HS chọn 1 ô cửa và trả lời. - Các bạn khác nhận xét và bổ sung câu trả lời của bạn. - HS trả lời: Vì được thiết kế khác nhau. - HS đọc đồng thanh nội dung ghi nhớ ở trang 15 SGK.

<p>cùng là những chiếc bút nhưng mỗi chiếc bút này lại có hình dáng và màu sắc khác nhau?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và yêu cầu cả lớp nhắc lại nội dung ghi nhớ của tiết 1. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: <p>Khi thiết kế một sản phẩm công nghệ, chúng ta cần xác định được mục đích làm ra sản phẩm đó để làm gì. Từ đó hình thành ý tưởng để thiết kế sản phẩm. Hôm nay lớp mình sẽ cùng nhau tìm hiểu các công việc chính khi thiết kế một sản phẩm công nghệ.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh kể được tên các công việc chính khi thiết kế. - Cách tiến hành: 	
<p>Hoạt động khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và thực hiện các nhiệm vụ sau: + Ghi tên các công việc chính trong thiết kế vào các thẻ từ trắng. + Sắp xếp các thẻ từ theo thứ tự công việc chính của thiết kế trên bảng lớp.  <p>Hình 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. <p>- GV nhận xét chốt đáp án: Để thiết kế một sản phẩm cần thực hiện 4 bước chính.</p> <p>1. Hình thành ý tưởng về sản phẩm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ. <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thành ý tưởng về sản phẩm. 2. Vẽ phác thảo sản phẩm và lựa chọn vật liệu dụng cụ. 3. Làm sản phẩm mẫu. 4. Đánh giá và hoàn thiện sản phẩm. <p>- HS lắng nghe</p>

<p>2. Vẽ phác thảo sản phẩm và lựa chọn vật liệu dụng cụ.</p> <p>3. Làm sản phẩm mẫu.</p> <p>4. Đánh giá và hoàn thiện sản phẩm.</p>	
<p>3. Hoạt động thực hành.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ HS vẽ phác thảo và nêu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ đơn giản.</p> <p>+ Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động nhóm</p> <p>- GV chia lớp thành 3 nhóm theo chủ đề thiết kế sản phẩm:</p> <p>+ Đồ dùng học tập.</p> <p>+ Đồ chơi trẻ em.</p> <p>+ Đồ dùng sinh hoạt gia đình.</p> <div data-bbox="194 829 820 1291" style="text-align: center;"> <p>The image shows three hand-drawn sketches on A4 paper, each with a title and a list of materials. Sketch (a) is titled 'Đồ dùng học tập' (School supplies) and shows a pencil case with stars. Sketch (b) is titled 'Đồ chơi trẻ em' (Children's toy) and shows a paper airplane. Sketch (c) is titled 'Đồ dùng sinh hoạt gia đình' (Home use item) and shows a basket of flowers. Each sketch has a list of materials below it.</p> </div> <p>- GV phát giấy A4 cho HS và giao nhiệm vụ: Em hãy vẽ phác thảo và trình bày ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ mà em thích theo gợi ý sau:</p> <p>+ Vẽ phác thảo hình sản phẩm vào giấy A4.</p> <p>+ Ghi các nội dung: tên sản phẩm, chức năng, vật liệu của sản phẩm đó.</p> <p>+ Trình bày ý tưởng của mình trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét chung tuyên dương cá nhân.</p>	<p>- HS chọn nhóm sản phẩm mình thích.</p> <p>- HS thực hành</p> <p>- HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.</p>	

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.	
- Cách tiến hành:	
- GV mời HS chia sẻ ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ em thích ngoài 3 chủ đề trên.	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số sản phẩm công nghệ em thích.
- GV nhận xét tuyên dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- Nhận xét sau tiết dạy.	
- Dặn dò về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Toán

Bài 17: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.
- Vận dụng được thực hành tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết được cách tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách VBT Toán
- Học sinh: Sách VBT Toán


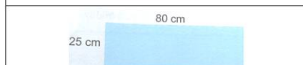
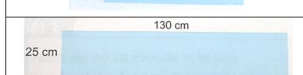
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thực hành đo một số đồ dùng trong lớp. Em hãy đo và tính diện tích tủ của lớp - GV Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời các câu hỏi - HS thực hành đo và tính diện tích - HS nhận xét.
---	---

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành

Bài 1. (Vở bài tập Toán lớp 5 trang 58)
 Rô-bốt muốn làm giá sách treo tường.
Rô-bốt dự định đặt mua các tấm gỗ với kích thước và số lượng như trong bảng dưới đây.

Tấm gỗ	Số lượng
	3
	1
	2

Loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 250 000 đồng cho 1 m². Tính số tiền Rô-bốt cần trả để mua số gỗ như dự định.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài tập
- GV yêu cầu HS phân tích bài tập
- GV mời HS làm việc nhóm 2
- Gv mời HS chia sẻ kết quả.

- HS đọc yêu cầu bài.
- HS phân tích bài.
- HS làm việc nhóm 2
- HS chia sẻ kết quả bài tập

Bài giải

Diện tích các tấm gỗ loại 20 × 25 là:
 $3 \times (20 \times 25) = 1\ 500 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích tấm gỗ loại 80 × 25 là:
 $80 \times 25 = 2\ 000 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích các tấm gỗ loại 130 × 25 là:
 $2 \times (130 \times 25) = 6\ 500 \text{ (cm}^2\text{)}$


Tổng diện tích gỗ cần mua là:
 $1\ 500 + 2\ 000 + 6\ 500 = 10\ 000 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đổi: $10\ 000 \text{ cm}^2 = 1 \text{ m}^2$

Số tiền Rô-bốt cần trả để mua số gỗ như dự định là:
 $250\ 000 \times 1 = 250\ 000 \text{ (đồng)}$

Đáp số: 250 000 đồng

- GV mời HD nhận xét bài nhóm bạn
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

<p>Bài 2.(Vở bài tập Toán lớp 5 trang 59)</p> <p>a) Hãy thiết kế giá sách treo tường theo ý em. Em hãy vẽ hình các tấm gỗ và chú thích số lượng với mỗi tấm gỗ trong ô trống dưới đây.</p>  <p>b) Tính số tiền mua gỗ để làm giá sách đó, nếu loại gỗ công nghiệp được chọn có giá 200 000 đồng cho 1 m².</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập - GV yêu cầu HS phân tích bài tập - GV mời HS làm việc nhóm 4 - GV mời HS chia sẻ kết quả. <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS nhận xét bài nhóm bạn, bổ sung</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- HS phân tích bài.</p> <p>- HS làm việc nhóm</p> <p>- HS chia sẻ bài của nhóm mình</p> <p>a) Thiết kế giá sách treo tường theo ý em.</p> <p>Diện tích các tấm gỗ loại 20×25 là:</p> $3 \times (20 \times 25) = 1\ 500 \text{ (cm}^2\text{)}$ <p>Diện tích tấm gỗ loại 80×25 là:</p> $80 \times 25 = 2\ 000 \text{ (cm}^2\text{)}$ <p>Diện tích các tấm gỗ loại 130×25 là:</p> $2 \times (130 \times 25) = 6\ 500 \text{ (cm}^2\text{)}$ <p>Tổng diện tích gỗ cần mua là:</p> $1\ 500 + 2\ 000 + 6\ 500 = 10\ 000 \text{ (cm}^2\text{)}$ <p>Đổi: $10\ 000 \text{ cm}^2 = 1 \text{ m}^2$</p> <p>Số tiền Rô-bốt cần trả để mua số gỗ như dự định là:</p> $200\ 000 \times 1 = 200\ 000 \text{ (đồng)}$ <p>Đáp số: 200 000 đồng</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p>
<p>3.Hoạt động Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu những điều em đã học trong bài ngày hôm nay - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu những điều em biết. - Lớp lắng nghe.

- GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Ôn Tiếng Việt

VIẾT: VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn tả cảnh.
- Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy.
- VBT Tiếng Việt, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
- GV mời HS nêu lại bố cục của một bài văn tả phong cảnh - Mời HS nhận xét - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS nêu gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - HS nhận xét - HS lắng nghe.
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
Bài 1: Viết	

<p>- GV HD học sinh chọn 1 trong 2 đề để viết</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.</p> <p>Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.</p> <p>Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở bài 14, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài em đã chọn.</p> <p>- GV yêu cầu HS chọn 1 trong 2 đề trên để viết đoạn văn</p> <p>- GV hướng dẫn, lưu ý cho hs khi viết đoạn văn</p> <p>+ Đọc lại dàn ý đã lập (có thể chỉnh sửa hoặc bổ sung chi tiết cho nội dung phong phú hơn hoặc điều chỉnh trình tự miêu tả, nếu muốn).</p> <p>+ Đọc những điều lưu ý và ví dụ trong SGK.</p> <p>+ Dự kiến viết những câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh khi tả phong cảnh.</p> <p>- GV nhắc HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.</p> <p>- Viết bài dựa vào dàn ý (đảm bảo bài văn có đủ 3 phần), chú ý viết câu văn sử dụng những từ ngữ gợi tả (VD: những tính từ gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, ... gây ấn tượng mạnh), sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá, ...</p> <p>- GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời.</p> <p>Chẳng hạn:</p> <p>+ Hỗ trợ những em hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu, ...).</p> <p>+ Hỗ trợ, khích lệ HS tìm được lí do xác đáng, dẫn chứng điển hình.</p>	<p>- HS đọc 2 đề bài. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS lắng nghe hướng dẫn, lưu ý khi viết đoạn văn</p> <p>- HS viết bài cá nhân</p> <p>- GV quan sát hỗ trợ</p> <p>- Học sinh viết bài văn theo đề bài đã chọn</p>
<p>Bài 2: Đọc soát và chỉnh sửa bài viết của em</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài văn đã viết - Nhận xét đoạn văn theo một số gợi ý + Bố cục + Trình tự sắp xếp + Cách dùng từ, viết câu - GV tổ chức cho HS rà soát, phát hiện lỗi, sửa lỗi trong bài viết theo các gợi ý trên. - Gọi HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc bài văn đã viết - HS rà soát , phát hiện lỗi, sửa lỗi, ghi lại lỗi cần sửa (nếu có) - HS khác lắng nghe, theo dõi để nhận xét
---	---

3. Hoạt động Vận dụng.

<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng <p>Bài 1: Đọc bài văn của em cho người thân nghe và ghi lại những ý kiến góp ý của người thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, lắng nghe người thân góp ý để mở rộng hiểu biết của bản thân. <p>2. Tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng và chép lại những câu văn hay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS viết lại những câu văn hay tả cảnh miền núi, trung du,... - GV mời HS đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu vận dụng -HS đọc bài văn của mình cho người thân nghe và ghi lại những ý kiến nhận xét, góp ý. -HS đọc yêu cầu -HS viết và đọc cho cả lớp nghe những đoạn văn có câu văn hay <ul style="list-style-type: none"> – <i>Đoạn văn tả cảnh rừng núi:</i> Cây gỗ ở đây đều là các cây lá rộng, tán lá lớn, chúng phân thành từng tầng khác nhau vì mỗi loài cây thích nghi với lượng ánh sáng khác nhau. Có những cây hướng sáng, chúng vươn lên thật cao, bỏ lại chút tia nắng yếu ớt lọt xuống..... – <i>Đoạn văn tả cảnh đồng bằng:</i> Toàn bộ cánh đồng được bao phủ bởi một màu vàng xuộm của lúa chín, lác đác một vài ruộng lúa cấy muộn vẫn còn màu xanh. Những bông lúa trĩu nặng vàng thơm hạt đều tăm tắp, chắc và mẩy
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ. - Dẫn dò HS đọc trước Bài 16 - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà. 	<p>uốn cong mềm mại, ngã vào nhau thì thâm trò chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - Lắng nghe
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Thứ Năm, ngày 24 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết sử dụng từ đúng ngữ cảnh. Biết vận dụng những hiểu biết về bài văn tả phong cảnh, biết vận dụng các kỹ năng viết bài văn tả cảnh để nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa bài viết.
- Nêu được một số điều mỗi em thấy cần ghi nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh để có thể dựa vào đó nhận biết, đánh giá kết quả làm bài của mình.
- Chỉnh sửa được một số lỗi thuộc về hình thức và nội dung của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một việc.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến , từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng trình bày, sử dụng từ ngữ để bài viết trở nên phong phú đa dạng hơn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong đóng vai nhân vật.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết trân trọng từng chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc và ghi nhớ công ơn của cha ông đã chịu bao gian khổ, hi sinh để có cuộc sống hòa bình hôm nay.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Nhớ lại đặc điểm của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc hiện tượng.- Cách tiến hành:	
<p>- GV tổ chức cho học sinh nêu lại những điều cần ghi nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh đã học. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS làm việc theo nhóm - Đại diện nhóm nêu kết quả - HS lắng nghe.</p>
2. Luyện tập. - Mục tiêu: + Biết sử dụng từ đúng ngữ cảnh. Biết vận dụng những hiểu biết về bài văn tả phong cảnh, biết vận dụng các kỹ năng viết bài văn tả cảnh để nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa bài viết. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:	
Bài 1: Nghe thầy cô nhận xét chung - GV nhận xét bài viết của HS gồm các nội dung: + Dựa trên kết quả quan sát từ tiết viết bài văn (Bài 15) và việc đọc bài làm của HS, nêu ý kiến nhận xét chung về kết quả bài làm văn tả phong cảnh của cả lớp (có thể theo các tiêu chí đánh giá nêu trong sách); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS tiêu biểu. + Khen ngợi những HS viết được bài văn hoặc đoạn văn, câu văn tả cảnh hay và mời các em HS đó đọc bài văn, đoạn văn hay câu văn hay, thể hiện sự sáng tạo, có màu sắc mới mẻ, cuốn hút người đọc. + Nhận xét, động viên, khích lệ những HS có tiến bộ, có nhiều cố gắng. - GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phân đầu bài làm sau sẽ tốt hơn.	<p>- HS lắng nghe thầy cô nhận xét, có thể hỏi lại những điều mình chưa rõ.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

<p>Bài 2: Đọc lại bài văn của em và lời nhận xét của thầy cô để biết bài làm đạt được những yêu cầu nào dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc HS đọc lại bài văn của mình - YC HS đọc bảng yêu cầu/ tiêu chí về bài văn tả phong cảnh trong sách, - Yêu cầu HS xác định bài của mình đạt được những yêu cầu/ tiêu chí nào - GV nhận xét <p>Bài 3: Viết lại một số câu hoặc đoạn văn trong bài làm của em cho hay hơn theo gợi ý sau:</p> <p>Cách 1: Sử dụng từ ngữ giàu sức gợi tả và hình ảnh so sánh, nhân hoá để cảnh vật hiện ra sống động hơn.</p> <p>Cách 2: Đan xen câu văn nêu suy nghĩ, cảm xúc đối với phong cảnh được miêu tả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo gợi ý: + Đọc một số câu văn, đoạn văn tham khảo trong sách hoặc những câu văn, đoạn văn được thầy cô khen, có thể viết lại câu văn, đoạn văn trong bài cho hay hơn. - GV mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. - Gọi HS nhận xét, góp ý - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương (sửa sai). 	<ul style="list-style-type: none"> - Từng em HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn đã viết hoặc đọc chéo bài để góp ý cho nhau. - HS có thể trao đổi về phương án chỉnh sửa. <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân + HS tham khảo câu văn, đoạn văn hay. + Viết lại câu văn, đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn. - Một số học sinh đọc đoạn văn, câu văn đã chỉnh sửa - HS nhận xét, góp ý - HS lắng nghe
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung, giúp HS có cơ hội luyện tập về cách thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu những lưu ý về cách viết bài văn tả phong cảnh để có thể viết được bài văn tả phong cảnh hay hơn khi được yêu cầu - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3HS nêu - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Toán

Bài 18: LUYỆN TẬP CHUNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học;

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết được cách tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

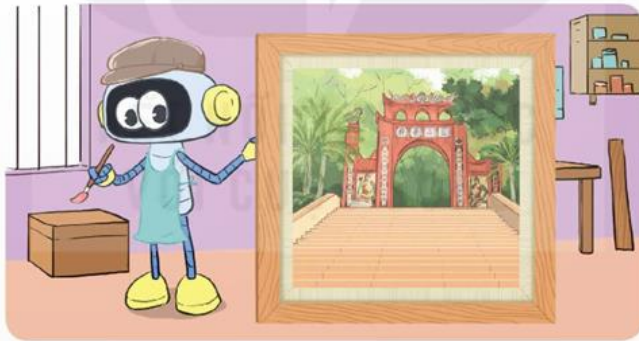
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Câu 1: $1\text{ha} = \dots\text{km}^2$ Câu 2: $4\text{ha} = \dots\text{dm}^2$ Câu 3 : $17\text{km}^2 = \dots\text{ha}$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	

- Mục tiêu:

- + Thực hành tính toán với các số đo thời gian, tính thời gian trong chuyển động đều.
- + Vận dụng được kiến thức về chuyển động đều để đổi vận tốc sang đơn vị khác, mở rộng dạng toán chuyển động của vật có chiều dài đáng kể.

- Cách tiến hành:

Bài 1. Chọn số đo phù hợp với diện tích của bức tranh Rô-bốt vừa vẽ trong hình dưới đây.



A. 1 km B. 1 ha C. 1 m²

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV mời lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận tìm đáp án đúng
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- Cả lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận và tìm đáp án đúng.
- Đại diện các nhóm trả lời.
- Đáp án đúng là : **C. 1 m²**
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Viết các số đo sau theo đơn vị mét vuông.

a) 2 km² b) 8 ha c) 450 dm²

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.
- GV mời HS chia sẻ kết quả

- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát.
- HS làm bài cá nhân.
- HS nêu kết quả bài làm, lớp đổi chéo bài
- a) 2 km² = 2 000 m²**
- b) 8 ha = 8m²**
- c) 450 dm² = m²**
- HS nhận xét và bổ sung
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV mời HS nhận xét bài bạn
- GV nhận xét tuyên dương

Bài 3. Bến B cách bến A 115 km. Một chiếc tàu đi từ bến A đến bến B với vận tốc 22 km/h. Hỏi sau khi khởi hành 3 giờ 30 phút, tàu còn cách bến B bao nhiêu ki-lô-mét?

2) Viết các số đo sau theo đơn vị mét vuông.

- a) 2 km² b) 8 ha c) 450 dm²

3) >; <; = ?

- a) 4 m² 2 dm² 42 dm² b) 2 800 ha 28 km²



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.

- GV Cùng HS tóm tắt bài toán.

? Bến B cách bến A bao nhiêu ki-lô-mét?

? Vận tốc của chiếc tàu là bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ?

? Con tàu đã khởi hành được bao nhiêu lâu?"

- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.

- GV mời HS nhận xét bài bạn

- GV thu bài và đánh giá kết quả, tuyên dương.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

- HS tóm tắt bài toán:

+ Bến B cách bến A: 115 km

+ Đi từ bến A đến bến B: 22 KM/H

+ Sau khi khởi hành 3 giờ 30 phút, tàu còn cách bến B: ? km

- GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.

Bài giải

3 giờ 30 phút = 3,5 giờ

Sau khi khởi hành 3 giờ 30 phút, con tàu đã đi được quãng đường là:

$$22 \times 3,5 = 77 \text{ (km)}$$

Con tàu còn cách bến B số ki-lô-mét là:

$$115 - 77 = 38 \text{ (km)}$$

Đáp số: 38 km.

- HS nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

Bài 4. Chọn câu trả lời đúng.

Một đoàn tàu hỏa dài 200 m bắt đầu vào đường hầm. Vậy sau bao lâu thì đuôi tàu chui hoàn toàn vào đường hầm, biết tàu đi với vận tốc 20 m/s?



A. 12 giây B. 10 giây C. 4 giây

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.
- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.
- HS trả lời:

Đáp án: B

- HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....
.....

Khoa học

Bài 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Nêu được một số quy tắc cơ bản về an toàn điện và tuân thủ các quy tắc an toàn điện trong tình huống thường gặp.
- Nêu và thực hiện được những việc làm thiết thực để tiết kiệm năng lượng điện ở trường và ở nhà.
- Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận động gia đình và cộng đồng cùng thực hiện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tìm hiểu việc sử dụng nguồn năng lượng điện ở trường và ở nhà, chủ động hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, trình bày kết quả làm việc nhóm.

3. Phẩm chất.

- Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực.

- Trách nhiệm: Có ý thức thực hiện, sử dụng điện an toàn và tiết kiệm điện khi ở trường và ở nhà.

**Giáo dục đạo đức: Tiết kiệm năng lượng điện.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các hình trong SGK; bảng phụ, giấy A3, bút lông dầu.

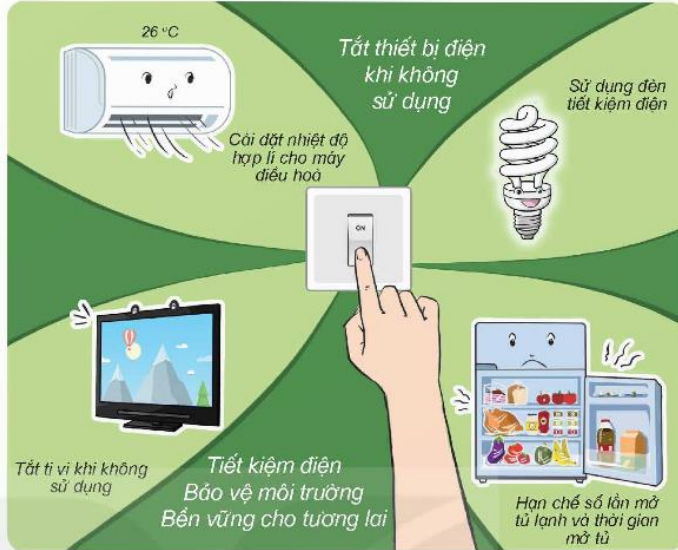
- HS: SGK, VBT

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động.	
- Mục tiêu:	
+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
+ Khơi gợi những hiểu biết đã có của HS về vai trò của nước trong đời sống hàng ngày, trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp,...	
- Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS chia sẻ bảng cảnh báo an toàn khi sử dụng điện mà các em đã chuẩn bị ở nhà.	- HS chia sẻ bảng cảnh báo an toàn khi sử dụng điện
- GV mời HS nhận xét.	- HS nhận xét.
- GV nhận xét và dẫn vào tiết 2 của bài học.	- HS lắng nghe.
Năng lượng điện mà chúng ta sử dụng hằng ngày không phải tự nhiên mà có. Vậy:	
+ Chúng ta cần sử dụng điện như thế nào cho hợp lý và tiết kiệm?	
+ Nếu chúng ta sử dụng điện một cách hợp lý và tiết kiệm sẽ mang lại lợi ích gì?	
2. Hoạt động Khám phá và luyện tập.	
- Mục tiêu:	
+ Đề xuất và trình bày được những việc cần làm để sử dụng an toàn, tiết kiệm năng lượng điện một cách đơn giản, dễ nhớ (như dùng hình ảnh, sơ đồ,..) để vận động gia đình và cộng đồng cùng thực hiện.	
- Phát triển năng lực khoa học.	
Hoạt động 2: Tiết kiệm năng lượng điện.	

2.1 Những việc cần làm để tiết kiệm năng lượng điện. (Thảo luận nhóm)

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 6 (SGK trang 33) rồi nêu những việc cần làm để tiết kiệm năng lượng điện.



- GV tổ chức cho HS chia sẻ.
- GV nhận xét.

2.2. Các trường hợp sử dụng điện lãng phí. Đề xuất cách tiết kiệm năng lượng điện.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm rồi viết vào Phiếu học tập:

+ Trường hợp sử dụng năng lượng điện lãng phí ở gia đình và nhà trường.

+ Đề xuất cách khắc phục một cahs hợp lí để tiết kiệm năng lượng điện cho gia đình và nhà trường.

- GV tổ chức cho HS trình bày.
- GV yêu cầu HS nhận xét.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi sau:

1. Vì sao nên bật bình nóng lạnh trước khi tắm khoảng 15 phút và tắt trước khi tắm?

- HS đọc thông tin và quan sát hình.
- HS thảo luận nhóm.

- Những việc cần làm để tiết kiệm năng lượng điện:

- + Cài đặt nhiệt độ hợp lí cho máy điều hoà.
- + Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện
- + Hạn chế số lần và thời gian mở tủ lạnh.
- + Tắt thiết bị điện khi không sử dụng.

- HS chia sẻ.
- HS nhận xét.
- HS lắng nghe.

- HS thảo luận nhóm rồi viết vào Phiếu học tập.

Trường hợp sử dụng điện lãng phí	Cách khắc phục
- Không tắt đèn ở bàn học khi đã rời đi.	- Tắt đèn.
- Không tắt ti vi khi không xem.	- Tắt ti vi.
- Mở cửa phòng khi đang bật điều hoà.	- Đóng cửa phòng.
- Mở cửa tủ lạnh để lấy nước đá pha nước chanh, sau khi pha xong, cất khay đựng nước đá mới đóng cửa tủ lạnh.	- Mở tủ lấy khay nước đá và đóng cửa tủ ngay. Mở tủ khi cất khay đựng nước đá và đóng cửa tủ.
- ...	- ...

- HS trình bày.
- HS khác nhận xét, bổ sung.
- HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.

1. Nên bật bình nóng lạnh trước khi tắm khoảng 15 phút để có đủ nước nóng cần dùng và tắt trước khi tắm để đảm bảo an toàn và tiết kiệm điện.

<p>2. Vì sao không nên là (ủi) quần áo trong phòng có bật máy điều hoà nhiệt độ?</p> <p>3.3 Xây dựng quy tắc sử dụng điện an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, những trải nghiệm thực tế để xây dựng bảng “Quy tắc sử dụng điện an toàn, tiết kiệm”. - GV tổ chức cho HS chia sẻ dưới hình thức sắm vai “Em làm tuyên truyền viên nhí”. - GV mời các HS khác góp ý. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<p>2. Là (ủi) quần áo trong phòng có bật máy điều hoà nhiệt độ sẽ làm lãng phí điện năng do bàn là toả nhiều nhiệt lượng làm nóng phòng, mặt khác sử dụng cùng lúc nhiều thiết bị điện có mức tiêu thụ điện nhiều sẽ làm đường truyền điện không ổn định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xây dựng bảng “Quy tắc sử dụng điện an toàn, tiết kiệm”. - HS chia sẻ dưới hình thức sắm vai “Em làm tuyên truyền viên nhí”.. - HS góp ý.
<p>3. Hoạt động nối tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. + Chuẩn bị bài cho tiết sau. + Phát triển năng lực khoa học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS đọc nội dung mục “Em đã học”. *Giáo dục đạo đức: - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi <i>Tìm nhà thông thái</i>. - Luật chơi: + HS nêu các ví dụ về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và chống lãng phí. + HS ghi kết quả vào bảng nhóm. Sau 3 phút, nhóm nào nêu được nhiều ví dụ về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm thì các thành viên của nhóm đó là những nhà thông thái. - GD: Tiết kiệm năng lượng điện. - GV yêu cầu HS về nhà thực hiện việc sử dụng điện an toàn và tiết kiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc nội dung mục “Em đã học”. - HS tham gia trò chơi. - HS lắng nghe. - HS về nhà thực hiện việc sử dụng điện an toàn và tiết kiệm.

- GV nhận xét tiết dạy, tuyên dương.	
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):	
.....	
.....	

Ôn Toán

Bài 18: LUYỆN TẬP CHUNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học;
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết được cách tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

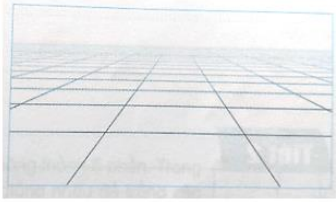
- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách VBT Toán
- Học sinh: Sách VBT Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Hái táo” Câu 1: $4\text{km}^2 = \dots\text{ha}$ Câu 2: $2\text{m}^2 = \dots\text{dm}^2$ Câu 3 : $12\text{km}^2 = \dots\text{m}^2$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi trò chơi - HS lắng nghe.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
<p>Bài 1(Vở bài tập Toán lớp 5 trang 61) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</p> <p>Diện tích mặt sàn căn hộ nhà Mai khoảng:</p>  <p>A. 100 mm² B. 100 m² C. 100 ha D. 100 km²</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc theo cặp đôi: - GV mời HS đại diện trình bày. - GV mời HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc theo cặp đôi: - HS trình bày: Đáp án B là đáp án chính xác. Diện tích là 100m² - HS nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe, sửa sai.
<p>Bài 2 (Vở bài tập Toán lớp 5 trang 61)</p> <p>Viết số hoặc phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>a) 30000 m² = ha 7 500 m² b) 2 km² = ha 300 km²</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm việc thực hiện nhóm đôi - GV mời đại diện các nhóm trả lời - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS thực hiện thảo luận nhóm đôi + Đáp án a) 30 000 m² = 3 ha 7 500 m² = 7510 b) 2 km² = 200 ha 300 km² = 30 000 - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>Bài 3(Vở bài tập Toán lớp 5 trang 61) Trường Tiểu học Đoàn Kết có diện tích là 2,5 ha. Trong đó có diện tích đất được dùng để xây phòng học. Tính diện tích đất được dùng để xây phòng học theo đơn vị mét vuông.</p>	

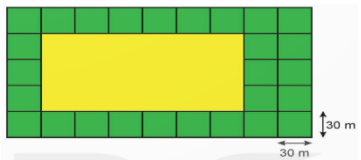
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV cùng HS tóm tắt bài toán
- Trường Tiểu học Đoàn Kết có diện tích bao nhiêu?
- Diện tích đất được dùng để xây phòng học bao nhiêu?
- Bài toán hỏi gì?

- GV mời lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời HS trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
 - HS cùng tóm tắt bài toán
 - + Cho biết **trường Tiểu học Đoàn Kết có diện tích là 2,5 ha**
 - + **Diện tích đất được dùng để xây phòng học: $\frac{2}{5}$ diện tích trường.**
 - + Bài toán muốn tính **diện tích đất được dùng để xây phòng học theo đơn vị mét vuông?**
 - Lớp làm việc cá nhân, thực hiện theo yêu cầu.
 - HS trình bày.
- Bài giải*
- Đổi: 2,5 ha = 25 000 m²
- Diện tích đất được dùng để xây phòng học là:
- $25\ 000 \times \frac{2}{5} = 10\ 000 \text{ (m}^2\text{)}$
- Đáp số: 10 000 m²
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - Lắng nghe, sửa sai (nếu có)

4. Hoạt động Vận dụng

- Bài 4(Vở bài tập Toán lớp 5 trang 62):** Công ty điện mặt trời có một mảnh đất dạng hình chữ nhật với chiều dài 300 m, chiều rộng 100 m. Công ty đã dùng 3434 mảnh đất đó để lắp đặt hệ thống pin mặt trời. Hỏi công ty đó dùng bao nhiêu héc-ta đất để lắp đặt hệ thống pin mặt trời?
- 
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
 - GV cùng HS tóm tắt bài toán
 - GV mời lớp làm việc cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- HS cùng tóm tắt bài toán
- Lớp làm việc cặp đôi, thực hiện theo yêu cầu.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dẫn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày. Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $300 \times 100 = 30\ 000 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích đất để lắp đặt hệ thống pin mặt trời là: $30\ 000 \times \frac{3}{4} = 22\ 500 \text{ (m}^2\text{)}$ Đổi: $22\ 500 \text{ m}^2 = 2,25 \text{ ha}$ Đáp số: 2,25 ha - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). - HS lắng nghe - HS lắng nghe và rút kinh nghiệm
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Biết sử dụng từ đúng ngữ cảnh. Biết vận dụng những hiểu biết về bài văn tả phong cảnh, biết vận dụng các kĩ năng viết bài văn tả cảnh để nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa bài viết.
- Nêu được một số điều mỗi em thấy cần ghi nhớ về cách viết bài văn tả phong cảnh để có thể dựa vào đó nhận biết, đánh giá kết quả làm bài của mình.
- Chỉnh sửa được một số lỗi thuộc về hình thức và nội dung của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một việc.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức, từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng trình bày, sử dụng từ ngữ để bài viết trở nên phong phú đa dạng hơn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong đóng vai nhân vật.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Biết trân trọng từng chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc và ghi nhớ công ơn của cha ông đã chịu bao gian khổ, hi sinh để có cuộc sống hòa bình hôm nay.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy.
- VBT Tiếng Việt, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none">- GV cho học sinh nêu lại những điều cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- HS làm việc theo nhóm- Đại diện nhóm nêu kết quả- HS lắng nghe.
2. Hoạt động Thực hành, luyện tập.	
<p>Bài 1: (Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 trang 58) Ghi lại ý kiến nhận xét chung của thầy cô về bài làm của lớp.</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét bài viết của HS gồm các nội dung:<ul style="list-style-type: none">+ Dựa trên kết quả quan sát từ tiết viết bài văn (Bài 15) và việc đọc bài làm của HS, nêu ý kiến nhận xét chung về kết quả bài làm văn tả phong cảnh của cả lớp (có thể theo các tiêu chí đánh giá nêu trong sách); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hay một số HS tiêu biểu.+ Khen ngợi những HS viết được bài văn hoặc đoạn văn, câu văn tả cảnh hay và mời các em HS đó đọc bài văn, đoạn văn hay câu văn hay, thể hiện sự sáng tạo, có màu sắc mới mẻ, cuốn hút người đọc.+ Nhận xét, động viên, khích lệ những HS có tiến bộ, có nhiều cố gắng.- GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phân đầu bài làm sau sẽ tốt hơn. <p>Bài 2: (Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 trang 59) Em tự đánh giá bài làm của mình đạt những điểm nào dưới đây?</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe thầy cô nhận xét, có thể hỏi lại những điều mình chưa rõ.- HS lắng nghe.

<ul style="list-style-type: none"> Có đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài. Sắp xếp nội dung miêu tả theo trình tự hợp lí. Chú ý lựa chọn từ ngữ, sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh được miêu tả. Bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc đối với phong cảnh được miêu tả hoặc với những người góp phần làm nên vẻ đẹp của phong cảnh. Không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt; chữ viết sạch, rõ ràng. 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc HS đọc lại bài văn của mình - YC HS đọc bảng yêu cầu/ tiêu chí về bài văn tả phong cảnh trong sách VBT, - Yêu cầu HS xác định bài của mình đạt được những yêu cầu/ tiêu chí nào - GV nhận xét Bài 3: (Vở bài tập Tiếng Việt lớp 5 trang 59) Viết lại một số câu hoặc đoạn văn trong bài làm của em cho hay hơn. Cách 1: Sử dụng từ ngữ giàu sức gợi tả và hình ảnh so sánh, nhân hoá để cảnh vật hiện ra sống động hơn. Cách 2: Đan xen câu văn nêu suy nghĩ, cảm xúc đối với phong cảnh được miêu tả. - GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý: + Đọc một số câu văn, đoạn văn tham khảo trong sách hoặc những câu văn, đoạn văn được thầy cô khen, có thể viết lại câu văn, đoạn văn trong bài cho hay hơn. - GV mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. - Gọi HS nhận xét, góp ý - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương (sửa sai). 	<ul style="list-style-type: none"> - Từng em HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn đã viết hoặc đọc chéo bài để góp ý cho nhau. - HS có thể trao đổi về phương án chỉnh sửa. - HS lắng nghe - HS làm việc cá nhân + HS tham khảo câu văn, đoạn văn hay. + Viết lại câu văn, đoạn văn trong bài làm của mình cho hay hơn. - Một số học sinh đọc đoạn văn, câu văn đã chỉnh sửa - HS nhận xét, góp ý - HS lắng nghe
<p>3. Hoạt động Vận dụng .</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu lại cấu tạo của bài văn tả phong cảnh. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2-3HS nêu - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

Thứ Sáu, ngày 25 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

Tiết 4: NÓI VÀ NGHE

CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Giới thiệu được cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta. Biết sắp xếp cảnh thiên nhiên đó để trình bày giới thiệu cảnh đẹp đó.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong đọc các câu chuyện một cách nghiêm túc và có định hướng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tự đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra ý thức tự đọc của học sinh qua thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc. - Cách tiến hành:	

<p>- GV chiếu bài hát Việt Nam quê hương tôi và hỏi HS:</p> <p>+ Bài hát trên nói về điều gì nào?</p> <p>+ Theo em, khi giới thiệu về đất nước, đoạn clip đã chọn những nét độc đáo nào?</p> <p>+ Em thích điều gì nhất trong đoạn clip đó?</p> <p>https://youtu.be/Rx56bSxgJuo?si=VrsAROQIQYoabQSx</p> <p>- GV nhận xét câu trả lời của HS rồi dẫn dắt vào bài</p> <p>Quê hương, đất nước của chúng ta có nhiều nhiều cảnh đẹp. Cảnh đẹp nào các em thấy yêu thích nhất bài học hôm nay cô và các em sẽ giới thiệu cảnh đẹp đó nhé!</p>	<p>- HS xem video và trả lời</p> <p>- Giới thiệu về 1 số cảnh đẹp của đất nước</p> <p>- Cảnh biển, cảnh đồng bằng, cảnh núi đồi.</p> <p>-</p> <p>HS trả lời theo suy nghĩ</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	--

2. Khám phá.

- Mục tiêu: Nói và nghe chuẩn bị xây dựng những nội dung dự kiến sẽ giới thiệu.

+ Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Cách tiến hành:

<p>1. Chuẩn bị</p> <p>– Yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Câu hỏi 1: Hãy kể tên những danh lam thắng cảnh của Việt Nam mà em biết?</p> <p>+ Câu hỏi 2: Trong những danh thắng ấy, em thích cảnh đẹp nào nhất? Vì sao?</p> <p>+ Câu hỏi 3: Hãy ghi lại những thông tin liên quan tới cảnh đẹp mà em thích theo phiếu dưới đây:</p> <p style="text-align: center;">Phiếu học tập</p> <p>Em hãy thực hiện các yêu cầu trong bài vào bảng sau:</p> <table border="1" data-bbox="203 1501 706 1711"> <thead> <tr> <th data-bbox="203 1501 414 1543">Địa danh</th> <th data-bbox="414 1501 706 1543">Vẻ đẹp</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="203 1543 414 1711">- Giới thiệu tên</td> <td data-bbox="414 1543 706 1711"> - Vị trí địa lí - Khung cảnh - Khí hậu, thời tiết - Không gian thiên nhiên ... </td> </tr> </tbody> </table> <p>+ Câu hỏi 4: Em có thể ghi thêm cảm nhận riêng của bản thân về cảnh đẹp thiên nhiên mà em đã chọn?</p>	Địa danh	Vẻ đẹp	- Giới thiệu tên	- Vị trí địa lí - Khung cảnh - Khí hậu, thời tiết - Không gian thiên nhiên ...	<p>- HS nghe câu hỏi và trả lời:</p> <p>+ Dự kiến câu trả lời: Vịnh Hạ Long, Huế, Eo Gió (Quy Nhơn), động Phong Nha, hang Sơn Đoòng...</p> <p>+ HS trả lời theo ý kiến cá nhân.</p> <p>+ HS trả lời theo ý kiến cá nhân.</p> <p>+ HS trả lời theo ý kiến cá nhân.</p>
Địa danh	Vẻ đẹp				
- Giới thiệu tên	- Vị trí địa lí - Khung cảnh - Khí hậu, thời tiết - Không gian thiên nhiên ...				

<p>+ Câu hỏi 5: Từ những thông tin đã chuẩn bị, em hãy lập một dàn ý dự kiến những nội dung giới thiệu cho cả lớp vào sơ đồ dưới đây: Mở bài:..... Triển khai:..... Kết thúc:</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, gợi ý (nếu có)</p>	<p>- HS suy nghĩ, hoàn thiện các thông tin vào sơ đồ theo nhóm Mở bài: + Giới thiệu được cảnh đẹp. - Triển khai: + Cung cấp những thông tin về cảnh đẹp. + Nêu được cảm nhận về cảnh đẹp đó. - Kết thúc: + Nhấn mạnh và bày tỏ được cảm nhận của bản thân về cảnh đẹp đã giới thiệu.</p>
<p>3. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu: + Trình bày sản phẩm nói của bản thân thông qua những nội dung đã chuẩn bị. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành:</p>	
<p>2. Trình bày</p> <p>- Gọi HS đọc phần trình bày và Em có thể trong SGK. - GV gợi ý, hướng dẫn học sinh cách trình bày thêm sinh động, giọng nói thể hiện được niềm tự hào và say mê. - GV cho đại diện nhóm đứng lên trình bày sản phẩm đã chuẩn bị. - GV Quan sát phần trình bày của các nhóm.</p> <p>3. Đánh giá</p> <p>- GV cho cá nhân đứng lên nhận xét, bình chọn bài giới thiệu hay nhất mà các em thích. - GV nhận xét, củng cố, bổ sung (nếu có)</p>	<p>- 2 HS đọc - HS lắng nghe - Đại diện nhóm trình bày - HS lắng nghe, quan sát - HS nhận xét, góp ý - Lắng nghe</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS: Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch, em hãy hướng dẫn người thân, bạn</p>	<p>- HS lắng nghe hướng dẫn - HS tham gia đóng vai</p>

<p>bè cùng tham gia hành trình Khám phá Xa-ha-ra (Lưu ý HS kết hợp miêu tả phong cảnh của sa mạc này để nêu ý kiến hướng dẫn và cảm nhận của bản thân về Xa-ha-ra).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS + Em hãy giới thiệu ngắn gọn một cảnh đẹp mà em đã từng đến cùng gia đình? - GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ với người thân, bạn bè, lắng nghe người thân, bạn bè góp ý để mở rộng hiểu biết của bản thân. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ cá nhân - HS lắng nghe thực hiện - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Toán
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ GIỮA HỌC KÌ I

Âm nhạc
ÔN TẬP NHẠC CỤ
VẬN DỤNG

I. Yêu cầu cần đạt:

- Thể hiện đúng trường độ bài tập tiết tấu, biết sử dụng một số nhạc cụ gõ để đệm cho bài hát.
- Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài tập giai điệu bằng recorder hoặc kèn phím, duy trì được tốc độ ổn định.

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên:

- Đàn phím điện tử, recorder và kèn phím.
- SGK,SGV âm nhạc 5

2. Học sinh.

- Có một trong số các nhạc cụ gõ như: thanh phách, trống nhỏ, song loan, tem-bơ-rin, trai-en-gô, chuông, ma-ra-cát, hoặc nhạc cụ gõ tự làm.
- Có một trong hai nhạc cụ thể hiện giai điệu: recorder hoặc kèn phím

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Hoạt động khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv: Cho cả lớp khởi động chân tay với bài hát theo băng mẫu. - Gv: Nhận xét, liên hệ vào bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs khởi động theo băng mẫu - Hs nghe nhận xét
<p>2. Hoạt động luyện tập</p> <p>Ôn tập nhạc cụ</p> <p>* Ôn tập bài tập tiết tấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv: Cho học sinh quan sát lại 2 câu tiết tấu đã học giờ học trước. <div data-bbox="126 703 738 1060" style="text-align: center;"> <p>Luyện tập tiết tấu bằng nhạc cụ gõ</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi? Bạn nào còn nhớ cách gõ này không? - Gv: Nhận xét - Gv: Cho cả lớp gõ lại câu tiết tấu này 1 lần. - Gv: Nhận xét, sửa sai (nếu có) -GV: Cho học sinh hát và đệm theo tiết tấu bài <i>Ánh trăng vàng</i> riêng GV gõ tiết tấu thứ hai và hoà tấu cùng HS. - GV nhận xét và sửa sai - GV mời HS xung phong: một em gõ tiết tấu thứ nhất, một em gõ tiết tấu thứ hai. Hoặc nhóm A gõ tiết tấu thứ nhất, nhóm B gõ tiết tấu thứ hai. GV hướng dẫn HS kết hợp 2 tiết tấu, đệm cho bài hát <i>Ánh trăng vàng</i>. + GV làm mẫu, vừa thể hiện tiết tấu thứ nhất vừa hát. GV và HS cùng luyện tập. + Tương tự, GV vừa thể hiện tiết tấu thứ hai vừa hát, sau đó GV và HS cùng luyện tập. + GV mời cá nhân, nhóm, tổ lựa chọn tiết tấu đã học đệm cho bài hát <i>Khăn quàng thắp sáng bình minh</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs quan sát lại câu tiết tấu - Hs trả lời - Hs nghe nhận xét - Hs gõ lại câu tiết tấu này - Hs nghe nhận xét - Hs áp dụng câu tiết tấu gõ đệm cho bài hát - HS lắng nghe và sửa sai - HS thực hiện -HS thực hiện theo HDGV - HS theo dõi và luyện tập -HS tập theo HDGV HS lên bảng theo YC GV

(phần vận dụng). Nhóm A chơi nhạc cụ, nhóm B hát
Ánh trăng vàng



Đệm cho bài: *Ánh trăng vàng*

Vui mùa ca mừng đón ánh trăng vàng...

- GV nhận xét và sửa sai (nếu có)

*** Ôn tập bài tập giai điệu.**

GV thể hiện lại *Bài tập ri-coóc-đơ số 2* hoặc *Bài tập kèn phím số 2*.

- GV hướng dẫn cả lớp luyện tập giai điệu (theo kí hiệu bàn tay, nghe và lặp lại, theo kí hiệu ghi nhạc).
- GV hướng dẫn HS chơi giai điệu cùng nhạc đệm.
- GV mời cá nhân, nhóm, tổ chơi giai điệu cùng nhạc đệm.-

- GV nhận xét và sửa sai

-HS lắng nghe và sửa sai

-Hs thực hiện luyện tập

-Luyện tập

- Hs nghe nhận xét

3. HĐ khám phá : Vận dụng.

Luyện tập kẻ khung nhạc



Vận dụng
Kẻ khung nhạc, tập chép khung nhạc thứ nhất bài hát *Ánh trăng vàng*.

Câu 1:

Vui mùa ca mừng đón ánh trăng
vàng và cùng muôn ánh sao.

a. Kẻ khung nhạc, tập chép khung nhạc thứ nhất của bài hát *Ánh trăng vàng*

-GV hướng dẫn HS kẻ khung nhạc: kẻ 5 dòng, từ trên xuống dưới.

-GV hướng dẫn HS viết khoá Son, số chỉ nhịp.

-GV hướng dẫn HS chép các nốt nhạc, viết vạch nhịp.

-HS theo dõi và lắng nghe

- HS tập kẻ

-Hs quan sát

-Hs thực hiện

-Hs lắng nghe

-Hs thực hiện

<p>-GV hỗ trợ và khen ngợi HS thực hiện đúng yêu cầu.</p> <p>b. Luyện tập và biểu diễn nhạc cụ</p> <p>- Trình bày nối tiếp <i>Bài tập ri-coóc-đơ số 1</i> và <i>Bài tập ri-coóc-đơ số 2</i>; hoặc trình bày nối tiếp <i>Bài tập kèn phím số 1</i> và <i>Bài tập kèn phím số 2</i>.</p> <p>-GV làm mẫu.</p> <p>-GV hướng dẫn HS luyện tập.</p> <p>-GV mời cá nhân, nhóm, tổ biểu diễn nhạc cụ cùng nhạc đệm.</p>	<p>-Hs quan sát</p> <p>-Hs thực hiện</p>
<p>4. Hoạt động ứng dụng.</p> <p>- Hỏi? Bài học hôm nay cô dạy các con mấy phần đó là những phần nào?</p> <p>- Gv: Nhận xét, tuyên dương học sinh có tinh thần học tập tốt cần phát huy, dặn dò các em về nhà xem lại bài vài chuẩn bị bài vở cho giờ học ngày hôm sau.</p>	<p>- Hs trả lời</p> <p>- Hs lắng nghe và ghi nhớ</p>

IV. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

.....

.....

Ôn Toán

Bài 18: LUYỆN TẬP CHUNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS ước lượng được số đo diện tích, thực hiện được việc chuyển đổi giữa một số đơn vị đo diện tích đã học;
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số đo diện tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu cách tính toán, đo lường và ước lượng được diện tích.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết được cách tính toán, đo lường và ước lượng diện tích để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Sách VBT Toán

- Học sinh: Sách VBT Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động Khởi động:	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Câu 1: $1\text{ha} = \dots\text{km}^2$ Câu 2: $4\text{ha} = \dots\text{dm}^2$ Câu 3 : $17\text{km}^2 = \dots\text{ha}$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
2. Hoạt động Luyện tập, thực hành	
<p>Bài 1 (Vở bài tập Toán lớp 5 trang 62) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Vườn quốc gia Tràm Chim nằm trong vùng Đồng Tháp Mười, thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích của tỉnh Đồng Tháp là 3 384 km². Tổng diện tích của vườn quốc gia Tràm Chim có thể là số đo nào trong các số đo dưới đây?</p> <p>A. 7 313 km² B. 7 313 ha C. 7 313 dm² D. 7 313 cm²</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV mời lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận tìm đáp án đúng - GV mời đại diện các nhóm trả lời.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Cả lớp làm việc nhóm đôi: Cùng nhau thảo luận và tìm đáp án đúng. - Đại diện các nhóm trả lời. Đáp án đúng là : B Tổng diện tích của vườn quốc gia Tràm Chim có thể là: 7 313 ha. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>
<p>Bài 2: (Vở bài tập Toán lớp 5 trang 62) Viết số hoặc phân số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.</p>	

<p>a) $375 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$ b) $21 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2$ c) $1\,315 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$ - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân. - GV mời HS chia sẻ kết quả</p> <p>- GV mời HS nhận xét bài bạn - GV nhận xét tuyên dương</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2, cả lớp lắng nghe, quan sát. - HS làm bài cá nhân. - HS nêu kết quả bài làm, lớp đổi chéo bài</p> <p>a) $375 \text{ km}^2 = 37\,500 \text{ ha}$</p> <p>b) $21 \text{ ha} = 210\,000 \text{ m}^2$</p> <p>c) $1\,315 \text{ dm}^2 = \frac{1\,315}{100} \text{ m}^2$</p> <p>- HS nhận xét và bổ sung - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Bài 3:(Vở bài tập Toán lớp 5 trang 62) >; <; =? a) $57\,000 \text{ ha} \dots\dots 5 \text{ km}^2\,7\,000 \text{ ha}$ b) $4\,805 \text{ ha} \dots\dots 48,5 \text{ km}^2$ GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. - GV yêu cầu HS làm bảng con</p> <p>- GV mời HS nhận xét - GV nhận xét</p>	<p>1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe, quan sát. - HS làm bảng con</p> <p>a) $57\,000 \text{ ha} > 5 \text{ km}^2\,7\,000 \text{ ha}$ b) $4\,805 \text{ ha} < 48,5 \text{ km}^2$ - HS nhận xét</p>
<p>Bài 4 (Vở bài tập Toán lớp 5 trang 63) Chú Nam muốn lát gạch cho căn phòng có mặt sàn hình chữ nhật với chiều dài 6 m, chiều rộng 4 m. Biết chú chọn loại gạch hình vuông cạnh 5 dm, loại gạch này được bán theo hộp, mỗi hộp có 4 viên. Hỏi chú Nam cần mua bao nhiêu hộp gạch như vậy để đủ lát mặt sàn căn phòng đó? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.</p> <p>- GV cùng HS phân tích bài toán - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.</p>	<p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4. Cả lớp lắng nghe. - GV yêu cầu HS làm bài tập vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p>

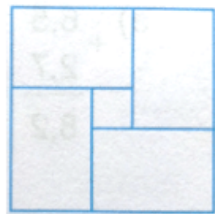
- GV mời HS nhận xét bài bạn
- GV thu bài và đánh giá kết quả, tuyên dương.

Diện tích căn phòng là:
 $6 \times 4 = 24 \text{ (m}^2\text{)}$
Đổi: $24 \text{ m}^2 = 2\,400 \text{ dm}^2$
Diện tích mỗi viên gạch là:
 $5 \times 5 = 25 \text{ (dm}^2\text{)}$
Căn phòng cần số viên gạch là:
 $2\,400 : 25 = 96 \text{ (viên)}$
Số hộp gạch cần để lát nền là:
 $96 : 4 = 24 \text{ (hộp)}$
Đáp số: 24 hộp

- HS nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

4. Hoạt động Vận dụng.

Vở bài tập Toán lớp 5 trang 63 Bài 5: Cô Tư chia một mảnh đất hình vuông thành 5 phần. Trong đó có 4 phần đất hình chữ nhật giống nhau để trồng các loại thảo mộc, phần đất hình vuông còn lại để xây dựng nhà kho chứa dụng cụ làm vườn và hạt giống. Biết mỗi phần đất hình chữ nhật có chiều dài 9 m, chiều rộng 6 m và phần đất hình vuông có cạnh 3 m. Tính diện tích mảnh đất của cô Tư.



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu.
- GV mời HS trả lời.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- Lớp làm việc cá nhân.

- HS trả lời:

Bài giải

Diện tích mỗi phần đất hình chữ nhật là:

$$9 \times 6 = 54 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích 4 phần đất hình chữ nhật là:

$$54 \times 4 = 216 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích phần đất hình vuông là:

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà. 	$3 \times 3 = 9 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích mảnh đất của cô Tư là: $216 + 9 = 225 \text{ (m}^2\text{)}$ Đáp số: 225 m^2 - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
---	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm Sinh hoạt lớp TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG CHỐNG HỎA HOẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Tự nhận xét, đánh giá được những việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Thiết kế được sản phẩm truyền thông về phòng chống hỏa hoạn
- Thực hiện được hoạt động tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn

Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:

1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá được việc làm tốt, chưa làm tốt trong tuần vừa qua
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thiết kế sản phẩm truyền thông về phòng chống hỏa hoạn và thực hiện hoạt động tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn.

2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức tuân thủ những yêu cầu về phòng tránh hỏa hoạn.

II. CHUẨN BỊ

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Sơ kết tuần và thông qua kế hoạch tuần sau	
<i>a) Mục tiêu:</i> Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	

<p>b) Cách tiến hành:</p> <p>* Đánh giá kết quả tuần 8</p> <p>- GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần)</p> <p>* Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)</p> <p>- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.</p> <p>+ Thực hiện nền nếp trong tuần.</p> <p>+ Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.</p> <p>+ Thực hiện các hoạt động theo phong trào.</p> <p>- GV mời lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận của lớp về kế hoạch tuần tới.</p> <p>- GV nhận xét chung, góp ý, thống nhất, và biểu quyết hành động.</p>	<p>- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:</p> <p>+ Sinh hoạt nền nếp.</p> <p>+ Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.</p> <p>+ Kết quả hoạt động các phong trào.</p> <p>+ Một số nội dung phát sinh trong tuần...</p> <p>- Các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.</p> <p>- Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Lớp trưởng mời các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến khắc phục những hạn chế của lớp trong tuần qua. Các bạn khác trong lớp đưa ra ý kiến theo suy nghĩ của bản thân.</p> <p>- Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời GVCN nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm</p> <p>- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập, lớp phó văn thể) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 hoặc theo tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.</p> <p>- Lớp trưởng mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận và một số nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lớp trưởng tổng hợp lại kết quả thảo luận và báo cáo trước lớp.</p> <p>- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.</p>
<p>3. Sinh hoạt chủ đề: Tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn</p>	

<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế được sản phẩm truyền thông về phòng chống hỏa hoạn - Thực hiện được hoạt động tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn. 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p>	
<p>GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 - 6 học sinh và nêu yêu cầu: Mỗi nhóm sẽ làm một sản phẩm để tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV gợi ý cho các nhóm cách làm như sau: - Bước 1: Cả nhóm cùng lên ý tưởng về nội dung thông điệp sẽ tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn. - Bước 2: Lựa chọn hình thức thể hiện nội dung thông điệp (ví dụ làm poster, làm tờ rơi, vẽ tranh, viết bài về, ...) - Bước 3: Cùng làm sản phẩm tuyên truyền về phòng chống hỏa hoạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm, thảo luận về nội dung, hình thức của sản phẩm truyền thông
<ul style="list-style-type: none"> - GV dành thời gian cho các nhóm làm sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm sản phẩm truyền thông
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm và thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày về sản phẩm truyền thông của nhóm
<p>4. Tổng kết / cam kết hành động</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho cả lớp đánh giá sản phẩm tuyên truyền của các nhóm và tổng kết hoạt động, khen ngợi những nhóm có nhiều cố gắng, có sản phẩm đặc sắc, thông điệp dễ hiểu, dễ nhớ, đúng chủ đề về phòng chống hỏa hoạn. - GV nhắc nhở HS về nhà chia sẻ với người thân về cách thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe và ghi nhớ
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

KÝ DUYỆT

Ngày tháng 10 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hải

TUẦN 9

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 9

(Từ ngày 28/10 - 01/11)

Thứ/ngày	Tiết	Tiết PPCT	Môn	Tên bài dạy	Ghi chú
HAI (28/10)	1	25	HĐTN	Sinh hoạt dưới cờ: Thả hàng động “Em là học sinh thân thiện”.	
	2	9	Tin học	Bài 5. Bản quyền nội dung thông tin (Tiết 1)	
	3	57	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 1)	
	4	58	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 2)	
	5				
	6	41	Toán	Bài 19: Phép cộng số thập phân (Tiết 1)	
	7	17	LS-ĐL	Bài 7: Vương quốc Chăm-pa (Tiết 1)	
	8	25	Ôn TV	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 1+2)	
BA (29/10)	1	59	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 3+4)	
	2	9	Mĩ thuật	Bài 5: Lễ hội hoa (Tiết 1)	
	3	42	Toán	Bài 19: Phép cộng số thập phân (Tiết 2)	
	3	17	Khoa học	Ôn tập giữa học kì I	
	5	9	Đạo đức	Bài 3: Vượt qua khó khăn (Tiết 1)	
	6	17	Thể dục	Bài 1: Động tác vươn thở, động tác lườn, động tác vận mình và động tác bụng với hoa (Tiết 2)	
	7	33	Tiếng Anh	Review	
	8	26	HĐTN	Hoạt động giáo dục theo chủ đề: - Chơi trò chơi “Xây tháp bằng cốc” - Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò. - Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.	QCN
TU (30/10)	1	60	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 5)	
	2	61	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 5)	
	3	43	Toán	Bài 20: Phép trừ số thập phân (Tiết 1)	
	4	18	LS-ĐL	Bài 7: Vương quốc Chăm-pa (Tiết 2)	
	5	34	Tiếng Anh	Review	
	6	9	Công nghệ	Bài 4: Thiết kế sản phẩm (Tiết 1)	

	7	25	Ôn Toán	Bài 20: Phép trừ số thập phân (Tiết 1)	
	8	26	Ôn TV	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 3+4)	
NĂM (31/10)	1	62	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 6)	
	2	44	Toán	Bài 20: Phép trừ số thập phân (Tiết 2)	
	3	35	Tiếng Anh	Review	
	4	18	Khoa học	Bài 9: Mạch điện đơn giản. Vật dẫn điện và vật cách điện (Tiết 1)	GD STEM
	5				
	6	18	Thể dục	Bài 1: Động tác vươn thở, động tác lườn, động tác vận mình và động tác bụng với hoa (Tiết 3)	
	7	26	Ôn Toán	Bài 20: Phép trừ số thập phân (Tiết 2)	
	8	27	Ôn TV	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 5)	
	9	9	KNS	Kỹ năng đi du lịch dã ngoại	
SÁU (01/11)	1	63	Tiếng Việt	Ôn tập giữa học kì 1 (Tiết 7)	
	2	45	Toán	Bài 21: Phép nhân số thập phân (Tiết 1)	
	3	9	Âm nhạc	Hát: Khăn quàng thắp sáng bình minh	
	4	36	Tiếng Anh	Fluency Time 1	
	5				
	6	27	Ôn Toán	Bài 21: Phép nhân số thập phân (Tiết 1)	
	7	27	HĐTN	Sinh hoạt lớp: Sáng tác thơ, vè, truyện ngắn,... về thầy cô, bạn bè.	
	8	9	Năng khiếu		

Thứ Hai, ngày 28 tháng 10 năm 2024
Hoạt động trải nghiệm
CHỦ ĐỀ 3: TRI ÂN THẦY CÔ – KẾT NỐI BẠN BÈ
Tuần 9: Sinh hoạt dưới cờ:
Tháng hành động “Em là học sinh thân thiện”

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia lễ phát động cho tháng hành động “Em là học sinh thân thiện”.

- Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia các hoạt động trong lễ phát động.

2. Năng lực:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, tương tác với bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Tham gia thiết kế và tổ chức các trò chơi tập thể để kết nối bạn bè.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Đề xuất được những cách làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn, tình thầy trò.

II. ĐỒ DÙNG

1. Giáo viên:

- Chọn bài nhảy và hướng dẫn HS các động tác nhảy dân vũ.

- Tổ chức luyện tập cho sinh chuẩn bị biểu diễn theo lớp.

2. Học sinh:

- Tập luyện theo bài nhảy đã chọn để biểu diễn.

- Trang phục chỉnh tề, ghế ngồi dự khai giảng.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>a) Mục tiêu</p> <p>– Học sinh vui vẻ, phấn khởi tham gia lễ phát động tháng hành động “Em là học sinh thân thiện.</p> <p>– Học sinh tích cực, nhiệt tình tham gia nhảy dân vũ toàn trường.</p>	
<p>b) Tiến trình hoạt động</p> <p>– GV hướng dẫn HS tham gia hoạt động phát động do nhà trường tổ chức (văn nghệ chào mừng, đọc diễn văn khai mạc lễ phát động, các phát biểu hưởng ứng...)</p>	<p>- HS tham gia vào các tiết mục văn nghệ trong lễ phát động tháng hành động “Em là học sinh thân thiện”, lắng nghe diễn văn khai mạc và các phát biểu hưởng ứng lễ</p>

	phát động.
- GV phối hợp cùng Tổng phụ trách nhà trường tổ chức cho HS nhảy dân vũ theo chủ đề “Em là học sinh thân thiện” theo bài nhảy đã đăng kí.	- HS tham gia nhảy dân vũ theo điều phối của tổng phụ trách.
- GV động viên học sinh hưởng ứng và hỗ trợ HS đăng kí tham gia các hoạt động trong tháng hành động “Em là học sinh thân thiện.” (lập danh sách).	- HS đăng kí tham gia các hoạt động trong tháng hành động “Em là học sinh thân thiện” theo lớp.
- GV phát phiếu ghi nhiệm vụ và hướng dẫn HS ghi lại những nhiệm vụ em cần thực hiện trong tháng hành động và yêu cầu HS chia sẻ với bạn về những nhiệm vụ đó.	- HS lắng nghe hướng dẫn của GV và ghi những nhiệm vụ cần thực hiện trong tháng hành động vào phiếu và chia sẻ với bạn cùng nhóm.

IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

.....

.....

.....

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tiết 1+2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ 1 câu chuyện hay 1 bài đọc trong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú tốc độ 90-100 tiếng /phút.sử dụng được từ điển Tiếng Việt để tìm từ , biết cách dùng từ.Ghi chép vắn tắt được ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách. Biết lướt, đọc kĩ, đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.Nhận biết tìm xếp từ đồng nghĩa theo nhóm và đặt câu với từ vừa tìm. Biết viết đoạn văn ngắn có dùng từ đồng nghĩa tả màu sắc

Đọc hiểu: Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện đọc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật thiên nhiên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập ,bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>2. Khởi động</p> <p>- GV giới thiệu bài hát “Quê hương tươi đẹp” Sáng tác: dân ca Nùng ,lời Anh Hoàng để khởi động bài học. https://youtu.be/-nJjWZA-oI</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát:</p> <p>+ Lời bài hát nhắc đến quê hương có cảnh đẹp nào?</p> <p>+ Để quê hương luôn mãi tươi đẹp, chúng ta cần làm gì?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe bài hát.</p> <p>- HS trao đổi về ND bài hát với GV.</p> <p>+ Đồng lúa xanh, cánh rừng ngàn cây.</p> <p>+ Chúng em cần chăm ngoan học tập, vâng lời thầy cô, giữ gìn bảo tồn danh lam thắng cảnh của quê hương,</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản</p> <p>+ Hiểu vfa chọn sắp xếp từ đồng nghĩa theo nhóm, đặt câu được với từ vừa tìm.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài .1.trang 80 Chọn 1 trong 2 nhiệm vụ .</p>	

<p>- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1 trang 80 rồi chọn 1 trong 2 nhiệm vụ làm cá nhân, nhóm bàn GV hỗ trợ nếu cần.</p> <p>- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)</p> <p>+ Chọn Đọc 1 câu chuyện trong chủ đề Tuổi thơ của em và Tóm tắt nội dung chuyện vừa đọc, nêu 1,2 chi tiết mình thích</p> <p>+ Chọn đọc 1 bài trong chủ đề Thiên nhiên kì thú và nêu cảnh vật nào được giới thiệu và nhắc đến trong bài, hình ảnh nào em nhớ nhất ?</p> <p>*/GV nhận xét tuyên dương cá nhân và bàn thực hiện tốt.</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân. Đọc nối tiếp nhóm bàn , tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nối tiếp trả lời câu hỏi theo yêu cầu trong bài, lớp theo dõi nhận xét bổ sung, nêu câu hỏi chia sẻ trao đổi với bạn</p>
<p>Bài 2. Trò chơi: Tìm từ đồng nghĩa.</p> <p>- GV gọi HS đọc nội dung bài tập trong sgk trang 81. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm theo phương pháp khăn trải bàn hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân,... làm phiếu hay thẻ từ dán bảng hoặc xếp các hộp theo nhóm từ</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>_ GV cho các nhóm nêu nối tiếp, đánh giá nhận xét lẫn nhau: đúng đủ hay còn sai sót, nêu ý kiến bổ sung của mình với nhóm bạn</p> <p>-GV thống nhất đáp án dự kiến</p> <p>+ Nhóm 1: (Chăm chỉ):siêng năng, chịu khó, cần mẫn. chuyên cần, cần cù.</p> <p>+ Nhóm 2: (Chăm sóc) Chăm chút, chăm lo. Trông nom. Săn sóc</p> <p>+ Nhóm 3(che chở) bênh, bênh vực, bảo vệ</p> <p>-GV mở rộng cho Hs tìm thêm những từ khác ngoài sách GK theo các nhóm từ vừa tìm.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p><i>Từ đồng nghĩa là từ có nghĩa giống hay gần giống nhau, tùy theo văn cảnh để sử dụng linh</i></p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả sắp xếp các từ theo nhóm</p> <p>- Đại diện các nhóm lên nối tiếp dán hay sắp xếp thẻ từ vào hộp</p> <p>+ Nhóm 1: (Chăm chỉ):siêng năng, chịu khó, cần mẫn. chuyên cần, cần cù.</p> <p>+ Nhóm 2: (Chăm sóc) Chăm chút, chăm lo. Trông nom. Săn sóc</p> <p>+ Nhóm 3(che chở) bênh, bênh vực, bảo vệ</p> <p>+ HS có thể tự nêu thêm những từ đồng nghĩa khác ngoài các từ trong sách</p>

<p>hoạt phù hợp khi nói và viết để có câu văn hay đoạn văn hay hợp nghĩa theo chủ đề, nội dung mà không lặp từ.</p>	<p>- 3-4 HS nối tiếp đọc lại nội dung từng nhóm từ</p>
<p>Bài 3: Đặt 2,3 câu có từ đồng nghĩa vừa tìm được ở bài 2</p> <p>-Gv cho học sinh thực hiện cá nhân -GV và HS khác theo dõi, bổ sung</p> <p>-GV nhận xét củng cố lưu ý khi đặt câu đúng đủ thành phần chính mở rộng thêm trạng ngữ, dùng từ ghép từ láy ,dùng hình ảnh so sánh, nhân hoá để câu văn đúng và hay giàu hình ảnh hơn</p>	<p>HS đọc lại yêu cầu bài tập Nối tiếp đặt câu và phân tích chủ ngữ vị ngữ trong câu, chỉ ra từ vừa chọn để đặt câu. Lớp nhận xét bổ sung câu trả lời của bạn, ghi nội dung vào vở</p> <p>+ / Hàng ngày , mẹ <i>chăm chút</i> anh chị em tôi từng li từng tí, từng miếng ăn, giấc ngủ. + / Mùa hè cũng như mùa đông, Bố tôi <i>cần mẫn</i> làm việc không biết mệt mỏi để chăm lo cho cả gia đình tôi no ấm đủ đầy. + / Trong các câu chuyện cổ tích, người ăn ở hiện lành thường được ông bụt, bà tiên <i>bênh vực, giúp đỡ</i>.</p>
<p>Bài 4: Tìm từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn và nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn</p> <p>-GV cho Hs nối tiếp đọc đoạn văn, làm việc theo nhóm</p> <p>- Đại diện trả lời. GV và HS theo dõi bổ sung, khuyến khích HS trả lời theo ý riêng của mình, động viên HS tìm thêm các từ chỉ màu sắc ngoài trong đoạn văn, đặt câu để mở rộng và rõ hơn về nghĩa của các từ đó.</p> <p>+Những từ ngữ chỉ màu vàng:(màu lúa chín), vàng xuộm(nắng) vắn hoe (chùm quả xoan) vàng lịm (lá mít tàu lá chuối)vàng ối (tàu đu đủ, lá sắn héo) vàng tươi(buồng chuối) vàng (rom)vàng mới (bụi mía) vàng xọng (rom và thóc) vàng giòn (con gà, con chó)vàng mượt.</p> <p>+Những từ chỉ màu sắc khác: đỏ, đỏ chói.</p> <p>+Nhận xét cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc. Từ ngữ phong phú, mới mẻ gây ấn tượng, thể hiện</p>	<p>-Hs nối tiếp đọc đoạn văn</p> <p>- HS làm việc nhóm,liệt kê ghi ra các từ chỉ màu sắc vào vở bài tập</p> <p>Từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn: vàng, vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi, vàng xọng, trắng, vàng giòn, vàng mượt, vàng mới, đỏ, đỏ chói.</p> <p>-HS nối tiếp nêu. Lớp theo dõi nhận xét Hs nối tiếp nêu nhận xét về cách dùng từ chỉ màu sắc của Tô Hoài</p> <p><i>Cách dùng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn đa dạng, phong phú. Từ một màu nhưng có thể có nhiều cách tả gắn với đặc trưng của vật đó, làm người đọc dễ hình dung rõ hơn về màu sắc của vật.</i></p>

<p>sự cảm nhận tinh tế của nhà văn, các màu sắc của sự vật, hiện tượng. Nhiều từ ngữ chỉ màu vàng gợi nên nét đẹp riêng cho làng quê vào ngày mùa.</p> <p>+ Tìm thêm từ chỉ màu vàng ngoài các từ trong sách:</p> <p>+Vàng rực(có màu vàng trông bùng lên như tỏa ánh sáng ra xung quanh). Những đóa hoa hướng dương vàng rực trong nắng.</p> <p>+Vàng hươm (Có màu vàng tươi và đều nhìn đẹp mắt). Nong kén vàng hươm.</p> <p>+Vàng óng (có màu vàng bóng mượt trông thích mắt). Sợi tơ vàng óng.</p> <p>*Vàng xuộm, vàng ruộm, vàng rộ, vàng choé, vàng chói ,vàng khè, vàng ệch.</p>	
<p>Bài 5: Viết đoạn văn (3-5 câu) tả thiên nhiên trong đó có ít nhất 2 từ chỉ màu xanh</p> <p>-GV cho học sinh đọc nêu yêu cầu đề bài, làm việc cá nhân</p> <p>-GV gợi ý chọn cảnh tả thiên nhiên có nhiều màu xanh, công viên, vườn hoa, bầu trời, mặt biển, cánh đồng...</p> <p>Gọi HS nối tiếp đọc bài . lớp nhận xét, chú ý với cách dùng từ tả màu xanh.</p> <p>GV nhận xét , tuyên dương học sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu bài - Nêu cảnh mình chọn tả - -Viết đoạn tả vào vở - Nối tiếp đọc bài - Nhận xét bổ sung - Quê em có những triền đồi san sát những cây rừng xanh ngắt. Cánh rừng phủ xanh đồi trọc, vươn lên tận trời xanh trong. Thi thoảng, lưa thưa lại thấy những người lúi cúi, lọt thỏm giữa nền xanh biếc của lá cây, xanh non của cỏ dại, đang xới những cuốc đất để trồng rừng. Những con người trồng rừng lặng lẽ, cao cả.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú?</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.</p> <p>- VD:</p>

- Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 3,4

- + Học xong 2 chủ đề, em thấy rất thú vị vì đã giúp em biết thêm rất nhiều đnh lam thng cảnh của đất nước, sự kỳ diệu của thiên nhiên tạo hoá.
- + Em nhận thấy mình cần có ý thức bảo vệ và góp phần tôn tạo các cảnh quan thiên nhiên của đất nước.
- + Tuyên truyền mọi người cùng nâng cao ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên của đất nước.qua các việc cụ thể, trông chăm sóc, cây, giữ vệ sinh hạn chế sử dụng rác thải nhựa,...
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

Toán

CHỦ ĐỀ 4: CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ THẬP PHÂN

Bài 19: PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được phép cộng hai số thập phân.
- Nhận biết và vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số thập phân trong tính toán.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng số thập phân.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng hai số thập phân
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số thập phân trong tính toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.


3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

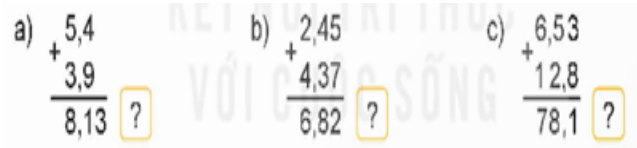
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu video về giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu. https://youtu.be/o4yssQ-q5U4?si=l8UF82Sj8hrURpOw - GV chia sẻ một số thành tích về giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu. - GV động viên HS tích cực, chăm chỉ học toán để noi gương giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu. - GV cho HS quan sát tranh  <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và nêu nội dung bức tranh - GV yêu cầu các nhóm chia sẻ - GV nhận xét, bổ sung ? Muốn biết cả hai bạn đã dùng hết bao nhiêu mét dây đồng ta làm phép tính gì? - GV mời HS nêu phép tính - Gv mời HS nêu lại phép tính - Dẫn dắt vào bài mới: <i>Để biết kết quả của phép tính $1,65 m + 1,26 m$ bằng bao nhiêu, chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay: Phép cộng số thập phân.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát video về giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu. - Lắng nghe một số thành tích về giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu. - HS quan sát tranh - HS thảo luận nhóm 4 về ND tranh - HS chia sẻ thảo luận. - Ta làm phép tính cộng $1,65 m + 1,26 m = ?$ - HS nêu lại phép tính - HS lắng nghe
<p>2. Hoạt động khám phá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Thực hiện được phép cộng hai số thập phân. - Cách tiến hành: 	
<p>a) Hình thành phép cộng số thập phân</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu lại phép tính ? Ta có thể tìm được kết quả phép cộng này không? Làm thế nào để tìm được kết quả phép cộng này?" - Gv mời HS nêu cách thực hiện - GV nhận xét - GV hướng dẫn HS thực hiện cách đặt tính - GV cho HS nhận xét giống và khác nhau của 2 phép tính cộng - GV mời HS nêu cách tính cộng. - GV nêu lưu ý khi thực hiện phép tính cộng số thập phân + Đặt tính sao cho các chữ số ở cùng hàng thì thẳng cột + Thực hiện phép cộng như cộng hai số tự nhiên. + Viết dấu phẩy thẳng cột với dấu phẩy của hai số hạng 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu lại phép tính $1,65\text{ m} + 1,26\text{ m} = ?$ - Để tìm kết quả của phép cộng này, ta có thể chuyển về phép cộng hai số tự nhiên hoặc đặt tính cộng số thập phân. - Đổi $1,65\text{ m} = 165\text{ cm}$; $1,26\text{ m} = 126\text{ cm}$ Lấy $165\text{ cm} + 126\text{ cm} = 291\text{ cm} = 2,91\text{ m}$ $\begin{array}{r} 165 \\ + 126 \\ \hline 291 \end{array}$ $\begin{array}{r} 1,65 \\ + 1,26 \\ \hline 2,91 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> + giống nhau: Đặt tính và cộng giống nhau + Khác nhau: Ở chỗ không có và có dấu phẩy - HS nêu lại cách tính - HS nêu lại lưu ý.
<p>b) Ví dụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa phép tính và yêu cầu HS đọc - GV yêu cầu HS thực hiện vào nháp và 1 HS lên bảng thực hiện - GV lưu ý: Đây là phép cộng hai số thập phân có số chữ số ở phần thập phân không bằng nhau, do đó khi đặt tính: các chữ số ở cùng hàng phải đặt thẳng cột. - GV mời HS nhận xét - GV nhận xét ? Muốn cộng hai số thập phân ta làm như thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc phép tính $24,5 + 3,84$ $\begin{array}{r} 24,5 \\ + 3,84 \\ \hline 28,34 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung. - Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho chữ số ở cùng hàng đặt thẳng cột với nhau. Cộng như cộng hai số tự nhiên. Viết dấu phẩy ở tổng thẳng cột với các dấu phẩy ở hai số hạng.

<p>- GV chốt cách thực hiện cộng hai số thập phân</p> <p>2. Hoạt động luyện tập</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết và vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số thập phân trong tính toán. + Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng số thập phân. <p>- Cách tiến hành:</p> <p>Bài 1. Đặt tính rồi tính</p> $\begin{array}{r} 6,8 + 9,7 \\ 8,16 + 5,9 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5,34 + 7,49 \\ 18,6 + 8,72 \end{array}$ <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu HS làm bài nhóm đôi - GV yêu cầu đại diện chia sẻ</p> <p>- Gv mời các nhóm nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương, sửa sai</p> <p>Bài 2. Đ, S</p>  <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 3 - GV mời đại diện các nhóm trả lời. ? Hãy nêu vì sao lại chọn đáp án đó?</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS nhắc lại</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - HS làm bài nhóm đôi - Đại diện trình bày bảng</p> $\begin{array}{r} 6,8 \\ + 9,7 \\ \hline 15,15 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5,34 \\ + 7,49 \\ \hline 12,83 \end{array}$ $\begin{array}{r} 8,16 \\ + 5,9 \\ \hline 14,06 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 18,6 \\ + 8,72 \\ \hline 27,32 \end{array}$ <p>- HS nhóm nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 2. - HS thảo luận theo nhóm 3 để tìm kết quả - HS đại diện nhóm trả lời a) S (vì tính sai); b) Đ; c) S (vì đặt tính sai). - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).</p> <p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p>
--	--

- + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

Bài 3. Mai cùng mẹ đi siêu thị mua dưa hấu cân nặng 4,65 kg và quả mít cân nặng 5,8 kg. Hỏi cả quả dưa hấu và quả mít cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV cùng HS phân tích bài toán.

? Bài toán yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi - Gv mời đại diện nêu kết quả

- GV đánh giá kết quả, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn dò bài về nhà.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe.

- HS phân tích bài toán và trả lời câu hỏi Quả dưa hấu cân nặng 4,65 kg và quả mít cân nặng 5,8 kg.

Cả quả dưa hấu và quả mít cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- HS thảo luận nhóm đôi.
- Đại diện nêu kết quả

Bài giải

Cả quả dưa hấu và quả mít cân nặng số ki-lô-gam là:

$$4,65 + 5,8 = 10,45 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 10,45 kg

- HS nhận xét, bổ sung
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Lịch sử - Địa lí
Bài 7: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học lịch sử và địa lí: Trình bày được vị trí của một số đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu lịch sử địa lí: Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay. Kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa; mô tả được một số đền tháp Chăm-pa có sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử...
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Suu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, ...) về đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liên hệ, phát hiện một số vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và đưa ra cách giải quyết các vấn đề đó.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến đền tháp Chăm-pa.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tự hào về các đền tháp Chăm-pa.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vương quốc Chăm-pa.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn đền tháp Chăm-pa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Tranh ảnh và câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.
- Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về Tháp Nhạn (Phú Yên), về đền tháp Chăm-pa và giới thiệu: Đây là một trong những tháp Chăm tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay.	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát hình ảnh.- HS lắng nghe.



▲ Hình 1. Tháp Nhạn (Phú Yên)

- GV yêu cầu HS:
- + Kể tên các đền tháp Chăm khác mà em biết.
- + Hãy chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm.

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

- HS trình bày theo sự hiểu biết của mình.
- + Kể tên
- + Chia sẻ
- HS khác nhận xét, góp ý.

- HS lắng nghe.

2. Khám phá:

- Mục tiêu:
- + HS kể được tên và xác định được trên lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay..
- + Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử ...), mô tả được một đền tháp Chăm-pa.
- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Giới thiệu về đền tháp Chăm-pa.

- GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 2 trong SGK trang 33 (Hoạt động cá nhân).

- HS quan sát lược đồ.



▲ Hình 2. Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay

- GV nêu câu hỏi:
- + Kể tên và xác định vị trí của một số đền tháp Chăm-pa trên lược đồ.
- GV yêu cầu HS trao đổi với bạn bên cạnh.
- GV mời nhóm trình bày.
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động 2: Mô tả về đền tháp Chăm-pa.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (SGK trang 33).



▲ Hình 3. Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)

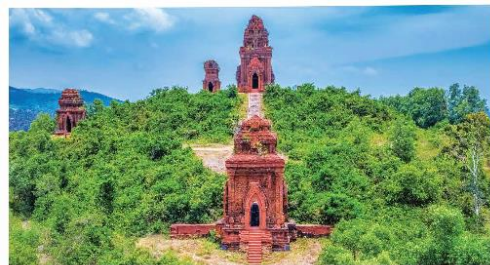
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm mô tả những nét chính của Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).
- GV mời nhóm trình bày.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- HS trả lời câu hỏi.
- + HS kể tên và xác định vị trí.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
- Đại diện nhóm trình bày.
- HS lắng nghe.
- HS đọc thông tin và quan sát.

- HS thảo luận nhóm.
- Đại diện nhóm trình bày.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.
- HS quan sát.

- GV mở rộng thêm: Thánh địa Mỹ Sơn được phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1995.

- GV yêu cầu HS quan sát hình 4 (SGK trang 34) và giảng giải: Tháp Bánh ít hay còn gọi là Tháp Bạc, gồm bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một tháp chính ở đỉnh đồi và ba tháp nhỏ thấp hơn. Bên trong tháp chính đặt tượng nữ thần Shiva tọa trên đài sen. Đỉnh mỗi tháp đều có gắn tượng thần Shiva bằng đá.



▲ Hình 4. Tháp Bánh Ít (Binh Định)

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

- + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
- + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV đưa lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay, mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”

+ Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một bạn tham gia theo lần lượt. Xác định một số đền tháp Chăm. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất là thắng cuộc.

+ GV mời từng tổ tham gia, GV làm trọng tài bấm giờ và xác định kết quả.

+ Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương.

- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh lắng nghe luật trò chơi.

+ Các tổ lần lượt tham gia chơi.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 1+2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ 1 câu chuyện hay 1 bài đọc trong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú tốc độ 90-100 tiếng /phút.sử dụng được từ điển Tiếng Việt để tìm từ , biết cách dùng từ.Ghi chép vắn tắt được ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách. Biết lướt, đọc kỹ, đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.Nhận biết tìm xếp từ đồng nghĩa theo nhóm và đặt câu với từ vừa tìm.Biết viết đoạn văn ngắn có dùng từ đồng nghĩa tả màu sắc

Đọc hiểu: Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện đọc.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật thiên nhiên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập ,bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động</p> <p>- GV giới thiệu bài hát “Quê hương tươi đẹp” Sáng tác: dân ca Nùng ,lời Anh Hoàng để khởi động bài học. https://youtu.be/_nJWZA-oI</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát:</p> <p>+ Lời bài hát nhắc đến quê hương có cảnh đẹp nào?</p> <p>+ Để quê hương luôn mãi tươi đẹp, chúng ta cần làm gì?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe bài hát.</p> <p>- HS trao đổi về ND bài hát với GV.</p> <p>+ Đồng lúa xanh, cánh rừng ngàn cây.</p> <p>+ Chúng em cần chăm ngoan học tập, vâng lời thầy cô, giữ gìn bảo tồn danh lam thắng cảnh của quê hương,</p>

<p>- GV gọi HS đọc nội dung bài tập</p> <p>- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>_ GV cho các nhóm nêu nối tiếp, đánh giá nhận xét lẫn nhau: đúng đủ hay còn sai sót, nêu ý kiến bổ sung của mình với nhóm bạn</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả sắp xếp các từ theo nhóm</p> <p>- Đại diện các nhóm lên nối tiếp dán hay sắp thẻ từ vào hộp</p> <p>+ Chăm chỉ: siêng năng, chịu khó, cần mẫn. chuyên cần, cần cù.</p> <p>+ Chăm sóc: Chăm chút, chăm lo. Trông nom. Săn sóc</p> <p>+ Che chở: bênh, bênh vực, bảo vệ</p>
<p>Bài 3: Đặt 2-3 câu có từ đồng nghĩa em vừa tìm được ở bài tập 2</p> <p>- HS đọc yêu cầu</p> <p>- Gv cho học sinh thực hiện cá nhân vào vở</p> <p>-GV thu vở, nhận xét.</p>	<p>- HS đọc lại yêu cầu bài tập</p> <p>- HS làm vào vở</p> <p>+ / Hàng ngày , mẹ <i>chăm chút</i> anh chị em tôi từng li từng tí, từng miếng ăn, giấc ngủ.</p> <p>+/ Mùa hè cũng như mùa đông, Bố tôi <i>cần mẫn</i> làm việc không biết mệt mỗi để chăm lo cho cả gia đình tôi no ấm đủ đầy.</p> <p>+/ Trong các câu chuyện cổ tích, người ăn ở hiện lành thường được ông bụt, bà tiên <i>bênh vực, giúp đỡ</i>.</p>
<p>Bài 4: Gạch dưới từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn dưới đây. Nêu nhận xét về cách sử dụng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn</p> <p>-GV cho Hs nối tiếp đọc đoạn văn, làm việc theo nhóm</p> <p>- Đại diện trả lời. GV và HS theo dõi bổ sung, khuyến khích HS trả lời theo ý riêng của mình, động viên HS tìm thêm các từ chỉ màu sắc ngoài trong đoạn văn, đặt câu để mở rộng và rõ hơn về nghĩa của các từ đó.</p>	<p>-Hs nối tiếp đọc đoạn văn</p> <p>- HS làm việc nhóm, liệt kê ghi ra các từ chỉ màu sắc vào vở bài tập</p> <p>Từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn văn: vàng, vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ói, vàng tươi, vàng xọng, trắng, vàng giòn, vàng mượt, vàng mới, đỏ, đỏ chói.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày. - Đại diện nhóm nhận xét, bổ sung - GV nhận xét 	<p>Cách dùng từ ngữ chỉ màu sắc của nhà văn đa dạng, phong phú. Từ một màu nhưng có thể có nhiều cách tả gắn với đặc trưng của vật đó, làm người đọc dễ hình dung rõ hơn về màu sắc của vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày. - Đại diện nhóm nhận xét, bổ sung
<p>Bài 5: Viết đoạn văn (3-5 câu) tả cảnh thiên nhiên, trong đó có ít nhất 2 từ ngữ chỉ màu xanh</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV cho học sinh đọc nêu yêu cầu đề bài, làm việc cá nhân -GV gợi ý chọn cảnh tả thiên nhiên có nhiều màu xanh, công viên, vườn hoa, bầu trời, mặt biển, cánh đồng... Gọi Hs nối tiếp đọc bài . lớp nhận xét, chú ý với cách dùng từ tả màu xanh. <p>GV nhận xét , tuyên dương học sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu bài -Nêu cảnh mình chọn tả. Viết đoạn tả vào vở. - Nói tiếp đọc bài <p>Quê em có những triền đồi san sát những cây rừng xanh ngắt. Cánh rừng phủ xanh đồi trọc, vươn lên tận trời xanh trong. Thi thoảng, lura thưa lại thấy những người lúi cúi, lọt thỏm giữa nền xanh biếc của lá cây, xanh non của cỏ dại, đang xới những cuốc đất để trồng rừng. Những con người trồng rừng lặng lẽ, cao cả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét bổ sung
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - VD: + Học xong 2 chủ đề, em thấy rất thú vị vì đã giúp em biết thêm rất nhiều đnh lam tháng cảnh của đất nước, sự kỳ diệu của thiên nhiên tạo hoá. + Em nhận thấy mình cần có ý thức bảo vệ và góp phần tôn tạo các cảnh quan thiên nhiên của đất nước.

- Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.
- Dặn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 3,4

+ Tuyên truyền mọi người cùng nâng cao ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên của đất nước. qua các việc cụ thể, trông chăm sóc, cây, giữ vệ sinh hạn chế sử dụng rác thải nhựa,...

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Thứ Ba, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA KÌ I

Tiết 3+4 :

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thuộc lòng đoạn hay bài thơ trong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú khoảng 100 chữ. Sử dụng được từ điển Tiếng Việt để tìm từ, biết cách dùng từ. Ghi chép vắn tắt được ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách. Biết lướt, đọc kỹ, đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhấn giọng, ngắt nhịp để thể hiện tâm trạng cảm xúc theo nhịp thơ. Nhận biết tìm xếp từ đồng nghĩa theo nhóm và đặt câu với từ vừa tìm. Biết viết đoạn văn ngắn có dùng từ đồng nghĩa tả màu sắc

Đọc hiểu: Nhận biết nội dung hình ảnh thơ tạo nên cái hay, cái đẹp cho bài thơ, hiểu điều tác giả muốn nói qua câu bài thơ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật thiên nhiên đất nước.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập ,bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành:	
<p>2. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho học sinh giới thiệu điều mình biết về 1 danh lam thắng cảnh mình được đọc hay xem hoặc đến thăm quan trước lớp- GV cùng trao đổi với HS về ND bạn chia sẻ:+ Cảnh đẹp đó là cảnh nào? Ở đâu? Em thích nhất hình ảnh nào ở đó?+ Khi đến đó em làm gì để cảnh quan luôn mãi tươi đẹp?- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- HS chia sẻ. - HS trao đổi với bạn.+ Ví Dụ: động phong Nha Kẻ Bàng, Khoang Xanh suối tiên, Vịnh Hạ Long...+ Chúng em cần thực hiện nội quy nói đó, bỏ rác vào thùng, hạn chế vứt vỏ chai nhựa túi nilong ra nơi đến thăm quan, giữ gìn bảo tồn tham gia dọn rác, trồng chăm sóc cây nơi danh lam thắng cảnh của quê hương mình,- HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản+ Hiểu và chọn sắp xếp từ đồng nghĩa theo nghĩa, tìm hiểu về đại từ, đặt câu phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ viết đoạn văn.- Cách tiến hành:	
<p>Bài .1.trang 82 Đọc thuộc lòng đoạn thơ và trả lời câu hỏi .</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1 trang 82 cá nhân,trao đổi theo nhóm bàn GV hỗ trợ nếu cần.+ Đọc thuộc lòng đoạn thơ (khoảng 100 chữ) trong một bài thơ đã học dưới đây và trả lời câu hỏi. Tuổi Ngựa: Bài thơ muốn nói	<ul style="list-style-type: none">- HS đọc thầm cá nhân. Đọc nối tiếp nhóm bàn ,tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.

gì và nói về ai qua hình ảnh chú ngựa con?

Trước cổng trời: Em yêu thích những hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao? Tiếng hạt nảy mầm:

Tác giả muốn nói điều gì qua bài thơ và nhan đề của bài thơ? Mầm non: Sự kì thú của thiên nhiên được thể hiện ở những chi tiết nào?

- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)

*/GV nhận xét tuyên dương cá nhân và bàn thực hiện tốt.

- HS nối tiếp trả lời câu hỏi theo yêu cầu trong bài, lớp theo dõi nhận xét bổ sung, nêu câu hỏi chia sẻ trao đổi với bạn

- Bài thơ muốn nói về sự trưởng thành và cuộc hành trình của một đứa trẻ qua hình ảnh chú ngựa con. Qua đó bạn nhỏ muốn nói với mẹ rằng dù con có đi đến bất cứ nơi nào, dù là núi, rừng, sông hay biển thì người mẹ cũng đừng buồn và lo lắng bởi bạn nhỏ luôn nhớ, biết ơn mẹ và trở về hiếu thảo bên cạnh mẹ.

+ Em thích nhất là hình ảnh đứng ở cổng trời, trước mắt như mở ra một không gian vô tận, gió thoảng, mây trôi, con người thật nhỏ bé và thiên nhiên thật hùng vĩ.

+ **Tiếng hạt nảy mầm: Tác giả muốn nói Nói về những điểm mới bước đi của mùa xuân và cảnh vật mà mùa xuân khi tới.....**

+ **Mầm non: Sự kì thú của thiên nhiên được thể hiện ở những chi tiết cây cỏ hoa lá chim muông... mọi cảnh vật thay đổi khi mùa xuân đến khí hậu , độ ẩm phù hợp với sự phát triển của cây sinh sôi khiến con người, con vật, cảnh vật ... cũng thay đổi ,phát triển nhanh tươi mới hơn...**

Bài 2.. Từ ngọn và từ gốc dưới đây mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.

- GV gọi HS đọc nội dung bài tập trong sgk trang 82. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm theo phương pháp khăn trải bàn hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân hay theo nhóm ...

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời theo nhóm
- Đại diện các nhóm lên nối tiếp chia sẻ trước lớp

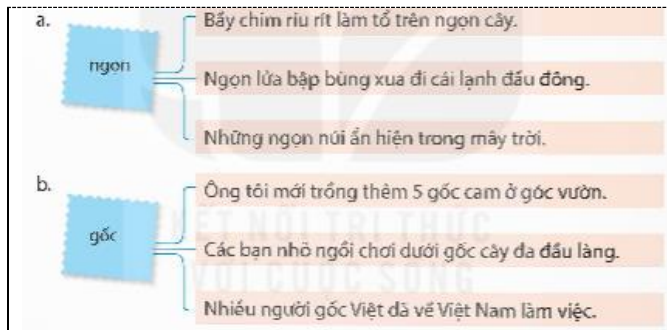
a.

- Nghĩa gốc: phần trên cùng của cây, là phần cao nhất và có hình nón, đối lập với gốc.

- Nghĩa chuyển: từ dùng để chỉ từng đơn vị những vật chuyển động thành làn, luồng.

- Nghĩa chuyển: từ dùng để chỉ từng đơn vị một số cây hay một số vật có đầu nhọn hoặc có hình nón.

b.



- Nghĩa chuyển: từ dùng để chỉ từng đơn vị cây trồng.
- Nghĩa gốc: đoạn dưới của thân cây ở sát đất
- Nghĩa chuyển: cái, nơi từ đó sinh ra, tạo ra những cái được nói đến nào đó.
- 3-4 HS nối tiếp đọc lại nội dung bài 2

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

_ GV cho các nhóm nêu nối tiếp, đánh giá nhận xét lẫn nhau: đúng đủ hay còn sai sót, nêu ý kiến bổ sung của mình với nhóm bạn

-GV thống nhất đáp án

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV nhận xét và chốt:

Nghĩa gốc được hiểu là nghĩa đầu tiên hoặc nghĩa có trước,(như miêu tả các bộ phận con người, con vật) trên cơ sở nghĩa đó mà người ta xây dựng nên nghĩa khác.

Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành dựa trên cơ sở nghĩa gốc,(các bộ phận của đồ vật gọi tên như trên người và động vật) và vì vậy chúng thường là nghĩa có lí do, và được nhận ra qua nghĩa gốc của từ

Bài 3: Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của mỗi từ dưới đây:

Lá nụ

-Gv cho học sinh thực hiện cá nhân

-GV và HS khác theo dõi, bổ sung

-GV nhận xét củng cố lưu ý khi đặt câu đúng đủ thành phần chính mở rộng thêm trạng ngữ,

HS đọc lại yêu cầu bài tập

Nói tiếp đặt câu và phân tích chủ ngữ vị ngữ trong câu, chỉ ra từ vừa chọn để đặt câu.

Lớp nhận xét bổ sung câu trả lời của bạn, ghi nội dung vào vở

– Từ *lá*:

Câu nghĩa gốc: Mùa xuân, cây mọc lá tua tua, đâm chồi mọc lên xanh biếc.

Câu nghĩa chuyển: Mẹ đi làm sớm, gửi cho em một lá thư dặn dò.

– Từ *nụ*:

Câu nghĩa gốc: Trên cây, những nụ hoa đào đã bắt đầu chớm nở.

<p>dùng hình ảnh so sánh, nhân hoá để câu văn đĩnh và hay giàu hình ảnh hơn</p>	<p>Câu nghĩa chuyển: Em dành tặng mẹ một nụ hôn.</p>
<p>Bài 4: câu hỏi 4 trang 82 SGK Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi. Đêm Trung thu, (1) bà tôi trải một chiếc chiếu ngoài hiên. Bó tôi bê ra một đĩa to, nào bưởi, hồng, kẹo,... lại còn cả bánh đa nữa. - Cháu ra đây với (2) bà nào! Tôi chạy ra, bóc mấy cái kẹo nhét vào túi. (3) Bà hỏi: – Sao chưa ăn đã để dành vậy cháu? – Cháu cất đi, đến mai đưa cho em Tâm. Ban này, cháu làm nó ngã. (4) Bà ôm tôi vào lòng, thơm lên tóc tôi, không nói. <p style="text-align: right;"><i>(Theo Kao Sơn)</i></p> a. Từ bà ở vị trí nào được dùng để xưng hô? b. Trong đoạn văn, còn danh từ nào cũng được dùng để xưng hô? -GV cho Hs nói tiếp đọc đoạn văn, làm việc theo nhóm - Đại diện trả lời. GV và HS theo dõi bổ sung, khuyến khích HS trả lời theo ý riêng của mình</p>	<p style="text-align: center;">-Hs nói tiếp đọc đoạn văn _ HS làm việc nhóm, ghi kết quả vào vở bài tập -HS nói tiếp nêu đáp án. Lớp theo dõi nhận xét</p> <p>a. Từ bà trong vị trí (2) dùng để xưng hô. b. Trong đoạn văn, còn danh từ <i>cháu</i> cũng được dùng để xưng hô.</p>
<p>Bài 5: Câu hỏi 5 trang 83 SGK Tìm đại từ thay thế phù hợp thay cho mỗi bông hoa. Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi * có một dòng suối trong như pha lê và những tảng đá vân nằm giữa những đám hoa bướm bướm, hoa thạch thảo màu hồng, màu tím. Muốn tới * phải vượt qua những cánh rừng, những dãy núi, những dòng sông... Muông thú gọi * là làng Hrou. (Theo Vũ Hùng)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu bài - Đọc kĩ đoạn văn - Nói tiếp đọc bài, chia sẻ câu trả lời - Lớp theo dõi, Nhận xét bổ sung - Đáp án: Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi đó có một dòng suối trong như pha lê và những tảng đá vân nằm giữa những đám hoa bướm bướm, hoa thạch thảo màu hồng, màu tím. Muốn tới đó phải vượt qua

<p>-GV cho học sinh đọc nêu yêu cầu đề bài, làm việc cá nhân Gọi Hs nối tiếp đọc bài và nêu câu trả lời. lớp nhận xét bổ sung GV nhận xét , tuyên dương học sinh</p>	<p>những cánh rừng, những dãy núi, những dòng sông... Muông thú gọi nơi đó là làng Hươu.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ vận dụng nghĩa gốc, nghĩa chuyển đặt câu để phân biệt nghĩa về 1 số bộ phận trên cơ thể người</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 5</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân Ví dụ:Tay: -Em vươn tay với những chùm quả chín mọng.(tay với nghĩa gốc) - Cần cầu vươn tay nâng giá hàng lên cao.(tay với nghĩa chuyển) - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Mĩ thuật
Bài 5: LỄ HỘI HOA (Tiết 1)

1. Mục tiêu

- Phân tích, nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.
- Biết trân trọng, giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hoá dân tộc.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

a. Phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tinh thần trách nhiệm ở HS, cụ thể là giúp HS:

- PC1: Chăm chỉ: Chuẩn bị một số vật liệu thông dụng như giấy vẽ, bút chì, màu vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.

- PC2: Nhân ái: Biết đoàn kết, hợp tác làm việc nhóm cùng các bạn.
- PC3: Trung thực: Bước đầu biết chia sẻ chân thực suy nghĩ của mình qua trao đổi, nhận xét sản phẩm.

b. Năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

**Năng lực chung*

- NLC1: Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.
- NLC2: Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, thảo luận quá trình học/ thực hành, trưng bày, nêu tên sản phẩm.
- NLC3: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu và công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

**Năng lực đặc thù*

- NLĐT 1: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Quan sát hình ảnh một số lễ hội và nêu những hoạt động thường diễn ra trong lễ hội.
- NLĐT 2: Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Vận dụng hình thức vẽ, xé dán hoặc đắp nổi thể hiện một SPMT chủ đề *Lễ hội hoa*.
- NLĐT 3: Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Biết trưng bày, chia sẻ cảm nhận về hình thức, màu sắc, bố cục, yếu tố chính – phụ, chất liệu trong SPMT.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- KHBD, SGK.
- Tranh, ảnh về lễ hội hoa, tranh minh hoạ các bước thực hiện,...

2. Học sinh

- SGK, VBT (nếu có).
- Giấy vẽ, bút chì, tẩy/ gôm, màu vẽ,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Đồ dùng/ phương tiện/ sản phẩm của HS
----------	------------------	------------------	---------------------------------------

	<p>Bước 1: Tìm ý tưởng và phác hình khái quát.</p> <p>Bước 2: Vẽ hình chi tiết.</p> <p>Bước 3: Vẽ màu nhóm chính.</p> <p>Bước 4: Vẽ màu nhóm phụ, điều chỉnh đậm nhạt và hoàn thiện sản phẩm.</p> <p>– Câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ Nhóm em chọn lễ hội nào?</p> <p>+ Có những hình ảnh nào trong tranh?</p> <p>+ Hình ảnh nào là chính?</p> <p>+ Hình ảnh nào là phụ?</p> <p>+ Nhóm em sẽ sắp xếp các hình ảnh chính, phụ ở các vị trí nào trong tranh?</p> <p>+ Đường nét thể hiện trong tranh là gì?</p> <p>– Bài tập thực hành: gV yêu cầu HS sử dụng hình thức vẽ, xé dán hoặc đắp nổi thể hiện một SPMT chủ đề <i>Lễ hội hoa</i>.</p> <p>GV quan sát HS thực hành, tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ HS kịp thời.</p>	<p>HS thảo luận nhóm, phân công công việc theo nhóm và thực hành theo sự sáng tạo của mình.</p>	<p>– Hình minh họa các bước thực hiện (Bước 1, bước 2).</p> <p>- Giấy vẽ, bút chì, tẩy/gôm,...</p>
--	--	---	--

<p>Hoạt động 3. Phân tích và đánh giá</p>	<p>Nhiệm vụ: HS nêu cảm nhận của em về sản phẩm của bạn (nhóm bạn) theo gợi ý của GV. Gợi ý cách thức tổ chức: – GV yêu cầu HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ SPMT về hình thức, bố cục, yếu tố chính – phụ trong SPMT. – Câu hỏi gợi ý: + Nội dung của lễ hội là gì? + Có những hình ảnh nào được thể hiện? + Yếu tố chính – phụ trong SPMT. + Bố cục được sắp xếp có hợp lí không? – HS còn lại nhận xét bài của nhau. – GV nhận xét, tuyên dương, động viên khuyến khích HS.</p>	<p>– HS trưng bày sản phẩm, trình bày và chia sẻ cảm nhận.</p>	<p>c</p>
<p>Hoạt động 4. Vận dụng</p>	<p>Nhiệm vụ: Tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về tranh <i>Lễ hội Chùa Hương</i> của họa sĩ Trần Hữu chất. Gợi ý cách thức tổ chức: – GV nêu câu hỏi để HS gợi nhớ một số hình ảnh trong lễ hội. – Câu hỏi gợi ý: + Em hãy kể tên một số lễ hội mà em biết? + Trong lễ hội có những hình ảnh gì? + Hoạt động của lễ hội như thế nào?</p>	<p>HS trả lời theo gợi ý của GV.</p>	<p>Tranh <i>Lễ hội Chùa Hương</i> của họa sĩ Trần Hữu chất.</p>

Củng cố, dặn dò	<p>Củng cố: nhắc lại các bước để thực hiện một SPMT.</p> <p>Dặn dò: giữ gìn sản phẩm cẩn thận, chuẩn bị sách vở, dụng cụ hoặc vật liệu cho bài học sau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, lắng nghe và trả lời. - HS chuẩn bị cho bài học sau. 	
------------------------	---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

Toán

Bài 19: PHÉP CỘNG SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- HS thực hiện được phép cộng hai số thập phân.
- HS vận dụng được việc cộng hai số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép cộng hai số thập phân
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số thập phân trong tính toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. Kiểm tra kiến thức đã học ở bài trước. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Hỏi nhanh-Đáp đúng” - Quản trò nêu luật chơi và cách chơi $3,56 + 2,22 \quad 2,45 + 3,54$ <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi - HS lớp chơi - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + HS thực hiện được phép cộng hai số thập phân. + HS vận dụng được việc cộng hai số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Đặt tính rồi tính</p> $7,635 + 6,249 \qquad 23,58 + 5,271$ $4,61 + 8 \qquad 56 + 3,7$ <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân - GV yêu cầu đại diện chia sẻ <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương, sửa sai 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - HS làm bài nhóm đôi - Đại diện trình bày bảng $\begin{array}{r} 7,635 \\ + 6,249 \\ \hline 13,884 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 23,58 \\ + 5,271 \\ \hline 28,851 \end{array}$ $\begin{array}{r} 4,61 \\ + 8 \\ \hline 12,61 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 56 \\ + 3,7 \\ \hline 59,7 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
<p>Bài 2.</p> <p>a) >; >; =</p> $37,5 + 4,6 \quad ? \quad 4,6 + 37,5$ $(5 + 2,7) + 7,3 \quad ? \quad 5 + (2,7 + 7,3)$ <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu yêu cầu bài 2. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài 2.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

b) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$6 + 8,46 + 1,54 \quad 4,8 + 0,73 + 3,2$$

- GV mời HS đọc yêu cầu bài

? Hãy quan sát các số và nêu điểm cần chú ý?

- GV cho HS làm theo cá nhân.
- GV mời HS trả lời và lớp đối chéo bài

- GV mời HS nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương

- HS làm việc theo nhóm đôi, tìm câu trả lời thích hợp

- Đại diện các nhóm trả lời:

$$37,5 + 4,6 = 4,6 + 37,5$$

$$(5 + 2,7) + 7,3 = 5 + (2,7 + 7,3)$$

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

- HS đọc yêu cầu bài

- Ở phép tính thứ nhất là số tự nhiên cộng với số thập phân.

- HS thảo luận làm theo cá nhân

- HS trả lời bài và dưới lớp đối chéo bài

$$6 + 8,46 + 1,54 = 6 + (8,46 + 1,54)$$

$$= 6 + 10 = 16.$$

$$4,8 + 0,73 + 3,2 = (4,8 + 3,2) + 0,73$$

$$= 8 + 0,73 = 8,73.$$

- HS nhận xét bài bạn, bổ sung

- HS lắng nghe.

Bài 3. Ngày thứ Sáu, chú Sơn thu được 73,5 l sữa dê. Ngày thứ Bảy, chú thu được hơn ngày thứ Sáu 4,75 l sữa dê. Hỏi cả hai ngày, chú Sơn thu được bao nhiêu lít sữa dê?



- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp.
- GV nêu tóm tắt cùng HS
- + Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

- 1 HS đọc yêu cầu bài 3, cả lớp lắng nghe.

- HS làm việc chung.

- HS nêu tóm tắt

+ Ngày thứ Sáu, chú Sơn thu được 73,5 l sữa dê. Ngày thứ Bảy, chú thu được nhiều hơn ngày thứ Sáu 4,75 l sữa dê.

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm cá nhân - GV gọi HS trình bày - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Cả hai ngày, chú Sơn thu được bao nhiêu lít sữa dê? - HS làm bài cá nhân - HS trình bày bảng <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Ngày thứ Bảy, chú Sơn thu được số lít sữa dê là:</p> $73,5 + 4,75 = 78,25 (l)$ <p>Cả hai ngày, chú Sơn thu được số lít sữa dê là:</p> $73,5 + 78,25 = 151,75 (l)$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 151,75 l sữa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có).
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 4. Sân trường của Trường Tiểu học Nguyễn Siêu dạng hình chữ nhật có chiều rộng 17,5 m, chiều dài hơn chiều rộng 15 m. Hỏi chu vi của sân trường đó là bao nhiêu mét?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4. - GV yêu cầu HS làm việc chung cả lớp. - GV nêu tóm tắt cùng HS + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV cho HS làm cá nhân - GV gọi HS trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 4, cả lớp lắng nghe. - HS làm việc chung. - HS nêu tóm tắt + Sân trường của Trường Tiểu học Nguyễn Siêu dạng hình chữ nhật có chiều rộng 17,5 m, chiều dài hơn chiều rộng 15 m. + Chu vi của sân trường đó là bao nhiêu mét? - HS làm bài cá nhân - HS trình bày bảng <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chiều dài của sân trường là:</p> $17,5 + 15 = 32,5 (m)$ <p>Chu vi của sân trường là:</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dẫn dò bài về nhà. 	<p style="text-align: center;">$(32,5 + 17,5) \times 2 = 100 \text{ (m)}$</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 100 m.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe sửa sai (nếu có). - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Khoa học
ÔN TẬP GIỮA KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tóm tắt được những nội dung chính đã học dưới dạng sơ đồ về chủ đề Chất.
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực ôn tập những kiến thức đã học trong chủ đề chất và chủ đề năng lượng.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Vận dụng và trao đổi với bạn về những nội dung đã học trong chủ đề chất và chủ đề năng lượng.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để mở rộng hiểu biết về kiến thức và kỹ năng của chủ đề vào giải quyết một số tình huống đơn giản trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- Một số học liệu phụ vụ tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Biển báo giao thông” - Cách chơi: HS tham gia cá nhân bằng tinh thần xung phong. GV bấm enter để vòng quay bắt đầu, khi vòng quay dừng, kim chỉ vào biển báo nào thì HS phải trả lời câu hỏi ẩn trong biển báo đó. Trả lời đúng được tuyên dương, trả lời sai nhường quyền cho bạn khác. Trò chơi kết thúc lúc 6 câu hỏi trả lời hết. Câu 1: Đi chân trần, cầm dây ở quạt vào ổ điện khi dây điện bị hở sẽ gây nguy hiểm gì? Câu 2: Đứng trên sàn nhà ướt để sấy tóc dễ gây ra nguy hiểm gì? Câu 3: Sử dụng điện thoại khi đang cầm sạc điện dễ gây ra nguy hiểm gì? Câu 4: Thay bóng đèn bàn học khi vẫn cầm điện dễ gây ra nguy hiểm gì? Câu 5: Thuyền buồm sử dụng năng lượng nào để di chuyển? Câu 6: Nguồn năng lượng nào đã giúp bè gỗ trôi được trên sông? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách chơi. - HS tham gia chơi cá nhân bằng tinh thần xung phong. - Đi chân trần, cầm dây ở quạt vào ổ điện khi dây điện bị hở sẽ dễ bị điện giật. - Đứng trên sàn nhà ướt để sấy tóc dễ bị điện giật. - Sử dụng điện thoại khi đang cầm sạc điện dễ gây ra chập điện, nổ điện thoại. - Thay bóng đèn bàn học khi vẫn cầm điện dễ bị điện giật. - Thuyền buồm sử dụng sức gió để di chuyển. - Năng lượng nước chảy giúp bè gỗ trôi được trên sông.
<p>2. Hoạt động ôn tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Học sinh ôn tập lại kiến thức đã học về chủ đề chất . - Cách tiến hành: 	
<p>1. Ôn tập về ô nhiễm, xói mòn đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau: Hãy nêu một số hiện tượng xói mòn đất. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. <p>2. Ôn tập về hồ hợp và dung dịch:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi: + Xói mòn do nước chảy. + Xói mòn do độ dốc của ở đất. + Xói mòn do gió + Xói mòn do con người chặt phá rừng. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi nhớ. - HS làm việc chung, suy nghĩ và trả lời:

- GV nêu câu hỏi, SH làm việc chung cả lớp, suy nghĩ trả lời:

+ Dựa vào đâu để phân biệt được hồ hơn hay dung dịch?

- GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

3. Ôn tập về sự biến đổi trạng thái của chất

- GV mời HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Vì sao người ta sử dụng cồn là thành phần chính trong nước rửa tay khô?

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

4. Phân biệt 3 trạng thái của chất

- GV mời HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Sắp xếp các chất: muối ăn, hơi nước, nhôm, ni-tơ, nước uống, dầu ăn, giấm ăn, ô-xi, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường) vào vị trí thích hợp theo bảng gợi ý dưới đây.

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
?	?	?

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương.

5. Ôn tập về năng lượng

- GV mời HS làm việc nhóm 2, cùng thảo luận và trả lời câu hỏi sau:

Đề an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc nào?

+ Hỗn hợp hay dung dịch được phân biệt dựa vào độ hòa tan và phân bố đều của các chất trong đó.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, ghi nhớ.

- HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi:

+ Cồn là chất lỏng dễ bay hơi nên nhanh chóng chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí. Vì vậy, tay sẽ nhanh khô khi sử dụng nước rửa tay khô.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi:

Trạng thái rắn	Trạng thái lỏng	Trạng thái khí
muối ăn, nhôm, thủy tinh (ở nhiệt độ bình thường)	nước uống, dầu ăn, giấm ăn	hơi nước, ni-tơ, ô-xi

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi:

- Để an toàn khi sử dụng điện, chúng ta cần tuân theo những quy tắc sau:

+ Không nên đến gần đường dây điện cao thế, trạm biến thế.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> + Ngắt nguồn điện của các thiết bị điện trong nhà khi có mưa giông, sấm sét. + Cần sử dụng các dụng cụ bảo hộ chuyên dụng và ngắt các thiết bị điện ra khỏi nguồn điện khi sửa chữa điện. + Lựa chọn vị trí lắp đặt công tắc, ổ cắm điện phù hợp. + Không tiếp xúc trực tiếp với ổ điện, dây điện bị hở. - Đề xuất việc cần làm để sử dụng điện an toàn cho gia đình và những người xung quanh. + Bản thân cần ghi nhớ và tuân thủ những quy tắc an toàn điện. + Xây dựng bảng “Cảnh báo an toàn khi sử dụng điện”, dễ nhớ. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS về nhà tiếp tục ôn tập các nội dung kiến thức đã học trong chủ đề chất và năng lượng. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe về thực hiện. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:



Đạo đức **Bài 3: VƯỢT QUA KHÓ KHĂN (T1)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.
- Kể được một số biểu hiện của vượt qua khó khăn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi với bạn và mọi người về cách vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm hiểu những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.
- Phẩm chất trách nhiệm: Thể hiện qua việc biết vượt qua một số khó khăn của bản thân trong học tập và sinh hoạt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. - Cách tiến hành:	
- GV cho chia sẻ về một khó khăn trong học tập, cuộc sống của em và cách em vượt qua những khó khăn đó. - GV nhận xét, đánh giá và ghi nhận đáp án đúng. - GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt HS vào bài học: Trong cuộc sống và học tập của mỗi người luôn xuất hiện những khó khăn đòi hỏi chúng ta cần phải vượt qua. Biết vượt qua khó khăn không những sẽ giúp chúng ta thành công mà việc nhận biết những thử thách và vượt qua chúng còn khiến ta cảm thấy tự tin hơn và có thể đối mặt với bất cứ tình huống nào trong cuộc sống. Bài học " Bài 3 – Vượt qua khó	- HS chia sẻ + Em học bài hay quên, em đã tìm cố gắng tìm chỗ yên tĩnh để học bài và mỗi ngày học một ít. + Em hay đọc ngọng, em đã đứng trước gương tập nói.

khăn” ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn điều đó.

2. Hoạt động khám phá:

- Mục tiêu:

+ HS nêu được một số khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống

- Cách tiến hành:

Hoạt động 1: Nhận biết những khó khăn cần phải vượt qua trong học tập và trong cuộc sống.

- GV trình chiếu tranh 1 – 5 SGK tr.19-20.



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Các bạn trong tranh đang gặp khó khăn gì?

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

- GV đưa ra câu hỏi mở rộng: Kể thêm những khó khăn khác trong học tập và cuộc sống mà em biết.

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí.

- GV nhận xét và kết luận: Bất cứ ai trong cuộc đời đều gặp phải những khó khăn cần phải vượt qua.

Lứa tuổi HS chúng ta cũng có những khó khăn của mình. Việc nhận ra những khó khăn sẽ giúp chúng ta có nghị lực và biết cách vượt qua.

- HS quan sát tranh ở SGK và thảo luận nhóm. Đại diện các nhóm trình bày:

+ Tranh 1: Bạn nam gặp khó khăn trong việc nhớ lại kiến thức đã được học từ học kì trước.

+ Tranh 2: Bạn nữ hay bị mất bình tĩnh và quên hết những điều định nói mỗi khi phát biểu trước lớp.

+ Tranh 3: Bạn nữ bị các bạn hiểu lầm, nói những điều không hay về bản thân.

+ Tranh 4: Bạn nữ gặp khó khăn trong việc học tập, sắp tới có bài kiểm tra cuối kì mà bạn lại bị ốm.

+ Tranh 5: Bạn nam gặp khó khăn trong cuộc sống, bố mẹ bạn đi làm ăn xa trong khi ông bà của bạn lại bị ốm, bạn phải làm rất nhiều việc nhà.

- Đại diện các nhóm khác nhận xét.

- HS lắng nghe.

- HS trả lời:

+ Gặp khó khăn trong việc hiểu bài giảng.

+ Dễ bị xao nhãng, khả năng tập trung ngắn hạn.

+ Trì hoãn công việc.

+ Hay phạm lỗi do bất cẩn.

+ Chịu áp lực từ gia đình.

+ Thay đổi môi trường sống.

<p>- GV mở rộng cho HS xem video bài hát “Đường đến ngày vinh quang”.</p>	<p>+ Có nhiều thứ để học nhưng lại có quá ít thời gian.</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức về biểu hiện và ý nghĩa của việc biết vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu biểu hiện và ý nghĩa của việc biết vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc thầm nội dung câu chuyện “Chăm ngoan, học giỏi” SGK tr.20-21.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc diễn cảm câu chuyện trước lớp. HS khác theo dõi và đọc thầm theo.</p> <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Bạn Huệ đã vượt qua khó khăn như thế nào?</p> <p>+ Việc biết vượt qua khó khăn đó đã đem lại điều gì cho bạn?</p> <p>+ Theo em, vì sao chúng ta cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống?</p> <p>- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).</p> <p>- GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập, chốt đáp án đúng.</p> <p>+ Khó khăn luôn xuất hiện trong học tập và cuộc sống của mỗi người. Để thành công, mỗi người cần phải đối diện với nó và tìm cách vượt qua.</p> <p>+ Vượt qua khó khăn giúp con người rèn luyện được những phẩm chất và kỹ năng quý báu như siêng năng, kiên trì, giao tiếp, hợp tác, kiên định mục tiêu.</p>	<p>- HS thảo luận và trình bày:</p> <p>+ Bạn Huệ gặp nhiều khó khăn cả trong học tập và cuộc sống như:</p> <ul style="list-style-type: none"> · Không được sống với bố mẹ, bạn sống cùng ông bà trong khi ông bà thì hay đau ốm. · Kinh tế eo hẹp. · Hằng ngày, bạn phải dành thời gian làm nhiều việc nhà để giúp đỡ ông bà như quét nhà, nấu cơm, nấu cám cho lợn. · Bên cạnh đó, để đến được trường học, bạn phải dậy rất sớm để đi bộ đến trường. <p>+ Việc biết vượt qua khó khăn đó đã giúp bạn đạt danh hiệu "Học sinh giỏi".</p> <p>+ Cần biết vượt qua những khó khăn trong học tập và cuộc sống vì khó khăn là điều luôn xảy ra khi sống và làm việc.</p>
<p>4. Hoạt động vận dụng.</p> <p>- Mục tiêu:</p>	

<p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó thể hiện được tính kiên trì vượt qua khó khăn bằng những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Tiếp sức” để kể thêm những khó khăn và cách vượt qua khó khăn.</p> <p>- GV nêu luật chơi: Bảng chia thành 2 phần, ghi đội 1, đội 2 vào từng phần; chọn 2 đội chơi, mỗi đội từ 3-5 thành viên.</p> <p>- GV mời các đội bắt đầu chơi.</p> <p>- GV tổng kết trò chơi, tuyên dương.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Các đội chọn thành viên, lắng nghe luật chơi.</p> <p>- Các đội tham gia chơi</p> <p>- Lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p>	
<p> </p>	
<p> </p>	
<p> </p>	
<p> </p>	

Hoạt động trải nghiệm
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:
CHƠI TRÒ CHƠI “XÂY THÁP BẰNG CỐC”
TÌM HIỂU CÁCH NUÔI DƯỠNG, GIỮ GÌN TÌNH THẦY TRÒ.
TÌM HIỂU CÁCH NUÔI DƯỠNG, GIỮ GÌN TÌNH BẠN.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học sinh:

– Tham gia chơi trò chơi “Xây tháp bằng cốc” và nêu được ý nghĩa của trò chơi để kết nối bạn bè.

– Nêu được cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò và tình bạn.

Tiết trải nghiệm góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất:

1. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Tham gia thiết kế và tổ chức trò chơi tập thể để kết nối bạn bè.

2. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, tương tác với bạn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất nhân ái: Yêu thương thầy cô, bạn bè.

**Giáo dục Quyền con người: Bồn phận giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp. Quyền được bày tỏ ý kiến. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.*

II. ĐỒ DÙNG

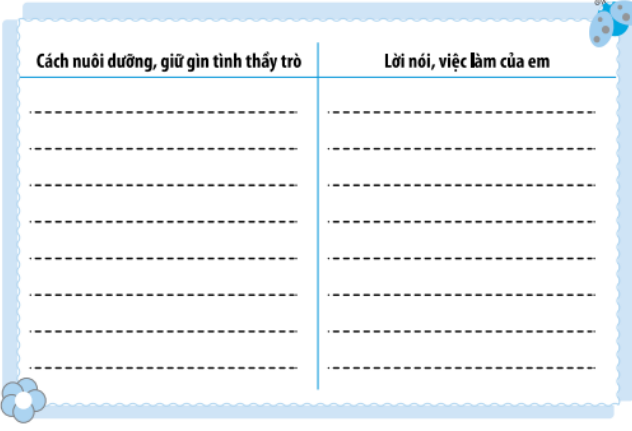
- Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết hoạt động.

III. HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhận diện – Khám phá	
Khởi động – Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Xây tháp bằng cốc”	
a) Mục tiêu – Tạo hứng thú cho HS và bắt nhịp vào tiết HĐTN của tuần.	
b) Cách tiến hành - GV tổ chức trò chơi “Xây tháp bằng cốc” cho HS cả lớp. Cách chơi như sau:	
+ GV tổ chức cho HS chơi theo nhóm 6-10 HS, GV yêu cầu mỗi đội cử 1 người lên nhận đồ dùng bao gồm 10 cốc giấy; 1 dây chun; dây dù, dây vải hoặc dây ruy băng dài khoảng 40cm (số lượng dây tùy thuộc vào số lượng thành viên của đội, từ 6-10 dây). + GV phổ biến cách chơi cho HS: <ul style="list-style-type: none">• Các đội xây tháp bằng cốc mà không được chạm tay vào cốc. Dụng cụ duy nhất để di chuyển cốc là dây chun.• Các sợi dây dài được buộc một đầu vào bất cứ vị trí nào trên dây chun. Mỗi thành viên cầm một sợi dây. Các thành viên phối hợp với nhau đưa dây chun vào cốc để nâng cốc lên xây thành tháp.• Đội nào xây tháp nhanh nhất và cao nhất là đội chiến thắng. + Các đội tiến hành xây tháp, đội hoàn thành tháp nhanh nhất sẽ giành chiến thắng. GV có thể cử 1 HS làm quản trò để theo dõi các đội chơi hoặc trực tiếp tổ chức trò chơi.	+ HS nghe GV hướng dẫn, sau đó thực hiện chơi theo hướng dẫn.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh		
GV nhận xét, tổng kết kết quả trò chơi và yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận sau khi tham gia trò chơi	HS chia sẻ cảm nhận sau khi chơi.		
GV đặt câu hỏi cho HS: Theo các em, vì sao đội bạn giành chiến thắng? và yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi để trao đổi về ý nghĩa của trò chơi	HS hoạt động nhóm đôi, trao đổi và trả lời câu hỏi: vì các bạn khéo léo, các bạn đoàn kết, các bạn phối hợp ăn ý...		
GV gọi 3 - 4 HS chia sẻ trước lớp về ý nghĩa của trò chơi mà các em vừa thảo luận và kết nối vào chủ đề.	HS chia sẻ trước lớp.		
2. Nhận diện - Khám phá			
Hoạt động 2. Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò			
<i>a) Mục tiêu</i> HS nêu được các cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò mà em biết.			
<i>b) Cách tiến hành</i>			
– GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 1, hoạt động 2 trong SGK <i>Hoạt động trải nghiệm 4</i> trang 27 cho cả lớp nghe và kiểm tra việc hiểu nhiệm vụ của HS.	– Đọc thầm nhiệm vụ và nhận phiếu học tập.		
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, nêu các cách để nuôi dưỡng tình thầy trò mà em đã thực hiện như gợi ý trong SGK: + Trò chuyện với thầy, cô giáo. + Giúp đỡ thầy, cô giáo. + Tích cực tham gia vào bài học.	– HS làm việc nhóm 4, trao đổi về các cách nuôi dưỡng tình thầy trò mà HS biết và ghi vào phiếu thảo luận.		
– Sau khi HS đã trao đổi trong nhóm xong, GV gọi lần lượt các nhóm nêu các cách mà nhóm đã trao đổi để nuôi dưỡng tình thầy trò. GV yêu cầu nhóm sau không được nêu trùng cách làm với nhóm trước đó.	– Đại diện các nhóm lần lượt trình bày các cách mà nhóm đã liệt kê được.		
– GV nhận xét, tổng hợp ý kiến của HS.	– HS theo dõi.		
– GV phát phiếu nhiệm vụ cho HS và yêu cầu mỗi HS chọn ít nhất 1 cách em đã thực hiện để nuôi dưỡng tình thầy trò và ghi lại những lời nói, việc làm cụ thể để thực hiện việc em đã chọn giúp nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò vào	– HS hoàn thiện phiếu nhiệm vụ. VD:		
	<table border="1"> <tr> <td>Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò</td> <td>Lời nói, việc làm của em</td> </tr> </table>	Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò	Lời nói, việc làm của em
Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò	Lời nói, việc làm của em		

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh					
phiếu nhiệm vụ. 	Trò chuyện với thầy, cô giáo	Hỏi thầy/cô bài chưa hiểu				
		Tâm sự với thầy/cô về chuyện bạn bè ở lớp				
		Hỏi thăm sức khỏe thầy/cô				
– GV cho HS chia sẻ trong nhóm 4 về những lời nói, việc làm cụ thể em đã ghi lại.	– HS chia sẻ trong nhóm 4.					
– GV gọi 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp về những lời nói, việc làm cụ thể, phù hợp với cách em đã chọn để nuôi dưỡng, giữ gìn tình thầy trò.	- HS chia sẻ trước lớp.					
- GV nhận xét, tổng kết hoạt động						
Hoạt động 3. Tìm hiểu cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.						
– GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 1, hoạt động 3 trong SGK <i>Hoạt động trải nghiệm 5</i> trang 28 cho cả lớp nghe và kiểm tra HS đã hiểu nhiệm vụ chưa.	– HS đọc yêu cầu trước lớp.					
– GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, mỗi HS liệt kê các cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn vào phiếu thảo luận	– HS hoạt động theo nhóm 4, mỗi HS ngồi ở 1 cạnh của phiếu thảo luận khổ lớn và ghi lại những cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn vào phiếu thảo luận					
– GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc nhóm, GV ghi những cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn mà HS đã liệt kê vào cột “Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn” trong bảng tổng hợp.	– HS báo cáo kết quả thảo luận.					
Ví dụ:						
<table border="1" data-bbox="164 1698 808 1921"> <thead> <tr> <th data-bbox="164 1698 451 1833">Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn</th> <th data-bbox="459 1698 808 1833">Việc làm của em</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="164 1839 451 1921">Giúp đỡ bạn</td> <td data-bbox="459 1839 808 1921">- Cho bạn mượn bút, giấy, thước, màu...</td> </tr> </tbody> </table>	Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn	Việc làm của em	Giúp đỡ bạn	- Cho bạn mượn bút, giấy, thước, màu...		
Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn	Việc làm của em					
Giúp đỡ bạn	- Cho bạn mượn bút, giấy, thước, màu...					

Hoạt động của giáo viên		Hoạt động của học sinh											
	- Hướng dẫn bạn khi bạn chưa hiểu.												
Chơi với bạn	- Rủ bạn chơi chung. - Cùng bạn chơi trò chơi.												
Trò chuyện với bạn	- Chia sẻ, tâm sự với bạn												
<p>– GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc nhóm 4, mỗi nhóm sẽ trao đổi về những lời nói, việc làm cụ thể các em có thể thực hiện dựa trên những cách đã liệt kê ở bảng tổng hợp của GV.</p>		<p>– HS làm việc nhóm 4, ghi những việc làm có thể thực hiện vào cột “Việc làm của em”. Ví dụ:...</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn</th> <th>Việc làm của em</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giúp đỡ bạn</td> <td>- Cho bạn mượn bút, giấy, thước, màu... - Hướng dẫn bạn khi bạn chưa hiểu.</td> </tr> <tr> <td>Chơi với bạn</td> <td>- Rủ bạn chơi chung. - Cùng bạn chơi trò chơi.</td> </tr> <tr> <td>Trò chuyện với bạn</td> <td>- Chia sẻ, tâm sự với bạn</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn	Việc làm của em	Giúp đỡ bạn	- Cho bạn mượn bút, giấy, thước, màu... - Hướng dẫn bạn khi bạn chưa hiểu.	Chơi với bạn	- Rủ bạn chơi chung. - Cùng bạn chơi trò chơi.	Trò chuyện với bạn	- Chia sẻ, tâm sự với bạn	
Cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn	Việc làm của em												
Giúp đỡ bạn	- Cho bạn mượn bút, giấy, thước, màu... - Hướng dẫn bạn khi bạn chưa hiểu.												
Chơi với bạn	- Rủ bạn chơi chung. - Cùng bạn chơi trò chơi.												
Trò chuyện với bạn	- Chia sẻ, tâm sự với bạn												
.....													
<p>– GV gọi lần lượt đại diện các nhóm trình bày trước lớp những lời nói, việc làm cụ thể các em có thể thực hiện để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn. Mỗi cách có thể có những lời nói, việc làm khác nhau nên GV có thể gọi 1-2 nhóm trình bày những việc làm cụ thể để thực hiện 1 cách nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.</p>		<p>– HS trình bày những việc làm có thể thực hiện để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn.</p>											
4. Tổng kết tiết trải nghiệm													
– GV tổ chức vận động theo nhạc để tạo sự		– HS vận động theo nhạc, bài hát vui vẻ.											

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
gắn kết cho HS trong lớp. - Trẻ em có quyền và bổn phận gì? <i>*Giáo dục Quyền con người: Bổn phận giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp. Quyền được bày tỏ ý kiến. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.</i> – GV nhận xét, tổng kết hoạt động, dặn dò về nhà.	- HS trả lời - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
IV. IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

Thứ Tư, ngày 30 tháng 10 năm 2024
Tiếng Việt
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
Tiết 5: Đọc Bài: TÔI SỐNG ĐỘC LẬP TỪ THƯỜ BÉ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.

Đọc hiểu: Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tập tính sống độc lập của loài dế, tính cách của chú dế út qua đoạn kết của câu chuyện thể hiện sự tự lập, ứng biến và sẵn lòng chấp nhận những thách thức mới. Chú không buồn khi phải ở riêng mà ngược lại còn cảm thấy khoan khoái và hứng khởi trước cuộc sống mới, thể hiện tính linh hoạt và thích ứng tốt với môi trường..

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở quê hương

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành: 	
<p>2. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh nêu cảm nhận và những điều mình biết về truyện về Dế Mèn phiêu lưu ký để khởi động bài học. - GV cùng trao đổi với HS về ND bài: + Tập truyện nói về nhân vật nào? + Em thích nhất đoạn kể nào của chú Dế Mèn? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS trao đổi về ND bài với GV. + Tập truyện nói về chú Dế Mèn. + học sinh tự giới thiệu theo ý riêng. - HS lắng nghe.
<p>2. Khám phá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thưở bé”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật. - Cách tiến hành: 	
<p>2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - 3 HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.

<ul style="list-style-type: none"> - GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên, đồng tình, cảm thán,... - GV mời 3 HS đọc nối tiếp - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 HS đọc nối tiếp
<p>3. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. + Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương. - Cách tiến hành: 	
<p>3.. Trả lời câu hỏi- Tìm hiểu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + a. Ba anh em để được mẹ giảng giải thế nào về tục lệ lâu đời của họ nhà để ? + b. Chú để út có cảm nghĩ thế nào trước việc mẹ cho ra ở riêng? <ul style="list-style-type: none"> - Lúc theo mẹ đi trên đường - Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng . + c. Vì sao chú để út thầm cảm ơn mẹ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + HS đọc 2 đoạn đầu: + Ba anh em để được mẹ giảng giải rằng tục lệ lâu đời trong họ nhà để là phải sống độc lập từ khi còn bé. Mẹ còn dạy điều này giúp các ba anh em biết tự kiếm ăn và không phụ thuộc vào người khác. + Học sinh đọc đoạn còn lại và trả lời b. - Lúc theo mẹ đi trên đường, chú để út cảm thấy tập tễnh và khắp khởi, nửa lo nửa vui theo sau mẹ. - Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng, chú cảm thấy không buồn mà còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng và mát mẻ. + c. Chú để út thầm cảm ơn mẹ vì mẹ đã cho cậu được ở một mình ở nơi thoáng đãng, mát mẻ, chú sạch sẽ tham khắp hang, xem xét cẩn thận, an toàn chú đứng rước của hang nhìn trời xanh, dọn giòng, vỗ cánh, cao hứng gáy mấy tiếng rõ to.

<p>+ d. Em có nhận xét gì về tính cách của chú đế út qua đoạn kết của câu chuyện?</p> <p>+ Câu 4: Tưởng tượng em mà được mẹ cho tự lập như chú đế út em có cảm xúc gì?.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.</p> <p>- GV nhận xét và chốt:</p> <p>Mỗi người trưởng thành đều cần sống tự giác làm việc để phục vụ cuộc sống của mình không ỷ lại phụ thuộc vào người khác hay buộc người khác phục vụ mình để cuộc sống có ý nghĩa hơn.</p>	<p>+ HS đọc đoạn cuối bài và trả lời d. Tính cách của chú đế út qua đoạn kết của câu chuyện thể hiện sự tự lập, ứng biến và sẵn lòng chấp nhận những thách thức mới. Chú không buồn khi phải ở riêng mà ngược lại còn cảm thấy khoan khoái và hứng khởi trước cuộc sống mới, thể hiện tính linh hoạt và thích ứng tốt với môi trường.</p> <p>+ HS có thể tự nêu câu trả lời theo sự tưởng tượng của mình.(lo sợ hoảng hốt khó một mình, hay vui sướng nhảy nhót khám phá cuộc sống mới)</p> <p>- 2-3 HS tự rút ra bài học cho mình</p> <p>- 3-4 HS nêu bài học của mình sau khi đọc truyện.</p>
<p>Bài 2 trang 84 SGK Tiếng Việt 5</p> <p>Kể thêm một đoạn cho câu chuyện <i>Tôi sống độc lập từ thuở bé</i> theo tưởng tượng của em.</p> <p>G: Có thể kể diễn biến tâm trạng của chủ đề út trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh.</p> <p>Cho học sinh đọc lại chuyện</p> <p>Nhớ lại cách viết văn tưởng tượng. Viết vào vở, bồi tiếp đọc trước lớp</p> <p>GV nhận xét tuyên dương</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện cá nhân - HS chia sẻ trước lớp, lớp nhận xét bổ sung <p>Ví dụ:</p> <p>Trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh, chú đế út cảm thấy lẻ loi và buồn bã. Khi đêm buông xuống và ánh trăng nhẹ nhàng chiếu sáng xuống hang đất nhỏ, chú cảm thấy nhớ nhà, nhớ mẹ và nhớ các anh. Âm thanh của đầm nước gần kề như tiếng rì rào đầy nghẹn ngào, nhắc nhở chú về cuộc sống ấm áp ở bên cạnh mẹ và anh em.</p> <p>Những cảm xúc lẻ loi và cô đơn tràn ngập trong lòng chú khiến cho từng giây phút trôi qua càng trở nên chậm lại. Chú đế út nhớ về những lúc được mẹ dắt đi dạo, được cả nhà cùng nhau thưởng thức những bữa ăn ngon và những giờ phút sum họp bên nhau. Nỗi nhớ nhà càng làm cho chú cảm thấy như mình bị lạc trong một không gian xa lạ và không có điểm tựa.</p>

	<p>Tuy nhiên, qua những giọt nước mắt, chú đế út cũng nhận ra rằng mẹ đã dành cho mình một không gian thoải mái và an toàn. Dần dần, chú cảm thấy lòng mình trở nên bình tĩnh hơn, và nhận ra rằng sẽ có thể tự mình vượt qua những thách thức và trở thành một đấng trưởng thành, độc lập. Chú đế út quyết tâm đối mặt với mọi khó khăn và học hỏi từng ngày để trở thành một đấng mạnh mẽ và tự tin hơn.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS suy nghĩ nêu bài học mình học được sau khi đọc xong câu chuyện Tôi sống độc lập từ thưở bé</p> <p>+ Hoặc viết lại đoạn kết câu chuyện theo ý của riêng mình và chia sẻ với bố mẹ người thân.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV nhận xét tiết dạy.</p> <p>- Dặn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 6,7</p>	<p>- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 20: PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh thực hiện được phép trừ hai số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép trừ hai số thập phân .

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép trừ hai số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

- HS SGK, vở dụng cụ học tập phục vụ tiết học

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ?</p> <p style="text-align: center;">$23,4 + 35,07 = 58,1$ <input type="checkbox"/></p> <p>+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ?</p> <p style="text-align: center;">$23,6 + 41,7 = 65,3$ <input type="checkbox"/></p> <p>+ Câu 3: Thực hiện phép tính:</p> <p style="text-align: center;">$93,04 + 52,11 =$</p> <p>Câu 4: Tính</p> <p style="text-align: center;">$23,9 + 31,7 =$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ 1- Trả lời: S</p> <p>+ 2- Trả lời: Đ.</p> <p>+3 - Trả lời: 145,51</p> <p>+4- Trả lời: 55,6</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Thực hiện được trừ hai số thập phân</p> <p>+ Hiểu và vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu cách trừ hai số thập phân:</p>	<p>- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu cách tìm và thực hiện trừ hai số thập phân</p>

a)

Thành tích nhảy xa năm nay của Nam là 4,43 m.

Năm ngoái, thành tích của cậu ấy là 4,16 m. Đó Mai biết, thành tích năm nay của cậu ấy hơn thành tích năm ngoái bao nhiêu mét?

Để tìm kết quả của phép trừ này ta có thể chuyển về phép trừ hai số tự nhiên.

$4,43 - 4,16 = ?$ (m)

Ta có: $4,43 \text{ m} = 443 \text{ cm}$; $4,16 \text{ m} = 416 \text{ cm}$.

	443
	- 416

	27 (cm)
	27 cm = 0,27 m

Vậy: $4,43 - 4,16 = 0,27$ (m).

- Tình huống:

- + Nam năm ngoái và năm nay nhảy được bao nhiêu m ?
 - + Để biết năm nay nhảy xa hơn hay gần hơn thì làm thế nào?
 - + Ta thực hiện tính bằng cách nào?
 - + Ta đổi về đơn vị cm để trừ như trừ 2 số tự nhiên.
 - + Thực hiện đặt tính cột dọc và tính
- Nêu cách thực hiện: 3,5 em nối tiếp nêu

b/ Vận dụng tính: $63,49 - 1,8$

Khi tính theo cột dọc trừ hai số thập phân cần lưu ý điều gì?

- Để thực hiện được phép trừ trên ta làm thế nào?
- GV chốt: Đặt tính cột dọc sao cho các chữ số cùng hàng ,dấu phẩy thẳng cột với nhau, trừ từ phải qua trái như trừ số tự nhiên. Hạ dấu phẩy thẳng cột.
- GV cùng HS tự thực hiện thêm vài ví dụ

- GV nhận xét, chốt quy tắc:

Muốn trừ hai số thập phân ta thực hiện như sau:

+ 4,16 và 4,43.

+ Lấy số liệu năm nay trừ đi số liệu năm ngoái

+ $4,43 - 4,16$

+ $443 - 416 = 27$ (cm)

$27 \text{ cm} = 0,27 \text{ m}$

Vậy $4,43 - 4,16 = 0,27$ (cm)

- Ta thực hiện như sau

4,43

4,16

0,27

Học sinh làm bảng con cá nhân:

63,49

- 1,8

61,69

-Các chữ số cùng hàng và các dấu phẩy đặt thẳng cột

-HS nối tiếp nêu: đặt tính theo cột dọc rồi trừ từ phải sang trái.

Học sinh nối tiếp nêu lại cách trừ

+ **Viết số trừ bên dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng hàng và dấu phẩy thẳng cột với nhau**
 + **Trừ như trừ hai số tự nhiên**
 + **Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với dấu phẩy ở số bị trừ và số trừ.**

3. Luyện tập
 - Mục tiêu:
 + HS thực hiện được phép trừ hai số thập phân .
 - Cách tiến hành:

Bài 1.: Đặt tính rồi tính
 $5,8 - 3,9$ $2,53 - 1,62$
 $17,96 - 8,5$ $4,21 - 1,08$
 - GV yêu cầu HS đọc đề bài.
 - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1.

 - GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
 - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
 - HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1:

$$\begin{array}{r} 5,8 \\ - 3,9 \\ \hline 1,9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2,53 \\ - 1,62 \\ \hline 0,91 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17,96 \\ - 8,5 \\ \hline 9,46 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4,21 \\ - 1,08 \\ \hline 3,13 \end{array}$$

 - Các nhóm báo cáo kết quả.
 - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Đ, S?
 - GV mời HS đọc yêu cầu bài.
 a) $\begin{array}{r} 6,15 \\ - 2,7 \\ \hline 4,8 \end{array}$ b) $\begin{array}{r} 4,38 \\ - 1,56 \\ \hline 2,82 \end{array}$ c) $\begin{array}{r} 85,9 \\ - 5,06 \\ \hline 35,3 \end{array}$
 - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào bảng con, vở.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi
 a) $\begin{array}{r} 6,15 \\ - 2,7 \\ \hline 4,8 \end{array}$ S b) $\begin{array}{r} 4,38 \\ - 1,56 \\ \hline 2,82 \end{array}$ Đ c) $\begin{array}{r} 85,9 \\ - 5,06 \\ \hline 35,3 \end{array}$ S
 - HS làm bảng con hay phiếu xoay (nếu có)
 - Học sinh làm lại các bài ai vào bảng con và ghi vở
 a) Sửa lại $\begin{array}{r} 6,15 \\ - 2,7 \\ \hline 3,45 \end{array}$
 c) Sửa lại $\begin{array}{r} 85,9 \\ - 5,06 \\ \hline 80,84 \end{array}$

<ul style="list-style-type: none"> - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>Bài 3: Mai làm được 2,15 l nước mơ, Mi làm được 1,7 l nước dâu. Hỏi nước mơ Mai làm nhiều hơn nước dâu Mi làm bao nhiêu lít?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm: tóm tắt nêu cách giải làm phiếu nhóm và ghi vở đổi vở soát <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Nước mơ Mai làm nhiều hơn nước dâu Mi làm số lít là :</p> $2,15 - 1,7 = 0,45 \text{ (lít)}$ <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 0,45 (lít)</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”. - Cách chơi: GV đưa cho HS một số loại hoa quả (quả ôi, cam,...). Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3-4 HS. GV ghi phép tính trên các quả yêu cầu học sinh tìm kết quả . GV yêu cầu. Nhóm nào làm đúng được nhận loại trái cây đó. Nhóm sai trả lại trái cây cho GV. Thời gian chơi từ 2-3 phút. - GV tổ chức trò chơi. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe trò chơi. - Các nhóm lắng nghe luật chơi. - Các nhóm tham gia chơi. Các nhóm rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Lịch sử - Địa lí
Bài 7: VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận thức khoa học lịch sử và địa lí: Trình bày được vị trí của một số đền tháp Chăm-pa.
- Tìm hiểu lịch sử địa lí: Kể được tên và xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn lại cho đến ngày nay. Kể lại được một số câu chuyện về đền tháp Chăm-pa; mô tả được một số đền tháp Chăm-pa có sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử...
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Suu tầm được một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, ...) về đền tháp Chăm-pa.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Liên hệ, phát hiện một số vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và đưa ra cách giải quyết các vấn đề đó.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trao đổi với thành viên trong nhóm cũng như trình bày trước lớp về những thông tin liên qua đến đền tháp Chăm-pa.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết tự hào về các đền tháp Chăm-pa.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chủ động học tập, tìm hiểu về vương quốc Chăm-pa.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ và giữ gìn đền tháp Chăm-pa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Tranh ảnh và câu chuyện về đền tháp Chăm-pa.
- Lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu:+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.+ Thông qua khởi động, GV dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.- Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none">- GV trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về các đền tháp Chăm, yêu cầu HS xác định đền tháp Chăm và chia sẻ điều em biết về các đền tháp Chăm đó.	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát hình ảnh.- HS xác định đền tháp Chăm.- HS chia sẻ.- HS khác nhận xét, góp ý.

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

- HS lắng nghe.

2. Khám phá:

- Mục tiêu:

+ HS kể được tên và xác định được trên lược đồ một số đền tháp Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay..

+ Suu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử ...), mô tả được một đền tháp Chăm-pa.

- Cách tiến hành:

Hoạt động. Kể chuyện về đền tháp Chăm.

(Làm việc theo nhóm).

- GV yêu cầu HS quan sát hình 5 (SGK trang 34) theo cặp và đọc thông tin về câu chuyện lịch sử “Tháp Pô Klong Ga-rai”.

- HS quan sát và đọc thông tin.



▲ Hình 5. Tháp Pô Klong Ga-rai (Ninh Thuận)

- GV yêu cầu HS quan sát hình 6 (SGK trang 35) và đọc thông tin về câu chuyện lịch sử “Sự tích Tháp Bà Pô Na-ga”.

- HS quan sát và đọc thông tin.



▲ Hình 6. Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hoà)

- GV yêu cầu HS thảo luận kể lại câu chuyện lịch sử về “Tháp Pô Klong Ga-rai” và “Sự tích Tháp Bà Pô Na-ga” theo cách của em.

- GV phát cho mỗi nhóm 1 Phiếu đánh giá kể chuyện theo các tiêu chí và thang điểm. Nhóm nào có số điểm cao nhất sẽ nhận được một phần quà.

- GV tổ chức cho các nhóm trình bày.
- GV yêu cầu nhóm khác chú ý nghe rồi nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí trong
- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động 2: Mô tả về đền tháp Chăm-pa.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát hình 3 (SGK trang 33).



▲ Hình 3. Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm mô tả những nét chính của Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).
- GV mời nhóm trình bày.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV mở rộng thêm: Thánh địa Mỹ Sơn được phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1995.
- GV yêu cầu HS quan sát hình 4 (SGK trang 34) và giảng giải: Tháp Bánh ít hay còn gọi là Tháp Bạc, gồm bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một tháp chính ở đỉnh đồi và ba tháp nhỏ thấp hơn. Bên trong tháp chính đặt tượng nữ thần Shiva toạ trên đài sen. Đỉnh mỗi tháp đều có gắn tượng thần Shiva bằng đá.

- HS thảo luận.

Nhóm nhận Phiếu đánh giá

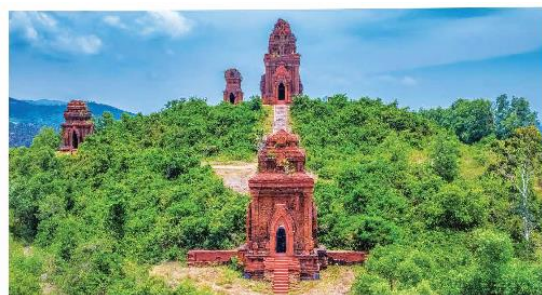
Tiêu chí	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Bố cục	- Trình bày thông tin mạch lạc, lô gíc. 2 điểm	Trình bày thông tin còn nhầm lẫn giữa các nội dung. 1 điểm	Không có bố cục cho sản phẩm. 0.5 điểm
Giọng nói, Biểu cảm	- Giọng kể chuyện to, rõ ràng. - Ngữ điệu có lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết. - Thể hiện được cảm xúc qua cử chỉ, nét mặt, điệu bộ. 3 điểm	Không đạt 1 trong ba tiêu chí về hình thức sản phẩm. 2 điểm	Không đạt cả ba tiêu chí về hình thức sản phẩm. 1 điểm
Nội dung	- Đầy đủ nội dung. - Sắp xếp các nội dung đúng theo lô gíc. 5 điểm	- Còn thiếu một số nội dung. - Sắp xếp một số nội dung chưa đúng lô gíc. 3 điểm	- Thiếu nhiều nội dung. - Sắp xếp lộn xộn, chưa đúng thứ tự. 1 điểm

- Đại diện nhóm trình bày.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.
- HS đọc thông tin và quan sát.

- HS thảo luận nhóm.

- Đại diện nhóm trình bày.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe.

- HS quan sát và lắng nghe.



▲ Hình 4. Tháp Bánh Ít (Bình Định)

3. Luyện tập.

- Mục tiêu:

+ Mở rộng kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Giúp HS tìm hiểu thêm về một số đền tháp Chăm.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng về các đền tháp Chăm ở Việt Nam.

PHIẾU HỌC TẬP

STT	TÊN ĐỀN THÁP	ĐỊA ĐIỂM (TỈNH, THÀNH PHỐ)
1	Thành địa Mỹ Sơn	Quảng Nam
2		
3		
4		
5		

- Gv mời đại diện nhóm trình bày.

- GV nhận xét.

- GV yêu cầu HS hoàn thành Bảng mô tả về các đền tháp Chăm ở Việt Nam. (HS có thể trang trí thêm theo sáng tạo của mình).

- GV yêu cầu nhóm nào thực hiện xong sẽ trưng bày sản phẩm của nhóm ở Góc trưng bày sản phẩm.

- GV yêu cầu mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

- GV tổ chức cho cả lớp đến tham quan sản phẩm của nhóm và bình chọn sản phẩm.

- GV nhận xét kết quả các nhóm, tuyên dương.

- HS hoàn thành bảng.

- Đại diện nhóm trình bày.

- HS lắng nghe.

- HS hoàn thành Bảng mô tả.

(HS đã chuẩn bị hình ảnh sưu tầm về các đền tháp Chăm).

Tên đền tháp:	
Địa điểm:	
Nét chính về kiến trúc:	
.....	
.....	

Hình ảnh đền tháp Chăm

- Nhóm trưng bày sản phẩm.

- Đại diện nhóm trình bày.

	- HS lần lượt đến tham quan sản phẩm của nhóm bạn và bình chọn.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đưa lược đồ phân bố một số đền tháp Chăm ở Việt Nam hiện nay. - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng” + Luật chơi: chơi theo tổ, mỗi tổ cử một bạn tham gia. Các bạn lần lượt xác định một số đền tháp Chăm. Tổ nào tìm đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc. + Nhận xét kết quả các tổ, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe luật trò chơi. - Các tổ lần lượt tham gia chơi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	



Công nghệ
Bài 4: THIẾT KẾ SẢN PHẨM (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

-Vẽ phác thảo, nêu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản theo hướng dẫn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: học sinh tự tìm hiểu bài và tự nhận xét được kết quả học tập của mình học sinh tự làm được những việc của mình theo sự phân công hướng dẫn của giáo viên.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: học sinh hình thành ý tưởng mới về một sản phẩm thủ công kỹ thuật theo hướng dẫn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.


- Phẩm chất chăm chỉ: học sinh chuẩn bị bài trước khi đến lớp, hăng say tìm tòi kiến thức bên ngoài để mở rộng hiểu biết và thường xuyên xem lại kiến thức bài cũ.

- Phẩm chất trách nhiệm: hoàn thành các nhiệm vụ tự học cá nhân nắm được và thực hiện tốt nhiệm vụ khi làm việc nhóm

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</p> <p>+ Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hỏi HS: "Có kim mà chẳng biết khâu? Suốt ngày chạy mãi, lâu lâu mới dừng Không tay, không mắt thế nhưng Chỉ ra chính xác đúng từng phút giây" (Đây là đồ vật gì?)</p>  <p>- GV mời HS trả lời.</p> <p>- GV mời HS khác nhận xét câu trả lời của bạn. - GV đưa ra đáp án và dẫn dắt vào bài.</p> <p>- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- Cả lớp suy nghĩ quan sát tranh.</p> <p>- HS trả lời: đồng hồ</p>
<p>2. Hoạt động khám phá:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Hình thành ý tưởng sản phẩm.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu học sinh quan sát các hình ảnh 9 đồng hồ trong hình 1.</p>	<p>HS trả lời nhận xét về hình dáng, kích thước, màu sắc, các bộ phận của từng chiếc đồng hồ.</p> <p>-Hình dạng mặt đồng hồ hình chữ nhật, hình tròn, Có nhiều loại như: đồng hồ cơ, đồng hồ điện tử, đồng hồ cát, đồng hồ đeo tay, đồng hồ để bàn, đồng hồ treo tường.</p>



- Nêu nhận xét về hình dáng, kích thước, màu sắc của từng chiếc đồng hồ.

- GV mời HS chia sẻ kết quả quan sát, thảo luận.

GV kết luận: **Đồng hồ có nhiều loại khác nhau như đồng hồ cơ, đồng hồ điện tử, đồng hồ cát, đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ đeo tay. Mặt đồng hồ có nhiều hình dáng khác nhau như hình chữ nhật, hình tròn, hình ovan, hình vuông..**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm 2 lựa chọn 1 kiểu đồng hồ mà mình thích và giải lý do

- GV mời HS trả lời

- HS chia sẻ lý do chọn đồng hồ mà mình thích

3. Hoạt động luyện tập: 23'

- Mục tiêu:

- HS nêu ý tưởng thiết kế một sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản theo hướng dẫn.

- HS vẽ phác thảo ra một sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản theo hướng dẫn.

- Cách tiến hành:

- GV yêu cầu các HS tiếp tục làm việc theo nhóm 2 trả lời câu hỏi: "Nêu các bước để thiết kế được một chiếc đồng hồ đồ chơi như trên".

- GV mời các nhóm khác nhận xét.

- GV đưa ra quy trình tham khảo.

Bước 1: hình thành ý tưởng vẽ chiếc đồng hồ đồ chơi

Bước 2 vẽ phác thảo và lựa chọn vật liệu dụng cụ.

Bước 3: làm sản phẩm mẫu.

Bước 4: đánh giá và hoàn thiện chiếc đồng hồ đồ chơi.

- HS thảo luận và trả lời.

- Các nhóm khác nhận xét

<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: trong 4 bước trên chúng ta đã thực hiện được bước nào? và mời học sinh trả lời. - Đồng hồ có những bộ phận nào? - Để làm được sản phẩm các con lựa chọn vật liệu, dụng cụ gì? - GV tổ chức cho các học sinh làm bước 2 phát giấy A4 cho mỗi học sinh để các em thực hiện vẽ bản phác thảo dựa vào cái ý trong hình 2 <div data-bbox="276 514 771 766" style="text-align: center;"> <p>Hình 2</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát quá trình học sinh vẽ phác thảo - GV khen ngợi học sinh khi hoàn thành bản phác thảo và yêu cầu 2 học sinh cùng bàn trao đổi bài và nhận xét bản phác thảo của mình, của bạn. - GV mời một số cặp lên bảng trình bày về kết quả thảo luận. - GV nhận xét chung về bản phác thảo của lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu ý kiến trả lời - Mặt đồng hồ, quai đeo, núm vặn, kim - HS trả lời câu hỏi - HS thực hiện vẽ phác thảo theo gợi ý HS quan sát trao đổi và nhận xét - Một số cặp học sinh lên bảng trình bày
---	---

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:
 - + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển năng lực công nghệ và năng lực thẩm mỹ.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại các bước quy trình. - Gv nhận xét chung về vẽ phác thảo bước 2 của cả lớp. - GV dặn dò cho tiết học sau và nhắc học sinh về nhà chuẩn bị các vật liệu dụng cụ cần thiết để làm chiếc đồng hồ đồ chơi. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhắc lại - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

Ôn Toán

Bài 20: PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh thực hiện được phép trừ hai số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép trừ hai số thập phân .
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép trừ hai số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- HS SGK, vở dụng cụ học tập phục vụ tiết học

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ? $24,4 + 35,17 = 58,1$ <input type="checkbox"/> + Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ? $23,4 + 41,9 = 65,3$ <input type="checkbox"/> + Câu 3: Thực hiện phép tính: $93,14 + 52,11 =$ Câu 4: Tính $13,1 + 31,7 =$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + 1- Trả lời: S + 2- Trả lời: Đ. +3 - Trả lời: 145,25 +4- Trả lời: 45,8 - HS lắng nghe.

2. Luyện tập

Bài 1. Tính

$$\begin{array}{r} 17,7 \\ - 5,3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5,39 \\ - 2,81 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 25,58 \\ - 9,4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6,2 \\ - 3,05 \\ \hline \end{array}$$

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1.

- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1:

$$\begin{array}{r} 17,7 \\ - 5,3 \\ \hline 12,4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5,39 \\ - 2,81 \\ \hline 2,58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 25,58 \\ - 9,4 \\ \hline 16,18 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6,2 \\ - 3,05 \\ \hline 3,15 \end{array}$$

- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Đ, S?

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.

$$\begin{array}{l} \text{a) } \begin{array}{r} 10,45 \\ - 8,8 \\ \hline 7,37 \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{b) } \begin{array}{r} 6,29 \\ - 4,76 \\ \hline 1,53 \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{c) } \begin{array}{r} 91,5 \\ - 6,83 \\ \hline 23,2 \end{array} \end{array}$$

- GV mời HS làm bài tập cá nhân vào bông hoa đáp án
- GV đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

$$\begin{array}{l} \text{a) } \begin{array}{r} 10,45 \\ - 8,8 \\ \hline 7,37 \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{b) } \begin{array}{r} 6,29 \\ - 4,76 \\ \hline 1,53 \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{c) } \begin{array}{r} 91,5 \\ - 6,83 \\ \hline 23,2 \end{array} \end{array}$$

- HS làm bông hoa đáp án
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

Bài 3: Vào mùa khô, hồ T'Nung có diện tích là 2,28 km². Vào mùa mưa, hồ T'Nung có diện tích là 4 km². Hỏi diện tích hồ T'Nung vào mùa khô ít hơn diện tích hồ T'Nung vào mùa mưa bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở

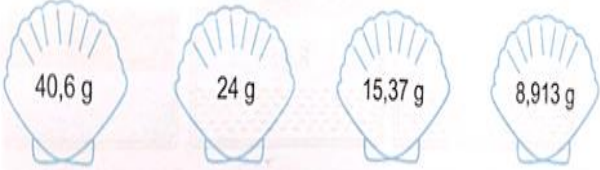
- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm: tóm tắt nêu cách giải làm phiếu nhóm và ghi vở đối vở soát

Bài giải

Diện tích hồ T'Nung vào mùa khô ít hơn mùa mưa số ki-lô-mét vuông là:

$$4 - 2,28 = 1,72 \text{ (km}^2\text{)}$$

Đáp số: 1,72 km²

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo kết quả - Các nhóm nhận xét.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<p>Bài 4: Trên mỗi vỏ sò ghi số cân nặng của vỏ sò đó. Tô màu hai vỏ sò có hiệu cân nặng bằng 8,63 g.</p>  <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh – Ai đúng? - Mỗi đội cử 4 bạn tham gia trò chơi. Nhóm nào tô màu nhanh nhất, chính xác là đội thắng cuộc. - Đánh giá tổng kết trò chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - HS tham gia chơi. <p>Các nhóm rút kinh nghiệm.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Ôn Tiếng Việt
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 3+4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thuộc lòng đoạn hay bài thơ trong chủ đề Thế giới tuổi thơ và Thiên nhiên kỳ thú khoảng 100 chữ. Sử dụng được từ điển Tiếng Việt để tìm từ, biết cách dùng từ. Ghi chép vắn tắt được ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách. Biết lướt, đọc kỹ, đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân giọng, ngắt nhịp để thể hiện tâm trạng cảm xúc theo nhịp thơ. Nhận biết tìm xếp từ đồng nghĩa theo nhóm và đặt câu với từ vừa tìm. Biết viết đoạn văn ngắn có dùng từ đồng nghĩa tả màu sắc

Đọc hiểu: Nhận biết nhiều được hình ảnh thơ tạo nên cái hay ,cái đẹp cho bài thơ, hiểu điều tác giả muốn nói qua câu bài thơ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật thiên nhiên đất nước.
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, phiếu học tập ,bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh giới thiệu điều mình biết về 1 danh lam thắng cảnh mình được đọc hay xem hoặc đến thăm quan trước lớp - GV cùng trao đổi với HS về ND bạn chia sẻ: + Cảnh đẹp đó là cảnh nào? Ở đâu? Em thích nhất hình ảnh nào ở đó? + Khi đến đó em làm gì để cảnh quan luôn mãi tươi đẹp? <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ. - HS trao đổi với bạn. + Ví Dụ: động phong Nha Kẻ Bàng, Khoang Xanh suối tiên, Vịnh Hạ Long... + Chúng em cần thực hiện nội quy nói đó, bỏ rác vào thùng, hạn chế vứt vỏ chai nhựa túi nilong ra nơi đến thăm quan, giữ gìn bảo tồn tham gia dọn rác, trồng chăm sóc cây nơi danh lam thắng cảnh của quê hương mình, - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập.</p> <p>Bài 1. Đọc thuộc lòng đoạn thơ (khoảng 100 chữ) trong một bài thơ được nêu ở bài tập 1 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 82) và trả lời câu hỏi .</p>	

<p>- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1 cá nhân, trao đổi theo nhóm bàn GV hỗ trợ nếu cần.</p>	<p>- HS đọc thầm cá nhân. Đọc nối tiếp nhóm bàn ,tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.</p> <p>- HS nối tiếp trả lời câu hỏi theo yêu cầu trong bài, lớp theo dõi nhận xét bổ sung, nêu câu hỏi chia sẻ trao đổi với bạn</p> <p>+ Bài thơ muốn nói về nhân vật người con thông qua hình ảnh chú ngựa, hi vọng con sẽ học hành, tìm đến những ước mơ, hoài bão tương lai và có một cuộc sống thành công.</p> <p>+ Tác giả muốn nói đến tình yêu thương của cô giáo dành cho các bạn học sinh khiếm thính và thế giới âm thanh được cô chuyển tải.</p> <p>+ Em yêu thích những hình ảnh: người gặt lúa, trồng rau, tìm măng, hái nấm. Vì em thấy đất trời rộng lớn, có những con người không cất thành tiếng, không nhìn rõ mặt vẫn chăm chỉ làm công việc của mình. Mỗi người một việc – con người tuy nhỏ bé nhưng thật mạnh mẽ, tài năng.</p> <p>+ Sự kì thú của thiên nhiên được miêu tả qua những chi tiết: mây bay hối hả, mầm non mắt lim dim, mưa phùn lất phất, rào rào trận lá, chú thỏ phóng nhanh, trăm ngọn suối róc rách reo mừng, ngàn chim muông nổi hát ca vang dậy, mầm non bật chiếc vỏ đứng dậy khoác áo màu xanh biếc.</p> <p>- HS nối tiếp trả lời</p>
<p>- Yêu cầu HS nối tiếp trả lời</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung</p> <p>Bài 2. Từ ngọn và từ gốc trong mỗi câu dưới đây mang nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. Đánh dấu ✓ vào cột phù hợp</p> <p>- GV gọi HS yêu cầu</p> <p>_ GV cho các nhóm nêu nối tiếp, đánh giá nhận xét lẫn nhau: đúng đủ hay còn sai sót, nêu ý kiến bổ sung của mình với nhóm bạn</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời theo nhóm</p> <p>- Đại diện các nhóm lên nối tiếp chia sẻ trước lớp</p>

- GV thống nhất đáp án
- GV nhận xét, tuyên dương

a. ngọn

Câu	Nghĩa gốc	Nghĩa chuyển
Bầy chim riu rít làm tổ trên ngọn cây.	<input checked="" type="checkbox"/>	
Ngọn lửa bập bùng xua đi cái lạnh đầu đông.		<input checked="" type="checkbox"/>
Những ngọn núi ẩn hiện trong mây trời.	<input checked="" type="checkbox"/>	

b. gốc

Câu	Nghĩa gốc	Nghĩa chuyển
Ông tôi mới trồng thêm 5 gốc cam ở góc vườn.	<input checked="" type="checkbox"/>	
Các bạn nhỏ ngồi chơi dưới gốc cây đa đầu làng.	<input checked="" type="checkbox"/>	
Nhiều người gốc Việt đã về Việt Nam làm việc.		<input checked="" type="checkbox"/>

Bài 3: Đặt câu để phân biệt nghĩa gốc và nghĩa chuyển của mỗi từ dưới đây:

a. lá b. nụ

- Gv cho học sinh thực hiện cá nhân
- GV và HS khác theo dõi, bổ sung

- HS đọc lại yêu cầu bài tập
Nói tiếp đặt câu và phân tích chủ ngữ vị ngữ trong câu, chỉ ra từ vừa chọn để đặt câu.

Lớp nhận xét bổ sung câu trả lời của bạn, ghi nội dung vào vở

– Từ *lá*:

Câu nghĩa gốc: Mùa xuân, cây mọc lá tua tủa, đâm chồi mọc lên xanh biếc.

Câu nghĩa chuyển: Mẹ đi làm sớm, gửi cho em một lá thư dặn dò.

– Từ *nụ*:

Câu nghĩa gốc: Trên cây, những nụ hoa đào đã bắt đầu chớm nở.

Câu nghĩa chuyển: Em dành tặng mẹ một nụ hôn.

- GV nhận xét cũng cố lưu ý khi đặt câu đúng đủ thành phần chính mở rộng thêm trạng ngữ, dùng hình ảnh so sánh, nhân hoá để câu văn dùng và hay giàu hình ảnh hơn

Bài 4: Đọc đoạn truyện trong bài tập 4 (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 82-83) và trả lời câu hỏi:

- a. Từ bà ở vị trí nào được dùng để xưng hô?**
- b. Trong đoạn văn, còn danh từ nào cũng được dùng để xưng hô?**

<p>-GV cho Hs đọc đoạn văn, làm việc theo nhóm</p> <p>- Đại diện trả lời. GV và HS theo dõi bổ sung, khuyến khích HS trả lời theo ý riêng của mình.</p> <p>- GV nhận xét</p>	<p>- Hs đọc đoạn văn. HS làm việc nhóm, ghi kết quả vào vở bài tập</p> <p>- HS nối tiếp nêu đáp án. Lớp theo dõi nhận xét</p> <p>a. Từ bà trong vị trí (2) dùng để xưng hô.</p> <p>b. Trong đoạn văn, còn danh từ <i>cháu</i> cũng được dùng để xưng hô.</p>
<p>3. Vận dụng, trải nghiệm</p> <p>Bài 5: Tìm đại từ thay thế thích hợp điền vào chỗ trống trong đoạn văn dưới đây</p> <p>-GV cho học sinh đọc nêu yêu cầu đề bài, làm việc cá nhân</p> <p>Gọi Hs nối tiếp đọc bài và nêu câu trả lời. Lớp nhận xét bổ sung</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương học sinh</p>	<p>- Học sinh đọc yêu cầu bài</p> <p>- Nối tiếp đọc bài, chia sẻ câu trả lời</p> <p>Lớp theo dõi, nhận xét bổ sung</p> <p>Đáp án: Ngày xưa, trên cao nguyên có một đồng cỏ ở rất xa chỗ sinh sống của loài người. Nơi đó có một dòng suối trong như pha lê và những tảng đá vân nằm giữa những đám hoa bướm bướm, hoa thạch thảo màu hồng, màu tím. Muốn tới đó phải vượt qua những cánh rừng, những dãy núi, những dòng sông... Muông thú gọi nơi đó là làng Hươu.</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Thứ Năm, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tiết 6: Đánh giá về: Đọc và đọc hiểu

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Vườn mặt trời, quả mặt trăng”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.

Đọc hiểu: đọc bài “Cánh đồng vàng” và trả lời câu hỏi Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Đoạn văn miêu tả cánh đồng lúa đang chín tới, với hình ảnh các bông lúa kêu gọi nhau chín nhanh lên và cảm giác đồng lúa dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở quê hương
- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
2. Khởi động - GV cho học sinh hát bài hát về quê hương - GV cùng trao đổi với HS về ND bài hát: + Bài hát nói về điều gì? + Em có cảm xúc gì về quê hương mình qua bài hát đó? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe bài hát. - HS trao đổi về ND bài hát với GV. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	

- Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài thơ “Vườn mặt trời quả mặt trăng”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.

- Cách tiến hành:

2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp.

- GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên, đồng tình, cảm thán,...

- GV gọi HS đọc và trả lời câu hỏi

+ Vườn cây trái được tác giả so sánh với những hình ảnh nào? Nếu tác dụng của những hình ảnh so sánh đó.

+ Những từ ngữ nào cho thấy đối với con người, vườn cây trái rất thân thiện, đáng yêu?

- HS lắng nghe GV đọc.

- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- 3 HS đọc nối tiếp

- HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.

- 3 HS đọc nối tiếp trả lời

+ Vườn cây trái được tác giả so sánh với những hình ảnh mặt trời và mặt trăng. So sánh này giúp tạo ra hình ảnh về sự tràn ngập ánh sáng, vẻ đẹp tự nhiên và sự mát mẻ, tươi mới của vườn cây trái. Mặt trời mang lại sự ấm áp và sự sống, trong khi mặt trăng mang lại vẻ đẹp mềm mại và huyền bí. Những hình ảnh này tạo nên một không gian tràn đầy sức sống và hòa mình vào thiên nhiên.

+ Những từ ngữ như "trái xòe những tia mặt trời", "chùm quả tươi ngời", "quả như mặt trăng mềm mại", "dâng đầy hương thơm",... cho thấy đối với con người, vườn cây trái rất thân thiện và đáng yêu. Các từ ngữ này tạo ra hình ảnh về sự tươi mới, màu sắc rực rỡ và mùi hương dễ chịu, khiến cho vườn cây

<p>+Tác giả đã có cảm nghĩ thế nào khi đi trong vườn cây? Vì sao? - GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>trái trở nên hấp dẫn và đáng yêu trong mắt con người. + HS đọc đoạn thơ 4,5 và trả lời :Tác giả có cảm nghĩ rất tích cực khi đi trong vườn cây, như được thưởng thức vẻ đẹp và sự tươi mới của thiên nhiên. Tác giả cảm thấy cảm kích và biết ơn với trời, đất và cây cối, cũng như với những người nông dân vất vả đã tạo ra một không gian vườn cây tuyệt vời như thế. Điều này thể hiện sự kết nối và biết ơn với thiên nhiên, cũng như sự trân trọng và đánh giá cao về công lao của những người làm vườn.</p>
<p>3. Luyện tập. - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ bài ““Cánh đồng vàng””. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật. + Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể, và trả lời được các câu hỏi đọc hiểu của bài + Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương. - Cách tiến hành:</p>	
<p>3.1 Luyện đọc bài Cánh đồng vàng GV gọi HS đọc nối tiếp bài đọc. -GV theo dõi nhận xét.</p>	<p>-Học sinh luyện đọc cá nhân, nhóm bàn, nối tiếp</p>
<p>3.2. Trả lời câu hỏi- - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi ghi vở bài tập:</p>

<p>+Câu 1 Bạn nhỏ ngắm cánh đồng vào thời gian nào trong ngày? Chọn đáp án đúng.</p> <p>A. Buổi sáng B. Buổi trưa C. Buổi chiều D. Buổi tối</p> <p>+ Câu 2: Cánh đồng lúa hiện ra như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ khi ngồi trên đê?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về màu sắc - Về âm thanh - Về sự chuyển động, phát triển <p>+ Câu 3: Tìm trong bài những từ ngữ tả màu sắc của cánh đồng lúa?</p> <p>+ Câu 4: Trong bài, cây lúa được nhân hoá bằng những cách nào?</p> <p>+ Câu 5: Nêu tác dụng của biện pháp nhân hoá trong việc miêu tả đồng lúa đang chín.</p> <p>Câu 6 Theo em, vì sao bạn nhỏ cảm thấy mình bập bênh trên con thuyền giữa biển màu vàng?</p>	<p>+ Câu 1: C buổi chiều:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về màu sắc: Màu vàng rực. - Về âm thanh: xôn xao, kêu lên, thúc giục nhau. - Về sự chuyển động, phát triển: Đoạn văn miêu tả cánh đồng lúa đang chín tới, với hình ảnh các bông lúa kêu gọi nhau chín nhanh lên và cảm giác đồng lúa dâng lên, trải ra mỗi lúc một rộng. <p>+ Từ ngữ tả màu sắc của cánh đồng lúa: "vàng rực", "vàng chanh", "vàng cam", "vàng chói"..</p> <p>+ Cây lúa được nhân hoá bằng những cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân hoá qua tiếng nói: Lúa được miêu tả như có tiếng nói, kêu gọi nhau chín nhanh lên. - Nhân hoá qua hành động: Lúa được miêu tả như thúc giục nhau chín nhanh lên. <p>+ Tác dụng của biện pháp nhân hoá là tạo ra một hình ảnh sống động, gần gũi và đầy sinh động về cánh đồng lúa đang chín. Qua những hình ảnh và tiếng kêu của lúa, độc giả cảm nhận được sự sống động và sự phát triển mạnh mẽ của cánh đồng.</p> <p>+ HS đọc kĩ đoạn văn từ “Mặt trời càng xuống thấp” đến “giữa biển vàng.” để tìm câu trả lời:</p> <p>Bạn nhỏ cảm thấy mình bập bênh trên con thuyền giữa biển màu vàng vì mặt trời lặn chậm xuống chân trời, mặt trời càng xuống thấp, cánh đồng càng dâng lên khiến toàn bộ cánh đồng là một hồ nước mênh mông màu vàng chói. => Nhân vật tôi có cảm giác mặt trời sẽ rơi xuống cánh đồng.</p>
---	--

Câu 7: Qua cách quan sát, cảm nhận về cánh đồng lúa đang chín, em thấy bạn nhỏ là người thế nào?

Câu 8: Em hiểu thế nào về câu “Hoà nhập vào hạnh phúc lớn lao của người khác, bản thân ta sẽ hạnh phúc”?

Câu 9 Tìm nghĩa của từ *chín* trong mỗi câu dưới đây:

a. Hoà nhập với cánh đồng, tôi có niềm vui của lúa chín vàng.	(1) (thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được
b. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.	(2) (quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon
c. Ăn chín , uống sôi	(3) thành thực, am hiểu đầy đủ mọi khía cạnh

Câu 10: Đặt câu với từ *chín* theo 1 trong 3 nghĩa nêu ở bài tập 9.

- GV nhận xét, tuyên dương
- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.
- GV nhận xét và chốt:

Mỗi người trưởng thành đều cần sống tự giác làm việc để phục vụ cuộc sống của mình không ỷ lại phụ thuộc vào người khác hay buộc người khác phục vụ mình để cuộc sống có ý nghĩa hơn.

Bài 2 trang 84 SGK Tiếng Việt 5

Kể thêm một đoạn cho câu chuyện *Tôi sống độc lập từ thuở bé* theo tưởng tượng của em.

+ Em thấy bạn nhỏ là người rất yêu thiên nhiên, nhạy cảm và thấu hiểu. Bạn nhỏ không chỉ quan sát cảnh đẹp mà còn thấu hiểu và cảm nhận sâu sắc về sự sống và sự phát triển của thiên nhiên.

+ Câu "Hoà nhập vào hạnh phúc lớn lao của người khác, bản thân ta sẽ hạnh phúc" cho thấy sự hiểu biết và sâu sắc về lòng biết ơn và sự kết nối với môi trường xung quanh. Bằng cách hiểu và hoà nhập với thiên nhiên, bạn nhỏ cảm thấy hạnh phúc và đạt sự thoải mái trong tâm hồn.

+ a. – (2) (quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon.

b. - (3) thành thực, am hiểu đầy đủ mọi khía cạnh

c. – (1) (thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được

HS nói tiếp đặt câu:

- Quả xoài chín vàng.
- Em thích ăn thịt bò chín kĩ.
- Bố em là người rất chín chắn.

- 2-3 HS tự rút ra bài học cho mình

- 3-4 HS nêu bài học của mình sau khi đọc truyện.

- HS thực hiện cá nhân

G: Có thể kể diễn biến tâm trạng của chú để út trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh.

Cho học sinh đọc lại chuyện

Nhớ lại cách viết văn tưởng tượng. Viết vào vở, bồi tiếp đọc trước lớp

GV nhận xét tuyên dương

- HS chia sẻ trước lớp, lớp nhận xét bổ sung

Ví dụ:

Trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh, chú để út cảm thấy lẻ loi và buồn bã. Khi đêm buông xuống và ánh trăng nhẹ nhàng chiếu sáng xuống hang đất nhỏ, chú cảm thấy nhớ nhà, nhớ mẹ và nhớ các anh. Âm thanh của đầm nước gần kề như tiếng rì rào đầy nghẹn ngào, nhắc nhở chú về cuộc sống ấm áp ở bên cạnh mẹ và anh em.

Những cảm xúc lẻ loi và cô đơn tràn ngập trong lòng chú khiến cho từng giây phút trôi qua càng trở nên chậm lại. Chú để út nhớ về những lúc được mẹ dắt đi dạo, được cả nhà cùng nhau thưởng thức những bữa ăn ngon và những giờ phút sum họp bên nhau. Nỗi nhớ nhà càng làm cho chú cảm thấy như mình bị lạc trong một không gian xa lạ và không có điểm tựa.

Tuy nhiên, qua những giọt nước mắt, chú để út cũng nhận ra rằng mẹ đã dành cho mình một không gian thoải mái và an toàn. Dần dần, chú cảm thấy lòng mình trở nên bình tĩnh hơn, và nhận ra rằng sẽ có thể tự mình vượt qua những thách thức và trở thành một đấng trưởng thành, độc lập. Chú để út quyết tâm đối mặt với mọi khó khăn và học hỏi từng ngày để trở thành một đấng mạnh mẽ và tự tin hơn.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ nêu bài học mình học được sau khi đọc xong bài cánh đồng vàng em hãy nói về cánh đồng lúa quê em + Về nhà viết lại đoạn văn tả cánh đồng lúa hay kể sáng tạo về 1 câu truyện trong chủ đề đã học - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dẫn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 7 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình về cánh đồng lúa. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Bài 20: PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Cung cố cho học sinh thực hiện phép trừ hai số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép trừ hai số thập phân .
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép trừ hai số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

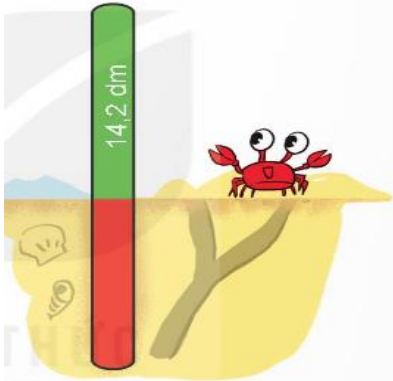
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- HS SGK, vở dụng cụ học tập phục vụ tiết học

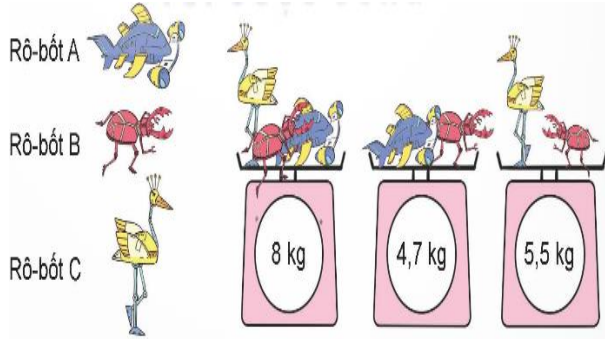
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Thông qua khởi động, giáo viên dẫn dắt bài mới hấp dẫn để thu hút học sinh tập trung. 	

<p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>+ Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ? $35,07 - 23,4 = 12,3$ <input type="checkbox"/></p> <p>+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ? $41,7 - 23,6 + = 18,1$ <input type="checkbox"/></p> <p>+ Câu 3: Thực hiện phép tính: $93,04 - 52,11 =$</p> <p>Câu 4: Tính $31,7 - 23,9 =$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ 1-Trả lời: S</p> <p>+ 2-Trả lời: Đ.</p> <p>+3 -Trả lời: 40,93</p> <p>+4- Trả lời: 7,8</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố trừ hai số thập phân</p> <p>+ Hiểu và vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho học sinh nêu quy tắc trừ trước khi luyện tập :</p> <p>Muốn trừ hai số thập phân ta thực hiện như sau:</p> <p>+ Viết số trừ bên dưới số bị trừ sao cho các chữ số ở cùng hàng và dấu phẩy thẳng cột với nhau</p> <p>+ Trừ như trừ hai số tự nhiên</p> <p>+ Viết dấu phẩy ở hiệu thẳng cột với dấu phẩy ở số bị trừ và số trừ.</p>	<p>Học sinh nối tiếp nêu lại cách trừ</p>
<p>Bài 1.: Đặt tính rồi tính</p> $\begin{array}{r} 525,9 \\ - 13,84 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 7,6 \\ - 1,51 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 21,4 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ - 3,5 \\ \hline \end{array}$ <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1.</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1:</p> $\begin{array}{r} 25,9 \\ - 13,84 \\ \hline 12,06 \end{array}$ $\begin{array}{r} 7,6 \\ - 1,51 \\ \hline 6,09 \end{array}$ $\begin{array}{r} 21,4 \\ - 6 \\ \hline 15,4 \end{array}$ $\begin{array}{r} 9 \\ - 3,5 \\ \hline 5,5 \end{array}$
<p>- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.</p>	<p>- Các nhóm báo cáo kết quả.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
<p>Bài 2. Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài. a) $8,9 + ? = 28,501$ b) $? + 8,16 = 17,5$ c) $? - 6,17 = 11,83$ - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào bảng con, vở. - GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - Học sinh làm cá nhân vào vở - a) $8,9 + \mathbf{19,601} = 28,501$ b) $\mathbf{9,34} + 8,16 = 17,5$ c) $\mathbf{5,66} - 6,17 = 11,83$ - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>Bài 3: Một chiếc cọc được sơn hai màu xanh và đỏ (như hình vẽ). Biết đoạn màu xanh dài hơn đoạn màu đỏ là 1,8 dm. Tìm độ dài chiếc cọc đó.</p>  <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải .làm phiếu nhóm và vở - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm: tóm tắt nêu cách giải làm phiếu nhóm và ghi vở đổi vở soát <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Độ dài chiếc cọc màu đỏ là:</p> $14,2 - 1,8 = 12,4 \text{ (dm)}$ <p>Độ dài chiếc cọc là:</p> $14,2 + 12,4 = 26,6 \text{ (dm)}$ <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 26,6 (dm)</p>
<p>Bài 4. Số?</p>	

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.



a) Rô-bốt A cân nặng: ? kg

b) Rô-bốt B cân nặng: ? kg

c) Rô-bốt C cân nặng: ? kg

- GV mời HS thảo luận cách làm nhóm 4 một số đại diện nêu nối tiếp, Trình bày cách giải bài tập vào vở cá nhân

- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi

- Học sinh thảo luận cách làm theo nhóm 4 và tính kết quả, trình bày cá nhân vào vở

Cân 1 : Rô-bốt A + B + C = 8

Cân 2 + cân 3 = Rô-bốt A + B + C + B = 4,7 + 5,5 = 10,2

Nên : Cân 2 + cân 3 = 8 + B = 10,2

Ta có : B = 10,2 – 8 = 2,2

A = 4,7 – 2,2 = 2,5

C = 5,5 – 2,2 = 3,3

a) Rô-bốt A cân nặng: 2,5 kg

b) Rô-bốt B cân nặng: 2,2 kg

c) Rô-bốt C cân nặng: 3,3 kg

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Vận dụng trải nghiệm.

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

- Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Đố bạn”.

- Cách chơi: GV ghi phép tính trên các bảng

– phiếu- yêu cầu cặp học sinh tìm kết quả : .

1 bạn giơ – phiếu -bảng có phép tính đố bạn

còn lại tìm kết quả và ngược lại. . Thời gian

chơi từ 2-3 phút

- GV tổ chức trò chơi.

- Đánh giá tổng kết trò chơi.

- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS lắng nghe trò chơi.

- Các nhóm lắng nghe luật chơi.

- Các nhóm tham gia chơi.

Các nhóm rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Khoa học
Bài 9: MẠCH ĐIỆN ĐƠN GIẢN,
VẬT DẪN ĐIỆN VÀ VẬT CÁCH ĐIỆN (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của mạch điện thấp sáng gồm: nguồn điện, công tắc và bóng đèn..

- Giải thích được lí do sử dụng vật dẫn điện, vật cách điện trong một số đồ vật, tình huống thường gặp.

- Đề xuất được cách làm thí nghiệm để xác định vật dẫn điện, vật cách điện.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu cấu tạo và hoạt động của mạch điện.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất cách làm thí nghiệm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ ý kiến, trình bày kết quả làm việc của nhóm.

3. Phẩm chất.

Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**Giáo dục STEM.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Các hình trong SGK được trình chiếu.

- Dụng cụ thí nghiệm như hình 2, 5, 6 SGK và một số vật dẫn điện, cách điện.

- Bảng nhóm, giấy A3, bút lông.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động. - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phân khởi trước giờ học. + Khởi gợi những hiểu biết đã có của HS về tính chất của nước. - Cách tiến hành:	
- GV nêu tình huống: Các em hãy tưởng tượng nếu chúng ta đi vào trong một hang động không có ánh sáng, chúng ta không nhìn thấy mọi vật xung quanh. Các em sẽ sử dụng đồ vật gì để chiếu sáng? - GV mời một vài HS trả lời. - GV nhận xét dẫn vào bài mới. + Vậy bên trong đèn pin có những bộ phận nào? Vì sao đèn pin phát sáng?	- HS lắng nghe. - HS trả lời. - HS lắng nghe.

<p>- Như vậy, một mạch điện thấp sáng đơn giản cần có những bộ phận nào và hoạt động như thế nào? Để trả lời những câu hỏi này, chúng ta cùng vào bài học hôm nay: <i>Mạch điện đơn giản, vật dẫn điện và vật cách điện.</i></p>	
<p>2. Khám phá và luyện tập.</p> <p>- Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu và trình bày được cấu tạo của mạch điện thấp sáng đơn giản gồm: nguồn điện, công tắc và bóng đèn. - HS xác định được hai cực dương và âm của pin cúc áo, mô tả được cách nối đèn LED với pin cúc áo và lắp ráp được công tắc đơn giản với các vật liệu quen thuộc. <p>- Phát triển năng lực khoa học.</p>	
<p>Hoạt động 1: Kiến thức STEM</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu và trình bày được cấu tạo của mạch điện thấp sáng đơn giản gồm: nguồn điện, công tắc và bóng đèn. - HS xác định được hai cực dương và âm của pin cúc áo, mô tả được cách nối đèn LED với pin cúc áo và lắp ráp được công tắc đơn giản với các vật liệu quen thuộc. <p>Cách tiến hành:</p>	
<p><i>a) Tìm hiểu về mạch điện thấp sáng đơn giản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm việc theo nhóm, quan sát hình 2 SHS và hoàn thành Phiếu học tập số 1. - - Gọi đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. - GV nhận xét kết quả hoạt động nhóm của HS và công bố đáp án của Phiếu học tập số 1: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Pin (nguồn điện) có chức năng cung cấp năng lượng làm cho bóng đèn phát sáng.</i> + <i>Dây dẫn điện có chức năng nối bóng đèn và công tắc với pin.</i> + <i>Khoá K (công tắc) giúp đóng/ngắt mạch điện.</i> + <i>Bóng đèn sẽ phát sáng khi có dòng điện chạy qua.</i> - GV chốt kiến thức: mạch điện thấp sáng đơn giản gồm có pin cung cấp năng lượng cho mạch điện, dây dẫn điện nối các thiết bị điện với nhau, khoá K dùng để đóng/ngắt mạch điện. Bóng đèn sẽ phát sáng khi có dòng điện chạy qua (mạch điện kín). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: làm việc theo nhóm, quan sát hình 2 SHS và hoàn thành Phiếu học tập số 1. - Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. Nhận xét nhóm bạn. - Quan sát, theo dõi, bổ sung thông tin vào phiếu. - Lắng nghe.

b) Khám phá một số bộ phận trong mạch điện thấp sáng

– Cho HS quan sát hình 3 SHS, nhận biết cực âm và cực dương của pin cúc áo và ghi chú vào mục 1 ở phiếu học tập số 2.

- GV lưu ý, đối với pin cúc áo thì cực không phải là một đầu mà chính là bề mặt của pin.

– GV cho HS quan sát hình ảnh đèn LED với 2 chân nổi rõ ràng, từ đó giới thiệu hai chân của đèn LED: chân dài là chân dương và chân ngắn là chân âm. HS nhận dụng cụ và thực hiện theo hướng dẫn ở hình 5 SHS, cùng thảo luận nhóm và hoàn thành mục 2 ở Phiếu học tập số 2.

– GV phát cho mỗi nhóm HS một đoạn băng dính đồng, yêu cầu HS quan sát và trả lời một số câu hỏi khám phá băng dính đồng:

+ Băng dính đồng có đặc điểm gì?

+ Khi dùng băng dính đồng để nối đèn LED và pin cúc áo thì phải lưu ý điều gì?

-GV hướng dẫn HS thực hiện chế tạo công tắc đơn giản.

- GV cho cả lớp quan sát bìa các-tông có dán hai đoạn băng dính đồng (mỗi đoạn có một khe nhỏ), ghim cánh phượng và kẹp giấy.

- GV yêu cầu các nhóm đọc hướng dẫn và xem hình mô tả các bước thực hiện làm công tắc đơn giản (trang 17 SHS) và nêu câu hỏi nếu có thắc mắc.

- GV phát dụng cụ cho mỗi nhóm và yêu cầu HS thực hiện chế tạo công tắc, hoàn thành mục 3 ở Phiếu học tập số 2.

- GV tổng kết về mạch điện thấp sáng đơn giản và nhấn mạnh cách sử dụng pin cúc áo, đèn LED và công tắc đơn giản để tạo thành mạch điện thấp sáng đơn giản trên mặt phẳng.

- HS quan sát hình 3 SHS, nhận biết cực âm và cực dương của pin cúc áo và ghi chú vào mục 1 ở phiếu học tập số 2.

- HS quan sát hình ảnh, thảo luận nhóm và hoàn thành mục 2 ở Phiếu học tập số 2

- HS nhận băng dính đồng. HS quan sát và trả lời một số câu hỏi khám phá băng dính đồng:

+ Có lớp băng dính nên có thể dễ dàng dán trên các bề mặt.

+ Mỗi chân của đèn LED hoặc mỗi cực của pin cúc áo phải tiếp xúc với bề mặt của băng dính đồng.

-HS theo dõi.

-HS quan sát.

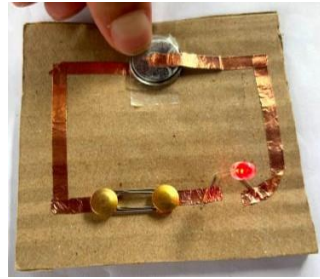
- Các nhóm đọc hướng dẫn và xem hình mô tả các bước thực hiện làm công tắc đơn giản.

- HS nhận dụng cụ, thực hiện chế tạo công tắc, hoàn thành mục 3 ở Phiếu học tập số 2.

-HS lắng nghe.



Mở công tắc



Đóng công tắc để đèn sáng

- GV nhận xét kết quả hoạt động nhóm của HS và công bố đáp án của Phiếu học tập số 2.

+ Cực dương của pin cúc áo là cực có kí hiệu + và đáy bằng; cực âm là mặt còn lại của pin.

+ Nối chân dài (chân dương) của đèn LED với cực dương của pin, nối chân âm (chân ngắn) của đèn LED với cực âm của pin.

+ Hình 1: Công tắc

+ Hình 2: Đèn LED

+ Hình 3: Pin cúc áo

Trong hình, công tắc đơn giản đang đóng.

- GV đưa ra nhận xét: Mạch điện được làm từ các vật liệu đơn giản, khi mắc mạch điện cần đảm bảo các thiết bị tiếp xúc tốt với nhau và cần đảm bảo công tắc dễ dàng điều chỉnh trạng thái đóng/mở.

-HS theo dõi, rút kinh nghiệm.

3. Hoạt động nối tiếp

- Mục tiêu:

+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.

+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.

+ Chuẩn bị bài cho tiết sau.

+ Phát triển năng lực khoa học.

- **Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nêu ví dụ về mạch điện thấp sáng đơn giản trong cuộc sống.

- GV yêu cầu HS về nhà ôn lại cấu tạo mạch điện thấp sáng đơn giản và mô tả hoạt động của mạch điện đó.

- HS nêu ví dụ về mạch điện thấp sáng đơn giản trong cuộc sống.

+ Đèn pin, đèn bàn học, đèn ngủ, đèn trang trí.....

-HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (NẾU CÓ):

.....
.....
.....

Ôn Toán

Bài 20: PHÉP TRỪ SỐ THẬP PHÂN (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cho học sinh thực hiện phép trừ hai số thập phân
- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến trừ số thập phân.
- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép trừ hai số thập phân .
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép trừ hai số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.
- HS SGK, vở dụng cụ học tập phục vụ tiết học

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền đúng hay sai vào ô ? $45,07 - 23,4 = 12,3$ <input type="checkbox"/>	- HS tham gia trò chơi + 1-Trả lời: S
+ Câu 2: Điền đúng hay sai vào ô ? $41,7 - 23,4 = 18,3$ <input type="checkbox"/>	+ 2-Trả lời: Đ.
+ Câu 3: Thực hiện phép tính: $93,04 - 52,11 =$	+3 -Trả lời: 40,93
+ Câu 4: Tính $31,5 - 21,1 =$	+4- Trả lời: 10,4

- GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe.								
2. Luyện tập:									
<p>Bài 1. Đặt tính rồi tính</p> <p>a. $34,19 - 8,73$ b. $4,1 - 0,25$ c. $30,6 - 15$ d. $2 - 1,34$</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1.</p> <p>- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm việc nhóm đôi: thực hiện trừ các số thập phân trong bài tập 1:</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>a) $34,19 - 8,73$</td> <td>b) $4,1 - 0,25$</td> <td>c) $30,6 - 15$</td> <td>d) $2 - 1,34$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 34,19 \\ - 8,73 \\ \hline 25,46 \end{array}$ </td> <td style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 4,1 \\ - 0,25 \\ \hline 3,85 \end{array}$ </td> <td style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 30,6 \\ - 15 \\ \hline 15,6 \end{array}$ </td> <td style="text-align: center;"> $\begin{array}{r} 2 \\ - 1,34 \\ \hline 0,66 \end{array}$ </td> </tr> </table> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)</p>	a) $34,19 - 8,73$	b) $4,1 - 0,25$	c) $30,6 - 15$	d) $2 - 1,34$	$\begin{array}{r} 34,19 \\ - 8,73 \\ \hline 25,46 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4,1 \\ - 0,25 \\ \hline 3,85 \end{array}$	$\begin{array}{r} 30,6 \\ - 15 \\ \hline 15,6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ - 1,34 \\ \hline 0,66 \end{array}$
a) $34,19 - 8,73$	b) $4,1 - 0,25$	c) $30,6 - 15$	d) $2 - 1,34$						
$\begin{array}{r} 34,19 \\ - 8,73 \\ \hline 25,46 \end{array}$	$\begin{array}{r} 4,1 \\ - 0,25 \\ \hline 3,85 \end{array}$	$\begin{array}{r} 30,6 \\ - 15 \\ \hline 15,6 \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ - 1,34 \\ \hline 0,66 \end{array}$						
<p>Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>a) $5,3 + \dots = 19,014$ b) $\dots + 2,93 = 11,6$ c) $\dots - 3,67 = 81,2$</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào bảng con, vở.</p> <p>- GV chấm bài, đánh giá, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - Học sinh làm cá nhân vào vở</p> <p>a) $5,3 + 13,714 = 19,014$ b) $8,67 + 2,93 = 11,6$ c) $84,87 - 3,67 = 81,2$</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>								
<p>Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện.</p> <p>a) $31,559 + 18,801 - 4,559$ =</p> <p>b) $19,27 - 6,73 - 3,27$ =</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm vào vở</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm vào vở</p> <p>a) $31,559 + 18,801 - 4,559$ = $(31,559 - 4,559) + 18,801$ = $27 + 18,801$ = $45,801$</p>								

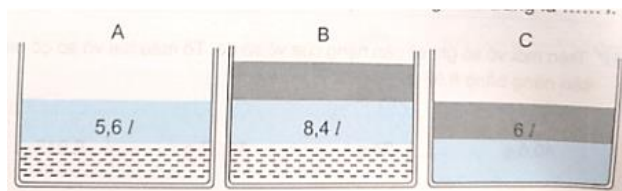
$$\begin{aligned}
 & \text{b) } 19,27 - 6,73 - 3,27 \\
 & = (19,27 - 3,27) - 6,73 \\
 & = 16 - 6,73 \\
 & = 9,27
 \end{aligned}$$

- GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai)

3. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 4: Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

Ban đầu trong bể có hai lớp chất lỏng màu xanh và màu trắng với tổng thể tích như hình A. Bạn Hiền đổ thêm lớp chất lỏng màu xám được ba lớp chất lỏng với tổng thể tích như hình B. Cuối cùng bạn ấy tháo nút để xả vừa hết lớp chất lỏng màu trắng đi còn lại hai lớp chất lỏng với tổng thể tích như hình C. Thể tích của lớp chất lỏng màu xám là l, lớp chất lỏng màu xanh là l và lớp chất lỏng màu trắng là



- GV yêu cầu HS đọc bài 4
- GV tổ chức cho HS thi đua: Mỗi đội cử 3 bạn, nối tiếp viết đáp án. Đội nào điền đúng, nhanh là đội thắng cuộc
- Đánh giá tổng kết trò chơi.
- GV nhận xét tiết học.
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu
 - HS tham gia trò chơi
- Thể tích của lớp chất lỏng màu xám là 2,8 l, lớp chất lỏng màu xanh là 3,2 l và lớp chất lỏng màu trắng là 2,4l.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

Ôn Tiếng Việt
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Tôi sống độc lập từ thuở bé”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc của nhân vật.

Đọc hiểu: Nhận biết được các sự kiện gắn với thời gian, không gian xảy ra câu chuyện trong văn bản tự sự. Hiểu suy nghĩ cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian địa điểm cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tập tính sống độc lập của loài dế, tính cách của chú dế út qua đoạn kết của câu chuyện thể hiện sự tự lập, ứng biến và sẵn lòng chấp nhận những thách thức mới. Chú không buồn khi phải ở riêng mà ngược lại còn cảm thấy khoan khoái và hứng khởi trước cuộc sống mới, thể hiện tính linh hoạt và thích ứng tốt với môi trường..

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở quê hương

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động</p> <p>- GV cho học sinh nêu cảm nhận và những điều mình biết về truyện dế mèn phiêu lưu ký để khởi động bài học.</p> <p>- GV cùng trao đổi với HS về ND bài:</p> <p>+ Tập truyện nói về nhân vật nào?</p> <p>+ Em thích nhất đoạn kể nào của chú Dế Mèn?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trao đổi về ND bài với GV.</p> <p>+ Tập truyện nói về chú Dế mèn.</p> <p>+ học sinh tự giới thiệu theo ý riêng.</p>

- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe.
2. Luyện tập.	
<p>Bài 1: Đọc câu chuyện Tôi sống độc lập từ thuở bé (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 83-84) và trả lời các câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi</p> <p>a. Ba anh em để được mẹ giảng giải thế nào về tục lệ lâu đời của họ nhà đẻ ?</p> <p>b. Chú để út có cảm nghĩ thế nào trước việc mẹ cho ra ở riêng?</p> <p>- Lúc theo mẹ đi trên đường</p> <p>- Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng</p> <p>c. Vì sao chú để út thầm cảm ơn mẹ?</p> <p>d. Em có nhận xét gì về tính cách của chú để út qua đoạn kết của câu chuyện?</p> <p>- GV ;nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Ba anh em để được mẹ giảng giải rằng tục lệ lâu đời trong họ nhà đẻ là phải sống độc lập từ khi còn bé. Mẹ còn dạy điều này giúp các ba anh em biết tự kiếm ăn và không phụ thuộc vào người khác.</p> <p>+ Học sinh đọc đoạn còn lại và trả lời b.</p> <p>- Lúc theo mẹ đi trên đường, chú để út cảm thấy tập tễnh và khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau mẹ.</p> <p>- Lúc được mẹ dắt vào chỗ ở riêng, chú cảm thấy không buồn mà còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng và mát mẻ.</p> <p>c. Chú để út thầm cảm ơn mẹ vì mẹ đã cho cậu được ở một mình ở nơi thoáng đãng, mát mẻ, chú sục sạo tham khắp hang, xem xét cẩn thận, an toàn chú đứng rước cửa hang nhìn trời xanh, dọn giọng, vỗ cánh, cao hứng gáy mấy tiếng rõ to.</p> <p>+ HS đọc đoạn cuối bài và trả lời d. Tính cách của chú để út qua đoạn kết của câu chuyện thể hiện sự tự lập, ứng biến và sẵn lòng chấp nhận những thách thức mới. Chú không buồn khi phải ở riêng mà ngược lại còn cảm thấy khoan khoái và hứng khởi trước cuộc sống mới, thể hiện tính linh hoạt và thích ứng tốt với môi trường.</p>
<p>Bài 2: Kể thêm một đoạn cho câu chuyện Tôi sống độc lập từ thuở bé theo tưởng tượng của em.</p> <p>G: Có thể kể diễn biến tâm trạng của chủ đề út trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh đọc lại chuyện - Viết vào vở, nối tiếp đọc trước lớp 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại câu chuyện - HS chia sẻ trước lớp, lớp nhận xét bổ sung <p>Ví dụ:</p> <p>Trong đêm đầu tiên xa mẹ, xa các anh, chú đế út cảm thấy lẻ loi và buồn bã. Khi đêm buông xuống và ánh trăng nhẹ nhàng chiếu sáng xuống hang đất nhỏ, chú cảm thấy nhớ nhà, nhớ mẹ và nhớ các anh. Âm thanh của đầm nước gợn khẽ như tiếng rì rào đầy nghẹn ngào, nhắc nhở chú về cuộc sống ấm áp ở bên cạnh mẹ và anh em.</p> <p>Những cảm xúc lẻ loi và cô đơn tràn ngập trong lòng chú khiến cho từng giây phút trôi qua càng trở nên chậm lại. Chú đế út nhớ về những lúc được mẹ dắt đi dạo, được cả nhà cùng nhau thưởng thức những bữa ăn ngon và những giờ phút sum họp bên nhau. Nỗi nhớ nhà càng làm cho chú cảm thấy như mình bị lạc trong một không gian xa lạ và không có điểm tựa.</p> <p>Tuy nhiên, qua những giọt nước mắt, chú đế út cũng nhận ra rằng mẹ đã dành cho mình một không gian thoải mái và an toàn. Dần dần, chú cảm thấy lòng mình trở nên bình tĩnh hơn, và nhận ra rằng sẽ có thể tự mình vượt qua những thách thức và trở thành một đấng trưởng thành, độc lập. Chú đế út quyết tâm đối mặt với mọi khó khăn và học hỏi từng ngày để trở thành một đấng mạnh mẽ và tự tin hơn.</p>
<p>GV nhận xét tuyên dương</p>	

3. Vận dụng trải nghiệm.

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS suy nghĩ nêu bài học mình học được sau khi đọc xong câu chuyện Tôi sống độc lập từ thưở bé + Hoặc viết lại đoạn kết câu chuyện theo ý của riêng mình và chia sẻ với bố mẹ người thân. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà chuẩn bị bài tiết 6,7 	<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

Thứ Sáu, ngày 01 tháng 11 năm 2024

Tiếng Việt

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tiết 7: VIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo. Hoặc văn miêu tả cảnh .

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng làm bài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu bài hát “Em yêu trường em”, sáng tác Hoàng Vân để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát.	- HS lắng nghe bài hát “Em yêu trường em”

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập . Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện đã học ở chủ điểm Thế giới tuổi thơ. Đề 2: Viết bài văn tả một cảnh đẹp ở một nơi em đã từng đến hoặc nhìn thấy qua tranh ảnh, ti vi,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Nhớ lại cách viết bài văn kể chuyện và đoạn văn tưởng tượng đã học ở lớp 4 để dễ dàng nhận biết được những điểm mới về yêu cầu của bài văn kể chuyện sáng tạo. Từ việc tìm hiểu bài văn kể chuyện sáng tạo và các chi tiết sáng tạo cho bài văn, nêu được những cách có thể viết bài văn kể chuyện sáng tạo. + Nhớ lại cách viết văn miêu tả cảnh đẹp. + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1. Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu đề 1, chọn bài viết - GV mời cả lớp làm việc nhóm. + Thêm chi tiết tả ngoại hình hoặc hoạt động của nhân vật. + Thay đổi cách kết thúc câu chuyện + Tưởng tượng mình đang tham gia vào câu chuyện như đang “nhìn”, “nghe”, “chạm vào”,... để sáng tạo chi tiết. - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ: <p><i>Trong bài văn kể chuyện sáng tạo, người viết có thể thêm chi tiết (thêm lời thoại, thêm lời kể, lời tả,...) hoặc thay đổi cách kết thúc mà không</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu đề 1.chọn bài viết Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả: - Các chi tiết có thể được sáng tạo như: + Thêm chi tiết tả bối cảnh (không gian, thời gian). + Thêm chi tiết tả ngoại hình, hành động của nhân vật. + Thêm (thay đổi) chi tiết kể tình huống, sự việc. + Thêm nhân vật vào câu chuyện. + Thêm lời thoại cho nhân vật. + Thay đổi cách kết thúc câu chuyện. + Thay đổi đoạn kết hoặc thêm đoạn kết,... - Các nhóm nhận xét, bổ sung. - 4 – 5 HS đọc nội dung ghi nhớ.

<p><i>làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.</i></p> <p>Bài văn có 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: giới thiệu câu chuyện. - Thân bài: Kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo. - Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện. 	
<p>Đề 2</p> <p>GV gọi HS đọc yêu cầu đề 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu lại bố cục bài văn miêu tả cảnh - Chọn cảnh viết và viết bài - Nói tiếp đọc chia sẻ bài viết <p>- GV nhận xét bổ sung</p>	<p>HS đọc yêu cầu đề 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu lại bố cục bài văn miêu tả cảnh - Chọn cảnh viết và viết bài - Nói tiếp đọc chia sẻ bài viết <p>Quê em là một làng nhỏ ven sông Hồng. Nơi đây em đã sinh ra và lớn lên trong tiếng ru của mẹ, trong hương thơm ngào ngạt của đồng lúa chín.</p> <p>Một vùng quê hiền hòa, yên tĩnh. Nơi đây có những vườn cau xanh mướt. Những hồ nước trong mát. Những con đường làng chạy quanh co. Con mương nước nở tím hoa bèo. Chiếc cầu nhỏ bắc ngang, dòng mương kia, nước trong như dòng sữa mẹ. Có hồ sen, giếng nước, có lũy tre cao ngất rì rào ca hát trưa hè, có những vườn rau xanh rờn. Xa xa trên đồng, đàn trâu đang thung thững gặm cỏ. Em nhớ nhất những chiều được thả diều cùng đám bạn và ngắm nhìn đàn trâu no cỏ đi về .</p> <p>Em yêu quý, tự hào về quê hương em, dù đi xa em vẫn nhớ về quê hương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp theo dõi nhận xét bổ sung
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành: 	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

<p>1/ Nêu điều em học tập được từ bài văn kể chuyện sáng tạo.</p> <p>2/ Nêu bố cục bài văn miêu tả cảnh đẹp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà tuần 10. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kĩ năng vận dụng vào thực tiễn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Toán

Âm nhạc

- HÁT: KHĂN QUÀNG THẤP SÁNG BÌNH MINH

Nhạc và lời: Trịnh Công Sơn

I. Yêu cầu cần đạt:

- Hát đúng ca độ và trường độ bài *Khăn quàng thấp sáng bình minh.*
- Hát rõ lời, thuộc lời, biết hát kết hợp với gõ đệm theo phách và biết vận động theo tiếng đàn.
- Có kĩ năng ca hát cơ bản
- Phát triển giọng hát tự nhiên cho HS
- Biết thể hiện bài hát theo hướng dẫn của giáo viên.
- Góp phần giáo dục các em yêu mến thầy cô, bạn bè, mái trường

II. Đồ dùng dạy học:

1. Giáo viên:

- Bài giảng điện tử đủ hết file âm thanh, hình ảnh...
- Giáo án word soạn rõ chi tiết
- Nhạc cụ cơ bản (*VD như thanh phách, song loan, trống con*)

2. Học sinh:

- Nhạc cụ : thanh phách, trống nhỏ....

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
--------------------------------	-------------------------------

1. HĐ Khởi động (3’)

- GV cho HS nghe bài hát *Biết ơn thầy cô giáo* (Nhạc và lời: Hà Giang – Ngọc Hải) kết hợp vận động phụ hoạ (bài hát trong SGK Âm nhạc 4 Cánh Diều).

- GV mở bài hát, hướng dẫn HS nghe kết hợp vận động phụ hoạ.

2. HĐ Khám phá- Luyện tập (30’)

* *Hát: Khăn quàng thắp sáng bình minh*

GV giới thiệu ngắn gọn (tham khảo thông tin sau): Bài hát Khăn quàng thắp sáng bình minh của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có giai điệu vui tươi, rộn rã, thể hiện những hình ảnh gần gũi, thân thương về mái trường và tuổi thơ. Qua bài hát này, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn muốn nhắn nhủ: Tuổi thơ là bình minh của cuộc đời, thiếu nhi Việt Nam cần chăm chỉ học tập và lao động để góp phần xây dựng đất nước.

- GV hướng dẫn HS đọc lời (cá nhân đọc hoặc cả lớp cùng đọc), có thể vừa đọc vừa vỗ tay theo tiết tấu lời ca.

- GV cho HS nghe bài hát, khuyến khích HS nghe kết hợp vận động cơ thể hoặc biểu lộ cảm xúc.

- GV hướng dẫn HS khởi động giọng hát.

- GV đàn và hát mẫu từng câu, hướng dẫn HS tập hát mỗi câu một vài lần. HS hát nối tiếp câu hát thứ nhất và câu hát thứ hai, hát nối tiếp câu hát thứ ba và câu hát thứ tư.

Câu 1: Kia có con chim non, chim chơi ở sân trường

Câu 2: Ô chú chim xinh đẹp hót chào mùa xuân

Câu 3: Kia các em thơ ngây, em luôn cùng kết đoàn

Câu 4: Vì các em đã thuộc năm điều Bác dạy

Câu 5: Học cho ngoan, lớn cho nhanh, bay vào đời xây dựng.

Câu 6: Rèn đôi tay, chắc đôi chân, lao động là vinh quang.

Câu 7: Kia các em xinh xinh chân bước vội đến trường.

- HS theo dõi và lắng nghe

- HS vận động

- HS nghe, ghi nhớ

- HS đọc lời ca theo sự HDGV

- Đọc đồng thanh.

- HS lắng nghe bài hát và vận động biểu lộ cảm xúc của mình.

-HS khởi động giọng

-Tập hát từng câu, ngân đủ phách.

-HS tập hát theo HDGV

<p>Câu 8: Từng chiếc khăn em quàng thấp đỏ bình minh.</p> <p>Câu 9 : Từng cánh tay măng non, đang xây ngày mai hồng.</p> <p>Câu 10: Đoàn thiếu nhi em là hi vọng Việt Nam</p> <p>- GV giúp HS nhận ra những câu hát có giai điệu giống nhau và giúp sửa những chỗ hát sai (nếu có).</p> <p>GV cho HS hát cả bài, kết hợp gõ đệm theo tiết tấu. GV hướng dẫn HS tập cách lấy hơi, thể hiện tình cảm vui tươi, rộn rã, hát với nhịp độ ổn định.</p> <p>- GV hỏi: Những câu hát nào giống năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng? Những hình ảnh nào trong bài hát thân quen với tuổi thơ của em? Qua bài hát, tác giả muốn nhắn nhủ các bạn thiếu nhi điều gì? GV để HS trả lời theo cảm nhận riêng.</p> <p>Hoạt động 3: Vận dụng</p> <p>- GV hướng dẫn HS tập trình bày bài hát theo nhóm, tổ hoặc cá nhân. GV dặn HS về nhà tìm động tác minh họa cho bài hát.</p> <p>GV giáo dục phẩm chất: Qua bài học, chúng ta cần biết thể hiện và chia sẻ niềm vui với mọi người, thực hiện tốt năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng.</p> <p>- Cuối tiết học, GV cần nhắc lại yêu cầu của tiết học này và khen ngợi các em có ý thức luyện tập tích cực, hát hay,...</p>	<p>- Theo dõi, lắng nghe và sửa sai</p> <p>- HS hát lại cả bài kết hợp gõ đệm theo tiết tấu</p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- HS luyện tập theo nhóm, tổ, cá nhân trình bày bài hát</p> <p>- HS theo dõi, lắng nghe và ghi nhớ nội dung của bài</p>
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

Ôn Toán

Bài 21: PHÉP NHÂN SỐ THẬP PHÂN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh thực hiện được phép nhân số thập phân với số tự nhiên

- Biết vận dụng thực hiện một số bài toán thực tế liên quan đến nhân số thập phân với số tự nhiên.

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động tích cực tìm hiểu phép nhân số thập phân với số tự nhiên

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng được phép nhân số thập phân để giải quyết một số tình huống thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV bài soạn, SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

- HS SGK, vở dụng cụ học tập phục vụ tiết học

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Ai nhanh Ai đúng?</p> <p>+ Câu 1: Kết quả phép tính $13,4 + 33,07 =$</p> <p>+ Câu 2: Kết quả phép tính $33,6 + 48,8 =$</p> <p>+ Câu 3: Kết quả phép tính $83,36 + 62,11 =$</p> <p>Câu 4: Tính $33 + 4,15 =$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ 1- Trả lời: 46,47</p> <p>+ 2- Trả lời: 82,1</p> <p>+3 - Trả lời: 145,47</p> <p>+4- Trả lời: 37,15</p>
2. Luyện tập	
<p>Bài 1. Đặt tính rồi tính</p> <p>a) $8,4 \times 5$ b) $0,67 \times 60$</p> <p>c) $7,5 \times 48$ d) $5,26 \times 73$</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện nhân số thập phân trong bài tập 1.</p>	<p>- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..</p> <p>- HS làm việc nhóm đôi: thực hiện nhân các số thập phân trong bài tập 1:</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>a) $8,4 \times 5$</p> $\begin{array}{r} 8,4 \\ \times 5 \\ \hline 42,0 \end{array}$ </div> <div style="text-align: center;"> <p>b) $0,67 \times 60$</p> $\begin{array}{r} 0,67 \\ \times 60 \\ \hline 40,20 \end{array}$ </div> <div style="text-align: center;"> <p>c) $7,5 \times 48$</p> $\begin{array}{r} 7,5 \\ \times 48 \\ \hline 600 \\ 300 \\ \hline 360,0 \end{array}$ </div> <div style="text-align: center;"> <p>d) $5,26 \times 73$</p> $\begin{array}{r} 5,26 \\ \times 73 \\ \hline 1578 \\ 3682 \\ \hline 383,98 \end{array}$ </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)
<p>Bài 2. Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>a)</p> $\begin{array}{r} 9,3 \\ \times 2,7 \\ \hline 651 \\ 186 \\ \hline 837 \end{array}$ </div> <div style="text-align: center;"> <p>b)</p> $\begin{array}{r} 0,72 \\ \times 56 \\ \hline 432 \\ 360 \\ \hline 4032 \end{array}$ </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm bài tập cá nhân vào bảng con 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi - HS làm bảng con - Học sinh làm lại các bài sai vào bảng con <p>a) Sai: ở kết quả, chưa dùng dấu phẩy tách ở tích</p> <p>Sửa lại:</p> $\begin{array}{r} 9,3 \\ \times 2,7 \\ \hline 651 \\ 186 \\ \hline 83,7 \end{array}$ <p>b) Sai: ở kết quả, chưa dùng dấu phẩy tách ở tích</p> <p>Sửa lại:</p> $\begin{array}{r} 0,72 \\ \times 56 \\ \hline 432 \\ 360 \\ \hline 40,32 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
<p>Bài 3: Cô Hoa mua 4 quả dưa, mỗi quả cân nặng 0,75 kg. Hỏi cô Hoa mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam dưa?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS làm việc nhóm đọc đề, tóm tắt nêu cách giải, làm phiếu nhóm và vở - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV chấm số bài, nhận xét tuyên dương (sửa sai) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc nhóm: tóm tắt nêu cách giải làm phiếu nhóm và ghi vở đôi vở soát <p style="text-align: center;"> Bài giải Cô Hoa mua tất cả số ki-lô-gam dưa là: $0,75 \times 4 = 3 \text{ (kg)}$ Đáp số: 3 kg </p>
4. Vận dụng trải nghiệm.	
<p>Bài 4. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.</p> <p>Một mảnh đất hình vuông có cạnh 12,5 m.</p> <p>Chu vi mảnh đất đó là:</p> <p>A. 480 m B. 48 m C. 500 m D. 50 m</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - HS trả lời cá nhân chọn đáp án đúng. - Yêu cầu HS giải thích lí do chọn đáp án. - GV nhận xét, chốt đáp án. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - Đáp án đúng: C. 500m - HS giải thích
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Hoạt động trải nghiệm

CHỦ ĐỀ: TRI ÂN THẦY CÔ – KẾT NÓI BẠN BÈ

SHL: Sáng tác thơ, vè, truyện ngắn...về thầy cô và bạn bè

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau giờ SHL, HS:

- Sáng tác được 1 đoạn thơ, vè hoặc truyện ngắn về tình thầy trò hoặc tình bạn.
- Tiết sinh hoạt góp phần hình thành và phát triển các năng lực:*

1. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS thực hiện sáng tác được thơ, vè, truyện ngắn về thầy cô và bạn bè.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Thể hiện tình cảm với thầy cô và bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.	
- GV giới thiệu bài hát “Lớp chúng ta đoàn kết” để khởi động tiết sinh hoạt lớp. - <i>Lớp học trong bài hát như thế nào?</i> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào giờ sinh hoạt lớp.	- HS hát và vỗ tay theo nhịp. - HS trả lời. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động 1: Tổng kết hoạt động tuần 9 và phương hướng hoạt động tuần 10 (Làm việc theo tổ)	
a) Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.	
b) Cách tiến hành:	
* Đánh giá kết quả tuần 9 - GV tổ chức thực hiện đánh giá kết quả hoạt động trong tuần vừa qua và yêu cầu lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần. - GV mời lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt và hỗ trợ trong quá trình lớp trưởng điều hành phần sơ kết,	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần. + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tùy vào kết quả trong tuần) * Xây dựng kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ) - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - GV yêu cầu lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, góp ý. - GV yêu cầu lớp trưởng/lớp phó học tập triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới, cho các tổ thảo luận. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. 	<p>viên chủ nhiệm nhận xét chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe. - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận về kế hoạch. - Lắng nghe rút kinh nghiệm. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới: + Điều hành cho các bạn thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. + Gọi một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giờ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề: Sáng tác thơ, vè, truyện ngắn...về thầy cô và bạn bè	
<p><i>a) Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tác được thơ, vè, truyện ngắn...về thầy cô và bạn bè 	
<p><i>b) Cách tiến hành:</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm 4, trao đổi với bạn về chủ đề và thể loại em muốn sáng tác. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 4, trao đổi về chủ đề (về thầy cô hay bạn bè) và thể loại (thơ, vè, truyện ngắn...) mà mỗi bạn muốn sáng tác.
<p>GV gọi 4-5 HS chia sẻ ý tưởng của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ ý tưởng.
<p>GV tổ chức cho HS làm việc nhóm hoặc cá nhân, thực hiện sáng tác thơ, vè, truyện ngắn...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện sáng tác thơ, vè, truyện ngắn...
<p>GV hỗ trợ HS trong quá trình các em thực hiện sáng tác thơ, vè, truyện ngắn...</p>	

GV gọi 1-2 cá nhân hoặc đại diện nhóm đã hoàn thành một phần hoặc toàn bộ nội dung sáng tác để đọc các đoạn thơ, bài thơ, câu chuyện trước lớp.	- 1 – 2 HS trình bày 1 phần hoặc toàn bộ tác phẩm vừa sáng tác.
GV cho HS bình chọn những bài thơ, vè hoặc truyện ngắn đã hoàn thiện để trình bày, biểu diễn cấp trường bằng cách giơ tay hoặc bình chọn bằng hình thức cho HS dán nhãn mặt cười vào tác phẩm các em thích nhất.	- HS thực hiện bình chọn.
GV tổng kết hoạt động.	
4. Hoạt động nối tiếp	
– GV yêu cầu HS thực hiện tìm hiểu về truyền thống tôn sư trọng đạo và các truyền thống khác của nhà trường thông qua phòng truyền thống nhà trường, qua thầy cô, người thân,...hoặc qua các tư liệu như bài viết, tranh ảnh, đoạn thông tin.... và tóm lược các nội dung tìm hiểu đó vào phiếu theo gợi ý (ở cuối bản kế hoạch)	- HS lắng nghe.
5. Tổng kết	
- GV dặn dò HS hoàn thành phiếu tìm hiểu truyền thống nhà trường và mang tới lớp vào tiết sinh hoạt tuần sau.	- HS lắng nghe.
GV dặn dò HS tiếp tục sáng tác thơ, vè, truyện ngắn... nếu các em chưa hoàn thiện tác phẩm.	- HS lắng nghe.
IV. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	

PHIẾU TÌM HIỂU TRUYỀN THỐNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

Họ và tên: Lớp:

1. Các truyền thống em đã tìm hiểu được (Truyền thống đó là gì? Truyền thống đó được thể hiện như thế nào?...):

.....
.....

2. Em tìm hiểu thông qua những nguồn nào?

.....
.....
3. Em có thể làm gì để giữ gìn và phát huy các truyền thống của nhà trường?
.....
.....

KÝ DUYỆT

Ngày tháng 10 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hải